

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG KINH TẾ
KHOA TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG
(Ban hành theo Quyết định số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/9/2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

Mã số ngành đào tạo: 7.34.02.01

Nghệ An, 2021

MỤC LỤC

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT	4
DANH SÁCH BẢNG	5
DANH SÁCH HÌNH	5
PHẦN 1. MỞ ĐẦU	6
PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	10
2.1. Thông tin chung	10
2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo	10
2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	10
2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp	13
2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp	13
2.5.1. Tuyển sinh	13
2.5.2. Điều kiện tốt nghiệp	13
2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập	13
2.6.1 Thuyết trình	15
2.6.2 Vấn đáp	15
2.6.3 Thực hành	15
2.6.4 Hoạt động nhóm	15
2.6.5 Nghiên cứu tình huống	16
2.6.6 Đóng vai	16
2.6.7 Trò chơi	16
2.6.8 Đồ án	16
2.6.9 Giải quyết vấn đề	17
2.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá	17
2.7.1. Đánh giá ý thức và thái độ học tập	18
2.7.2. Đánh giá hồ sơ học phần	19
2.7.3. Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm	19
2.7.4. Đánh giá theo hình thức tự luận	19
2.7.5. Đánh giá theo hình thức thực hành	19
2.7.6. Đánh giá viết báo cáo	19
2.7.7. Đánh giá thuyết trình	19
2.8. Đánh giá kết quả học tập	19
2.8.1. Thang điểm đánh giá	19
2.8.2. Điểm đánh giá học phần	19
2.9. Đối sánh chương trình đào tạo	21
PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	67
3.1. Cấu trúc chương trình dạy học	67
3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT	68
3.3. Kế hoạch giảng dạy	72
3.4. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học	80

3.5. Ma trận kỹ năng	82
PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN	84
PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	118
5.1. Trách nhiệm của Khoa/Trường	118
5.2. Trách nhiệm của giảng viên	119
5.3. Trách nhiệm của sinh viên	119
PHỤ LỤC 1: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN	121
PHỤ LỤC 2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP	126
PHỤ LỤC 3: MA TRẬN PHÂN NHIỆM CDR CTĐT VÀ CÁC HỌC PHẦN	129

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Diễn giải
CTĐT	Chương trình đào tạo
PO	Mục tiêu chương trình đào tạo
PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
CO	Mục tiêu học phần
CLO	Chuẩn đầu ra học phần
LLO	Chuẩn đầu ra bài học
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 2.1. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT11	
Bảng 2.2. Ánh xạ giữa CĐR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập	14
Bảng 2.3. Các hình thức đánh giá để đạt được CĐR của CTĐT	18
Bảng 2.4. Thang điểm đánh giá học phần	19
Bảng 2.5. Thành phần và điểm đánh giá học phần	20
Bảng 3.1. Ánh xạ các mô-đun của CTDH với CĐR của CTĐT	68
Bảng 3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT	68
Bảng 3.3. Kế hoạch giảng dạy của CTDH	72

DANH SÁCH HÌNH

Hình 3.1. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học	81
Hình 3.2. Ma trận kỹ năng	83

PHẦN 1. MỞ ĐẦU

Trường Đại học Vinh là đơn vị hành chính sự nghiệp, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, có con dấu và biểu tượng riêng.

Trường Đại học Vinh mà tiền thân là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được thành lập theo Quyết định Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Nghị định số 375/NQ. Sau đó ba năm, Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký quyết định số 637/QĐ ngày 29/2/1962, chuyển thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định nhiệm vụ của Trường Đại học Vinh là đào tạo giáo viên có trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành đào tạo khác phù hợp với khả năng của Trường và nhu cầu nhân lực của xã hội, nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế, xã hội. Trường Đại học Vinh đã xác định mục tiêu là xây dựng Trường thành một cơ sở đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật đa lĩnh vực và là trung tâm nghiên cứu, tiếp thu và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ của khu vực Bắc Trung Bộ; đào tạo giáo viên và cán bộ khoa học đa ngành; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học - công nghệ gắn với đào tạo; thông tin khoa học và triển khai các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống xã hội; hỗ trợ, tư vấn về học thuật và bồi dưỡng cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ cho các trường đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề và các cơ sở khác trong khu vực. Với khẩu hiệu hành động "Đoàn kết - Đổi mới - Hội nhập - Phát triển" quyết tâm xây dựng Trường Đại học Vinh thành trường đại học trọng điểm quốc gia, có một số ngành đạt tiêu chuẩn quốc tế, là thành viên của Hiệp hội các trường đại học Đông Nam Á, với phương châm: đón đầu, hiệu quả, đồng bộ và hiện đại.

Ngày 25/4/2001, Trường Đại học Sư phạm Vinh được Thủ tướng Chính phủ ký quyết định đổi tên thành Trường Đại học Vinh. Để phù hợp với giai đoạn phát triển mới, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của khu vực Bắc Trung bộ, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Nhà trường đã tuyên bố sứ mạng: "Trường Đại học Vinh là trường đại học đảm bảo có uy tín trong việc đào tạo đội ngũ giáo viên các cấp học, ngành học, các chuyên gia giáo dục và cán bộ kỹ thuật với chất lượng cao, là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của cả nước, đặc biệt là các tỉnh Bắc Trung bộ".

Đến ngày 11/7/2011, Trường được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào danh sách các trường đại học xây dựng thành trường đại học trọng điểm. Với vai trò, vị trí mới, Trường đã điều chỉnh sứ mạng như sau "Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học theo hướng nghiên cứu và ứng dụng, đào tạo đa ngành, đa cấp và đa hệ; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, thích ứng nhanh với thế giới việc làm, phục vụ tốt sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung bộ và cả nước".

Như vậy, sứ mạng của Trường được trình bày rõ ràng, mang tính chiến lược, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường. Sứ mạng cũng là lời tuyên bố, cam kết về những trọng trách mà Nhà trường coi là chủ yếu nhất của mình đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo.

Trong những năm đầu thế kỉ XXI, tình hình kinh tế - xã hội của khu vực và đất nước có nhiều biến chuyển. Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ phát triển Nghệ An đến năm 2020 chỉ rõ "Xây dựng Nghệ An trở thành tỉnh khá trong khu vực phía Bắc vào năm 2015, tạo cơ sở đến năm 2020 cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp; là trung tâm về tài chính, thương mại, du lịch, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa, thể thao, công nghiệp công nghệ cao của vùng Bắc Trung bộ; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc xứ Nghệ;

quốc phòng, an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo”. Như vậy, Nghệ An phải đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do đó, vấn đề đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An nói riêng và cả nước nói chung là rất cần thiết và cấp bách.

Thực hiện Nghị quyết 29/NQ-TW Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo (năm 2013) Trường đã điều chỉnh sứ mạng thành: “Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ”. Như vậy, sứ mạng của Trường được xác định phù hợp, gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Trong thời gian vừa qua, Trường đã tiến hành tự đánh giá lần đầu vào năm 2005, được đánh giá ngoài vào năm 2006 và được Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục năm 2009. Từ kết quả tự đánh giá lần đầu, đặc biệt là kết luận của Đoàn đánh giá ngoài năm 2006, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động nhằm khắc phục các tồn tại mà báo cáo tự đánh giá cũng như báo cáo đánh giá ngoài chỉ ra. Đến nay, Trường đã chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn được Chính phủ đưa vào danh sách các trường đại học trọng điểm. Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá nhằm thấy được một bức tranh toàn cảnh về một Trường Đại học Vinh đa ngành được đánh giá chân thực, toàn diện các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đối với một trường đại học trọng điểm, hoàn thành trọng trách trước Nhà nước, trước Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và trước xã hội.

Năm 2003, Khoa Kinh tế được thành lập theo Quyết định số 870/QĐ-BGH&ĐT-TCCB, ngày 24/2/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khoa Kinh tế được giao nhiệm vụ đào tạo 6 mã ngành Đại học chính quy hệ cử nhân kinh tế: Quản trị Kinh doanh, Kế toán, Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế (chuyên ngành Kinh tế đầu tư), Kinh tế nông nghiệp, Thương mại điện tử và 4 mã ngành đào tạo Đại học hệ vừa làm vừa học gồm Quản trị Kinh doanh, Kế toán, Tài chính - ngân hàng, Kinh tế. Khoa Kinh tế có các chức năng chủ yếu: Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ Đại học và Sau đại học khối ngành Kinh tế phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các sinh viên, học viên sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, Khoa Kinh tế thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.
- Đào tạo Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán, Cử nhân Tài chính - Ngân hàng, Cử nhân Kinh tế nông nghiệp, Cử nhân Thương mại điện tử.
- Đào tạo trình độ Thạc sĩ Kinh tế: chuyên ngành Kinh tế chính trị, chuyên ngành Quản lý kinh tế, chuyên ngành Quản trị kinh doanh.
- Đào tạo trình độ Tiến sĩ Kinh tế: chuyên ngành Quản lý kinh tế.
- Nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.
- Bồi dưỡng và quảng bá kiến thức về Kinh tế và Quản lý kinh tế.
- Đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học.
- Triển khai hoạt động hợp tác với các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức phát triển trong nước và quốc tế.

Cùng với hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của Khoa cũng được chú ý phát triển. Khoa đã tổ chức thành công

nhiều hội thảo khoa học; xuất bản hàng trăm giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo; công bố hàng trăm bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Các cán bộ của Khoa Kinh tế đã chủ trì và tham gia thực hiện nhiều đề tài cấp Nhà nước, đề tài cấp Bộ, đề tài cấp Tỉnh, cấp trường.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Khoa Kinh tế đã xây dựng, định kỳ rà soát, bổ sung sứ mạng và mục tiêu cho các ngành đào tạo trong đó có ngành Kế toán. Ngành Kế toán đã và đang tham gia đào tạo hơn 5.000 cử nhân chính quy, đây chính là nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho khu vực Bắc Trung bộ và cả nước phù hợp với với chức năng, nhiệm vụ của Trường và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước cũng như của các tỉnh Bắc Trung Bộ.

Mục tiêu của CTĐT được xác định khá rõ ràng, có hướng đến đạt được sứ mạng và tầm nhìn thể hiện trong các văn bản chính thức của nhà trường và cơ bản phản ánh được yêu cầu của thị trường lao động. CTĐT có mục tiêu phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, xúc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CDR của CTĐT đã nêu được cụ thể kiến thức, kỹ năng và triển vọng việc làm trong tương lai. CDR của CTĐT được xây dựng có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan, được rà soát, điều chỉnh hàng năm và được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau.

Bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung, thông tin, được cập nhật và tích hợp những vấn đề mới nhất liên quan ít nhất 2 năm 1 lần. Tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin bao gồm thông tin giảng viên, mô tả học phần, nội dung giảng dạy học phần, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá. Đề cương môn học/học phần được định kỳ bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/học phần, danh mục tài liệu hàng năm. Bản mô tả CTĐT cũng như tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

Chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng được thiết kế dựa trên 3 khối kiến thức (khối kiến đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành). Chương trình được thiết kế đáp ứng các tiêu chuẩn của cử nhân Tài chính – Ngân hàng, được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các bên liên quan, sinh viên tốt nghiệp chương trình ngành Tài chính – Ngân hàng có khả năng áp dụng kiến thức cơ bản về kinh tế và kiến thức chuyên sâu về Tài chính – Ngân hàng; có năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến các hoạt động Tài chính – Ngân hàng trong môi trường hội nhập quốc tế. Các học phần trong chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết, có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được chuẩn đầu ra.

Khoa Kinh tế có đội ngũ cán bộ, viên chức đảm bảo chất lượng, có cơ cấu tương đối hợp lý, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Trường đã có chính sách hỗ trợ, động viên cán bộ, công chức, viên chức học tập nâng cao trình độ để thực hiện tốt công việc được giao. Đội ngũ giảng viên trẻ, có trình độ chuyên môn tốt, tỉ lệ giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên đạt 100%.

Trường Kinh tế đã đẩy mạnh hoạt động NCKH, chủ động triển khai các hoạt động NCKH gắn kết với quá trình đào tạo. Hầu hết giảng viên tham gia hoặc chủ trì các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, có nhiều đề tài có chất lượng khá, tốt và xuất sắc. Hàng năm, số bài báo công bố quốc tế của Khoa đều tăng. Đồng

thời, thông qua hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, năng lực của cán bộ, giảng viên được nâng cao.

Thư viện, cơ sở vật chất, thiết bị của Trường ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công tác đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng và hoạt động NCKH. Thư viện của Trường được quản lí bằng phần mềm và mạng máy tính, Nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử, người học ngành Kế toán có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu từ mạng LAN và mạng Internet. Hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, kí túc xá sinh viên đã được xây dựng đúng qui hoạch và có chất lượng. Trang thiết bị, máy tính đã cơ bản đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, các hoạt động khác của Khoa Kinh tế.

PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Thông tin chung

1.	Tên ngành đào tạo:	Tài chính - Ngân hàng
2.	Mã số ngành đào tạo:	7.34.02.01
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Thời gian đào tạo:	4 năm
5.	Tên văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng
6.	Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:	Khoa Tài chính- Ngân hàng, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh
7.	Hình thức đào tạo:	Chính Quy - Tập trung
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	126 tín chỉ
9.	Thang điểm:	
10.	Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt
11.	Ngày tháng ban hành:	10/9/2021
12.	Phiên bản chỉnh sửa:	

2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo

Mục tiêu tổng quát: Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến các hoạt động tài chính - ngân hàng trong môi trường hội nhập quốc tế.	
Mục tiêu cụ thể:	
PO1:	Áp dụng được kiến thức cơ bản và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề về lĩnh vực tài chính - ngân hàng
PO2:	Áp dụng được kiến thức cơ bản và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề về lĩnh vực tài chính - ngân hàng.
PO3:	Thể hiện được kỹ năng giao tiếp bằng văn bản và lời nói, có thể hoạt động như một thành viên hoặc lãnh đạo của một nhóm.
PO4:	Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến các hoạt động tài chính - ngân hàng trong môi trường hội nhập quốc tế.

2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	MÔ TẢ CHUẨN ĐẦU RA
PLO1.1	Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, toán học và công nghệ thông tin trong các hoạt động kinh tế.
PLO1.2	Vận dụng kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng
PLO1.3	Vận dụng kiến thức chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng để giải quyết các vấn đề về hoạt động Tài chính - Ngân hàng
PLO2.1	Thể hiện kỹ năng khám phá tri thức, tư duy hệ thống và phân tích giải quyết vấn đề lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng
PLO2.2.	Thể hiện thái độ và phẩm chất nghề nghiệp trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng
PLO3.1	Thực hiện quản trị nhóm một cách hiệu quả.

TT	MÔ TẢ CHUẨN ĐẦU RA
PLO3.2	Vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp, ứng dụng công nghệ số trong kinh doanh và quản lý
PLO3.3	Sử dụng Tiếng Anh trong giao tiếp và lĩnh vực kinh tế
PLO4.1	Phân tích bối cảnh xã hội và tổ chức.
PLO4.2	Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động Tài chính - Ngân hàng

Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được mô tả trong Bảng_2.1.

Bảng 2.1. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu đào tạo	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo										
										4 · 1	4 · 2
PO1											
PO2											
PO3											
PO4									√	√	

Chuẩn đầu ra chi tiết của CTĐT

1.	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH
PLO1.1	Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, toán học và công nghệ thông tin trong các hoạt động kinh tế
1.1.1	Giải thích các vấn đề về khoa học chính trị
1.1.2	Giải thích kiến thức toán học trong các vấn đề kinh tế
1.1.3	Áp dụng công nghệ thông tin trong kinh tế
PLO1.2	Vận dụng kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng
1.2.1	Vận dụng các kiến thức kinh tế học
1.2.2	Vận dụng kiến thức về pháp luật trong kinh tế
1.2.3	Vận dụng kiến thức tài chính, kế toán, kinh doanh và quản lý
PLO1.3	Vận dụng kiến thức chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng để giải quyết các vấn đề hoạt động Tài chính - Ngân hàng
1.3.1	Vận dụng kiến thức tài chính
1.3.2	Vận dụng kiến thức ngân hàng
2.	KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP
PLO2.1	Thể hiện kỹ năng khám phá tri thức, tư duy hệ thống và phân tích giải quyết vấn đề lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng

2.1.1	Thể hiện kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề của lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng
2.1.2	Thể hiện kỹ năng nghiên cứu tài liệu và khám phá tri thức
2.1.3	Thể hiện kỹ năng tư duy (hệ thống, sáng tạo, phản biện) trong giải quyết vấn đề
2.1.4	Thể hiện kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ
PLO2.2	Thể hiện thái độ và phẩm chất nghề nghiệp trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng
2.2.1	Thể hiện tính kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp thực tế
2.2.2	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và hành xử chuyên nghiệp
2.2.3	Thể hiện công bằng và trách nhiệm xã hội
3.	KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP
PLO3.1	Thực hiện quản trị nhóm một cách hiệu quả
3.1.1	Thực hiện thành lập nhóm
3.1.2	Tổ chức hoạt động nhóm
3.1.3	Phát triển và lãnh đạo nhóm
PLO3.2	Vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp, ứng dụng công nghệ số trong kinh doanh và quản lý
3.2.1	Xây dựng cách thức giao tiếp
3.2.2	Sử dụng linh hoạt, thành thạo các hình thức giao tiếp khác nhau (văn bản, điện tử/đa truyền thông, đồ họa, thuyết trình, đàm phán, công nghệ số)
PLO3.3	Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp và trong lĩnh vực kinh tế
3.3.1	Sử dụng Tiếng Anh bậc 3/6
3.3.2	Sử dụng Tiếng Anh trong lĩnh vực kinh tế
4.	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN, VÀ ĐÁNH GIÁ TRONG BỐI CẢNH TỔ CHỨC VÀ XÃ HỘI
PLO4.1	Phân tích bối cảnh tổ chức và xã hội
4.1.1	Phân tích được bối cảnh xã hội và môi trường
4.1.2	Phân tích được bối cảnh, mục tiêu và chiến lược của tổ chức
PLO4.2	Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động Tài chính - Ngân hàng
4.2.1	Hình thành ý tưởng hoạt động Tài chính - Ngân hàng

4.2.2	Xây dựng hoạt động Tài chính - Ngân hàng
4.2.3	Thực hiện hoạt động Tài chính - Ngân hàng
4.2.4	Đánh giá và cải tiến hoạt động Tài chính - Ngân hàng

2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng có khả năng làm việc ở các vị trí công việc sau:

Chuyên viên cho vay khách hàng doanh nghiệp, chuyên viên cho vay khách hàng cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài giao dịch viên, kế toán viên,...tại các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng.

Chuyên viên tài chính, chuyên viên phân tích tài chính trong các doanh nghiệp

Chuyên viên thẩm định giá, tư vấn và đầu tư chứng khoán, kinh doanh chứng khoán

Các lĩnh vực khác: Kiểm toán viên trong các công ty kiểm toán, Chuyên viên tài chính trong các Sở Ban Ngành, trong các cơ quan hành chính Nhà nước.

Nghiên cứu viên và giảng viên tại các trường đại học, cao đẳng, trung tâm đào tạo về lĩnh vực tài chính - ngân hàng

2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

2.5.1. Tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tham gia kỳ thi THPT Quốc gia hàng năm và đã tốt nghiệp THPT.

Hình thức tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Trường Đại học Vinh.

Dự kiến quy mô tuyển sinh: 150 sinh viên/năm

2.5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện xét, công nhận tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp được quy định theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Sinh viên đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

- Trong thời gian học tập theo quy định của khóa học.
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức bị đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ 126 tín chỉ của CTĐT;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên;
- Đạt yêu cầu về trình độ tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương theo quy định,
- Hoàn thành chương trình đào tạo kỹ năng mềm theo quy định,
- Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục QP-AN, Giáo dục thể chất,
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Trường.

2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập

Phương pháp tiếp cận trong dạy học luôn lấy người học làm trung tâm, phương pháp dạy học đa dạng và sáng tạo, đáp ứng chuẩn đầu ra đã được Trường Đại học Vinh tuyên bố trong các chương trình đào tạo. Cũng như các chương trình khác, Chương trình đại học ngành Tài chính - Ngân hàng được thiết kế theo hướng tiên tiến hiện đại bám sát mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình, phù hợp theo nhu cầu xã hội. Kể từ

năm học 2017-2018, nhà trường áp dụng việc đào tạo theo tiếp cận CDIO, ngành Kế toán đã nhấn mạnh đến phương pháp tiếp cận mới trong dạy học. Trong đó, chú trọng hơn đến phương pháp dạy học phát triển năng lực sinh viên, nhấn mạnh các chuẩn đầu ra theo 4 nhóm mục tiêu chính: (1) Kỹ năng và lập luận ngành; (2) Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; (4) Năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá hoạt động nghề nghiệp trong môi trường hội nhập quốc tế.

Trường Đại học Vinh, Trường Kinh tế, Khoa Tài chính - Ngân hàng hướng dẫn người học sử dụng các tổ hợp các nghiên cứu học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR. Theo tiếp cận CDIO, kì học đầu tiên sinh viên đã được học và thể hiện kiến thức, năng lực qua đồ án môn học Nhập môn ngành Kinh tế- ngày hội nhập môn. Ngoài việc học tập trên lớp học, Trường Đại học Vinh tổ chức tháng rèn nghề, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho từng ngành đào tạo và toàn trường để đánh giá được sự chuyển biến trong đổi mới PPDH theo CDIO, khả năng và trình độ, kỹ năng, nhận thức nghề nghiệp của SV để điều chỉnh nội dung, chương trình và PPDH; bổ sung những kỹ năng nghiệp vụ cần trang bị cho SV; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp cho SV sau khi ra trường. Bên cạnh đó, Trường Kinh tế cùng khoa Tài chính – Ngân hàng đã có những buổi hội thảo, trao đổi về đổi mới sáng tạo trong dạy và học theo tiếp cận CDIO tại các phòng học lớn hoặc hội trường A; tổ chức các sân chơi rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp Tài chính – Ngân hàng, Kết nối các doanh nghiệp và chương trình đi thực tế doanh nghiệp trong ngày cho các sinh viên năm 3 năm 4 nhằm phát triển năng lực sinh viên và nhìn nhận thực tế nghề nghiệp cho các em. Ngoài ra, hàng năm các giảng viên khoa Tài chính – Ngân hàng đã có những buổi seminar chuyên đề trao đổi các phương pháp giảng dạy đa dạng nhằm thực hiện có hiệu quả CTĐT; nghiên cứu học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu các kiến thức; đưa bản kế hoạch và nội dung báo cáo kết quả thực tập tốt nghiệp của sinh viên xem xét việc nghiên cứu học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu các kiến thức của sinh viên.

Hiện nay, Giảng viên và người học hài lòng với công nghệ dạy học, phương pháp dạy và học được sử dụng trong chương trình đào tạo. Hàng năm, Trường và khoa đã lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về vấn đề này để kịp thời chỉnh sửa bổ sung trong việc dạy và học. Phương pháp giảng dạy, hình thức, tài liệu, tác phong... của người giảng viên đều được SV đánh giá và phản hồi qua sự thu thập ý kiến phản hồi từ SV của Trường Đại học Vinh thông qua phiếu lấy ý kiến theo hình thức trực tuyến và trực tiếp. Trường tổng kết các đánh giá của SV, lập báo cáo kết quả gửi lại trực tiếp cho giảng viên qua email cá nhân hoặc bằng văn bản; gửi cho các khoa, viện để có những điều chỉnh kịp thời trong công tác giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo chung của toàn trường như Quyết định số 1307/QĐ- ĐHV ngày 01 tháng 11 năm 2016. Hàng năm, trường đưa ra các kế hoạch và thông báo việc triển khai thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học và phụ huynh về sự hài lòng đối với cán bộ và các hoạt động nhà trường, cựu sinh viên về chương trình đào tạo, tổng hợp và báo cáo kết quả. Đa số SV có những phản hồi tích cực đến việc tổ chức dạy học của giảng viên và cho rằng dạy học theo tiếp cận CDIO đã mang lại hiệu quả cao trong việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp để đạt được CDR. Các quy định, hướng dẫn, thay đổi chương trình dạy và học đều được cập nhật liên tục trên website của Khoa/Viện, Trường Đại học Vinh để các bạn SV được kịp thời nắm bắt, thay đổi cho phù hợp hoặc có vấn đề vướng mắc về chương trình học có thể hỏi đáp trực tuyến thông qua cổng thông tin này. Trong quá trình học tập, sinh viên và giảng viên được tương tác với nhau thông qua cổng thông tin học tập trực tuyến LMS, elearning.

Bảng 2.2. Ảnh xạ giữa CDR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập

Hoạt động giảng dạy và học tập	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo									
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2
Thuyết trình	✓	✓	✓					✓	✓	
Vấn đáp	✓	✓	✓					✓		
Hoạt động nhóm				✓	✓	✓	✓	✓		
Nghiên cứu tình huống	✓	✓	✓						✓	✓
Đóng vai				✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Thực hành			✓	✓	✓				✓	✓
Trò chơi				✓	✓	✓	✓	✓		
Đồ án	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓
Giải quyết vấn đề				✓	✓				✓	✓

Đối với các học phần giáo dục đại cương (chính trị, kinh tế, xã hội, toán, khoa học tự nhiên, tiếng Anh), các hoạt động giảng dạy chính gồm thuyết trình, vấn đáp, trò chơi, hoạt động nhóm. Đối với các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành và đồ án, ngoài các hoạt động giảng dạy trên, các hoạt động giảng dạy bao gồm thực hành, đóng vai, nghiên cứu các tình huống thực tiễn, giải quyết vấn đề và học dựa trên đồ án. Những hoạt động này nhằm nâng cao khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và đánh giá các hoạt động kế toán trong đơn vị.

2.6.1 Thuyết trình

Thuyết trình là phương pháp dạy học bằng lời nói của người dạy để trình bày kiến thức mới hoặc tổng kết những kiến thức mà người học đã tiếp nhận một cách có hệ thống. Dạy học theo phương pháp thuyết trình cho phép người dạy truyền đạt những nội dung lý thuyết tương đối khó, phức tạp, chứa đựng nhiều thông tin mà người học khó tự tìm hiểu được một cách sâu sắc; giúp người học hiểu được hình mẫu về cách tư duy logic, cách đặt và giải quyết vấn đề khoa học, cách sử dụng ngôn ngữ để diễn đạt những vấn đề khoa học một cách chính xác, rõ ràng, xúc tích thông qua cách trình bày của người dạy; tạo điều kiện phát triển năng lực chú ý và kích thích tính tích cực tư duy của người học, vì có như vậy người học mới hiểu được lời giảng của người dạy và mới ghi nhớ được bài học. Ngoài ra, thuyết trình cho phép người dạy truyền đạt một khối lượng tri thức khá lớn cho nhiều người học trong cùng một lúc.

2.6.2 Vấn đáp

Vấn đáp là phương pháp dạy học trong đó giảng viên sử dụng hệ thống câu hỏi để dẫn dắt người học giải quyết nhiệm vụ học tập. Dạy học theo phương pháp vấn đáp nhằm giúp người học củng cố, mở rộng, tổng kết và hệ thống hoá những tri thức đã tiếp thu được; kích thích tư duy độc lập của người học, giúp người học hiểu nội dung học tập; lôi cuốn người học vào quá trình học tập, tạo không khí học tập sôi nổi trong lớp học; hình thành và phát triển kỹ năng nói, diễn đạt ý tưởng của người học.

2.6.3 Thực hành

Thực hành được thực hiện tại phòng máy tính và được thiết kế trong các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành. Thực hành được tiến hành sau các giờ học lý thuyết nhằm mục đích giúp người học rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng phân tích, tổng hợp; rèn luyện đức tính kiên trì.

2.6.4 Hoạt động nhóm

Hoạt động nhóm là một trong những phương pháp dạy nhằm phát huy tính tích cực của người học, lấy hoạt động của người học làm trung tâm. Hoạt động nhóm là cách thức trao đổi ý kiến, quan điểm giữa người học trong một nhóm với nhau và trong một khoảng thời gian nhất định một về một vấn đề học tập hay một vấn đề của cuộc sống có liên

quan đến nội dung học tập. Kết quả của từng nhóm sẽ được trình bày để thảo luận chung trước khi giáo viên đi đến kết luận cuối cùng. Hoạt động nhóm nhằm tạo cơ hội tối đa cho người học bộc lộ hiểu biết quan điểm của mình về nội dung, phương pháp học tập; rèn luyện khả năng diễn đạt, cách thức tư duy và ý tưởng của cá nhân; tạo điều kiện cho người học có thể học hỏi lẫn nhau; đề cao tinh thần hợp tác, rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong học tập cho người học; giúp cho giáo viên nắm được thông tin ngược từ phía người học.

2.6.5 Nghiên cứu tình huống

Nghiên cứu tình huống là một phương pháp dạy học giải quyết vấn đề trong đó các tình huống là đối tượng chính của quá trình dạy học. Trong phương pháp dạy học này giảng viên cung cấp cho sinh viên tình huống dạy học, sinh viên tìm hiểu, phân tích và hành động trong tình huống đã cho. Phương pháp này có các ưu điểm nổi bật như: tăng tính thực tiễn của môn học, giảm thiểu rủi ro cho người học trong thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống; nâng cao tính chủ động, sáng tạo, hứng thú học tập của người học. Ngoài ra, dạy học bằng phương pháp nghiên cứu tình huống cũng tạo cơ hội cho người học phát triển toàn diện các kỹ năng như: kỹ năng phân tích để xác định vấn đề, kỹ năng xây dựng và viết tình huống, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày vấn đề/quan điểm trước tập thể, kỹ năng tranh luận và bảo vệ ý kiến.

2.6.6 Đóng vai

Dạy học bằng phương pháp đóng vai là phương pháp dạy học dựa trên việc giao cho người học giải quyết một tình huống cụ thể thông qua đóng vai. Dạy học bằng phương pháp đóng vai là một trong các phương pháp dạy học chủ động, ngày càng được ứng dụng rộng rãi, là phương pháp dạy học cơ bản và tốt nhất để dạy về kỹ năng giao tiếp - một kỹ năng cần thiết và quan trọng để người học hoạt động được trong một tập thể, cộng đồng. Qua đóng vai, người học có điều kiện ứng dụng lý thuyết, nguyên tắc đã học vào thực tế sinh động, đa dạng mà họ sẽ tiếp xúc sau này. Đồng thời qua đóng vai cũng rèn luyện cho người học ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường đã được làm quen với vai của người cán bộ sẽ đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp, luyện tập năng lực giải quyết vấn đề theo cương vị mà người học sẽ đảm nhiệm sau này. Phương pháp này có các ưu điểm là sinh viên được rèn luyện thực hành những kỹ năng ứng xử và bày tỏ thái độ trong môi trường an toàn trước khi thực hành trong thực tiễn, gây hứng thú và chú ý cho sinh viên, tạo điều kiện làm nảy sinh óc sáng tạo của sinh viên, kích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của sinh viên theo chuẩn mực hành vi đạo đức và chính trị - xã hội, có thể thấy ngay tác động và hiệu quả của lời nói hoặc việc làm của các vai diễn.

2.6.7 Trò chơi

Phương pháp dạy học trò chơi là phương pháp giảng viên thông qua việc tổ chức các trò chơi có liên quan đến nội dung bài học, có tác dụng phát huy tích cực nhận thức, gây hứng thú học tập cho sinh viên. Qua trò chơi sinh viên tiếp thu kiến thức một cách nhẹ nhàng, tự nhiên, đồng thời qua trò chơi phát triển tính tự giác. Trò chơi học tập làm thay đổi hình thức học tập làm cho không khí lớp học thoải mái và dễ chịu. Trò chơi giúp sinh viên biết cách nhìn nhận, phân tích, so sánh, khái quát kiến thức đã lĩnh hội trước đó. Phương pháp này giúp sinh viên khắc sâu kiến thức, kỹ năng vững chắc và giúp sinh viên chủ động học tập.

2.6.8 Đồ án

Học dựa vào trên đồ án là phương pháp tổ chức dạy học thông qua các dự án hay đề tài thực tế. Người học được tạo điều kiện để thực hiện mới hoặc làm lại các đề tài hay nội dung khoa học mà nhà nghiên cứu đã tiến hành, chẳng hạn như: xây dựng lại một bản thiết kế, lập kế hoạch, phát triển các ứng dụng phần mềm,... Theo đó, người học sẽ cảm

thấy rất hứng thú bởi họ được tham gia gần như “trực tiếp” vào trong quá trình nghiên cứu và phát triển sản phẩm. Chính vì thế, quá trình tiếp thu kiến thức cũng diễn ra một cách tích cực. Người học không những được tiếp cận với thông tin mới mà còn được rèn luyện kỹ năng phân tích, thiết kế hệ thống, đọc hiểu, tóm tắt, và trình bày các vấn đề khoa học.

Phương pháp học dựa trên đồ án chú trọng tới những hoạt động học có tính chất lâu dài, liên ngành và thường gắn với những vấn đề nảy sinh từ cuộc sống. Bên cạnh đó, phương pháp học dựa trên đồ án còn tạo ra những cơ hội nhằm giúp người học theo đuổi được những sở thích của mình và tự mình đưa ra quyết định về câu trả lời hay tìm ra giải pháp cho các vấn đề trình bày trong đồ án. Phương pháp này có thể giúp đạt được chuẩn đầu ra theo đề cương CDIO như: lập giả thiết, kỹ năng thiết kế - triển khai, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình.

2.6.9 Giải quyết vấn đề

Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề là phương pháp giảng dạy trong đó giảng viên tạo ra những tình huống có vấn đề, điều khiển sinh viên phát hiện vấn đề, hoạt động tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo để giải quyết vấn đề và thông qua đó chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kỹ năng và đạt được những mục đích học tập khác. Đặc trưng cơ bản của dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề là "tình huống gợi vấn đề" vì "Tư duy chỉ bắt đầu khi xuất hiện tình huống có vấn đề".

Tình huống có vấn đề là một tình huống gợi ra cho sinh viên những khó khăn về lí luận hay thực hành mà họ thấy cần có khả năng vượt qua, nhưng không phải ngay tức khắc bằng một thuật giải, mà phải trải qua quá trình tích cực suy nghĩ, hoạt động để biến đổi đối tượng hoạt động hoặc điều chỉnh kiến thức sẵn có.

Phương pháp này góp phần tích cực vào việc rèn luyện tư duy phê phán, tư duy sáng tạo cho sinh viên. Trên cơ sở sử dụng vốn kiến thức và kinh nghiệm đã có sinh viên sẽ xem xét, đánh giá, thấy được vấn đề cần giải quyết.

Đây là phương pháp phát triển được khả năng tìm tòi, xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau. Trong khi phát hiện và giải quyết vấn đề, sinh viên sẽ huy động được tri thức và khả năng cá nhân, khả năng hợp tác, trao đổi, thảo luận với bạn bè để tìm ra cách giải quyết vấn đề tốt nhất.

Thông qua việc giải quyết vấn đề, sinh viên được lĩnh hội tri thức, kỹ năng và phương pháp nhận thức ("giải quyết vấn đề" không còn chỉ thuộc phạm trù phương pháp mà đã trở thành một mục đích dạy học, được cụ thể hóa thành một mục tiêu là phát triển năng lực giải quyết vấn đề, một năng lực có vị trí hàng đầu để con người thích ứng được với sự phát triển của xã hội).

2.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Trên cơ sở Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ GD - ĐT, tháng 4 năm 2013, Trường Đại học Vinh đã Ban hành Quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Vinh. Trong chương 3 đã quy định chi tiết về các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của SV, thang điểm đánh giá kết quả học tập từng học phần, cách tổ hợp điểm học phần (điểm học phần được tổ hợp từ các điểm đánh giá bộ phận với trọng số: điểm chuyên cần (10%), điểm giữa kỳ (20%), điểm thi kết thúc học phần (70%). Quy định các công thức tính điểm học phần đối với các học phần không có và có thực hành và quy định về đánh giá kết quả học tập của SV đối với một số môn học đặc thù (GDQP, GDTC). Hình thức kiểm tra, thi đa dạng: tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy, trắc nghiệm trên máy tính, vấn đáp, viết tiểu luận, làm thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên

tùy theo đặc điểm của từng học phần nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng. Từ kỳ 2 năm học 2015 - 2016, Trường Đại học Vinh đã thực hiện thí điểm việc đánh giá giữa kỳ một số học phần theo hình thức testonline, NH được làm bài thi trực tiếp trên máy tính dựa trên ngân hàng câu hỏi do Nhà trường xây dựng.

Đối với CTĐT tiếp cận CDIO, Nhà trường đã có những cải tiến về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV theo hướng tăng cường đánh giá đúng năng lực, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và công bằng. Nhà trường đã có sự thay đổi trong đánh giá các học phần, cụ thể đưa thêm điểm đánh giá quá trình (hồ sơ học phần) vào thành phần điểm đánh giá với trọng số 20% và giảm trọng số điểm thi cuối học phần từ 70% xuống 50%. Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành các quy định xây dựng ngân hàng đề thi, trong đó có bản đặc trạn ngân hàng đề thi để đảm bảo độ bảo phủ chương trình và đánh giá đúng năng lực SV. Đồng thời, Nhà trường còn tổ chức các khóa tập huấn để hướng dẫn qui trình xây dựng ngân hàng đề thi và các hình thức đánh giá kết quả học tập cho sinh viên nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn về công tác KTĐG.

Căn cứ vào các quy định nhà Trường, ngành Tài chính - Ngân hàng đã thực hiện xây dựng đề cương chi tiết các học phần theo tiếp cận CDIO, về nội dung đánh giá được thiết kế khoa học và chặt chẽ hơn trên cơ sở CĐR của CTĐT, CĐR học phần. Trong ĐCCT quy định rõ về các nội dung đánh giá quá trình (hồ sơ học phần) nhằm tăng cường đánh giá tiếp cận năng lực. Đồng thời, ngành Kế toán đã thực hiện xây dựng Ngân hàng đề thi học phần trên cơ sở xây dựng Bản đặc tả, sau đó thiết kế hệ thống câu hỏi theo 5 mức độ đánh giá và xây dựng ma trận đề thi cho đề thi giữa kỳ, đề thi cuối kỳ và bắt đầu được áp dụng cho khóa đào tạo 58 (tuyển sinh năm 2017). Trong đánh giá quá trình, ngoài đánh giá chuyên cần, ý thức và thái độ học tập (trọng số 10%), giảng viên còn đánh giá kết quả tham gia thảo luận, làm việc nhóm và hồ sơ học tập của SV (trọng số 20%). Việc đánh giá giữa kỳ được thực hiện theo hình thức trắc nghiệm cho tất cả các học phần đại cương. Đặc biệt, Khoa đã triển khai xây dựng bộ tiêu chí đánh giá thực hành cho một số học phần thực hành của CTĐT, các kết quả về xây dựng bộ tiêu chí đánh giá được thông qua với sự tham gia của hầu hết các giảng viên. Khi thực hiện xây dựng ngân hàng đề thi học phần, Bộ môn căn cứ vào chuyên môn giảng dạy để thực hiện phân công xây dựng ngân hàng đề thi theo từng nhóm giảng viên. Các nhóm chuyên môn tự thực hiện xây dựng ngân hàng đề thi theo sự phân công của nhóm trưởng, sau khi hoàn thành sẽ báo cáo Trưởng Bộ môn lên kế hoạch nghiệm thu ngân hàng đề thi từng học phần.

Bảng 2.3. Các hình thức đánh giá để đạt được CĐR của CTĐT

Các hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của CTĐT									
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2
Ý thức và thái độ học tập	Rubrics				√	√		√	√		
Thuyết trình nhóm	Rubrics				√	√	√	√		√	√
Thi thực hành máy tính	Đáp án	√	√	√	√						√
Thi trắc nghiệm khách quan	Đáp án	√	√	√					√		
Thi vấn đáp	Đáp án	√	√	√							
Báo cáo tiểu luận	Rubrics	√	√	√	√		√				√
Bảo vệ đồ án	Rubrics	√	√	√	√	√	√	√		√	√
Thi tự luận	Đáp án	√	√	√	√				√		

2.7.1. Đánh giá ý thức và thái độ học tập

Đánh giá ý thức học tập là đánh giá mức độ chuyên cần mà sinh viên phải tham gia lớp học. Đánh giá thái độ học tập là đánh giá mức độ sinh viên thể hiện thái độ tích cực và hợp tác trong lớp cũng như trong tinh thần đồng đội khi thực hiện nhóm. Tính chuyên

cần và thái độ học tập của sinh viên được đánh giá theo các tiêu chí ở Bảng Rubric 1 hoặc Rubric 2 tùy thuộc vào các học phần lý thuyết hay học phần có thực tập/đồ án.17

2.7.2. Đánh giá hồ sơ học phần

Đối với hồ sơ học phần, sinh viên bắt buộc phải làm bài tập liên quan đến các bài học học trong lớp hoặc sau giờ học. Những bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm (được đánh giá theo các tiêu chí trong Bảng Rubric 3). Ngoài ra, sinh viên phải đáp ứng những yêu cầu về các học liệu kèm theo học phần của giảng viên.

2.7.3. Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm

Hình thức trắc nghiệm là dạng kiểm tra trong đó mỗi câu hỏi kèm theo câu trả lời sẵn. Loại câu hỏi này cung cấp cho sinh viên một phần hay tất cả thông tin cần thiết và đòi hỏi sinh viên phải chọn một hay nhiều giải pháp trả lời đúng nhất. Loại câu hỏi này được gọi là trắc nghiệm khách quan vì chúng đảm bảo tính khách quan, chính xác, ổn định và không phụ thuộc vào người chấm; đồng thời nó cho phép đánh giá được toàn bộ những khả năng của người học theo sự phân loại (ghi nhớ thông tin, thông hiểu, áp dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá). Bài trắc nghiệm thường có số câu hỏi nhiều hơn bài tự luận.

2.7.4. Đánh giá theo hình thức tự luận

Sinh viên phải trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các vấn đề liên quan đến yêu cầu kiến thức của học phần. Các yêu cầu của câu hỏi trong các đề thi được thiết kế để đánh giá kết quả học tập của học phần. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong hình thức này là từ 1 đến 10 theo đáp án của đề thi.

2.7.5. Đánh giá theo hình thức thực hành

Sinh viên phải thực hiện các chương trình / phần mềm trên máy tính liên quan đến các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của các học phần. Thang điểm đánh giá được sử dụng từ 0 đến 10. Các tiêu chí đánh giá của của các học phần có thực hành được thể hiện trong Bảng Rubric 4.

2.7.6. Đánh giá viết báo cáo

Sinh được đánh giá thông qua báo cáo về chủ đề giáo viên yêu cầu, bao gồm nội dung được trình bày trong báo cáo, cách trình bày, định dạng trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá của phương pháp này được thể hiện trong Bảng Rubric 5.

2.7.7. Đánh giá thuyết trình

Sinh viên chuẩn bị bài thuyết trình theo một chủ đề nghiên cứu theo yêu cầu của giảng viên. Giảng viên cho điểm sinh viên thông qua buổi trình bày báo cáo, đưa ra các câu hỏi trực tiếp và nhận các câu trả lời. Các tiêu chí để đánh giá sinh viên qua hoạt động thuyết trình được mô tả trong Bảng Rubric 6.

2.8. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá theo Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017 và Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh.

2.8.1. Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá kết quả học tập theo từng học phần của CTĐT được quy định như Bảng 2.4.

2.8.2. Điểm đánh giá học phần

Điểm đánh giá học phần được tổ hợp từ điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá cuối kỳ như quy định trong Bảng 2.5.

Bảng 2.4. Thang điểm đánh giá học phần

Điểm chữ	Điểm 10 tương ứng	Quy ra thang điểm 4
----------	-------------------	---------------------

A	8.5 - 10	4.0
B+	8.0 - 8.4	3.5
B	7.0 - 7.9	3.0
C+	6.5 - 6.9	2.5
C	5.5 - 6.4	2.0
D+	5.0 - 5.4	1.5
D	4.0 - 4.9	1.0
F	< 4.0	0.0

Bảng 2.5. Thành phần và điểm đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Tỷ lệ
1. Đánh giá quá trình	50%
1.1. Đánh giá ý thức, thái độ học tập - Đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ học tập. - Yêu cầu sinh viên dự học tại lớp trên 80% mới đủ điều kiện được dự thi kết thúc học phần. Nếu sinh viên không được dự thi học phần thì bị tính điểm F và phải học lại học phần.	10%
1.2. Đánh giá hồ sơ học phần - Hồ sơ có thể là bài tập cá nhân, báo cáo bài tập nhóm, báo cáo kết quả thảo luận, minh chứng sản phẩm học tập, .v.v. - Tùy theo đặc thù học phần mà giảng viên quy định các sản phẩm cụ thể.	20%
1.3. Đánh giá giữa kỳ - Nếu số tín chỉ lý thuyết ≤ 3 thì tổ chức 1 lần kiểm tra. - Nếu số tín chỉ lý thuyết ≥ 4 thì tổ chức 2 lần kiểm tra, điểm đánh giá là điểm trung bình.	20%
2. Đánh giá thi kết thúc học phần - Học phần chỉ có lý thuyết: điểm đánh giá là điểm của bài thi kết thúc học kỳ và hình thức đánh giá do bộ môn quy định (tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bài tập lớn,...) - Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án: điểm đánh giá cuối kỳ là trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc báo cáo đồ án. - Học phần có cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lý thuyết và đồ án: điểm đánh giá cuối kỳ là điểm đánh giá độc lập của các thành phần lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án.	50%
3. Công thức tính điểm học phần	
3.1. Học phần chỉ có lý thuyết Điểm học phần lý thuyết được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân: $a = a \times 0.1 + a_2 \times 0.2 + a_3 \times 0.2 + a_4 \times 0.5$. Trong đó, a: điểm học phần; a1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a3: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a4: điểm đánh giá thi kết thúc học phần.	
3.2. Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án - Điểm học phần là điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án, được làm tròn đến một chữ số thập phân.	
3.3. Học phần bao gồm cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lý thuyết và đồ án: $a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.2 + a_3 \times 0.2 + (a_4 \times m + a_5 \times n) \times 0.5 / (m + n)$. Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a3: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a4: điểm đánh giá thi kết thúc phần lý thuyết; a5: điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án; m: số tiết lý thuyết; n: số tiết thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án.	

3.4. Học phần thực tập cuối khóa:

- Điểm học phần được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân:

$$a = a1 \times 0.5 + a2 \times 0.5$$

Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a1: điểm đánh giá của giảng viên hướng dẫn; a2: điểm đánh giá của cán bộ hướng dẫn nơi sinh viên thực tập.

Liệt kê cách đánh giá kết quả học tập của sinh viên như thành phần đánh giá, thang điểm đánh giá. (Theo Quy chế đào tạo đại học của Trường Đại học Vinh).

2.9. Đối sánh chương trình đào tạo

Bảng 1: Đối sánh mục tiêu với văn bản nhà nước theo hướng dẫn nhà trường

	Dự thảo Mục tiêu chương trình đào tạo	Đối sánh các văn bản của nhà nước		
		Tầm nhìn, Sứ mạng và Triết lý giáo dục của Trường Đại học Vinh	Luật giáo dục đại học năm 2018 (Số: 42/VBHN-VPQH)	Mô tả nội dung trình độ Bachelor 6 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016)
Mục tiêu chương trình đào tạo	Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến các hoạt động tài chính - ngân hàng trong môi trường hội nhập quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với Triết lý giáo dục của Đại học Vinh: Trường Đại học Vinh coi hợp tác - sáng tạo là năng lực cốt lõi của cá nhân - Phù hợp với Sứ mệnh giáo dục của Đại học Vinh: Trường Đại học Vinh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển của khu vực Bắc Trung Bộ, góp phần vào sự phát triển của quốc gia và quốc tế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với Điều 5 điểm 2 Mục tiêu cụ thể của Luật giáo dục 2. Mục tiêu cụ thể đào tạo trình độ <u>4</u> đại học, thạc sĩ, tiến sĩ: <ul style="list-style-type: none"> a) <u>5</u> (được bãi bỏ) b) Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo; 	-Phù hợp với mục a, điểm 2 Điều 1 QĐ 1982 về phê duyệt Khung trình độ quốc gia
Mục tiêu cụ thể:	PO1: Áp dụng được kiến thức cơ bản và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề về	- Phù hợp với Triết lý giáo dục của Đại học Vinh: Trường Đại học Vinh coi hợp tác -	- Phù hợp với Điều 5 điểm 2 Mục tiêu cụ thể của Luật giáo dục	-Phù hợp với mục a, điểm 2 Điều 1 QĐ 1982 về phê duyệt Khung trình độ quốc gia

	<p>lĩnh vực tài chính - ngân hàng.</p> <p>PO2: Thể hiện được kỹ năng, phẩm chất cá nhân, định hướng phát triển nghề nghiệp</p> <p>PO3: Thể hiện được kỹ năng giao tiếp bằng văn bản và lời nói, có thể hoạt động như một thành viên hoặc lãnh đạo của một nhóm</p> <p>PO4: Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến các hoạt động tài chính - ngân hàng trong môi trường hội nhập quốc tế</p>	<p>sáng tạo là năng lực cốt lõi của cá nhân</p> <p>- Phù hợp với Sứ mệnh giáo dục của Đại học Vinh: Trường Đại học Vinh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển của khu vực Bắc Trung Bộ, góp phần vào sự phát triển của quốc gia và quốc tế.</p>	<p>2. Mục tiêu cụ thể đào tạo trình độ <u>đ</u> đại học, thạc sĩ, tiến sĩ:</p> <p>a) <u>5</u> (được bãi bỏ)</p> <p>b) Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo;</p>	
--	--	--	---	--

Bảng 2: Đối sánh mục tiêu với các trường trong nước

Tr ườ ng	Trường Đại học Vinh	Trường Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Banking and Finance Monash University	BSc Finance London School of Economics and Political Science
M ụ c t i ê u	Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Tài chính - Ngân hàng có kiến thức nền tảng về kinh tế và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, có kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, có thái độ và phẩm chất của người làm lĩnh vực	Đào tạo cử nhân ngành tài chính - ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức, văn hóa và sức khỏe tốt, nắm vững những nguyên lý, quy luật tự nhiên, xã hội; có đủ kiến thức về lý luận chính trị, kinh tế xã hội; có kiến thức nền tảng về tài chính - ngân hàng nói chung, vừa có kiến thức chuyên sâu, kỹ năng chuyên nghiệp của từng chuyên ngành nói riêng ở các cấp độ khác nhau, từ thực hành tác nghiệp đến hoạch định chính sách và quản lý; có năng lực nghiên cứu và thực hành, giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng; thích ứng với điều kiện môi trường luôn thay đổi và đáp ứng được yêu cầu của nền	Chương trình đào tạo được tập trung hóa vào 3 mục tiêu: Đào tạo Cử nhân kinh tế ngành tài chính-ngân hàng nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế-xã hội và chuyên sâu về tài chính-ngân hàng; - Có đầy đủ các kỹ năng chuyên môn nhằm vận dụng kiến thức được học để nghiên cứu, phân tích, hoạch định, giải quyết vấn đề, ra quyết định phục vụ cho công việc tác nghiệp, lãnh đạo, quản lý hiệu quả trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng; - Có phẩm chất đạo đức và khả năng tư	Bằng Cử nhân Tài chính Ngân hàng sẽ cung cấp cho bạn các kỹ năng thực tế và kỹ năng phân tích. Nó bao gồm các khái niệm chính về ngân hàng, tài chính và cách đánh giá nhu cầu tài chính của các công ty, chính phủ và cá nhân và kết hợp chúng với các sản phẩm tài chính phù hợp. Ngoài ra, sinh viên cũng sẽ học về lưu thông tiền, cấp tín dụng, đầu tư, mua tài chính và cung cấp các tiện ích ngân hàng. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên sẽ có cơ hội việc làm trong môi	https://www.lse.ac.uk/study-at-lse/Undergraduate/Degree-programmes-2019/BSc-Finance Chương trình sẽ trang bị cho sinh viên nền tảng tài chính vững chắc và các kỹ năng định lượng cần thiết, cũng như dạy sinh viên sử dụng các kỹ thuật tài chính để ra quyết định tài chính. Sinh

	<p>tài chính - ngân hàng và có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá, cải tiến hoạt động tài chính - ngân hàng trong môi trường hội nhập quốc tế</p>	<p>kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế.</p>	<p>duy tốt và có đầy đủ các kỹ năng cần thiết nhằm phát triển nghề nghiệp trong môi trường toàn cầu.</p>	<p>trường tài chính ngân hàng, đảm nhiệm các vai trò như quản lý danh mục đầu tư, ngân hàng kinh doanh, quản lý quỹ hoặc tư vấn cho vay.</p>	<p>viên sẽ học cách suy nghĩ phân tích và đánh giá nghiêm túc các vấn đề quan trọng trong tài chính từ nhiều khía cạnh khác nhau. Sinh viên học cách áp dụng các phương pháp phân tích trong tài chính và kinh tế tài chính mà bạn đã học vào một loạt các vấn đề tài chính trong thực tiễn.</p>
--	---	--	--	--	--

Bảng 3: Đối sánh chuẩn đầu ra trước và sau khi điều chỉnh

ĐỀ CƯƠNG CDIO (v1.0) (Trước khi Ngành điều chỉnh)		NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	
Chuẩn đầu ra CTĐT		Chuẩn đầu ra CTĐT	
Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng		Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng	
K ý h i ệ u C Đ R	Chủ đề chuẩn đầu ra CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng	Ký hiệ u CĐ R	Chủ đề chuẩn đầu ra CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	I	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH
1 . 1	Kiến thức giáo dục đại cương	PL O1 .1	Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, toán học và công nghệ thông tin trong các hoạt động kinh tế
1 . 1 . 1	Hiểu biết các vấn đề về lý luận chính trị	1.1 .1	Giải thích các vấn đề về lý luận khoa học chính trị
1 . 1 . 2	Sử dụng tiếng Anh	1.1 .2	Giải thích kiến thức toán học trong các vấn đề kinh tế
1 . 1 . 3	Sử dụng kiến thức toán học giải quyết các vấn đề kinh tế	1.1 .3	Vận dụng kiến thức công nghệ thông tin trong kinh tế
1 . 1 . 4	Ứng dụng tin học trong kinh tế		
1 . .	Kiến thức cơ sở ngành	PL O1 .2	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành kinh tế trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng

ĐỀ CƯƠNG CDIO (v1.0) (Trước khi Ngành điều chỉnh)		NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	
Chuẩn đầu ra CTĐT		Chuẩn đầu ra CTĐT	
Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng		Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng	
2			
1 . 2 . 1	Hiểu biết và áp dụng các kiến thức kinh tế học	1.2 .1	Vận dụng các kiến thức kinh tế học
1 . 2 . 2	Nắm vững kiến thức về pháp luật trong kinh tế	1.2 .2	Vận dụng kiến thức về pháp luật trong kinh tế
1 . 2 . 3	Áp dụng các kiến thức về kế toán	1.2 .3	Vận dụng các kiến thức tài chính, kế toán, kinh doanh và quản lý
1 . 2 . 4	Áp dụng kiến thức về tài chính - tiền tệ		
1 . 2 . 5	Vận dụng các kiến thức kinh doanh và quản lý		
1 . 3	Kiến thức chuyên ngành	PL O1 .3	Vận dụng kiến thức chuyên ngành kế toán để lập luận, phân tích, giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán
1 . 3 . 1	Vận dụng kiến thức tài chính	1.3 .1	Vận dụng kiến thức tài chính
1 .	Vận dụng kiến thức ngân hàng	1.3 .2	Vận dụng kiến thức ngân hàng

ĐỀ CƯƠNG CDIO (v1.0) (Trước khi Ngành điều chỉnh)		NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	
Chuẩn đầu ra CTĐT		Chuẩn đầu ra CTĐT	
Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng		Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng	
3 · 2			
1 · 3 · 3	Vận dụng kiến thức chứng khoán		
1 · 3 · 4	Vận dụng kiến thức thẩm định giá		
2	KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	II	KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP
2 · 1	Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề	PL O2 .1	Thể hiện kỹ năng khám phá tri thức, tư duy hệ thống và phân tích giải quyết vấn đề lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng
2 · 1 · 1	Nhận dạng và xác định vấn đề kinh tế/kinh doanh	2.1 .1	Thể hiện kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề của lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng
2 · 1 · 2	Tổng quát hóa vấn đề kinh tế/kinh doanh	2.1 .2	Thể hiện kỹ năng nghiên cứu tài liệu và khám phá tri thức
2 · 1 · 3	Tổ chức thực hiện vấn đề kinh tế/kinh doanh	2.1 .3	Thể hiện kỹ năng tư duy (hệ thống, sáng tạo, phân biện) trong giải quyết vấn đề
2 · 1	Đánh giá vấn đề kinh tế/kinh doanh	2.1 .4	Thể hiện kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực để

ĐỀ CƯƠNG CDIO (v1.0) (Trước khi Ngành điều chỉnh)		NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	
Chuẩn đầu ra CTĐT		Chuẩn đầu ra CTĐT	
Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng		Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng	
. 4			thực hiện hiệu quả nhiệm vụ
2 .1 .5	Cải tiến vấn đề kinh tế/kinh doanh		
2 .2	Nghiên cứu khám phá kiến thức	PL O2 .2	Thể hiện thái độ và phẩm chất nghề nghiệp trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng
2 .2 .1	Hình thành giả thuyết	2.2 .1	Thể hiện tính kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp thực tế
2 .2 .2	Chọn lọc thông tin qua các tài liệu	2.2 .2	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và hành xử chuyên nghiệp
2 .2 .3	Triển khai khảo sát từ thực tế	2.2 .3	Thể hiện công bằng và trách nhiệm xã hội
2 .2 .4	Kiểm chứng và bảo vệ giả thuyết		
2 .3	Tư duy hệ thống		
2 .3 .1	Phác thảo tổng thể vấn đề		

ĐỀ CƯƠNG CDIO (v1.0) (Trước khi Ngành điều chỉnh)		NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	
Chuẩn đầu ra CTĐT		Chuẩn đầu ra CTĐT	
Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng		Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng	
2 . 3 . 2	Xác định những vấn đề phát sinh và tương tác trong hệ thống		
2 . 3 . 3	Chọn lọc sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm		
2 . 3 . 4	Phân tích ưu nhược điểm và đề xuất giải pháp hợp lý		
2 . 4	Kỹ năng và phẩm chất cá nhân		
2 . 4 . 1	Thể hiện sự sẵn sàng chấp nhận rủi ro		
2 . 4 . 2	Thể hiện tính kiên trì và linh hoạt		
2 . 4 . 3	Thể hiện tư duy sáng tạo		
2 . 4 . 4	Thể hiện tư duy phản biện		

ĐỀ CƯƠNG CDIO (v1.0) (Trước khi Ngành điều chỉnh)		NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	
Chuẩn đầu ra CTĐT		Chuẩn đầu ra CTĐT	
Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng		Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng	
2 · 4 · 5	Có khả năng tự nhận thức bản thân		
2 · 4 · 6	Có khả năng quản lý thời gian và nguồn lực		
2 · 4 · 7	Có khả năng thích ứng với sự phức tạp của thực tế		
2 · 4 · 8	Có khả năng học tập suốt đời		
2 · 5	Kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp		
2 · 5 · 1	Thể hiện đạo đức nghề nghiệp		
2 · 5 · 2	Thể hiện hành xử chuyên nghiệp		
2 · 5 · 3	Lập kế hoạch nghề nghiệp		

ĐỀ CƯƠNG CDIO (v1.0) (Trước khi Ngành điều chỉnh)		NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	
Chuẩn đầu ra CTĐT		Chuẩn đầu ra CTĐT	
Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng		Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng	
2 . 5 . 4	Thể hiện công bằng và trách nhiệm xã hội		
3	KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP	III	KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP
3 . 1	Làm việc nhóm	PL O3 .1	Tổ chức và phát triển hoạt động nhóm để làm việc linh hoạt với các nhóm khách hàng, đồng nghiệp, đối tác đa dạng và phức tạp
3 . 1 . 1	Thực hiện thành lập nhóm	3.1 .1	Thực hiện thành lập nhóm
3 . 1 . 2	Tổ chức hoạt động nhóm	3.1 .2	Tổ chức hoạt động nhóm
3 . 1 . 3	Có khả năng phát triển và lãnh đạo nhóm	3.1 .3	Phát triển và lãnh đạo nhóm
3 . 1 . 4	Có khả năng làm việc trong các nhóm đa ngành		
3 . 2	Giao tiếp	PL O3 .2	Vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp, ứng dụng công nghệ số trong kinh doanh và quản lý
3 . 2	Xây dựng chiến lược giao tiếp	3.2 .1	Xây dựng cách thức giao tiếp

ĐỀ CƯƠNG CDIO (v1.0) (Trước khi Ngành điều chỉnh)		NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	
Chuẩn đầu ra CTĐT		Chuẩn đầu ra CTĐT	
Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng		Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng	
1			
3 2 2	Áp dụng giao tiếp bằng văn bản và đa phương tiện	3.2 .2	Sử dụng linh hoạt, thành thạo các hình thức giao tiếp khác nhau (văn bản, điện tử/đa truyền thông, đồ họa, thuyết trình, đàm phán, công nghệ số)
3 2 3	Có khả năng thuyết trình hiệu quả		
3 2 4	Có khả năng phát triển các mối quan hệ xã hội		
3 3	Giao tiếp bằng ngoại ngữ	PL O3 .3	Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp và trong lĩnh vực kinh tế
3 3 1	Có khả năng đọc tài liệu	3.3 .1	Sử dụng Tiếng Anh bậc 3/6
3 3 2	Có khả năng viết báo cáo và trình bày vấn đề đơn giản	3.3 .2	Sử dụng Tiếng Anh trong lĩnh vực kinh tế
3 3 3	Có khả năng giao tiếp cơ bản		
4	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN, VÀ VẬN HÀNH TRONG	IV	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN, VÀ ĐÁNH

ĐỀ CƯƠNG CDIO (v1.0) (Trước khi Ngành điều chỉnh)		NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	
Chuẩn đầu ra CTĐT		Chuẩn đầu ra CTĐT	
Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng		Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng	
	BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG - QUÁ TRÌNH SÁNG TẠO		GIÁ TRỌNG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG
4 .1	Bối cảnh xã hội và môi trường	PL O4 .1	Phân tích bối cảnh tổ chức và xã hội
4 .1 .1	Hiểu biết vai trò, trách nhiệm của người làm Kế toán đối với xã hội	4.1 .1	Phân tích được bối cảnh xã hội và môi trường
4 .1 .2	Hiểu biết các quy định của Nhà nước về lĩnh vực kinh tế	4.1 .2	Phân tích được bối cảnh, mục tiêu và chiến lược của tổ chức
4 .1 .3	Nắm bắt các vấn đề mang tính thời sự		
4 .1 .4	Nhận định bối cảnh hội nhập quốc tế		
4 .2	Bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh	PL O4 .2	Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động Tài chính - Ngân hàng
4 .2 .1	Hiểu biết sự đa dạng văn hóa doanh nghiệp	4.2 .1	Hình thành ý tưởng hoạt động Tài chính - Ngân hàng
4 .2	Phân tích mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh	4.2 .2	Xây dựng hoạt động Tài chính - Ngân hàng

ĐỀ CƯƠNG CDIO (v1.0) (Trước khi Ngành điều chỉnh)		NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	
Chuẩn đầu ra CTĐT		Chuẩn đầu ra CTĐT	
Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng		Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng	
. 2			
4 .2 .3	Đánh giá khả năng phát triển cơ hội kinh doanh	4.2 .3	Thực hiện hoạt động Tài chính - Ngân hàng
4 .2 .4	Hiểu biết các vị trí, môi trường làm việc khác nhau của doanh nghiệp	4.2 .4	Đánh giá và cải tiến hoạt động Tài chính - Ngân hàng
4 .3	Hình thành ý tưởng hoạt động Tài chính - Ngân hàng		
4 .3 .1	Xác định các mục tiêu của hoạt động tài chính - ngân hàng		
4 .3 .2	Xây dựng chức năng, nhiệm vụ của hoạt động tài chính - ngân hàng		
4 .3 .3	Mô hình hóa ý tưởng của hoạt động tài chính - ngân hàng		
4 .4 .4	Lập kế hoạch quản lý hoạt động tài chính - ngân hàng		
4 .4	Xây dựng hoạt động Tài chính - Ngân hàng		

ĐỀ CƯƠNG CDIO (v1.0) (Trước khi Ngành điều chỉnh)		NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	
Chuẩn đầu ra CTĐT		Chuẩn đầu ra CTĐT	
Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng		Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng	
4 . 4 . 1	Xây dựng quy trình hoạt động tài chính - ngân hàng		
4 . 4 . 2	Lựa chọn cách tiếp cận quy trình hoạt động tài chính - ngân hàng		
4 . 4 . 3	Áp dụng kiến thức trong hoạt động tài chính - ngân hàng		
4 . 4 . 4	Vận dụng kiến thức dự án chuyên ngành		
4 . 4 . 5	Xây dựng dự án đa ngành		
4 . 4 . 6	Xây dựng dự án đa mục tiêu		
4 . 5	Thực hiện hoạt động Tài chính - Ngân hàng		
4 . 5 . 1	Lựa chọn nguồn lực thực hiện hoạt động tài chính - ngân hàng		

ĐỀ CƯƠNG CDIO (v1.0) (Trước khi Ngành điều chỉnh)		NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	
Chuẩn đầu ra CTĐT		Chuẩn đầu ra CTĐT	
Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng		Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng	
4 . 5 . 2	Có khả năng tổ chức thực hiện hoạt động tài chính - ngân hàng		
4 . 5 . 3	Có khả năng quản lý hoạt động tài chính - ngân hàng		
4 . 6	Đánh giá và cải tiến hoạt động Tài chính - Ngân hàng		
4 . 6 . 1	Thiết kế tiêu chuẩn đánh giá hoạt động tài chính - ngân hàng		
4 . 6 . 2	Đánh giá phương án hoạt động tài chính - ngân hàng		
4 . 6 . 3	Điều chỉnh/Cải tiến phương án hoạt động tài chính - ngân hàng		

Bảng 4: Đối sánh chuẩn đầu ra với văn bản nhà nước theo hướng dẫn nhà trường

NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	ĐỐI SÁNH với Khung trình độ QGVN
Chuẩn đầu ra CTĐT	Chuẩn đầu ra CTĐT
Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng	Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng
KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	

NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)	ĐỐI SÁNH với Khung trình độ QGVN
<p>Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, toán học và công nghệ thông tin trong các hoạt động kinh tế</p> <p>Giải thích các vấn đề về khoa học chính trị</p> <p>Giải thích kiến thức toán học trong các vấn đề kinh tế</p> <p>Áp dụng công nghệ thông tin trong kinh tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật. - Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.
<p>Vận dụng kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p> <p>Vận dụng các kiến thức kinh tế học</p> <p>Vận dụng kiến thức về pháp luật trong kinh tế</p> <p>Vận dụng kiến thức tài chính, kế toán, kinh doanh và quản lý</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật. - Kiến thức cơ bản về quản lý điều hành hoạt động chuyên môn
<p>Vận dụng kiến thức chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng để giải quyết các vấn đề hoạt động Tài chính - Ngân hàng</p> <p>Vận dụng kiến thức tài chính</p> <p>Vận dụng kiến thức ngân hàng</p>	<p>Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo</p>
<p>KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP</p>	
<p>Thể hiện kỹ năng khám phá tri thức, tư duy hệ thống và phân tích giải quyết vấn đề lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p> <p>Thể hiện kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề của lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p> <p>Thể hiện kỹ năng nghiên cứu tài liệu và khám phá tri thức</p> <p>Thể hiện kỹ năng tư duy (hệ thống, sáng tạo, phản biện) trong giải quyết vấn đề</p> <p>Thể hiện kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ</p> <p>Thể hiện thái độ và phẩm chất nghề nghiệp trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p> <p>Thể hiện tính kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp thực tế</p> <p>Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và hành xử chuyên nghiệp</p> <p>Thể hiện công bằng và trách nhiệm xã hội</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp - Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. - Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong các điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi. - Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm.

<p>NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (v2.0) (Sau khi Ngành điều chỉnh)</p>	<p>ĐỐI SÁNH với Khung trình độ QGVN</p>
<p>KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP</p>	
<p>Thực hiện quản trị nhóm một cách hiệu quả Thực hiện thành lập nhóm Tổ chức hoạt động nhóm Phát triển và lãnh đạo nhóm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm - Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm - Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ được xác định
<p>Vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp, ứng dụng công nghệ số trong kinh doanh và quản lý Xây dựng cách thức giao tiếp Sử dụng linh hoạt, thành thạo các hình thức giao tiếp khác nhau (văn bản, điện tử/đa truyền thông, đồ họa, thuyết trình, đàm phán, công nghệ số)</p>	<p>Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc, chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp</p>
<p>Sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và trong lĩnh vực kinh tế Sử dụng Tiếng Anh bậc 3/6 Sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh tế</p>	<p>Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam</p>
<p>HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN, VÀ ĐÁNH GIÁ TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG</p>	
<p>Phân tích bối cảnh tổ chức và xã hội Phân tích được bối cảnh xã hội và môi trường Phân tích được bối cảnh, mục tiêu và chiến lược của tổ chức Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động Tài chính - Ngân hàng Hình thành ý tưởng hoạt động Tài chính - Ngân hàng Xây dựng hoạt động Tài chính - Ngân hàng Thực hiện hoạt động Tài chính - Ngân hàng Đánh giá và cải tiến hoạt động Tài chính - Ngân hàng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể - Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động - Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

Bảng 5: Đối sánh chuẩn đầu ra với các trường quốc tế

	C Đ R	Trường Đại học Vinh	Banking and Finance Monash University	BSc Finance London School of Economics and Political Science	Finance and Investment Banking, BSc Hons University of Greenwich	Các trường khác
	K I É N T H Ú C	<p>Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, toán học và công nghệ thông tin trong các hoạt động kinh tế</p> <p>Giải thích các vấn đề về khoa học chính trị</p> <p>Giải thích kiến thức toán học trong các vấn đề kinh tế</p> <p>Áp dụng công nghệ thông tin trong kinh tế</p> <p>Vận dụng kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p> <p>Vận dụng các kiến thức kinh tế học</p> <p>Vận dụng kiến thức về pháp luật trong kinh tế</p>	<p>A. Kiến thức nền tảng về kinh doanh</p> <p>Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các lĩnh vực tài chính ngân hàng và tác động của chúng đối với việc ra quyết định trong các tổ chức tài chính ngân hàng đó</p> <p>B. Kiến thức chuyên sâu</p> <p>Những kiến thức này sẽ phát triển năng lực của sinh viên như một chuyên gia có thể áp dụng kiến thức về tài chính ngân</p>	<p>Kiến thức sinh viên phải học:</p> <p>Giới thiệu về Tài chính</p> <p>Các yếu tố của Kế toán Tài chính</p> <p>Lý thuyết thống kê sơ cấp</p> <p>Phương pháp toán học</p> <p>LSE100: những yếu tố cơ bản của tư duy như một nhà khoa học xã hội.</p> <p>Kinh tế học</p> <p>Nguyên tắc tài chính</p>	<p>Sinh viên bắt buộc phải học các học phần bắt buộc sau:</p> <p>Năm 1:</p> <p>Giới thiệu về Kế toán Tài chính (30 tín chỉ)</p> <p>Giới thiệu về Kế toán Quản trị (30 tín chỉ)</p> <p>Phát triển Cá nhân và Nghề nghiệp 1 (Kế toán) (15 tín chỉ)</p> <p>Phương pháp định lượng (15 tín chỉ)</p> <p>Giới thiệu về Tài chính và Kinh tế (30 tín chỉ)</p>	<p>1. International Banking and Finance Course – Centennial College https://www.centennialcollege.ca/programs-courses/full-time/course/international-banking-and-finance/</p> <p>2. BSc (Hons) Banking, Finance and Investment University of South Wales https://www.southwales.ac.uk/courses/bsc-hons-banking-finance-and-investment-top-up/</p>

	C Đ R	Trường Đại học Vinh	Banking and Finance Monash University	BSc Finance London School of Economics and Political Science	Finance and Investment Banking, BSc Hons University of Greenwich	Các trường khác
		<p>Vận dụng kiến thức tài chính, kế toán, kinh doanh và quản lý</p> <p>Vận dụng kiến thức chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng để giải quyết các vấn đề hoạt động Tài chính - Ngân hàng</p> <p>Vận dụng kiến thức tài chính</p> <p>Vận dụng kiến thức ngân hàng</p>	<p>hàng để cung cấp các giải pháp dựa trên kỹ thuật cho doanh nghiệp. Sinh viên sẽ có những kiến thức đáp ứng các yêu cầu và được công nhận tại các đơn vị sử dụng lao động trong lĩnh vực chuyên nghiệp này</p> <p>C. Thực hành nghề nghiệp</p> <p>Củng cố kiến thức và kỹ năng của sinh viên có được thông qua nghiên cứu khóa học của sinh viên và cung cấp kinh nghiệm trong các quy trình đa ngành và ra quyết định.</p>	<p>Hệ thống tài chính và khủng hoảng</p> <p>Tài chính vĩ mô</p> <p>Nguyên tắc kinh tế lượng Sự bất thường của thị trường và quản lý tài sản</p> <p>Các lý thuyết về tài chính Doanh nghiệp</p> <p>Quản lý rủi ro và mô hình hóa</p> <p>Tài chính doanh nghiệp ứng dụng</p> <p>Kinh tế tài chính nâng cao</p>	<p>Năm 2</p> <p>Con đường tương lai</p> <p>Ngân hàng: Nguyên tắc, Thực hành và Quy định (30 tín chỉ)</p> <p>Quản lý Tài chính Kinh doanh (30 tín chỉ)</p> <p>Thị trường tài chính, công cụ và tổ chức (30 tín chỉ)</p> <p>Sinh viên được yêu cầu chọn 30 tín chỉ từ danh sách các lựa chọn này. Thuế (30 tín chỉ)</p>	<p>3. BS Banking and Finance Curtin Singapore https://curtin.edu.sg/courses/undergraduate/bachelor-of-commerce/banking-and-finance/</p> <p>4. BSc (Hons) Banking and Finance University of Essex https://www.kaplan.com.sg/course/bachelor/accounting-finance/bachelor-science-honours-banking-finance/?versionb=1#full-time</p> <p>5. Bachelor of Science (Hons) in Business Studies and Finance</p>

	C Đ R	Trường Đại học Vinh	Banking and Finance Monash University	BSc Finance London School of Economics and Political Science	Finance and Investment Banking, BSc Hons University of Greenwich	Các trường khác
			D. Những môn tự chọn miễn phí sẽ cho phép sinh viên nâng cao kiến thức của mình về ngân hàng và tài chính, hoặc kinh doanh rộng hơn, hoặc chọn các đơn vị từ khắp trường Đại học mà sinh viên đủ điều kiện đăng ký.		Nguyên tắc cơ bản về FinTech (30 tín chỉ) Luật Doanh nghiệp và Công ty (30 tín chỉ) Năm 3 Tài chính Doanh nghiệp Quốc tế (30 tín chỉ) Quản lý đầu tư (30 tín chỉ) Phương pháp nghiên cứu định lượng (15 tín chỉ) Dự án Nghiên cứu Tài chính Định lượng (15 tín chỉ) Sinh viên được yêu cầu chọn 30 tín chỉ từ danh	Bangor University https://www.mdis.edu.sg/bachelor-of-science-hons-in-business-studies-and-finance 6.BS in Finance Northeasten Illinois University https://www.neiu.edu/academics/college-of-business-and-management/departments/accounting-business-law-and-finance/finance-bs

	C Đ R	Trường Đại học Vinh	Banking and Finance Monash University	BSc Finance London School of Economics and Political Science	Finance and Investment Banking, BSc Hons University of Greenwich	Các trường khác
					sách các lựa chọn này. Đạo đức và Quản trị Doanh nghiệp (30 tín chỉ) Giao dịch trên thị trường tài chính (30 tín chỉ) Quản lý rủi ro tài chính (30 tín chỉ)	
	P H À M C H À T K Ỹ N Ả	<p>Thể hiện kỹ năng khám phá tri thức, tư duy hệ thống và phân tích giải quyết vấn đề lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p> <p>Thể hiện kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề của lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p>	<p>Kỹ năng phẩm chất cá nhân:</p> <p>1.Kỹ năng đưa ra các giải pháp sáng tạo cho các vấn đề</p> <p>2.Áp dụng các kỹ năng nghiên cứu cho các thách thức kinh doanh</p> <p>3. Giao tiếp hiệu quả và có tri giác</p>	<p>Một số kỹ năng</p> <p>1. Đạo đức nghề nghiệp</p> <p>2. Kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân</p> <p>3. Khả năng giao tiếp</p> <p>4. Khả năng phân tích</p>	<p>Một số kỹ năng:</p> <p>1. Nhạy bén trong kinh doanh</p> <p>2. Lãnh đạo và ảnh hưởng</p> <p>3. Làm việc theo nhóm</p> <p>4. Kỹ năng giao tiếp</p> <p>5. Kỹ năng ứng dụng toán học</p>	

	C Đ R	Trường Đại học Vinh	Banking and Finance Monash University	BSc Finance London School of Economics and Political Science	Finance and Investment Banking, BSc Hons University of Greenwich	Các trường khác
	N G N Ã N G L U C	<p>Thể hiện kỹ năng nghiên cứu tài liệu và khám phá tri thức</p> <p>Thể hiện kỹ năng tư duy (hệ thống, sáng tạo, phản biện) trong giải quyết vấn đề</p> <p>Thể hiện kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ</p> <p>Thể hiện thái độ và phẩm chất nghề nghiệp trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p> <p>Thể hiện tính kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp thực tế</p> <p>Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và hành xử chuyên nghiệp</p>	<p>4. Tham gia vào một thế giới quốc tế hóa</p> <p>5. Thể hiện năng lực đa văn hóa</p> <p>6. Thể hiện các giá trị đạo đức nghề nghiệp</p> <p>7. Thể hiện sự hiểu biết về việc ra quyết định đa ngành trong các tổ chức thông qua việc áp dụng kiến thức từ các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi.</p>	<p>5. Kỹ năng giải quyết vấn đề</p> <p>6. Kiến thức về phần mềm CNTT</p> <p>7. Kinh nghiệm quản lý</p> <p>8. Sự nhạy bén trong thương mại</p> <p>9. Năng lực đổi mới</p>	<p>6. Kỹ năng giải quyết vấn đề</p> <p>7. Kỹ năng kết nối tạo mạng lưới phát triển quan hệ</p> <p>8. Khả năng phục hồi</p>	

	C Đ R	Trường Đại học Vinh	Banking and Finance Monash University	BSc Finance London School of Economics and Political Science	Finance and Investment Banking, BSc Hons University of Greenwich	Các trường khác
		<p>Thể hiện công bằng và trách nhiệm xã hội</p> <p>KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP</p> <p>Thực hiện quản trị nhóm một cách hiệu quả</p> <p>Thực hiện thành lập nhóm</p> <p>Tổ chức hoạt động nhóm</p> <p>Phát triển và lãnh đạo nhóm</p> <p>Vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp, ứng dụng công nghệ số trong kinh doanh và quản lý</p> <p>Xây dựng cách thức giao tiếp</p> <p>Sử dụng linh hoạt, thành thạo các hình thức giao tiếp khác</p>				

	C Đ R	Trường Đại học Vinh	Banking and Finance Monash University	BSc Finance London School of Economics and Political Science	Finance and Investment Banking, BSc Hons University of Greenwich	Các trường khác
		<p>nhau (văn bản, điện tử/đa truyền thông, đồ họa, thuyết trình, đàm phán, công nghệ số)</p> <p>Sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và trong lĩnh vực kinh tế</p> <p>Sử dụng Tiếng Anh bậc 3/6</p> <p>Sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh tế</p> <p>Phân tích bối cảnh tổ chức và xã hội</p> <p>Phân tích được bối cảnh xã hội và môi trường</p> <p>Phân tích được bối cảnh, mục tiêu và chiến lược của tổ chức</p> <p>Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động Tài chính - Ngân hàng</p>				

	C Đ R	Trường Đại học Vinh	Banking and Finance Monash University	BSc Finance London School of Economics and Political Science	Finance and Investment Banking, BSc Hons University of Greenwich	Các trường khác
		Hình thành ý tưởng hoạt động Tài chính - Ngân hàng Xây dựng hoạt động Tài chính - Ngân hàng Thực hiện hoạt động Tài chính - Ngân hàng Đánh giá và cải tiến hoạt động Tài chính - Ngân hàng				

Bảng 6: Đối sánh chuẩn đầu ra với các trường trong nước

C Đ R	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
KI Ế N T H Ú C	<p>Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, toán học và công nghệ thông tin trong các hoạt động kinh tế</p> <p>Giải thích các vấn đề về khoa học chính trị</p> <p>Giải thích kiến thức toán học trong các vấn đề kinh tế</p> <p>Áp dụng công nghệ thông tin trong kinh tế</p> <p>Vận dụng kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p> <p>Vận dụng các kiến thức kinh tế học</p> <p>Vận dụng kiến thức về pháp luật trong kinh tế</p>	<p>- Nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị pháp luật; có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu chuyên môn của lĩnh vực tài chính - ngân hàng</p> <p>- Nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội nói chung và lĩnh vực tài chính - tiền tệ - ngân hàng nói riêng</p> <p>- Có kiến thức thực tiễn vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện và chuyên sâu của chuyên</p>	<p>- Kiến thức chung về kinh tế-xã hội + Thể hiện hệ thống kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên làm nền tảng phục vụ cho việc tiếp thu kiến thức của ngành tài chính-ngân hàng;</p> <p>+ Thể hiện hệ thống kiến thức cơ bản về khoa học xã hội làm nền tảng phục vụ cho việc tiếp thu kiến thức của ngành tài chính-ngân hàng.</p> <p>- Kiến thức chuyên môn sâu về tài chính-ngân hàng</p> <p>+ Thể hiện đủ kiến thức để hệ thống hóa, tổng hợp và vận dụng các lý thuyết về thị trường tài chính, đầu tư tài chính, quản trị tài chính;</p> <p>+ Thể hiện đủ kiến</p>	<p>- Tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến ngành tài chính ngân hàng:</p> <p>- Biết, hiểu, phân tích được những nguyên lý, kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và</p>	<p>- Nắm vững những kiến thức về Kinh tế và Quản trị kinh doanh như: Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kinh tế lượng, nguyên lý thống kê, nguyên lý kế toán, marketing căn bản.</p> <p>- Có kiến thức về pháp luật, nhất là các quy định của pháp luật trực tiếp điều chỉnh hoạt động chuyên môn nghiệp vụ ngân hàng.</p> <p>- Nắm vững và vận dụng được vào thực tiễn các kiến thức về tài chính - ngân hàng hiện đại:</p>

	C Đ R	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
		<p>Vận dụng kiến thức tài chính, kế toán, kinh doanh và quản lý</p> <p>Vận dụng kiến thức chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng để giải quyết các vấn đề hoạt động Tài chính - Ngân hàng</p> <p>Vận dụng kiến thức tài chính</p> <p>Vận dụng kiến thức ngân hàng</p>	<p>ngành tài chính - ngân hàng thương mại và tài chính công; biết vận dụng kiến thức chuyên môn để giải quyết các vấn đề cụ thể, phức tạp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng</p> <p>- Có kiến thức bổ trợ để phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh doanh và quản lý</p>	<p>thức để hệ thống hóa, tổng hợp và vận dụng các lý thuyết về chính sách tài khóa, chính sách công, quản lý ngân sách nhà nước; + Thể hiện đủ kiến thức để hệ thống hóa, tổng hợp và vận dụng các lý thuyết về chính sách tiền tệ, ngân hàng trung ương, quản trị các trung gian tài chính.</p>	<p>đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng trong lĩnh vực kinh doanh.</p> <p>- Nắm vững kiến thức về hệ thống tài chính, ngân hàng của Việt Nam, đối chiếu với hệ thống tài chính, ngân hàng quốc tế để vận dụng cho hệ thống doanh nghiệp và tổ chức trong và ngoài Việt Nam.</p> <p>- Phân tích, đánh giá, vận dụng được những kiến thức cơ bản của khoa học quản lý trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.</p> <p>- Vận dụng được những kiến thức liên ngành về</p>	<p>Lý thuyết tài chính- Tiền tệ; Tài chính quốc tế; Quản trị kinh doanh ngân hàng; Thanh toán quốc tế; Kinh doanh ngoại hối;</p> <p>Kinh doanh bảo hiểm; Thuế; Tài chính doanh nghiệp; Thị trường chứng khoán và Ngân hàng Trung ương hiện đại.</p> <p>- Vận dụng một cách vững vàng các kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ Tài chính - Ngân hàng và nắm vững các chính sách, chế độ, cơ chế, quy chế, quy trình của</p>

C Đ R	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
				<p>kinh tế, chính trị, xã hội, khoa học công nghệ, luật pháp... trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng, góp phần xây dựng hệ thống tài chính và ngân hàng Việt Nam cập nhật và tiệm cận với chuẩn mực chung của quốc tế, ngoài ra cần quan tâm đến những vấn đề liên quan đến bảo vệ môi trường trong ngành ngân hàng như đầu tư vào các dự án xanh.</p> <p>- Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức</p>	<p>ng nghiệp vụ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng.</p>

C Đ R	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
				tạp: - Nắm vững nguyên lý chung của hoạt động tài chính, ngân hàng, nguyên tắc lập các báo cáo tài chính. - Nắm vững và vận dụng các kỹ năng phân tích báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. - Nắm vững và vận dụng các kiến thức tài chính quản trị trong doanh nghiệp để hỗ trợ nhà quản lý doanh nghiệp trong quá trình ra quyết định. - Nắm vững và vận dụng các kiến thức căn bản của hoạt động tài	

	C Đ R	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
					<p>chính, các văn bản quy định của pháp luật về yêu cầu vốn và tài sản của ngân hàng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững và vận dụng các kiến thức căn bản của hoạt động đầu tư và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán trong ngân hàng và doanh nghiệp. - Nắm vững và vận dụng các kiến thức căn bản của hoạt động ngân hàng thương mại, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý tín dụng, xử lý nợ xấu, đạo đức nghề nghiệp và quản lý tài sản nợ có. - Đối với những sinh viên chọn chuyên ngành sâu là tài chính: sinh 	

C Đ R	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
				<p>viên hiệu và có kiến thức sâu về hệ thống tài chính, thị trường chứng khoán, quản trị tài chính, quản trị danh mục đầu tư, có kiến thức cơ bản về quản trị rủi ro tài chính.</p> <p>- Đối với những sinh viên chọn chuyên ngành là ngân hàng: sinh viên hiệu và có kiến thức sâu về hệ thống tài chính- ngân hàng, thị trường chứng khoán, quản trị ngân hàng, quản trị nguồn vốn, quản lý tín dụng, có kiến thức cơ bản về quản trị rủi ro hoạt động ngân hàng, quản trị rủi ro thị trường tài</p>	

C Đ R	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
				chính, quản trị rủi ro tín dụng.	
P H Â M C H Á T	<p>Thể hiện kỹ năng khám phá tri thức, tư duy hệ thống và phân tích giải quyết vấn đề lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p> <p>Thể hiện kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề của lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p> <p>Thể hiện kỹ năng nghiên cứu tài liệu và khám phá tri thức</p> <p>Thể hiện kỹ năng tư duy (hệ thống, sáng tạo, phản biện) trong giải quyết vấn đề</p> <p>Thể hiện kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực để thực</p>	<p>- Nắm vững và chấp hành đường lối chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nói chung và pháp luật về tài chính - Ngân hàng nói riêng</p> <p>- Có ý thực giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và phát huy giá trị văn hóa của đơn vị nơi công tác.</p> <p>- Có đạo đức, lối sống lành mạnh, có ý thực cộng đồng và trách nhiệm công dân, tôn trọng những chuẩn</p>	<p>Trách nhiệm cá nhân và cộng đồng</p> <p>+ Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, biết lựa chọn các nội dung mang tính đạo đức để trau dồi học tập và phát triển bản thân;</p> <p>+ Thể hiện tinh thần và ý thức trách nhiệm tham gia vào các hoạt động xã hội mang tính cộng đồng trên phạm vi quốc gia, khu vực và toàn cầu;</p> <p>+ Thể hiện khả năng nhận biết và tham gia giải quyết các vấn đề mang tính cộng đồng, xã hội;</p> <p>+ Thể hiện ý thức và trách nhiệm tham gia tích cực vào các hoạt động rèn luyện sức khỏe, trí lực.</p>	<p>- Phẩm chất đạo đức cá nhân: + Có lối sống lành mạnh. + Tự tin khi giao tiếp và thực hành nghề trong môi trường làm việc có yếu tố nước ngoài. + Linh hoạt, khéo léo, tinh tế khi thực hành nghề & xử lý tình huống. + Chăm chỉ, có tinh thần học hỏi, cầu tiến và đặt mục tiêu cho bản thân. + Nhiệt tình và say mê công việc. + Điềm tĩnh, tự chủ khi ra quyết định.</p> <p>- Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp</p>	<p>- Phẩm chất đạo đức cá nhân tốt như: Tự tin không chỉ trong công việc liên quan đến tài chính - ngân hàng, linh hoạt trong việc tìm các giải pháp trong và ngoài chuyên môn tài chính - ngân hàng, đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, say mê, sáng tạo, tinh thần tự tôn, hiểu biết văn hóa và có khát vọng vươn lên để trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia cao cấp.</p>

C Đ R	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
	<p>hiện hiệu quả nhiệm vụ</p> <p>Thể hiện thái độ và phẩm chất nghề nghiệp trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p> <p>Thể hiện tính kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp thực tế</p> <p>Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và hành xử chuyên nghiệp</p> <p>Thể hiện công bằng và trách nhiệm xã hội</p>	<p>mục đạo đức trong xã hội, có ý thức bảo vệ môi trường.</p> <p>- Có lòng yêu nghề, yêu lao động, có các phẩm chất cá nhân như: tự tin, linh hoạt, nhiệt tình, say mê, sáng tạo, phản biện, tinh thần tự tôn, hiểu biết văn hóa.</p> <p>- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, cẩn thận, khiêm tốn, giản dị trong sinh hoạt, sống lạc quan, giàu hoài bão, trung thực, thẳng</p>	<p>- Khả năng học tập suốt đời</p> <p>+ Thể hiện kỹ năng học, tự học và nghiên cứu;</p> <p>+ Thể hiện tinh thần ham học hỏi và có khả năng sử dụng công nghệ mới;</p> <p>+ Thể hiện kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp.</p>	<p>+ Độc lập: Không bị chi phối hoặc tác động bởi lợi ích vật chất, tinh thần làm ảnh hưởng đến sự trung thực, khách quan và độc lập trong nghề nghiệp.</p> <p>- Chính trực: Thẳng thắn, trung thực và có chính kiến rõ ràng</p> <p>- Khách quan: Công bằng, tôn trọng sự thật và không được thành kiến, thiên vị.</p> <p>- Năng lực chuyên môn và tính thận trọng: Duy trì, cập nhật và nâng cao kiến thức trong hoạt động nghề nghiệp, làm việc</p>	<p>- Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như: Trung thực, cẩn thận, tác phong làm việc chuyên nghiệp, tự giác phát triển sản phẩm sáng tạo v.v...</p> <p>- Phẩm chất đạo đức xã hội như: Chấp hành các quy định của nhà nước và pháp luật, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc, hiểu biết vai trò của ngành tài chính - ngân hàng trong cộng đồng để nâng</p>

	C Đ R	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
			<p>thần, khách quan và cầu tiến.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luôn có ý thức tự học, tự đào tạo, cập nhật kiến thức mới, ứng dụng sáng tạo những tiến bộ khoa học trong công việc được giao. 		<p>với sự thận trọng cao nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính bảo mật: Bảo mật thông tin trong quá trình thực hiện nghề nghiệp. - Tư cách nghề nghiệp: Trau dồi và bảo vệ uy tín nghề nghiệp - Tuân thủ chuẩn mực chuyên môn: Tuân thủ những kỹ thuật và chuẩn mực chuyên môn của nghề nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành - Phẩm chất đạo đức xã hội: + Có trách nhiệm với công việc, khách hàng, cộng đồng, xã hội và môi trường 	<p>cao giá trị của cuộc sống</p>

	C Đ R	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
					- Tuân thủ pháp luật và các quy định của nhà nước, xã hội và cộng đồng	
	K Ỹ N Ă N G	<p>KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP</p> <p>Thực hiện quản trị nhóm một cách hiệu quả</p> <p>Thực hiện thành lập nhóm</p> <p>Tổ chức hoạt động nhóm</p> <p>Phát triển và lãnh đạo nhóm</p> <p>Vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp, ứng dụng công nghệ số trong kinh doanh và quản lý</p> <p>Xây dựng cách thức giao tiếp</p> <p>Sử dụng linh hoạt, thành thạo các hình thức giao tiếp khác</p>	<p>Yêu cầu về kỹ năng</p> <p>- Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức và triển khai các nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính phi ngân hàng</p> <p>- Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức và triển khai các nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính phi ngân hàng</p>	<p>- Kỹ năng giao tiếp</p> <p>+ Thể hiện kỹ năng diễn giải vấn đề bằng văn nói và văn viết thành thạo bằng tiếng Việt;</p> <p>+ Thể hiện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Anh và tiếng Anh chuyên ngành (TOEIC 500);</p> <p>+ Thể hiện kỹ năng thuyết trình hiệu quả trước đám đông;</p> <p>+ Thể hiện kỹ năng đàm phán.</p> <p>- Kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác</p> <p>+ Thể hiện kỹ năng quản lý bản thân và tinh thần tự tin;</p> <p>+ Thể hiện kỹ năng đặt mục tiêu và tạo</p>	<p>Thành thạo phần mềm dữ liệu cũng như các phần mềm quản lý văn phòng.</p> <p>- Khả năng tư duy tốt, logic để xử lý các bảng biểu, con số và những vấn đề phức tạp trong tài chính và ngân hàng</p> <p>- Áp dụng linh hoạt, thành thạo kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng làm việc độc lập trong nghề nghiệp tài chính, ngân hàng.</p> <p>- Áp dụng linh hoạt kỹ năng thích ứng với các tình</p>	<p>- Tư duy logic, <u>sáng tạo</u> dám nghĩ, dám làm, chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao.</p> <p>- Có khả năng xây dựng kế hoạch và sử dụng thời gian, các nguồn lực, có khả năng lựa chọn những công việc cần ưu tiên và tổ chức thực hiện một cách khoa học, hiệu quả.</p> <p>- Có khả năng tổ chức thành thạo các sinh hoạt thảo luận chuyên môn,</p>

C Đ R	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
	<p>nhau (văn bản, điện tử/đa truyền thông, đồ họa, thuyết trình, đàm phán, công nghệ số)</p> <p>Sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và trong lĩnh vực kinh tế</p> <p>Sử dụng Tiếng Anh bậc 3/6</p> <p>Sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh tế</p>	<p>- Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức và triển khai hoạt động tài chính, xây dựng và tổ chức mô hình quản trị tài chính doanh nghiệp.</p> <p>- Có kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ quản lý tài chính trong các tổ chức công và các cơ quan quản lý nhà nước; thực hành tác nghiệp trong chu trình quản lý ngân sách nhà nước, các nghiệp vụ kho bạc nhà nước, nghiệp vụ quản</p>	<p>động lực làm việc;</p> <p>+ Thể hiện kỹ năng lãnh đạo;</p> <p>+ Thể hiện kỹ năng lắng nghe với tư duy phản biện;</p> <p>+ Thể hiện kỹ năng ứng xử và tạo lập quan hệ;</p> <p>+ Thể hiện tinh thần hợp tác, kỹ năng làm việc nhóm.</p>	<p>huống giao dịch kinh doanh phức tạp, đa dạng.</p> <p>- Hiểu và phân tích được hành vi, ứng xử, kỹ năng của các đối tượng giao tiếp trong ngành tài chính ngân hàng</p> <p>- Hiểu, áp dụng linh hoạt việc hình thành nhóm làm việc hiệu quả.</p> <p>- Biết duy trì và phát triển hoạt động nhóm.</p> <p>- Làm việc linh hoạt với các nhóm khách hàng, đồng nghiệp, đối tác đa dạng và phức tạp.</p> <p>- Thực hiện được quy trình, áp dụng linh hoạt việc xây dựng kế hoạch công việc.</p> <p>- Nhận biết, lựa</p>	<p>thuyết phục, tôn trọng, trợ giúp, chia sẻ, chung sức với các thành viên trong và ngoài đơn vị. Có năng lực tổ chức và điều hành hoạt động nhóm làm việc hiệu quả sẵn sàng hợp tác trong công việc và thiết lập các mối quan hệ công việc với đồng nghiệp và khách hàng.</p> <p>- Vận dụng được kỹ năng tổng hợp trong giao tiếp như: Lắng nghe, đàm phán, đặt câu hỏi, thuyết trình, xử lý các phản hồi của khách hàng và giao</p>

C Đ R	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
		<p>lý thuế, bảo hiểm xã hội,...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, kỹ năng truyền đạt vấn đề, phổ biến kiến thức, kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ cụ thể, phức tạp thuộc chuyên ngành tài chính - ngân hàng. - Có kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường thay đổi. - Có kỹ năng làm việc nhóm, đánh giá chất lượng công việc và kết quả 		<p>chọn nguồn lực để thực hiện công việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng linh hoạt việc tổ chức thực hiện công việc thông qua sự điều khiển, phân công trong nhóm và tập thể. - Biết kiểm tra giám sát các hoạt động. - Biết xây dựng tiêu chuẩn đánh giá thực hiện công việc. - Biết đánh giá kết quả thực hiện công việc. - Nắm vững kỹ năng lập luận, sắp xếp ý tưởng, và giải quyết vấn đề. - Nắm vững kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong kinh doanh bao gồm cả kỹ năng 	<p>tiếp qua điện thoại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực kết hợp giữa kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng “mềm” trong giải quyết công việc được giao đạt hiệu quả cao.

C Đ R	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
		<p>thực hiện của các thành viên trong nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản theo thông tư 03/2017/TT-BGDĐT-BTT&TT - Đạt chuẩn tiếng Anh theo quy định tại thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT - Có kỹ năng cập nhật và vận dụng các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng để giải quyết công việc được giao đảm bảo đúng pháp luật 		<p>giao tiếp ngôn ngữ, phi ngôn ngữ, giao tiếp qua thư tín và qua các phương tiện truyền thông.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng linh hoạt kỹ năng thương lượng, đàm phán. - Áp dụng linh hoạt kỹ năng thuyết trình trước khách hàng, đồng nghiệp và đối tác. - Hiểu, sử dụng thành thạo tiếng Anh ở trình độ B2. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm - Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ 	

C Đ R	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
				<p>được giao;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; - Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; - Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; - Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; - Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở 	

	C Đ R	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
					quy mô trung bình.	
	N Ă N G L Ự C	<p>HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN, VÀ ĐÁNH GIÁ TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG</p> <p>Phân tích bối cảnh tổ chức và xã hội</p> <p>Phân tích được bối cảnh xã hội và môi trường</p> <p>Phân tích được bối cảnh, mục tiêu và chiến lược của tổ chức</p> <p>Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động Tài chính - Ngân hàng</p>	<p>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <p>- Có năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm, khả năng thích ứng với những thay đổi của môi trường làm việc thực tế; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đội với nhóm</p> <p>- Có năng lực hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; tự định hướng, đưa ra quyết định chuyên môn và bảo vệ</p>	<p>- Khả năng hội nhập + Thể hiện khả năng sống và làm việc trong môi trường có khác biệt về quan điểm chính trị, tôn giáo, văn hóa, tư tưởng;</p> <p>+ Thể hiện khả năng thích nghi tốt với môi trường mới, sự biến động của môi trường sống và làm việc.</p> <p>- Thể hiện kỹ năng thực hành, sử dụng tốt công nghệ và công cụ để tác nghiệp, hoạch định và giải quyết vấn đề liên quan đến chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ;</p> <p>- Thể hiện kỹ năng thực hành, sử dụng tốt công nghệ và công cụ để tác nghiệp, giải quyết vấn đề liên</p>	<p>- Kỹ năng xử lý ghi nhận các giao dịch tài chính, kinh tế phát sinh vào sổ sách kế toán</p> <p>- Kỹ năng lập và trình bày báo cáo tài chính và các phân tích báo cáo theo yêu cầu cung cấp thông tin và tư vấn cho nhà quản lý</p> <p>- Kỹ năng thống kê, xử lý và phân tích thông tin để hỗ trợ cho quá trình ra quyết định quản lý</p> <p>- Kỹ năng thu thập thông tin và xây dựng các dự án đầu tư, danh mục đầu tư trong hoạt động tài chính.</p>	<p>- Thao tác thành thạo những nghệ vụ chuyên môn về Tài chính - Ngân hàng như: thống kê tài chính - ngân hàng; Lập và phân tích báo cáo tài chính; Các nghiệp vụ tín dụng; Nghệ vụ kế toán và giao dịch ngân hàng; Nghệ vụ thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại hối; Nghệ vụ marketing; Quản trị rủi ro; Các nghiệp vụ của Ngân hàng Trung ương.</p>

	C Đ R	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
		<p>Hình thành ý tưởng hoạt động Tài chính - Ngân hàng</p> <p>Xây dựng hoạt động Tài chính - Ngân hàng</p> <p>Thực hiện hoạt động Tài chính - Ngân hàng</p> <p>Đánh giá và cải tiến hoạt động Tài chính - Ngân hàng</p>	<p>được quan tâm cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn; đề xuất những sáng kiến kinh nghiệm có giá trị trong hoạt động thực tiễn thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng - Có năng lực sáng tạo, ứng dụng và phát triển nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và luôn biến động. - Có năng lực chủ động cấp 	<p>quan đến quản lý ngân sách nhà nước, quản lý đầu tư công, quản lý chi tiêu công;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện kỹ năng thực hành, sử dụng tốt công nghệ và công cụ để tác nghiệp, giải quyết vấn đề liên quan đến quản trị ngân hàng, quản trị các trung gian tài chính phi ngân hàng và quản trị tài chính các loại hình doanh nghiệp để trở thành chuyên gia ở các vị trí: phân tích tài chính, phân tích đầu tư, phân tích chứng khoán, phân tích tín dụng, quản lý danh mục đầu tư, quản lý nguồn vốn, ngân hàng quốc tế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng sử dụng các công cụ tài chính để quản lý rủi ro, các hoạt động kinh doanh vốn và đánh giá tín dụng là nền tảng cho phát triển hoạt động đầu tư và kinh tế. - Kỹ năng tham gia tư vấn để đóng góp vào công cuộc hoàn thiện, ổn định và hiện đại hóa nền tài chính, ngân hàng Việt Nam đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế trí thức. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng toán học, các phương pháp lượng hoá và thống kê trong lĩnh vực Tài chính - Tiền tệ - Tín dụng - Ngân hàng. - Hiểu, biết, vận dụng các quy định luật pháp trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng trong giải quyết công việc được giao hiệu quả, đúng pháp luật. - Giao tiếp, đọc, hiểu, viết tiếng Anh tốt, có khả năng sử dụng tiếng Anh trong chuyên môn, đạt trình độ tiếng Anh IELTS từ 5.0 trở lên.

	C Đ R	Trường Đại học Vinh	Đại học Thương mại	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	Đại học Hà Nội	Đại học Nguyễn Trãi
			nhật và vận dụng các quy định luật pháp trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng để giải quyết công việc đúng pháp luật.			<ul style="list-style-type: none"> - Thành thạo tin học văn phòng (Microsoft Word, Excel, PowerPoint); có khả năng sử dụng các phần mềm nghiệp vụ tài chính, ngân hàng và kế toán. - Có khả năng làm việc độc lập; Sẵn sàng nhận mọi nhiệm vụ được giao. - Chịu áp lực cao trong công việc.

Cơ sở dẫn liệu về đối sánh

	TRƯỜNG	CHUẨN ĐẦU RA
TRƯỜNG TRONG NƯỚC		
	ĐH Kinh tế - ĐH Quốc Gia Hà Nội	http://ueb.edu.vn/newsdetail/ctdt_chuan/14462/chuong-trinh-dao-tao-chuan-nganh-ke-toan.htm
	Đại học Thương mại	https://tmu.edu.vn/vi/news/Chuong-trinh-dao-tao-cu-nhan/ctdt-va-cdr-nganh-ke-toan-theo-quyet-dinh-so-1566-qd-dhtm-1790.html
	ĐH Kinh tế TP Hồ Chí Minh	http://soa.ueh.edu.vn/vn/chuong-trinh-dao-tao/dai-hoc-chinh-quy/143-Chuan-dau-ra-cua-sinh-vien-he-dai-hoc-chinh-quy.html
	ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	https://kkt.uel.edu.vn/ArticleId/88e9c16e-fdd1-4f34-a558-9c6b3c4a9de4/chuong-trinh-giao-duc-dai-hoc-nganh-ke-toan-2015
	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Chương trình giáo dục đại học định hướng ứng dụng (POHE) trường Đại học Kinh tế quốc dân http://www.aep.neu.edu.vn/web/vn/c77/p74/Dao-tao/Chuong-trinh%20-POHE/index.aspx
TRƯỜNG NƯỚC NGOÀI		
	Đại học La Trobe - Australia	https://www.latrobe.edu.au/courses/bachelor-of-accounting
	Đại học Kent - Anh	https://www.kent.ac.uk/courses/undergraduate/235/accounting-and-finance
	Đại học Macquarie - Sydney - Australia	https://courses.mq.edu.au/2020/international/undergraduate/bachelor-of-professional-accounting
	Trường kinh doanh Havard	Bài báo: "Dữ liệu là vô ích nếu không có những kỹ năng để phân tích nó", trường kinh doanh Havard. https://hbr.org/2012/09/data-is-useless-without-the-skills
	Đại học Zurich , Thụy Sĩ	Tư duy hệ thống là một kỹ năng chủ yếu của Sinh viên_ Một khái niệm giảng dạy mới tại Đại học Zurich , Thụy Sĩ http://www.iiisci.org/journal/CV\$/sci/pdfs/P594305.pdf
	Glenn Strachan , Viện nghiên cứu quốc tế trong phát triển bền vững , Đại	Tư duy hệ thống: khả năng nhận biết và phân tích các liên kết bên trong và giữa các hệ thống" - Glenn Strachan , Viện nghiên cứu quốc tế trong phát triển bền vững , Đại học Gloucestershire

	TRƯỜNG	CHUẨN ĐẦU RA
	học Gloucestershire	http://arts.brighton.ac.uk/_data/assets/pdf_file/0004/5926/Systems-Thinking.pdf
	Trường Đại học RMIT, Úc	Khoá học: "Phát triển và mở rộng các kỹ năng tư duy phản biện và sáng tạo" - trường Đại học RMIT, Úc http://www1.rmit.edu.au/courses/c4322048236
	Trường đại học Southern Cross, Úc	Các kỹ năng cần thiết sau khi tốt nghiệp - trường đại học Southern Cross, Úc gồm: sự nghiêm khắc về trí tuệ, sáng tạo, thực hành đạo đức, kiến thức về kỹ luật, học tập suốt đời, kỹ năng giao tiếp và xã hội, năng lực văn hóa https://www.scu.edu.au/staff/teaching-and-learning/graduate-attributes/
	Trường Đại học Oxford, Anh	Kỹ năng sắp xếp thời gian và công việc - trường Đại học Oxford https://www.ox.ac.uk/students/academic/guidance/skills/time?wssl=1
	Trường đại học Canberra, Úc	Kỹ năng chung và các thuộc tính của sinh viên tốt nghiệp, trường đại học Canberra http://www.canberra.edu.au/about-uc/learning-at-uc/archive/student-support/uc-graduate-attributes/documents/UC-Generic-Skills-Coursework-Courses.pdf
QUI ĐỊNH CHUNG		
	BỘ GD-ĐT	Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT về chương trình lý luận chính trị đại học cao đẳng http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Quyet-dinh-52-2008-QD-BGDDT-chuong-trinh-Ly-luan-chinh-tri-dai-hoc-cao-dang-dung-cho-sinh-vien-khoi-khong-chuyen-nganh-Mac-Lenin-tu-tuong-Ho-Chi-Minh-70733.aspx
		Bài viết “ Vai trò của kế toán trong kinh doanh” https://smallbusiness.chron.com/role-accounting-business-459.html

PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

3.1. Cấu trúc chương trình dạy học

Tại mỗi thời điểm phát triển CTĐT, chương trình dạy học (CTDH) được thiết kế đảm bảo tương thích có định hướng với CDR của CTĐT. CTDH năm 2020 được rà soát và cập nhật theo Quyết định số 2382/QĐ-ĐHV của Trường Đại học Vinh. Bảng 3.1 mô tả cấu trúc của CTDH và mối liên hệ giữa các mô-đun với các CDR của CTĐT. Ngoài

khối lượng học tập trong CTDH, sinh viên phải hoàn thành các khóa học về Giáo dục Thể chất (5 tín chỉ), An ninh - Quốc phòng (8 tín chỉ) và được khuyến khích tham gia các câu lạc bộ và các hoạt động ngoại khóa nhằm giúp sinh viên cải tiến kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp.

Bảng 3.1. Ánh xạ các mô-đun của CTDH với CDR của CTĐT

Các mô - đun		Số TC	Phần trăm	Chuẩn đầu ra của CTĐT									
				1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2
Giáo dục đại cương	1.Khoa học chính trị, xã hội	14	11,11		?		?	?					
	2.Toán và khoa học tự nhiên	11	8,73	?			?	?		?			
	3.Tiếng Anh	07	5,56							?	?		
Giáo dục chuyên nghiệp	4.Cơ sở ngành	57	45,23		?		?	?	?	?		?	
	5.Chuyên ngành	29	23,02			?	?	?	?	?		?	?
	6. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	8	6,35				?	?			?	?	?
Tổng		126	100										

3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT

Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT được thể hiện trong Bảng 3.2

Bảng 3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT

	Mã HP	Tên học phần	CDR của CTĐT										
	ECO 2100 2	Nhập môn ngành kinh tế											
	LAW 2000 3	Luật kinh tế											
	ENG 1000 1	Tiếng Anh 1											
	INF2 2001	Tin học cho nhóm ngành kinh tế											
	MAT 2100 4	Toán cho các nhà kinh tế											

	Mã HP	Tên học phần	CDR của CTĐT											
	ECO 2000 3	Kinh tế vi mô												
	POL 1100 1	Triết học Mác Lênin												
	ACC 2100 1	Nguyên lý kế toán												
	ENG 1000 2	Tiếng Anh 2												
	MAT 2000 7	Xác suất - Thống kê và Toán kinh tế												
	ECO 2000 4	Kinh tế vĩ mô												
	POL 1100 2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin												
	BUA 2000 1	Marketing căn bản												
	ECO 2000 6	Kinh tế quốc tế												
	FIN2 0001	Lý thuyết tài chính tiền tệ												
	BUA 3000 2	Quản trị học												
	ECO 2001 1	Quản lý nhà nước về kinh tế												
	ACC 2100 2	Định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp												

	Mã HP	Tên học phần	CDR của CTĐT											
	FIN3 1001	Phân tích hoạt động kinh doanh												
	ECO 2000 5	Thống kê kinh tế												
	POL 1100 3	Chủ nghĩa xã hội khoa học												
	BUA 2000 3	Văn hóa kinh doanh												
	ECO 2100 7	Lập dự án đầu tư												
	ACC 3000 1	Hệ thống thuế Việt Nam												
	FIN2 0002	Quản trị tài chính												
	POL 1100 4	Lịch sử đảng CSVN												
	FIN3 0005	Tín dụng ngân hàng												
	POL 1100 5	Tư tưởng Hồ Chí Minh												
	FIN3 0004	Thị trường tài chính												
	FIN3 0002	Tài chính doanh nghiệp												
		Tự chọn 1												
	FIN3 0013	Tài chính quốc tế												

	Mã HP	Tên học phần	CDR của CTĐT											
	FIN3 0012	Tài chính công												
	FIN3 0015	Tài chính công ty đa quốc gia												
Chuyên ngành: Ngân hàng thương mại														
	FIN3 1016	Dịch vụ ngân hàng hiện đại												
	FIN3 0017	Thanh toán quốc tế												
	FIN3 0011	Kế toán ngân hàng												
Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp														
	FIN3 0016	Tài chính doanh nghiệp hiện đại												
	FIN3 0017	Bảo hiểm												
	FIN3 0011	Phân tích và đầu tư tài chính												
	FIN2 0003	Thực hành doanh nghiệp mô phỏng												
		Tự chọn 2												
	FIN3 0009	Kinh doanh chứng khoán												
	FIN3 0006	Đề án Tài chính - Tiền tệ												
	FIN3 0010	Ngân hàng trung ương												

	Mã HP	Tên học phần	CĐR của CTĐT											
	FIN31014	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp												

Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR chi tiết của CTĐT



3.3. Kế hoạch giảng dạy

Kế hoạch giảng dạy của CTDH được mô tả trong Bảng 3.3, trong đó các ký hiệu như sau: (1) Loại học phần: × - bắt buộc, √ - tự chọn; (2) LT - lý thuyết, TH - thực hành, TL - thảo luận, BT - bài tập, ĐA - đồ án.

Bảng 3.3. Kế hoạch giảng dạy của CTDH

	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần		Phân tiết						Khối kiến thức
	EC O2 100 2	Nhập môn ngành kinh tế	Bắt buộc								G D Đ C
	LA W2 000 3	Luật kinh tế	Bắt buộc								G D C N
	EN G1 000 1	Tiếng Anh 1	Bắt buộc								G D Đ C
	INF 220 01	Tin học nhóm ngành kinh tế	Bắt buộc								G D Đ C
	MA T20 004	Toán cho các nhà kinh tế	Bắt buộc								G D Đ C
	EC O2 000 3	Kinh tế vi mô	Bắt buộc								G D C N
	PO L11 001	Triết học Mác Lênin	Bắt buộc								G D Đ C
	EN G1 000 2	Tiếng Anh 2	Bắt buộc								G D Đ C

	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần		Phân tiết						K h o i k i ế n t h ứ c
	MA T20 007	Xác suất - Thống kê và Toán kinh tế	Bắ t bu ộc								G D Đ C
	AC C2 100 1	Nguyên lý kế toán	Bắ t bu ộc								G D Đ C N
	NA P11 001	Giáo dục quốc phòng 1(Đường lối quân sự)	Bắ t bu ộc								G D Đ C
	NA P11 002	Giáo dục quốc phòng 2(Công tác QPAN)	Bắ t bu ộc								G D Đ C
	NA P11 003	Giáo dục quốc phòng 3(QS chung & chiến thuật, KT bản súng...)	Bắ t bu ộc								G D Đ C
	NA P11 004	Giáo dục quốc phòng 3(Kỹ thuật chiến đấu	Bắ t bu ộc								G D Đ C

	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần		Phân tiết						K h ô i k i ê n t h ứ c
		bộ binh và chiến thuật)									
	SP O1 000 1	Giáo dục thể chất	Bắt buộc								G D Đ C
	EC O2 000 4	Kinh tế vĩ mô	Bắt buộc								G D Đ C N
	PO L11 002	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	Bắt buộc								G D Đ C
	BU A2 000 1	Marketing căn bản	Bắt buộc								G D Đ C N
	EC O2 000 6	Kinh tế quốc tế	Bắt buộc								G D Đ C N
	FIN 200 01	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Bắt buộc								G D Đ C N
	AC C3 100 2	Kế toán tài chính	Bắt buộc								G D Đ C N
	BU A3	Quản trị học	Bắt								G D

	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần		Phân tiết						K h ô i k i ê n t h ứ c
	000 2		bu ộc								C N
	BU A2 000 2	Quản lí nhà nước về kinh tế	Bắ t bu ộc								G D C N
	AC C2 100 2	Phân tích hoạt động kinh doanh	Bắ t bu ộc								G D C N
	EC O2 000 5	Thống kê kinh tế	Bắ t bu ộc								G D C N
	AC C3 001 3	Tổ chức công tác kế toán	Bắ t bu ộc								G D C N
	PO L11 003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bắ t bu ộc								G D Đ C N
	BU A2 000 3	Văn hóa kinh doanh	Bắ t bu ộc								G D C N
	EC O2 100 7	Lập dự án đầu tư	Bắ t bu ộc								G D C N
	FIN 200 02	Quản trị tài chính	Bắ t bu ộc								G D C N

	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần		Phân tiết						K h ô i k i ê n t h ứ c
	AC C3 100 5	Hệ thống thông tin kế toán	Bắt buộc								G D C N
	P0 L10 002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bắt buộc								G D Đ C
	AC C3 000 1	Hệ thống thuế Việt Nam	Bắt buộc								G D C N
	AC C3 000 4	Kiểm toán căn bản	Bắt buộc								G D C N
	FIN 300 04	Thị trường tài chính	Bắt buộc								G D C N
	FIN 200 03	Thực hành doanh nghiệp mô phỏng	Bắt buộc								G D C N
	PO L11 003	Lịch sử đảng CSVN	Bắt buộc								G D Đ C
	AC C3 000 3	Kế toán quản trị	Bắt buộc								G D C N

	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần	Phân tiết						K h ô i k i ê n t h ứ c
	AC C3 001 1	Kiểm toán tài chính	Bắt buộc							G D C N
		Tự chọn 1	Bắt buộc							G D C N
		Tự chọn 2	Bắt buộc							G D C N
	AC C3 001 6	Khoá luận và thực tập tốt nghiệp	Bắt buộc							G D C N
		Cộng:								
		Tự chọn 1 (Chọn 1 trong 3 học phần)								
	AC C3 000 8	Kế toán ngân sách và kho bạc Nhà nước	Tự chọn							G D C N
	AC C3 000 6	Kế toán công	Tự chọn							G D C N
	AC C3	Kế toán thuế	Tự chọn							G D

	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần		Phân tiết						K h o i k i ế n t h ứ c
	001 0										C N
		Tự chọn 2 (Chọn 1 trong 3 học phần)									
	AC C3 000 9	Kế toán quốc tế	Tự chọn								G D C N
	AC C3 001 5	Kế toán dịch vụ	Tự chọn								G D C N
	AC C3 000 7	Kế toán doanh nghiệp thương mại xây lắp	Tự chọn								G D C N

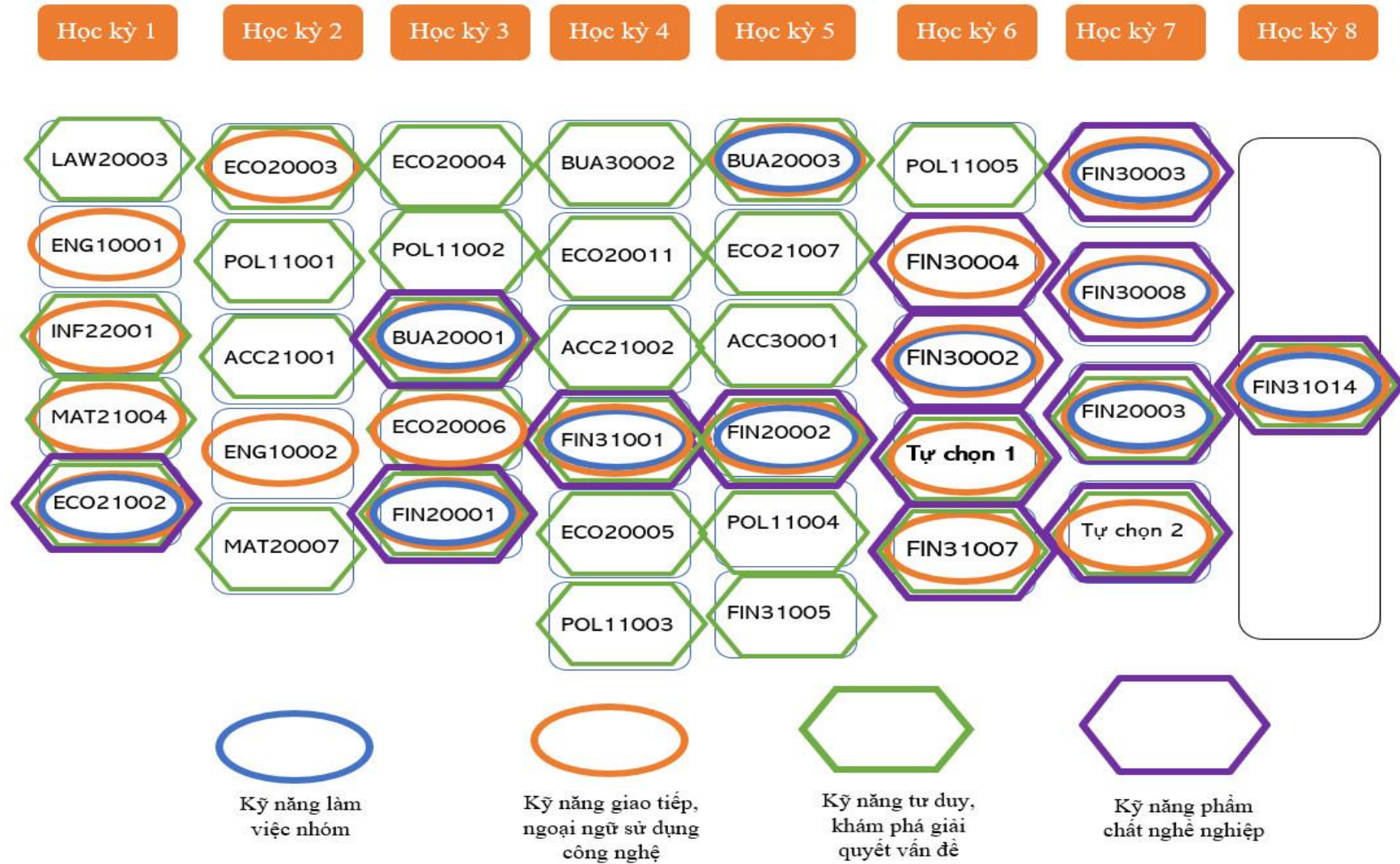
3.4. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học

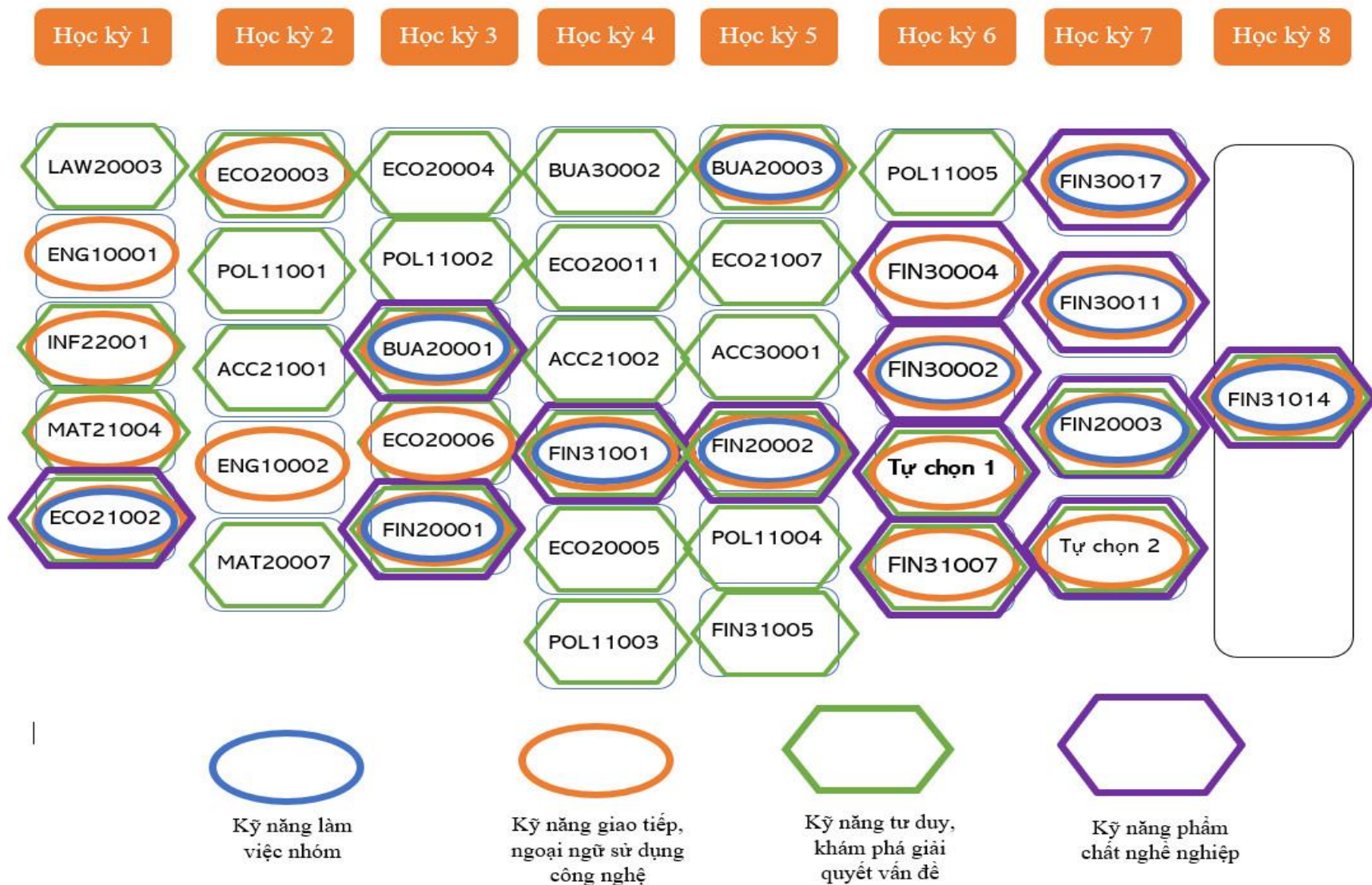




Hình 3.1. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học

3.5. Ma trận kỹ năng





Hình 3.2. Ma trận kỹ năng

PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

1. ECO20001: Nhập môn ngành kinh tế

Mô tả học phần:

Học phần Nhập môn ngành Kinh tế là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở nhóm ngành Kinh tế, được giảng dạy ở kỳ 1 trong CTĐT. Học phần này cung cấp những kiến thức tổng quát về khối ngành kinh tế; các nghề nghiệp liên quan đến khối ngành kinh tế. Sinh viên được trang bị phương pháp học tập hiệu quả, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý tài gian và nguồn lực, làm việc nhóm, giao tiếp cần có, từ đó rèn luyện tư duy, sự sẵn sàng chấp nhận rủi ro và khả năng thích ứng với sự phức tạp của thực tế.

Mục tiêu học phần:

Người học nắm được các kiến thức cơ bản về tổng quát về khối ngành kinh tế, định hướng nghề nghiệp. Người học có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển được dự án kinh doanh cụ thể. Học phần bước đầu hình thành cho người học kỹ năng lập kế hoạch, quản lí thời gian, kĩ năng giao tiếp và làm việc nhóm.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Hình dung về bối cảnh chung của khối ngành kinh tế, mối quan hệ giữa kinh tế và cuộc sống
CLO1.2	Hiểu rõ vai trò và các vị trí làm việc của cử nhân kinh tế
CLO1.3	Biết các đặc điểm học tập ở bậc đại học và nắm vững các phương pháp học tập, thi có hiệu quả
CLO2.1	Thực hiện hình thành ý tưởng kinh doanh của đề án
CLO3.1	Triển khai lập kế hoạch cho các hoạt động của đề án
CLO4.1	Triển khai thực hiện các hoạt động của đề án
CLO4.2	Thực hiện tổng kết và đánh giá quá trình thực hiện đề án

2. LAW 20003: Luật Kinh tế

Mô tả học phần

Luật Kinh tế cung cấp kiến thức pháp luật về kinh tế (bao gồm những vấn đề chung về ngành luật kinh tế, địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp, các vấn đề về hợp đồng kinh tế và các phương thức giải quyết tranh chấp kinh tế). Học phần giúp người học hình thành kỹ năng đánh giá các vấn đề kinh tế dưới góc độ pháp lý, từ đó góp phần hình thành kỹ năng và thái độ cần thiết cho các cử nhân kinh tế trong tương lai.

Mục tiêu học phần

Học phần hướng tới mục tiêu giúp sinh viên hiểu kiến thức về pháp luật trọng lĩnh vực kinh tế; vận dụng các kiến thức về Luật kinh tế để hình thành kỹ năng đánh giá các vấn đề kinh tế dưới góc độ pháp lý cũng như tư duy phản biện của người học; áp dụng kiến thức của Luật kinh tế để góp phần hình thành kỹ năng giao tiếp bằng văn bản cho người học và kỹ năng tổ chức hoạt động nhóm, hiểu được sự thay đổi của các quy định pháp luật về kinh tế trong bối cảnh xã hội hiện nay

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Hiểu đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của ngành Luật kinh tế
CLO1.2	Hiểu địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh, đặc biệt là các loại hình doanh nghiệp
CLO1.3	Hiểu những kiến thức cơ bản về hợp đồng kinh tế và cách thức soạn thảo một hợp đồng kinh tế hạn chế rủi ro
CLO1.4	Hiểu các phương thức giải quyết tranh chấp kinh tế được pháp luật quy định
CLO2.1	Vận dụng các kiến thức về Luật kinh tế để hình thành kỹ năng đánh giá việc triển khai mô hình kinh doanh trên thực tế có phù hợp quy định pháp luật hay không
CLO2.2	Vận dụng các kiến thức về Luật kinh tế để hình thành kỹ năng đánh giá tính rủi ro pháp lý của hợp đồng kinh tế
CLO2.3	Vận dụng các kiến thức về Luật kinh tế để hình thành kỹ năng đánh giá các tranh chấp kinh tế đã xảy ra, trên cơ sở đó lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp phù hợp
CLO3.1	Áp dụng kiến thức của Luật kinh tế để góp phần hình thành kỹ năng soạn thảo hợp đồng kinh tế phù hợp quy định pháp luật
CLO3.2	Áp dụng kiến thức của Luật kinh tế để góp phần hình thành kỹ năng làm việc nhóm và tổ chức nhóm hiệu quả
CLO4.1	Hiểu được sự thay đổi của các quy định pháp luật về doanh nghiệp trong bối cảnh xã hội hiện nay
CLO4.2	Hiểu được sự thay đổi của các quy định pháp luật về hợp đồng kinh tế trong bối cảnh xã hội hiện nay
CLO4.3	Hiểu được sự thay đổi của các quy định pháp luật về các phương thức giải quyết tranh chấp kinh tế trong bối cảnh xã hội hiện nay

3. ENG10001: Tiếng Anh 1

Mô tả học phần

Tiếng Anh 1 là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các ngành không chuyên ngữ. Học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

Mục tiêu học phần

M u c t i ê u (G x)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐ R của CTĐ T (X.x .x) (3)	T Đ N L (4)
---	-----------------------	--	---------------------------------

(1)			
C O 1	Mô tả các từ vựng liên quan đến các chủ đề quen thuộc được đề cập trong chương trình. Xác định được vấn đề ngữ pháp đơn giản, các thành tố âm tiết, ngữ âm trong các tình huống giao tiếp cơ bản	PLO 3.1	2 . 0
C O 2	Phân biệt được các vấn đề ngữ pháp, nguồn từ vựng đã học trong chương trình để thực hiện các tình huống giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản	POL 3.1	3 . 0
C O 3	Thực hiện tương tác nhóm, làm việc nhóm, phát triển nhóm, thuyết trình kết quả hoạt động nhóm bằng tiếng Anh về các chủ đề quen thuộc, phát triển các hoạt động giao tiếp hiệu quả	POL 3.1	3 . 0

Chuẩn đầu ra học phần

Mục tiêu (Gx.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I,T, U) (3)	
C O 1	CL O1. 1	Ghi nhớ được kiến thức từ vựng về các lĩnh vực quen thuộc khác nhau trong cuộc sống hàng ngày, các kiến thức ngữ âm, ngữ pháp cơ bản với độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.	I, T
	CL O1. 2	Nhận biết được các kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội các quốc gia trên thế giới, liên quan đến các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày	I, T
	CL O1. 3	Viết được các loại văn bản ngắn, các dạng viết notes và email giao dịch khoảng 50 từ	T, U
	CL O1. 4	Liệt kê được các thông tin trong đoạn văn bản ngắn độ khó ngữ liệu tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.	T, U
	CL O1. 5	Nhận biết âm và xác định được nội dung chính từ đoạn hội thoại giao tiếp, phỏng vấn với tốc độ chậm; Nói tiếng Anh về các lĩnh vực quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày; độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.	T, U
	CL O2. 1	Phân biệt được các kiến thức ngữ pháp, ngữ âm cơ bản với độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.	I, T

Mục tiêu (Gx.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I,T, U) (3)	
C C 2	CL O2. 2	Phân tích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản độ khó tiên bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.	T, U
	CL O2. 3	Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp trong tiếng Anh vào các tình huống giao tiếp cụ thể ở độ khó tiên bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.	U
	CL O2. 4	Biết xử lý các tình huống phát sinh trong giao tiếp về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày	T, U
	G2. 5	Xây dựng thái độ học tập tích cực, năng lực tự học, tự nghiên cứu	I
C C 3	CL O3. 1	Hình thành, tổ chức nhóm hiệu quả bao gồm hiểu nhiệm vụ và quy trình làm việc nhóm, trách nhiệm của nhóm, điểm mạnh điểm yếu của nhóm và từng thành viên	I, T
	CL O3. 2	Triển khai hoạt động, tương tác nhóm hiệu quả bao gồm thiết lập mục tiêu và các công việc cần làm của nhóm, lên chương trình thực hiện một đề án, trao quyền cho các thành viên trong nhóm	T, U
	CL O3. 3	Làm việc hiệu quả giữa các nhóm bao gồm khả năng hợp tác giữa nhóm nhỏ, nhóm lớn	U
	CL O3. 4	Phát triển khả năng thuyết trình kết quả hoạt động nhóm logic, dễ hiểu bằng tiếng Anh (bao gồm chuẩn bị bài thuyết trình và phương tiện truyền thông hỗ trợ, trả lời câu hỏi một cách hiệu quả) về thông tin cá nhân và các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày	T, U
	CL O3. 5	Thực hiện hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc	U

4. MAT21004: Toán cao cấp

Mô tả học phần

Học phần Toán cho các nhà kinh tế là học phần bắt buộc ở học kỳ 1 năm thứ nhất trong chương trình đào tạo sinh viên thuộc nhóm ngành kinh tế, nhằm xây dựng nền tảng toán học cơ bản cho nhiều học phần khác. Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản của Đại số tuyến tính, đồng thời, rèn luyện các kỹ năng, tính toán cần thiết cho các nhà

kinh tế: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector, các phép biến đổi tuyến tính trong không gian vector. Hơn nữa, học phần này còn cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý thuyết giới hạn, hàm liên tục, phép tính vi tích phân của hàm một biến và nhiều biến, đạo hàm riêng của hàm nhiều biến, bài toán cực trị và rèn luyện khả năng chuyển bài toán thực tế thành mô hình toán học và biết vận dụng công thức toán học để tính toán trên các bài toán thực tế.

Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	TĐNL
G1	Kiến thức cơ bản về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector.	1.1.3	3
G2	Khả năng phân tích, giải thích và lập luận để giải quyết các bài toán về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector; biết cách áp dụng các kiến thức được trang bị vào một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế; rèn luyện khả năng tự đọc tài liệu theo hướng dẫn, gợi ý của giáo viên.	1.1.3	3
G3	Trình bày các khái niệm, tính chất đơn giản của hàm số; giới hạn hàm số; hàm số liên tục; các khái niệm, tính chất cơ bản của đạo hàm và vi phân cấp 1 và cấp cao và một số ứng dụng của phép tính vi phân trong toán học và trong kinh tế.	1.1.3	3
G4	Trình bày các khái niệm, tính chất đơn giản của tích phân bất định, cách tính tích phân xác định, tích phân suy rộng và một số ứng dụng của tích phân trong toán học và trong kinh tế.	1.1.3	3
G5	Trình bày các khái niệm, tính chất đơn giản của hàm nhiều biến số; giới hạn hàm nhiều biến số; hàm nhiều biến liên tục; các khái niệm, tính chất đơn giản của đạo hàm riêng và vi phân toàn phần, bài toán cực trị và một số ứng dụng của hàm nhiều biến trong một số bài toán kinh tế.	1.1.3	3
G6	Trình bày các tính chất cơ bản, cách tính và một số ứng dụng của tích phân 2 lớp.	1.1.3	3
G7	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình, giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3.1.1, 3.1.2	3

4. Chuẩn đầu ra học phần

CDR	Mô tả CDR
G1.1	Trình bày được khái niệm ma trận, viết được một số ma trận đặc biệt; trình bày được các phép biến đổi sơ cấp trên ma trận, quy tắc thực hiện các

CĐR	Mô tả CĐR
	phép toán trên ma trận; trình bày được khái niệm ma trận nghịch đảo, hạng của ma trận.
G1.2	Trình bày được khái niệm định thức, nêu được các tính chất của định thức, định thức của tích hai ma trận vuông.
G1.3	Trình bày được khái niệm hệ phương trình tuyến tính; điều kiện có nghiệm của hệ phương trình tuyến tính; quy tắc Cramer; viết được thuật toán giải hệ phương trình tuyến tính; trình bày được một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế.
G1.4	Trình bày được khái niệm không gian vectơ, tổ hợp tuyến tính, độc lập tuyến tính, phụ thuộc tuyến tính, hệ sinh, cơ sở, số chiều, tọa độ của một vectơ đối với một cơ sở, ma trận tọa độ của một hệ vectơ đối với một cơ sở. Trình bày được khái niệm không gian con; nêu được cấu trúc của tập hợp nghiệm, khái niệm hệ nghiệm cơ bản của hệ phương trình tuyến tính thuần nhất.
G2.1	Thực hiện được các phép toán trên ma trận, tính được định thức, thực hiện được các phép biến đổi sơ cấp trên ma trận, giải quyết được bài toán tìm hạng của ma trận, tìm ma trận nghịch đảo, giải phương trình ma trận.
G2.2	Xác định một hệ phương trình tuyến tính có phải là hệ phương trình tuyến tính Cramer hay không; Giải hệ phương trình tuyến tính Cramer bằng quy tắc Cramer. Xác định một hệ phương trình tuyến tính có nghiệm hay vô nghiệm. Giải hệ phương trình tuyến tính bằng phương pháp biến đổi sơ cấp. Giải và biện luận hệ phương trình tuyến tính có chứa tham số. Tìm một hệ nghiệm cơ bản của hệ phương trình tuyến tính thuần nhất.
G2.3	Ứng dụng hệ phương trình tuyến tính vào giải quyết một số bài toán kinh tế, cụ thể là một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế: mô hình cân bằng thị trường, mô hình cân bằng kinh tế vĩ mô, mô hình IS-LM, mô hình Input-Output.
G2.4	Giải quyết được các bài toán về không gian vectơ: chứng minh không gian con; kiểm tra một vectơ có là tổ hợp tuyến tính của một hệ vectơ; xét tính độc lập tuyến tính, phụ thuộc tuyến tính của một hệ vectơ; tìm cơ sở, số chiều của một không gian con; tìm tọa độ của một vectơ đối với một cơ sở, viết ma trận tọa độ của một hệ vectơ đối với một cơ sở.
G3.1	Hiểu được các khái niệm về hàm số, hàm số sơ cấp, hàm hợp, hàm ngược. Sử dụng được các phép toán giữa các hàm số, phép hợp giữa các hàm số. Trình bày được các hàm số thường gặp trong kinh tế.
G3.2	Trình bày được định nghĩa về giới hạn hàm số, giới hạn trái và giới hạn phải, điều kiện tồn tại giới hạn hàm số, các quy tắc tính giới hạn, định nghĩa, ví dụ, các tính chất của vô cùng bé và sử dụng các tính chất này để tính giới hạn.
G3.3	Trình bày được định nghĩa hàm số liên tục tại một điểm, hàm số liên tục trái, liên tục phải tại một điểm, các phép toán cơ bản của hàm liên tục, phép hợp của hai hàm liên tục, các tính chất cơ bản của hàm liên tục trên 1 đoạn và biết vận dụng để giải quyết một số bài tập liên quan trực tiếp.

CĐR	Mô tả CĐR
G3.4	Hiểu được định nghĩa đạo hàm, đạo hàm phải, đạo hàm trái. Thiết lập được mối quan hệ giữa tính liên tục và tính khả vi. Trình bày được các quy tắc tính đạo hàm và biết vận dụng để tính đạo hàm của các hàm sơ cấp. định nghĩa vi phân, ứng dụng vi phân vào tính gần đúng. Sử dụng được phép tính vi phân để làm các bài toán ứng dụng trong toán học và kinh tế
G4.1	Trình bày được định nghĩa, các tính chất của nguyên hàm, tính phân không xác định và tính được tích phân một số loại tích phân không xác định.
G4.2	Trình bày được công thức Newton – Lepnit để tính tích phân xác định, các phương pháp tính tích phân xác định.
G4.3	Biết tính tích phân suy rộng loại 1 và loại 2.
G4.4	Sử dụng tích phân để giải quyết các bài toán liên quan đến kinh tế
G5.1	Hiểu được khái niệm hàm nhiều biến số. Biết được một số mô hình hàm số trong phân tích kinh tế như hàm sản xuất, hàm doanh thu, hàm lợi nhuận, hàm cung, hàm cầu, điểm cân bằng
G5.2	Hiểu được khái niệm giới hạn lặp, giới hạn kép của hàm hai biến số. Trình bày được các tính chất cơ bản của giới hạn hàm nhiều biến. Tính được một số giới hạn lặp và giới hạn kép của hàm 2 biến.
G5.3	Trình bày được định nghĩa hàm hai biến liên tục, khảo sát được tính liên tục của hàm hai biến. Tính được các đạo hàm riêng, vi phân toàn phần, đạo hàm riêng của hàm hợp, đạo hàm riêng cấp cao của hàm nhiều biến.
G5.4	Biết cách tìm cực trị không có điều kiện hàm nhiều biến và áp dụng bài toán cực trị để giải một số bài toán kinh tế như bài toán tối ưu hóa lợi nhuận, bài toán tối thiểu hóa chi phí....
G6.1	Biết được các bước của định nghĩa và các tính chất cơ bản của tích phân bội hai. Nắm được cách tính và tính được tích phân bội hai của hàm 2 biến trên một số miền cụ thể. phương pháp đổi biến số để tính tích phân bội hai.
G6.2	Biết vận dụng tích phân bội 2 để giải quyết một số bài toán thực tế.
G7.1	Rèn luyện tính trung thực trong quá trình làm bài tập cá nhân, làm bài thu hoạch, làm bài tập nhóm, làm bài kiểm tra.
G7.2	Rèn luyện kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu.
G7.3	Có thái độ tích cực hợp tác với giáo viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.
G7.4	Phân công công việc trong một nhóm bài tập một cách hiệu quả.
G7.5	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm.

5. ECO20002: Kinh tế vi mô

Mô tả học phần:

Học phần Kinh tế vi mô là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở cơ sở nhóm ngành Kinh tế, được giảng dạy ở kỳ 2 trong CTĐT. Học phần này cung cấp những kiến

thức kinh tế nền tảng về cách thức hoạt động của thị trường, cách thức ra quyết định của các thành viên kinh tế thông qua lý thuyết cung cầu, hành vi người tiêu dùng và nhà sản xuất, cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền, vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Giúp sinh viên rèn luyện tư duy, có khả năng nắm bắt các vấn đề mang tính thời sự và đánh giá khả năng phát triển hoạt động kinh doanh.

Mục tiêu học phần:

Sinh viên hiểu được những kiến thức nền tảng về cơ chế thị trường và các vấn đề liên quan đến hành vi của các thành viên trong nền kinh tế. Sinh viên vận dụng được lý thuyết vi mô để giải thích các vấn đề kinh tế của kinh tế thị trường.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Hiểu được những kiến thức nền tảng về cơ chế thị trường và các vấn đề liên quan đến hành vi của các thành viên trong nền kinh tế.
CLO1.2	Áp dụng các mô hình và lý thuyết cơ bản về kinh tế vi mô trong phân tích các tình huống kinh tế và giải các bài toán tối ưu hóa.
CLO1.3	Phân tích hành vi của các thành viên kinh tế và những diễn biến trên thị trường của các loại hàng hoá, dịch vụ.
CLO2.1	Vận dụng kỹ năng lập luận và phân tích các vấn đề kinh tế thị trường thông qua các tình huống thực tế của nền kinh tế.
CLO2.2	Thể hiện sự sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp của thực tế trong giải quyết các vấn đề kinh tế vi mô

6. ACC20001: Nguyên lý kế toán

Mô tả học phần:

Nguyên lý kế toán là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, là nền tảng quan trọng của sinh viên ngành kế toán nói riêng cũng như sinh viên thuộc khối ngành kinh tế nói chung. Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về kế toán như các khái niệm, nguyên tắc, hệ thống phương pháp của kế toán. Sinh viên có khả năng vận dụng để giải quyết những tình huống trong thực tiễn hoạt động kế toán của đơn vị kế toán và lập các báo cáo tài chính ở mức độ đơn giản.

Mục tiêu học phần:

Học phần Nguyên lý kế toán cung cấp kiến thức về bản chất, đối tượng của hoạt động kế toán và hệ thống phương pháp của kế toán, từ đó người học có khả năng áp dụng các phương pháp kế toán để giải quyết những tình huống trong thực tiễn hoạt động kế toán của doanh nghiệp đối với các nghiệp vụ kinh tế cơ bản.

Người học chủ động rèn luyện kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề trong các hoạt động, kỹ năng tư duy sáng tạo, phản biện, thể hiện tính kiên trì và khả năng thích ứng với sự thay đổi, nắm vững đạo đức nghề nghiệp kế toán, từ đó có khả năng xác định được bối cảnh hoạt động kế toán và thực hiện được các phân hành kế toán trong các doanh nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Hiểu được bản chất của kế toán và các đối tượng của hạch toán kế toán
CLO1.2	Hiểu được các phương pháp của kế toán

CLO2.1	Liên hệ được hệ thống chứng từ cho các nghiệp vụ kế toán cơ bản
CLO2.2	Sử dụng được phương pháp tính giá các đối tượng kế toán cơ bản
CLO2.3	Sử dụng được mối quan hệ đối ứng tài khoản trong cách ghi chép nghiệp vụ kinh tế cơ bản
CLO2.4	Áp dụng phương pháp tổng hợp cân đối kế toán trong việc lập các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính
CLO3.1	Kỹ năng tư duy phản biện
CLO3.2	Khả năng kiên trì và thích ứng với sự thay đổi
CLO3.3	Nắm vững đạo đức nghề nghiệp kế toán
CLO3.4	Thể hiện thái độ chính trực, khách quan, thận trọng và bảo mật

7. ENG10002: Tiếng Anh 2

- Mô tả học phần

Tiếng Anh 2 là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các khoa không chuyên ngữ. Học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CT ĐT	TĐNL
CO1	Nắm vững kiến thức tổng quan về ngôn ngữ bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh bậc 3 trong giao tiếp.	PL O 3.1	3 . 0
CO2	Phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng tiếng Anh bậc 3.	PL O 3.1	3 . 0
CO3	Hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, nâng cao hiệu quả hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh	PO L 3.1	3 . 0

Chuẩn đầu ra học phần

Mục tiêu (Gx.x) (1)	Mô tả CĐR (2)	Mức độ
------------------------	------------------	--------

			giảng dạy (I,T, U) (3)
C O 1	CLO1. 1	Nêu được các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh: verb pattern + to infinitive; going to, will; hiện tại hoàn thành; giới từ, đại từ quan hệ; câu điều kiện; câu bị động, câu gián tiếp; các động từ tình thái.	I, T
	CLO1. 2	Phân biệt được kiến thức thông dụng trong tiếng Anh: các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.	I, T
	CLO1. 3	Liệt kê được các kiến thức cơ bản về văn hóa xã hội của các nước trong khu vực và trên thế giới.	T, U
	CLO1. 4	Xác định được các thông tin chính trong các bài nghe khác nhau về các chủ đề được học: các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.	T, U
	CLO1. 5	Xác định được các thông tin quan trọng từ các dạng bài đọc khác nhau về các chủ đề: các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.	T, U
	CLO1. 6	Trình bày được có loại văn bản khác nhau, viết đoạn , viết CV, viết thư trang trọng, liên quan đến các chủ đề (du lịch, thể thao, trang phục, điện ảnh, nghề nghiệp, trường học, môi trường, giao thông, thể giới tự nhiên, chi tiêu)	T, U
C O 2	CLO2. 1	Phân biệt được các thì động từ trong tiếng Anh; các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện trong tiếng Anh.	I, T
	CLO2. 2	Phân tích các cấu trúc ngữ pháp về thì; các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện trong tiếng Anh.	T, U
	CLO2. 3	Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp về thì, các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện vào trong các giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh	T, U
	CLO2. 4	Biết xử lý các tình huống phát sinh trong giao tiếp	T, U

	CLO2.5	Xây dựng thái độ học tập tích cực, năng lực tự học, tự nghiên cứu	T, U
C O 3	CLOG 3.1	Xác định cấu trúc, quy trình, mục đích giao tiếp	I, T
	CLO3.2	Xây dựng hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kiến thức văn hóa xã hội phục vụ mục đích giao tiếp	T, U
	CLO3.3	Thực hiện hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc	U
	CLO3.4	Nâng cao hiệu quả năng lực giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh	U

8. POL11001: Triết học Mác – Lê nin

Mô tả học phần

Học phần triết học Mác - Lênin là học phần cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống. Đây là học phần bắt buộc ở học kỳ 1 năm thứ nhất trong chương trình đào tạo sinh viên của tất cả các ngành ở bậc Đại học. Học phần được kết cấu bởi 3 chương, trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về vấn đề triết học và triết học Mác – Lênin, học phần giúp sinh viên hình thành thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật, từng bước vận dụng trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tự phân tích, đề xuất biện pháp giải quyết một vấn đề triết học trong thực tiễn.

Mục tiêu học phần

- Giúp sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về triết học Mác - Lênin, từ vận dụng vào nghiên cứu khoa học chuyên ngành và thực tiễn xã hội.
- Hình thành ở sinh viên năng lực vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận thức và thực tiễn.
- Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức cho sinh viên.

CĐR học phần	Mô tả CĐR
CLO1.1	Giải thích được những tri thức cơ bản về triết học Mác – Lênin
CLO1.2	Áp dụng lý luận triết học Mác - Lênin vào nhận thức khoa học và thực tiễn xã hội
CLO2.1 ...	Thể hiện hiện bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức trong sáng
CLO2.2	Có khả năng vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận thức và thực thực tiễn; phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái của chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa nghĩa duy vật trước C.Mác

9. MAT20007: Xác suất - thống kê và Toán kinh tế

Mô tả học phần

Xác suất thống kê và toán kinh tế là học phần bắt buộc cho sinh viên ngành Kinh tế, thuộc khối kiến thức cơ sở, được giảng dạy ở học kỳ 2, sau khi sinh viên đã được trang bị kiến thức cơ sở về Toán cao cấp.

Học phần gồm 3 chương: Cơ sở lý thuyết xác suất, Thống kê và các suy luận thống kê, Một số mô hình toán kinh tế. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của lý thuyết xác suất cổ điển, thống kê toán học và toán kinh tế. Đồng thời, học phần cũng giới thiệu cho sinh viên về phân mềm R và ứng dụng của nó trong xác suất và thống kê.

Mục tiêu học phần

(CO1) Kiến thức: Sinh viên trình bày được các kiến thức cơ bản của lý thuyết xác suất, thống kê và toán kinh tế, bao gồm: biến cố, xác suất của biến cố, xác suất có điều kiện, biến ngẫu nhiên, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, các phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên, vectơ ngẫu nhiên, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, tương quan và hồi quy, bài toán quy hoạch tuyến tính, phương pháp đơn hình giải bài toán quy hoạch tuyến tính, mô hình bài toán vận tải.

(CO2) Kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng tính toán, chứng minh, giải các bài toán về xác suất, thống kê và toán kinh tế.

(CO3) Thái độ: Sinh viên có cách nhìn nhận, đánh giá các hiện tượng thực tiễn bằng kiến thức của lý thuyết xác suất, thống kê và toán kinh tế.

Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	Mô tả CĐR	Mức độ năng lực	Tương ứng với CĐR của CTĐT
CLO1	Trình bày được các kiến thức về xác suất: giải tích tổ hợp, biến cố, xác suất của biến cố, xác suất có điều kiện, dãy các phép thử Bernoulli, biến ngẫu nhiên, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên, vectơ ngẫu nhiên.	Vận dụng	
CLO2	Trình bày được các kiến thức về thống kê: mẫu ngẫu nhiên và các đặc trưng mẫu, phương pháp ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, tương quan và hồi quy.	Vận dụng	
CLO3	Trình bày được các kiến thức về toán kinh tế: bài toán quy hoạch tuyến tính, phương pháp đơn hình, bài toán vận tải.	Vận dụng	
CLO4	Vận dụng được các tính chất và các công thức của giải tích tổ hợp, biến cố, xác suất của biến cố, xác suất có điều kiện, dãy phép thử Bernoulli vào giải các bài tập.	Vận dụng	
CLO5	Vận dụng được các kiến thức về biến ngẫu nhiên, bảng phân phối, hàm phân phối, hàm mật độ, kỳ vọng và phương sai của biến ngẫu nhiên, vectơ ngẫu nhiên vào giải các bài tập.	Vận dụng	

CĐR học phần	Mô tả CĐR	Mức độ năng lực	Tương ứng với CĐR của CTĐT
CLO6	Vận dụng được các công thức tìm khoảng tin cậy, kiểm định giả thuyết, tương quan và hồi quy vào giải các bài toán thực tế.	Vận dụng	
CLO7	Vận dụng được các kiến thức về bài toán quy hoạch tuyến tính, phương pháp giải bài toán quy hoạch tuyến tính, bài toán vận tải vào giải các bài toán.	Vận dụng	

10. POL11002: Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Mô tả học phần

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của các ngành đào tạo trình độ đại học.

Học phần có 6 chương, bao gồm hệ thống tri thức về hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, về kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận để nhận thức đúng bản chất của các hiện tượng, các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Đồng thời, góp phần hình thành kỹ năng thực hiện các hoạt động kinh tế, nâng cao bản lĩnh chính trị cho sinh viên.

Mục tiêu học phần

- CO1: Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ đó giúp sinh viên hiểu và giải thích được quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, của Đảng Cộng sản về những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
- CO2: Bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm cho sinh viên trong bối cảnh toàn cầu hóa.
- CO3: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích các vấn đề kinh tế - chính trị, từ đó có thể phản biện được các quan điểm, tư tưởng về các vấn đề kinh tế - chính trị.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Giải thích được kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin.
CLO1.2	Vận dụng lý luận kinh tế chính trị Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề kinh tế khi tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội.
CLO2.1	Thể hiện bản lĩnh chính trị, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam
CLO3.1	Có khả năng phản biện các quan điểm, tư tưởng về kinh tế chính trị

11. ECO20006: Kinh tế vĩ mô

Mô tả học phần

Học phần Kinh tế quốc tế là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở nhóm ngành Kinh tế, được dạy ở kỳ 3 của CTĐT. Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về

nền kinh tế thế giới, các mối quan hệ kinh tế quốc tế. Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản để tham gia vào các hoạt động quan hệ kinh tế quốc tế như: xuất nhập khẩu hàng hoá, đầu tư quốc tế, kinh doanh ngoại hối,...

Mục tiêu học phần

Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, thị trường tiền tệ quốc tế, liên kết kinh tế quốc tế. Sinh viên vận dụng kiến thức kinh tế quốc tế vào giải quyết tình huống thực tế, nắm vững các nghiệp vụ cơ bản trên thị trường ngoại hối và có khả năng phân tích xu hướng vận động của nền kinh tế thế giới và các quan hệ kinh tế quốc tế. Sinh viên có thái độ linh hoạt, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với xu hướng vận động của nền kinh tế thế giới.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Hiểu được thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, thị trường tiền tệ quốc tế, liên kết kinh tế quốc tế
CLO1.2	Áp dụng các lý thuyết thương mại quốc tế để xác định lợi ích của các quốc gia
CLO1.3	Nắm vững các nghiệp vụ cơ bản trên thị trường ngoại hối
CLO1.4	Phân tích xu hướng vận động của nền kinh tế thế giới và các mối quan hệ kinh tế quốc tế
CLO2.1	Áp dụng các kiến thức kinh tế quốc tế vào giải quyết tình huống thực tế
CLO2.2	Thể hiện sự linh hoạt, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với xu hướng vận động của nền kinh tế thế giới

12. ECO20003: Kinh tế vĩ mô

Mô tả học phần:

Học phần Kinh tế vĩ mô là môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp các nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô về sự vận động của nền kinh tế tổng thể, gồm các biến số như: thu nhập quốc dân, lạm phát, thất nghiệp, tăng trưởng kinh tế, lãi suất, cán cân thanh toán, tỷ giá,... và cơ chế hoạt động của các thị trường trong nền kinh tế. Sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức để phân tích các biến số, chính sách kinh tế vĩ mô trong thực tế.

Mục tiêu học phần:

Học phần cung cấp những vấn đề cơ bản của kinh tế vĩ mô: Lạm phát, thất nghiệp, suy thoái, tăng trưởng và các nguyên lý hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Học phần hướng đến việc sinh viên nhận biết được khái quát kinh tế vĩ mô, hiểu được cơ chế hoạt động các thị trường trong nền kinh tế, áp dụng các kiến thức đã học vào thực hiện các chỉ tiêu và các chính sách kinh tế vĩ mô và có khả năng phân tích được sự vận động của tổng thể nền kinh tế, sự thay đổi các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô trong từng thị trường. Sinh viên có kỹ năng vận dụng các nguyên lý kinh tế vào thực tiễn nghiên cứu các hiện tượng kinh tế vĩ mô. Sinh viên có thái độ phân tích khách quan, đúng đắn đối với các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Hiểu được các yếu tố ảnh hưởng đến cung, cầu và nguyên lý cân bằng, các biến động kinh tế vĩ mô trên các thị trường
CLO1.2	Áp dụng các biến số kinh tế vĩ mô trong mô hình và thị trường cụ thể, áp dụng các chính sách, công cụ vào điều tiết nền kinh tế vĩ mô

CLO1.3	Phân tích được nguyên nhân gây ra biến động các biến số kinh tế vĩ mô
CLO2.1	Vận dụng các nguyên lý kinh tế vĩ mô để xây dựng các mục tiêu kinh tế vĩ mô, các mô hình gắn với các thị trường và phân tích hành vi, việc ra quyết định định của nền kinh tế
CLO2.2	Thể hiện thái độ khách quan, đúng đắn đối với các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô

13. FIN20001: Lý thuyết tài chính tiền tệ

Mô tả học phần:

Lý thuyết tài chính tiền tệ là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được giảng dạy vào kỳ 3 trong chương trình đào tạo khối ngành kinh tế. Học phần này nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về tiền tệ, tài chính và các bộ phận trong hệ thống tài chính như tài chính công, tài chính doanh nghiệp, tổ chức tài chính trung gian, thị trường tài chính cũng như vai trò của chúng đối với nền kinh tế của một quốc gia. Ngoài ra, học phần còn rèn luyện kỹ năng lập luận, tư duy hệ thống để có thể nhận biết được các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính tiền tệ trong thực tiễn nền kinh tế.

Mục tiêu học phần:

Học xong học phần lý thuyết tài chính tiền tệ, sinh viên có thể nắm vững được những kiến thức nền tảng về lĩnh vực tài chính tiền tệ; có khả năng nghiên cứu tài liệu, kỹ năng tư duy (hệ thống, phản biện, sáng tạo) để nhận diện được các vấn đề thuộc lĩnh vực này trong thực tiễn nền kinh tế.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Nắm vững bản chất và chức năng của tiền tệ, tài chính
CLO1.2	Hiểu rõ nội dung hoạt động của các chủ thể tài chính
CLO1.3	Giải thích cơ chế hoạt động của các bộ phận cấu thành thị trường tài chính
CLO2.1	Có kỹ năng nghiên cứu các tài liệu về lĩnh vực tài chính tiền tệ
CLO2.2	Có khả năng tư duy hệ thống các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính tiền tệ
CLO3.1	Liên hệ được các vấn đề liên quan đến cung và cầu tiền tệ trong thực tiễn nền kinh tế
CLO 3.2	Nhận diện được hoạt động của các bộ phận trong hệ thống tài chính một quốc gia

14. BUA20001: Marketing căn bản

Mô tả học phần:

Học phần Marketing căn bản thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức nền về hoạt động Marketing trong doanh nghiệp: môi trường Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, thị trường mục tiêu- phân đoạn- lựa chọn- định vị thị trường mục tiêu và các chính sách Marketing - mix trong doanh nghiệp. Từ đó hình thành các kỹ năng xây dựng thực hiện các ý tưởng Marketing cho doanh nghiệp.

Mục tiêu học phần:

Học phần Marketing căn bản giúp sinh viên nhận biết, phân tích, đánh giá được hoạt động Marketing của một doanh nghiệp cụ thể. Có khả năng hình thành và xây dựng thực hiện các ý tưởng Marketing cho doanh nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần:

Ký hiệu	Nội dung chuẩn đầu ra học phần
CLO 1.1	Hiểu được môi trường Marketing của doanh nghiệp.
CLO 1.2	Nắm bắt được vai trò của hệ thống thông tin Marketing trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và có khả năng thực hiện nghiên cứu Marketing cho doanh nghiệp.
CLO 1.3	Nhận diện được thị trường mục tiêu và định vị được thị trường mục tiêu.
CLO 1.4	Vận dụng được các chính sách Marketing - mix trong doanh nghiệp.
CLO 2.1	Thể hiện khả năng tư duy, hệ thống, sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề Marketing của doanh nghiệp.
CLO 2.2	Thể hiện thái độ chủ động, kiên trì, thích ứng với những biến đổi của môi trường kinh doanh và các tình huống Marketing của doanh nghiệp.
CLO 3.1	Thực hiện thành lập nhóm để giải quyết các vấn đề Marketing của doanh nghiệp.
CLO 3.2	Tổ chức hoạt động nhóm để giải quyết các vấn đề Marketing của doanh nghiệp.
CLO 3.3	Sử dụng đồ họa để thiết kế các hoạt động Marketing của doanh nghiệp.
CLO 4.1	Hình thành các ý tưởng Marketing của doanh nghiệp.
CLO 4.2	Thực hiện các ý tưởng Marketing của doanh nghiệp.

15. POL11003: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mô tả học phần

Đây là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, bắt buộc đối với sinh viên tất cả các ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa xã hội: về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề dân tộc và tôn giáo, về vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và việc vận dụng những lý luận đó vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Mục tiêu học phần

- Giải thích kiến thức lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội.
- Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
- Có khả năng phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	Mô tả CĐR
CLO1.1	Giải thích được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội
CLO1.2	Áp dụng lý luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội vào thực tiễn Việt Nam
CLO2.1 ...	Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
CLO2.2	Có khả năng phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam

16. FIN31001: Định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp

Mô tả học phần

Học phần Định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp là học phần chuyên ngành bắt buộc đối với sinh viên ngành Tài chính ngân hàng được thực hiện vào kỳ 6 của Chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng.

Học phần này nhằm vận dụng các kiến thức chuyên ngành tài chính ngân hàng để giải quyết các vấn đề về định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần còn rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như kỹ năng lập luận, phân tích các vấn đề của thẩm định giá, thể hiện đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp khi thực hiện công việc thẩm định giá.

Mục tiêu học phần

Học phần Định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp trình bày khái quát về công việc thẩm định giá, các nguyên tắc và phương pháp định giá bất động sản và giá trị doanh nghiệp, quy trình thực hiện dự án học phần. Đồng thời người học thể kỹ năng phân tích và giải quyết các hoạt động liên quan tới thẩm định giá. Từ đó, người học có thể xây dựng và thực hiện các hoạt động thẩm định giá trong thực tế.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Vận dụng kiến thức chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng để hiểu các nội dung về hoạt động Định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp
CLO2.1	Thành thạo và sử dụng hiệu quả các kỹ năng lập luận, phân tích để giải quyết những vấn đề nảy sinh trong áp dụng các nguyên tắc định giá bất động sản và giá trị doanh nghiệp`
CLO2.1	Vận dụng được các phương pháp định giá
CLO2.2	Thể hiện thái độ và phẩm chất nghề nghiệp nghề Thẩm định giá
CLO4.1	Vận dụng kiến thức về thẩm định giá để thực hiện Định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp trong thực tiễn

17. ACC20002: Phân tích hoạt động kinh doanh

Mô tả học phần:

Học phần Phân tích hoạt động kinh doanh thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, là học phần bắt buộc được tổ chức giảng dạy ở học kỳ 4. Học phần cung cấp các kiến thức về nội dung, phương pháp phân tích tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp giúp người học có khả năng đánh giá được tình hình tài chính và phân tích được hiệu quả các hoạt động tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp.

Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần Phân tích hoạt động kinh doanh sinh viên có khả năng phân tích tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp, vận dụng các phương pháp phân tích để đánh giá hiệu quả các hoạt động tài chính, kinh doanh. Đồng thời, học phần này giúp sinh viên sử dụng kỹ năng lập luận, phân tích, giải quyết vấn đề; kỹ năng nghiên cứu tài liệu, khám phá tri thức và kỹ năng tư duy để giải quyết các vấn đề trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài chính của doanh nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Giải thích bản chất phân tích tình hình tài chính, kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh
CLO1.2	Xác định nội dung phân tích tình hình tài chính, kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh
CLO1.3	Áp dụng các phương pháp và quy trình phân tích tài chính, kinh doanh trong doanh nghiệp
CLO2.1	Nhận diện được tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
CLO2.2	Phát hiện được các vấn đề về tình hình tài chính của doanh nghiệp
CLO2.3	Làm sáng tỏ nguyên nhân ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp
CLO2.4	Xây dựng giải pháp nâng cao hiệu quả và kết quả sản xuất kinh doanh, tài chính của doanh nghiệp
CLO3.1	Kỹ năng lập luận, phân tích, giải quyết vấn đề
CLO3.2	Kỹ năng nghiên cứu tài liệu, khám phá tri thức
CLO3.3	Kỹ năng tư duy

18. BUA20002: Quản lý nhà nước về kinh tế

Mô tả học phần:

Quản lý nhà nước về kinh tế là học phần cơ sở ngành của khối ngành kinh tế và quản trị, học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước, giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn về vai trò và phương hướng đổi mới của nhà nước trong nền kinh tế. Từ đó, sinh viên có khả năng vận dụng được các kỹ năng tư duy hệ thống, sáng tạo và phản biện trong giải quyết các vấn đề kinh tế và kinh doanh, thể hiện đạo đức trách nhiệm nghề nghiệp nhằm đánh giá đúng thực tiễn môi trường quản lý kinh tế ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể: Vận dụng các công cụ, phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế; Phân tích được bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế; Hình thành kỹ năng tư duy hệ thống, sáng tạo và phản biện trong giải quyết các vấn đề kinh tế và kinh doanh; Thực hiện ra các quyết định quản lý nhà nước về kinh tế thông qua các văn bản quản lý nhà nước về kinh tế và thể hiện đạo đức trách nhiệm nghề nghiệp nhằm đánh giá đúng thực tiễn môi trường quản lý kinh tế ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Chuẩn đầu ra học phần:

Ký hiệu	Nội dung chuẩn đầu ra học phần
CLO1.1	Hiểu được vai trò, mục tiêu, chức năng quản lý nhà nước về kinh tế
CLO1.2	Vận dụng các công cụ, phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế
CLO1.3	Phân tích được bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế
CLO2.1	Hình thành kỹ năng tư duy hệ thống, sáng tạo và phản biện trong giải quyết các vấn đề kinh tế và kinh doanh

CLO2.2	Thực hiện ra các quyết định quản lý nhà nước về kinh tế thông qua các văn bản quản lý nhà nước về kinh tế
CLO3.1	Thể hiện đạo đức trách nhiệm nghề nghiệp nhằm đánh giá đúng thực tiễn môi trường quản lý kinh tế ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

19. BUA30002: Quản trị học

Mô tả học phần:

Học phần Quản trị học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về quản trị và việc vận dụng thực tiễn của quản trị trong tổ chức. Các nội dung chính gồm: bản chất của quản trị, Nhà quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị, Các chức năng của quản trị: Hoạch định, tổ chức, lãnh đạo/điều hành và kiểm tra/kiểm soát.

Mục tiêu học phần:

Học phần Quản trị học giúp sinh viên nắm bắt được các kiến thức cơ bản về quản trị. Sinh viên có thể phân tích được bối cảnh của tổ chức, xác định được các bước công việc để hoạch định các mục tiêu, tổ chức các nguồn lực, động viên và kiểm soát trong tổ chức.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Nội dung chuẩn đầu ra học phần
CLO 1.1	Hiểu được bản chất quản trị, Nhà quản trị và các lý thuyết quản trị.
CLO 1.2	Hiểu môi trường quản trị để đưa ra các quyết định quản trị trong tổ chức.
CLO 1.3	Vận dụng các kiến thức về chức năng quản trị: Hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra để trong hoạt động của tổ chức.
CLO 2.1	Vận dụng và giải quyết hiệu quả các hoạt động quản trị tổ chức.
CLO 2.2	Sử dụng hiệu quả nguồn lực trong quản trị tổ chức.
CLO 2.3	Thể hiện tính kiên trì, thích ứng với những biến đổi của môi trường quản trị.
CLO 4.1	Nhận diện được bối cảnh của môi trường tổ chức
CLO 4.2	Xây dựng các mục tiêu cho tổ chức

20. ECO20005: Thống kê kinh tế

Mô tả học phần:

Học phần Thống kê kinh tế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thống kê định lượng, trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết để áp dụng các kiến thức về phương pháp thống kê và mô hình định lượng vào các vấn đề trong kinh tế.

Mục tiêu học phần:

Học phần này giúp sinh viên hiểu được kiến thức về thống kê kinh tế, vận dụng các kiến thức vào đo lường, dự báo các tình huống kinh tế, phân tích quá trình thống kê kinh tế từ đó xây dựng mô hình định lượng các vấn đề trong kinh tế.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Hiểu được cách thiết lập mô hình thống kê kinh tế, ước lượng các tham số, kiểm định thống kê
CLO1.2	Áp dụng phương pháp chọn mẫu, phương pháp điều tra thống kê

CLO1.3	Phân tích kết quả điều tra, tổng hợp
CLO2.1	Vận dụng mô hình thống kê kinh tế vào dự báo và tư vấn chính sách kinh tế
CLO2.2	Vận dụng mô hình thống kê kinh tế vào đo lường kinh tế

21. ACC30002: Hệ thống thuế Việt Nam

Mô tả học phần:

Học phần Hệ thống thuế Việt Nam thuộc kì 6 của chương trình đào tạo ngành Kế toán, Tài chính ngân hàng, Quản trị kinh doanh. Học phần này cung cấp các kiến thức pháp luật về thuế tại Việt Nam, giúp sinh viên rèn luyện được các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy giải quyết vấn đề, nghiên cứu văn bản pháp luật và hình thành tính trách nhiệm với xã hội.

Mục tiêu học phần:

Sinh viên phải xác định được phạm vi áp dụng của các loại thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tính toán nghĩa vụ thuế phát sinh. Đồng thời, thể hiện được kỹ năng nghiên cứu các văn bản pháp luật về thuế, tư duy phân tích, giải quyết các vấn đề, hiểu được trách nhiệm của bản thân với xã hội liên quan đến lĩnh vực thuế, cũng như sử dụng linh hoạt các hình thức giao tiếp khác nhau.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Hiểu khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế và bộ máy thu thuế
CLO1.2	Nhận diện đối tượng nộp thuế, đối tượng chịu thuế và đối tượng không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân
CLO1.3	Tính toán nghĩa vụ thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân phát sinh
CLO2.1	Vận dụng tư duy phân tích và giải quyết các tình huống về thuế
CLO2.2	Sử dụng kỹ năng nghiên cứu các văn bản pháp luật và tài liệu liên quan đến thuế để giải quyết vấn đề
CLO2.3	Thể hiện sự công bằng và trách nhiệm xã hội
CLO3.1	Sử dụng hình thức giao tiếp đa dạng để báo cáo kết quả học tập

22. ECO20007: Lập dự án đầu tư

Mô tả học phần:

Học phần Lập dự án đầu tư là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở nhóm ngành Kinh tế, được giảng dạy ở kỳ 5 trong CTĐT. Học phần này giảng dạy cách thức để lập dự án đầu tư, giúp sinh viên ra trường có thể lập và phân tích các kế hoạch kinh doanh, các dự án đầu tư, từ đó khởi nghiệp. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về dự án đầu tư, có kỹ năng lập các dự án đầu tư cụ thể, trải nghiệm các tình huống, các rủi ro trong công việc lập dự án, từ đó rèn luyện tư duy, sự sẵn sàng chấp nhận rủi ro và khả năng thích ứng với sự phức tạp của thực tế.

Mục tiêu học phần:

Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về dự án đầu tư, phương pháp lập một dự án đầu tư, đánh giá tính khả thi của dự án đầu tư. Sinh viên vận dụng các kỹ năng và phẩm chất cá nhân vào việc xây dựng được một dự án đầu tư cụ thể. Sinh viên thể hiện thái độ đúng đắn đối với công việc lập dự án đầu tư.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Hiểu khái niệm, cách phân loại và chu kỳ của dự án đầu tư
CLO1.2	Áp dụng phương pháp, quy trình và nội dung lập dự án đầu tư
CLO1.3	Phân tích tính khả thi của dự án đầu tư
CLO2.1	Vận dụng kỹ năng nghề nghiệp về phân tích giải quyết vấn đề, quản lý thời gian nguồn lực để lập 1 dự án đầu tư cụ thể
CLO2.2	Thể hiện sự sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp của thực tế trong lập dự án đầu tư

23. POL11004: Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Mô tả học phần

Học phần Lịch sử Đảng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến giáo dục đại cương của các ngành đào tạo. Học phần gồm 3 chương, trang bị những nội dung bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi ra đời đến nay. Qua học tập sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, có bản lĩnh chính trị, tư tưởng. Học phần không những cung cấp những kiến thức cơ bản về sự ra đời và lãnh đạo của Đảng, mà còn hình thành cho sinh viên năng lực phân tích các sự kiện Lịch sử Đảng, bài học kinh nghiệm qua các thời kỳ.

Mục tiêu học phần

Học phần Lịch sử Đảng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời và đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Thông qua học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giúp sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ đường lối lãnh đạo của Đảng. Đồng thời rèn luyện sinh viên có bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng, năng lực phân tích sự kiện và đúc rút bài học kinh nghiệm.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Giải thích được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng.
CLO2.1	Thể hiện bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng trên lập trường quan điểm đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.
CLO2.2	Rèn luyện được khả năng bảo vệ đường lối của Đảng và rút bài học về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình cách mạng.

24. FIN20002: Quản trị tài chính

Mô tả học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên: Các kiến thức về quản trị tài chính, kỹ năng lập luận, phân tích, tư duy hệ thống để sinh viên liên hệ được các vấn đề của quản trị tài chính trong thực tiễn nền kinh tế.

Mục tiêu học phần:

Sau khi hoàn thành môn học sinh viên làm sáng tỏ được các kiến thức về quản trị tài gồm vốn kinh doanh, doanh thu, chi phí, lợi nhuận, giải thích được giá trị thời gian của tiền và ứng dụng của nó, nhận diện được các kiến thức về nguồn vốn và mô hình vốn. Đồng thời có khả năng phân tích, giải quyết vấn đề về quản trị tài chính, và liên hệ các vấn đề quản trị tài chính trong thực tiễn.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Khái quát hóa những vấn đề cơ bản về quản trị tài chính
CLO1.2	Làm sáng tỏ kiến thức về vốn kinh doanh, tổ chức quản trị vốn kinh doanh
CLO1.3	Diễn giải các vấn đề về doanh thu, chi phí, lợi nhuận, đòn bẩy kinh doanh
CLO1.4	Giải thích giá trị thời gian của tiền, những ứng dụng giá trị thời gian của tiền trong quản trị tài chính
CLO1.5	Nhận diện các kiến thức về nguồn vốn và mô hình vốn trong quản trị tài chính
CLO2.1	Có khả năng lập luận phân tích và giải quyết vấn đề về quản trị tài chính
CLO2.2	Có khả năng làm việc nhóm và thuyết trình hiệu quả
CLO3.1	Có khả năng hệ thống hóa về hoạt động quản trị tài chính
CLO4.1	Liên hệ các vấn đề về quản trị tài chính trong thực tiễn nền kinh tế

25. FIN 30005: Tín dụng ngân hàng

Mô tả học phần

Môn học tín dụng ngân hàng được dạy ở học kỳ 6 đối với sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ kinh doanh tín dụng của NHTM. Sinh viên có thể đánh giá quá trình thực hiện nghiệp vụ tín dụng tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam. Đồng thời, vận dụng các kiến thức về nghiệp vụ tín dụng ngân hàng vào thực tiễn nhằm hình thành kỹ năng làm việc nhóm và thể hiện vai trò, thái độ hành xử chuyên nghiệp của một chuyên viên tín dụng ngân hàng.

Mục tiêu học phần

Học phần Tín dụng ngân hàng giúp sinh viên vận dụng được các phương pháp phân tích đối với các đối tượng khách hàng khác nhau để đánh giá được khách hàng để lựa chọn được khách hàng vay vốn phù hợp với mục tiêu của ngân hàng. Đồng thời giúp sinh viên nhận diện được các rủi ro tín dụng và triển khai được nghiệp vụ tín dụng trong thực tế. Bên cạnh đó, học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản gồm kỹ năng làm việc nhóm, quản lý thời gian, kỹ năng văn bản và thuyết trình.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Hiểu các quy định của Nhà nước về lĩnh vực tín dụng ngân hàng
CLO1.2	Phân tích các giai đoạn trong quy trình tín dụng ngân hàng
CLO1.3	Áp dụng được các phương pháp phân tích với đối tượng khách hàng khác nhau
CLO2.1	Phân tích khách hàng để lựa chọn khách hàng phù hợp với điều kiện ngân hàng
CLO2.2	Đánh giá quá trình thực hiện nghiệp vụ tín dụng cá nhân tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam
CLO3.1	Sử dụng kỹ năng làm việc nhóm
CLO3.2	Sử dụng kỹ năng văn bản, thuyết trình

26. BUA20003: Văn hóa kinh doanh

Mô tả học phần:

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành giảng dạy học kỳ 5, cung cấp các kiến thức cơ bản về văn hóa kinh doanh, các yếu tố cấu thành văn hóa kinh doanh: về triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa ứng xử trong doanh nghiệp. Từ đó hình thành kỹ năng xây dựng và phát triển văn hóa kinh doanh của tổ chức/doanh nghiệp.

Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần Văn hóa kinh doanh sinh viên có thể vận dụng các kiến thức về văn hóa kinh doanh để xây dựng và phát triển văn hóa kinh doanh cho doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh

Chuẩn đầu ra học phần:

Ký hiệu	Nội dung chuẩn đầu ra học phần
CLO1.1	Hiểu được bản chất, vai trò và vị trí của văn hóa kinh doanh trong doanh nghiệp; các yếu tố cấu thành văn hóa kinh doanh.
CLO1.2	Áp dụng các kiến thức về triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa ứng xử trong doanh nghiệp
CLO2.1	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và hành xử chuyên nghiệp đối với hoạt động kinh doanh
CLO2.2	Thể hiện công bằng và trách nhiệm xã hội trong hoạt động kinh doanh
CLO3.1	Xây dựng cách thức giao tiếp trong hoạt động kinh doanh
CLO3.2	Sử dụng linh hoạt, thành thạo các hình thức giao tiếp khác nhau (văn bản, điện tử/đa truyền thông, đồ họa, thuyết trình, đàm phán)

27. FIN30002: Tài chính doanh nghiệp

Mô tả học phần

Học phần Tài chính doanh nghiệp được dạy ở học kỳ 6 đối với sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên ngành về lĩnh vực tài chính doanh nghiệp như đòn bẩy, thẩm định dự án đầu tư, chi phí sử dụng vốn, kế hoạch hóa tài chính, tình trạng sát nhập, hợp nhất, phá sản doanh nghiệp. Từ kiến thức tổng quan, kết quả đồ án thể hiện khả năng liên hệ, đánh giá, lựa chọn, nhận diện và dự đoán các vấn đề tài chính doanh nghiệp của sinh viên đối với thực tiễn nền kinh tế.

Mục tiêu học phần

Học phần Tài chính doanh nghiệp thiết lập với mục tiêu sinh viên vận dụng kiến thức tài chính trong doanh nghiệp. Từ đó, triển khai xử lý các vấn đề tài chính doanh nghiệp và giải quyết các vấn đề tài chính doanh nghiệp trong thực tiễn

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Áp dụng đòn bẩy kinh tế và chi phí sử dụng các nguồn tài trợ vốn
CLO1.2	Xây dựng các phương pháp thẩm định tài chính dự án
CLO1.3	Xây dựng nội dung kế hoạch hóa tài chính
CLO1.4	Minh họa hoạt động sát nhập, hợp nhất, phá sản doanh nghiệp
CLO2.1	Xác định hiệu quả các vấn đề về đòn bẩy kinh tế và chi phí sử dụng các nguồn tài trợ vốn

CLO2.2	Hoàn thiện và giải quyết có hiệu quả các phương pháp thẩm định tài chính dự án
CLO2.3	Xác định kế hoạch hóa tài chính
CLO2.4	Sắp xếp, chọn lựa khi xác định giá trị doanh nghiệp trong các tình huống sát nhập, hợp nhất, phá sản theo nhóm và thuyết trình
CLO3.1	Vận dụng kiến thức để xây dựng đòn bẩy kinh tế, chi phí sử dụng vốn
CLO3.2	Tổng hợp và phân tích tình hình kinh tế để đề xuất các kế hoạch tài chính và dự án đầu tư doanh nghiệp

28. FIN30004: Thị trường tài chính

Mô tả học phần:

Thị trường tài chính là học phần cơ sở ngành dùng cho các ngành kế toán, quản trị kinh doanh và tài chính ngân hàng, được giảng dạy vào học kỳ VI trong chương trình đào tạo. Môn học cung cấp các kiến thức về thị trường tiền tệ và thị trường vốn. Thông qua đó, giúp sinh viên hình thành kỹ năng tìm kiếm thông tin và phân tích về thị trường tài chính; sử dụng các công cụ của thị trường để đầu tư tài chính.

Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức của thị trường tài chính để giải quyết các tình huống trên thị trường tài chính. Thông qua đó thực hiện đánh giá cơ hội đầu tư trên thị trường tài chính nhằm gia tăng hiệu quả tài chính

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Giải thích xu hướng phát triển thị trường tài chính
CLO1.2	Sử dụng các công cụ và các giao dịch trên thị trường tài chính
CLO1.3	Vận dụng các phương pháp phân tích, phương thức phát hành chứng khoán.
CLO2.1	Giải quyết các tình huống phát sinh liên quan đến thị trường tài chính
CLO2.2	Thực hành đầu tư trên thị trường tập trung và thị trường phi tập trung
CLO3.1	Thực hiện thảo luận nhóm và giao tiếp hiệu quả.
CLO4.1	Đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư trên thị trường tài chính.

29. FIN30012: Tài chính công

Mô tả học phần

Tài chính công là học phần thuộc nhóm tự chọn, được giảng dạy ở kỳ 6 đối với sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng. Học phần này cung cấp kiến thức về lý luận về tài chính công và các nghiệp vụ quản lý tài chính tài chính công như khái niệm, đặc điểm, vai trò, cơ cấu và nội dung các khoản thu chi tài chính công; tổ chức chu trình quản lý NSNN, tổ chức cân đối NSNN, quản lý các quỹ ngoài NSNN. Từ đó, giúp sinh viên rèn

luyện kỹ năng thực hành nghề nghiệp, hình thành và phát triển năng lực xây dựng và thực hiện các vấn đề về quản lý tài chính công trong thực tiễn.

Mục tiêu học phần

Sau khi hoàn thành học phần tài chính công sinh viên có thể vận dụng được kiến thức về tài chính công cùng với kỹ năng nghiên cứu tài liệu và khám phá tri thức để thực hiện các nghiệp vụ quản lý tài chính công trong bối cảnh hiện nay.

Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	K4	Xác định được nội dung hoạt động tài chính công
CLO1.2	K4	Vận dụng được các khâu của chu trình quản lý NSNN
CLO1.3	K4	Lựa chọn phương thức và công cụ trong điều hành cân đối NSNN
CLO1.4	K4	Minh họa nội dung quản lý các quỹ ngoài NSNN
CLO2.1	S3	Có kỹ năng nghiên cứu các tài liệu, định của pháp luật trong lĩnh vực tài chính công
CLO3.1	C4	Phân tích được tác động của tài chính công đến công bằng xã hội và hiệu quả kinh tế
CLO 3.2	C4	Thực hiện được các nghiệp vụ về quản lý tài chính công

30. FIN30015: Tài chính công ty đa quốc gia

Mô tả học phần

Tài chính Công ty đa quốc gia được giảng dạy ở học kỳ 7 đối với sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp. Môn học Tài chính Công ty đa quốc gia cung cấp những kiến thức chuyên sâu về hoạt động đầu tư nước ngoài, quản trị rủi ro tỷ giá, hoạt động chuyển giá, cấu trúc vốn và chi phí sử dụng vốn của Công ty đa quốc gia. Trang bị cho sinh viên những kỹ năng nắm bắt bối cảnh xã hội doanh nghiệp, kỹ năng xây dựng và cải tiến hoạt động tài chính, kỹ năng giao tiếp để giải quyết các vấn đề tài chính trong công ty đa quốc gia.

Mục tiêu học phần

Sau khi hoàn thành môn học sinh viên hệ thống hóa được kiến thức về tài chính công ty đa quốc gia, có thể liên hệ và phân tích thực tiễn về tài chính trong công ty đa quốc gia, từ đó đánh giá và cải tiến hoạt động tài chính tại các công ty này.

Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	K4	Khái quát quá trình hành và phát triển của công ty đa quốc gia
CLO1.2	S4	Liên hệ hoạt động tài chính tại công ty đa quốc gia
CLO2.1	K4	Nhận diện hoạt động đầu tư quốc tế
CLO2.2	S4	Liên hệ hoạt động đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp
CLO2.3	C4	Phác thảo các rủi ro và phương án phòng hộ rủi ro tỷ giá
CLO3.1	K4	Khái quát hóa quá trình dịch chuyển vốn của công ty đa quốc gia.
CLO3.2	K4	Nhận diện hoạt động chuyển giá của công ty đa quốc gia.
CLO4.1	C4	Tính toán chi phí sử dụng vốn của Công ty đa quốc gia
CLO4.2	C4	Phân tích cấu trúc vốn của Công ty đa quốc gia.

31. FIN30013: Tài chính quốc tế

Mô tả học phần

Tài chính quốc tế là học phần tự chọn được giảng dạy ở kỳ 6, dành cho sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng. Học phần này cung cấp những kiến thức thuộc phạm vi tài chính quốc tế cả ở góc độ vi mô và vĩ mô. Bao gồm các nội dung về tỷ giá hối đoái, cán cân thanh toán quốc tế, thị trường tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế của các tổ chức kinh tế, tài chính công ty đa quốc gia, tài trợ quốc tế của chính phủ, thuế quan và liên minh thuế quan. Ngoài ra học phần giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng nghiên cứu tài liệu và khám phá tri thức từ đó có năng lực thực hiện các nghiệp vụ tài chính quốc tế trong bối cảnh hiện nay.

Mục tiêu học phần

Học xong học phần này, sinh viên có khả năng vận dụng được kiến thức về hoạt động tài chính quốc tế cùng với kỹ năng nghiên cứu tài liệu và khám phá để triển khai thực hiện các nghiệp vụ tài chính quốc tế trong thực tế trong bối cảnh hiện nay

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Xác định được các yếu tố cấu thành tài chính quốc tế trong nền kinh tế mở
CLO1.2	Áp dụng các phương pháp để xác định tỷ giá hối đoái và hạch toán cán cân thanh toán quốc tế
CLO1.3	Lựa chọn phương án trong đầu tư và tài trợ quốc tế
CLO1.4	Xác định được tác động của thuế quan đối với các nền kinh tế
CLO2.1	Có kỹ năng nghiên cứu tài liệu và khám phá các vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính quốc tế
CLO3.1	Phân tích chính sách của Nhà nước về tỷ giá, thuế quan đến hoạt động kinh doanh trong bối cảnh hiện nay
CLO 3.2	Thực hiện được các nghiệp vụ về đầu tư và tài trợ quốc tế trong thực tiễn

32. FOL10002: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mô tả học phần

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, được tổ chức giảng dạy vào kỳ 5. Học phần gồm 6 chương, giúp người học hiểu được nội dung, vai trò, vị trí và ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó vận dụng, liên hệ với thực tiễn học tập, rèn luyện, xây dựng nhân cách để trở thành công dân tốt, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.

Mục tiêu học phần

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, sinh viên bồi dưỡng được các phẩm chất chính trị, đạo đức, phong cách cũng như kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

Mục tiêu học phần (COs)

CO1: Hiểu được các kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.

CO2: Bồi dưỡng được bản lĩnh, niềm tin chính trị, đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.

CO3: Rèn luyện được các kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Giải thích được nội dung kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh
CLO1.2	Giải thích được định hướng và nội dung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn thực tiễn xây dựng đất nước.
CLO2.1	Bồi dưỡng được bản lĩnh, niềm tin chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.
CLO2.2	Rèn luyện được kỹ năng tư duy logic, phân biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua lĩnh hội, thảo luận nội dung học phần.

33. FIN31004: Dịch vụ ngân hàng hiện đại

Mô tả học phần:

Dịch vụ ngân hàng hiện đại là học phần bắt buộc, được dạy ở học kỳ 6 đối với sinh viên chuyên ngành ngân hàng thương mại. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về các dịch vụ ngân hàng hiện đại. Từ đó, sinh viên có khả năng vận dụng các nghiệp vụ dịch vụ ngân hàng hiện đại trong thực tiễn và thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, hành xử chuyên nghiệp cũng như công bằng và trách nhiệm xã hội trong việc giải quyết các vấn đề của dịch vụ ngân hàng hiện đại.

Mục tiêu học phần:

Học xong học phần, sinh viên có thể: Liên hệ được đặc trưng, nội dung, quy trình các nghiệp vụ dịch vụ ngân hàng hiện đại trong thực tiễn; Phân tích được đặc trưng, nội dung, quy trình của các nghiệp vụ dịch vụ ngân hàng hiện đại để thực hiện đề án; Thực hiện hiệu quả hoạt động nhóm và cách thức giao tiếp; Thể hiện được đạo đức, trách nhiệm, hành xử chuyên nghiệp, tính công bằng trong quá trình học tập và làm đề án.

Chuẩn đầu ra học phần:

Các chuẩn đầu ra học phần	
CĐR	Nội dung CĐR học phần
CLO1.1	Làm sáng tỏ đặc trưng, nội dung, quy trình của các dịch vụ ngân hàng hiện đại
CLO1.2	Liên hệ đặc trưng, nội dung, quy trình của các nghiệp vụ ngân hàng hiện đại trong thực tiễn
CLO2.1	Xác định các dịch vụ ngân hàng hiện đại cơ sở.
CLO2.2	Phân tích đặc trưng, nội dung, quy trình của các dịch vụ ngân hàng hiện đại cơ sở.
CLO2.3	Thiết kế dịch vụ ngân hàng hiện đại mới.
CLO3.1	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, hành xử chuyên nghiệp trong quá trình học tập và làm đề án.
CLO3.2	Thể hiện công bằng và trách nhiệm xã hội trong quá trình học tập và làm đề án.
CLO4.1	Thực hiện thành lập và tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả
CLO4.2	Trình bày báo cáo đề án một cách thuyết phục và có logic

34. FIN30008: Kế toán ngân hàng

Mô tả học phần: Kế toán ngân hàng là học phần bắt buộc, được dạy ở học kỳ 7 đối với sinh viên chuyên ngành ngân hàng thương mại. Học phần cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản về kế toán ngân hàng và các nghiệp vụ kế toán ngân hàng cơ bản là kế toán huy động vốn, kế toán tín dụng, kế toán thanh toán. Từ đó, sinh viên có khả năng vận dụng các nghiệp vụ kế toán ngân hàng trong thực tiễn và thể hiện tính kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp thực tế và đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, hành xử chuyên nghiệp trong giải quyết các vấn đề về kế toán ngân hàng.

Mục tiêu học phần:

Học xong học phần kế toán ngân hàng, sinh viên có thể: Vận dụng được các vấn đề của kế toán ngân hàng; Triển khai được các nghiệp vụ kế toán ngân hàng tại NHTM; Thể hiện được tính kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp thực tế và đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, hành xử chuyên nghiệp trong giải quyết các vấn đề về kế toán ngân hàng.

CĐR	Nội dung CĐR học phần
CLO1.1	Làm sáng tỏ những vấn đề chung của kế toán ngân hàng
CLO1.2	Sử dụng kế toán các nghiệp vụ ngân hàng
CLO2.1	Liên hệ những vấn đề chung của kế toán ngân hàng trong thực tiễn
CLO2.2	Thực hiện kế toán các nghiệp vụ ngân hàng trong thực tiễn
CLO3.1	Thể hiện tính kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp thực tế trong giải quyết các vấn đề về kế toán ngân hàng.
CLO3.2	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và hành xử chuyên nghiệp trong giải quyết các vấn đề về kế toán ngân hàng.

35. FIN30003: Thanh toán quốc tế

Mô tả học phần

Thanh toán quốc tế là học phần chuyên ngành được dạy ở kì VII dành cho sinh viên ngành Tài chính Ngân hàng. Môn học cung cấp các kiến thức liên quan lĩnh vực thanh toán quốc tế trong ngân hàng thương mại. Giúp sinh viên hình thành ý tưởng và xây dựng các hoạt động thanh toán quốc tế tại ngân hàng thương mại gắn liền với các quy định hiện hành của Nhà nước.

Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần thanh toán quốc tế sinh viên có khả năng thực hiện các nghiệp vụ thanh toán quốc tế trong ngân hàng thương mại; có tư duy hệ thống và giao tiếp hiệu quả.

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Sử dụng các phương tiện thanh toán quốc tế
CLO1.2	Vận dụng các phương thức thanh toán quốc tế
CLO2.1	Thể hiện hành xử chuyên nghiệp trong thanh toán quốc tế
CLO3.1	Thực hiện giao tiếp bằng văn bản và đa phương tiện
CLO4.1	Nắm bắt các quy định của Nhà nước và các vấn đề mang tính thời sự về lĩnh vực thanh toán quốc tế.
CLO4.2	Xây dựng quy trình thanh toán quốc tế tại ngân hàng thương mại
CLO4.3	Triển khai nghiệp vụ thanh toán quốc tế tại ngân hàng thương mại
CLO4.4	Thực hiện quản lý thanh toán quốc tế tại ngân hàng thương mại

36. FIN31016: Tài chính doanh nghiệp hiện đại

Mô tả học phần

Tài chính doanh nghiệp hiện đại là học phần bắt buộc được giảng dạy ở học kỳ 7 đối với sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về hoạt động tài chính doanh nghiệp, xây dựng kỹ năng phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính doanh nghiệp; có khả năng tổ chức làm việc nhóm và thuyết trình hiệu quả; từ đó phác thảo các đề xuất nhằm cải thiện tình hình tài chính doanh nghiệp trong thực tiễn.

Mục tiêu học phần

Học phần Tài chính doanh nghiệp hiện đại giúp sinh viên liên hệ kiến thức về hoạt động tài chính doanh nghiệp trong thực tiễn. Phân tích được các vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính doanh nghiệp, từ đó phác thảo các đề xuất nhằm cải thiện tình hình tài chính doanh nghiệp trong thực tiễn và tổ chức hoạt động nhóm phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Tính toán các loại thuế của doanh nghiệp
CLO1.2	Xây dựng các báo cáo tài chính của doanh nghiệp
CLO1.3	Áp dụng thành thạo các hàm tài chính
CLO1.4	Tính toán các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp
CLO1.5	Nhận diện được các vấn đề về hoạt động tài chính doanh nghiệp
CLO1.6	Đánh giá được các vấn đề về hoạt động tài chính doanh nghiệp
CLO2.1	Thực hiện hiệu quả nhiệm vụ phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính doanh nghiệp
CLO2.2	Thể hiện tính kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp thực tế
CLO3.1	Thực hiện thành lập nhóm
CLO3.2	Tổ chức phân công nhiệm vụ, triển khai thực hiện phân tích các vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính doanh nghiệp
CLO3.3	Phát triển và lãnh đạo nhóm
CLO3.4	Diễn dịch được nội dung của các báo cáo tài chính bằng tiếng Anh
CLO4.1	Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá các tình huống thực tiễn phát sinh trong hoạt động tài chính doanh nghiệp.

37. FIN30017: Bảo hiểm

Mô tả học phần

Học phần Bảo hiểm được dạy ở học kỳ 7 đối với sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng. Học phần bao gồm hệ thống lý luận cơ bản về bảo hiểm, kinh doanh bảo hiểm. Học phần giúp sinh viên hình thành kỹ năng vận dụng, phân tích và giải quyết các vấn đề bảo hiểm trong thực tiễn.

Mục tiêu học phần

Học phần Bảo hiểm thiết lập với mục tiêu sinh viên vận dụng kiến thức về bảo hiểm. Từ đó, chọn lọc nhận định và thuyết trình có hiệu quả các vấn đề liên quan đến bảo hiểm và nhận diện các vấn đề bảo hiểm trong thực tiễn

	Mô tả CĐR học phần
--	--------------------

CĐR học phần (CLO)	
CLO1.1	Áp dụng các kiến thức cơ bản về bảo hiểm
CLO1.2	Áp dụng pháp luật về kinh doanh bảo hiểm
CLO1.3	Minh họa nội dung đại lý bảo hiểm
CLO1.4	Minh họa chính sách tuân thủ của bảo hiểm
CLO2.1	Vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp khi giải quyết các vấn đề về bảo hiểm
CLO3.1	Phân tích các vấn đề bảo hiểm trong thực tiễn
CLO3.2	Nhận diện và cải tiến các hình thức bảo hiểm phù hợp với từng hoạt động

38. FIN30011: Phân tích và đầu tư tài chính

Mô tả học phần

Phân tích và đầu tư tài chính là học phần bắt buộc được giảng dạy vào kỳ 7, dành cho sinh viên chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp. Học phần này nhằm cung cấp những kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực trong lĩnh vực phân tích và đầu tư tài chính. Ngoài ra, học phần còn giúp người học thành tạo các kỹ năng phức tạp để có thể phân tích, nhận diện và giải quyết được các vấn đề thuộc lĩnh vực phân tích và đầu tư tài chính trong thực tiễn nền kinh tế.

Mục tiêu học phần

Học phần Phân tích và đầu tư tài chính nhằm giúp sinh viên có thể phân tích các kiến thức cơ bản về đầu tư tài chính; thể hiện tính kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp của hoạt động đầu tư tài chính; thành thạo kỹ năng tư duy và giải quyết hiệu quả các vấn đề về phân tích và đầu tư tài chính; có năng lực đưa ra ý tưởng, thực hiện, đồng thời có thể đánh giá và cải tiến các hoạt động phân tích và đầu tư tài chính.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Phân tích kiến thức cơ bản về hoạt động phân tích và đầu tư tài chính
CLO2.1	Thành thạo kỹ năng giải quyết hiệu quả hoạt động phân tích và đầu tư tài chính
CLO2.2	Thành thạo kỹ năng tư duy trong phân tích và đầu tư tài chính
CLO3.1	Chấp nhận giá trị phẩm chất kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro và sự phức tạp của hoạt động đầu tư tài chính
CLO4.1	Phân tích hình thành ý tưởng trong phân tích và đầu tư tài chính

CLO4.2	Phân tích thực hiện hoạt động đầu tư tài chính
CLO4.3	Phân tích đánh giá và cải tiến hoạt động phân tích và đầu tư tài chính

39. FIN20003: Thực hành doanh nghiệp mô phỏng

Mô tả học phần:

Thực hành doanh nghiệp mô phỏng là học phần bắt buộc được giảng dạy trong học kỳ 6 đối với sinh viên ngành Kế toán và học kỳ 7 đối với sinh viên ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính ngân hàng, Kinh tế đầu tư. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về các chức danh nghề nghiệp phổ biến tại các doanh nghiệp hiện nay và thực hành nghiệp vụ, kỹ năng của các chức danh đó trong thực tiễn.

Mục tiêu học phần:

Sinh viên sau khi hoàn thành xong học phần có thể mô tả được công việc của các vị trí chức danh ở doanh nghiệp, ngân hàng; rèn luyện kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, kỹ năng, kỹ năng khám phá tài liệu và tri thức; thực hiện quản trị nhóm hiệu quả; có năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá các tình huống thực tế phát sinh của các vị trí chức danh đó trong thực tiễn.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Mô tả công việc của chức danh trong ngành tài chính - ngân hàng
CLO1.2	Mô tả công việc của chức danh trong ngành quản trị kinh doanh
CLO 1.3	Mô tả công việc của chức danh trong ngành kế toán
CLO1.4	Mô tả công việc của chức danh trong ngành kinh tế đầu tư
CLO2.1	Thể hiện kỹ năng phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề, kỹ năng tư duy, kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực trong giải quyết vấn đề lĩnh vực tài chính ngân hàng
CLO2.2	Thể hiện kỹ năng phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề, kỹ năng tư duy, kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực trong giải quyết vấn đề lĩnh vực quản trị kinh doanh
CLO2.3	Thể hiện kỹ năng phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề, kỹ năng tư duy, kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực trong giải quyết vấn đề lĩnh vực kế toán
CLO2.4	Thể hiện kỹ năng phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề, kỹ năng tư duy, kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực trong giải quyết vấn đề lĩnh vực kinh tế đầu tư
CLO3.1	Thực hiện thành lập nhóm
CLO3.2	Tổ chức hoạt động nhóm
CLO3.3	Phát triển và lãnh đạo nhóm
CLO4.1	Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá các tình huống thực tế phát sinh của các vị trí chức danh lĩnh vực tài chính ngân hàng trong thực tiễn
CLO4.2	Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá các tình huống thực tế phát sinh của các vị trí chức danh lĩnh quản trị kinh doanh trong thực tiễn
CLO4.3	Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá các tình huống thực tế phát sinh của các vị trí chức danh lĩnh kế toán trong thực tiễn
CLO4.4	Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá các tình huống thực tế phát sinh của các vị trí chức danh lĩnh kinh tế đầu tư trong thực tiễn

40. FIN30009: Kinh doanh chứng khoán

Mô tả học phần

Kinh doanh chứng khoán là học phần tự chọn được giảng dạy vào kỳ 7, dành cho sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng. Học phần này nhằm cung cấp những kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán như nghiệp vụ môi giới chứng khoán, nghiệp vụ tự doanh và tư vấn, nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán. Ngoài ra, học phần còn giúp người học thành tạo các kỹ năng phức tạp để có thể phân tích, nhận diện và giải quyết được các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh chứng khoán trong thực tiễn nền kinh tế.

Mục tiêu học phần

Học phần Kinh doanh chứng khoán nhằm giúp sinh viên có thể phân tích các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán; chấp nhận giá trị đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và hành xử chuyên nghiệp trong các nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán; thành thạo kỹ năng quản lý các nguồn lực và các hình thức giao tiếp trong kinh doanh chứng khoán; có năng lực phân tích bối cảnh thực tiễn để đưa ra ý tưởng, xây dựng và thực hiện, đồng thời có thể đánh giá và cải tiến các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán.

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Phân tích kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán
CLO2.1	Thành thạo kỹ năng quản lý các nguồn lực để thực hiện kinh doanh chứng khoán hiệu quả.
CLO2.2	Thành thạo kỹ năng giao tiếp và các hình thức giao tiếp để thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán
CLO3.1	Chấp nhận giá trị đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và hành xử chuyên nghiệp trong các nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán.
CLO4.1	Phân tích được bối cảnh thực tiễn để đưa ra ý tưởng trong kinh doanh chứng khoán
CLO4.2	Áp dụng các mục tiêu, chiến lược trong kinh doanh chứng khoán
CLO4.3	Phân tích hình thành ý tưởng kinh doanh chứng khoán
CLO4.4	Phân tích xây dựng nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán
CLO4.5	Phân tích thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán
CLO4.6	Phân tích đánh giá và cải tiến nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán

41. FIN30006: Đề án Tài chính - Tiền tệ

FIN30006: Học phần Đề án Tài chính tiền tệ

Mô tả học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên: Khả năng Tổng quát hóa các vấn đề về tài chính tiền tệ, kỹ năng khảo sát thực tế, phân tích vấn đề, kiểm chứng giả thuyết về lĩnh vực tài chính tiền tệ, từ đó xây dựng và cải tiến các vấn đề thuộc tài chính tiền tệ trong thực tiễn nền kinh tế.

Mục tiêu học phần: Nhận diện các vấn đề về tài chính tiền tệ Liên hệ các vấn đề tài chính tiền tệ trong thực tiễn và Xây dựng các biện pháp cải tiến vấn đề thuộc tài chính tiền tệ

Chuẩn đầu ra học phần:

Mục tiêu	Mô tả CĐR (2)
----------	---------------

(Gx.x) (1)	
CLO 1.1	Khái quát hóa các vấn đề về tài chính tiền tệ
CLO 1.2	Nhân diện các vấn đề tài chính tiền tệ
CLO 2.1	Thu thập thông tin, số liệu về các vấn đề tài chính tiền tệ trong thực tiễn
CLO 2.2	Phân tích vấn đề tài chính tiền tệ trong thực tiễn
CLO 2.3	Phát hiện các tác động của vấn đề tài chính tiền tệ trong thực tiễn
CLO 3.1	Xây dựng biện pháp cải tiến về các vấn đề tài chính tiền tệ
CLO 3.2	Thực hiện thuyết trình các vấn đề về tài chính tiền tệ

42. FIN30010: Ngân hàng trung ương

Mô tả học phần

Ngân hàng trung ương là học phần bắt buộc được giảng dạy ở Kỳ 7, dành cho sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng chuyên ngành Ngân hàng thương mại. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, phối hợp với kỹ năng tư duy, khả năng quản lý thời gian nguồn lực để đánh giá các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ được sử dụng trong thực tiễn và hình thành ý tưởng về các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương trong những bối cảnh nhất định.

Mục tiêu học phần

Sau khi hoàn thành học phần có thể phân tích được các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương; thể hiện kỹ năng tư duy, quản lý thời gian và nguồn lực trong giải quyết vấn đề của ngân hàng trung ương; đánh giá các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ và hình thành ý tưởng về các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ trong từng giai đoạn (bối cảnh) nhất định.

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần
CLO1.1	Lựa chọn được mục tiêu chính sách tiền tệ phù hợp
CLO1.2	Phân tích ưu nhược điểm của các công cụ chính sách tiền tệ
CLO1.3	Liên hệ các công cụ điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương các nước
CLO2.1	Thể hiện kỹ năng tư duy hệ thống trong giải quyết vấn đề của ngân hàng trung ương
CLO2.2	Thể hiện kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực trong giải quyết vấn đề của ngân hàng trung ương
CLO3.1	Hình thành ý tưởng các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ trong bối cảnh nhất định

CLO3.2	Đánh giá các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương trong thực tế
--------	--

43. FIN31014: Thực tập và Đồ án tốt nghiệp

Mô tả học phần

Ngân hàng trung ương là học phần bắt buộc được giảng dạy ở Kỳ 7, dành cho sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng chuyên ngành Ngân hàng thương mại. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, phối hợp với kỹ năng tư duy, khả năng quản lý thời gian nguồn lực để đánh giá các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ được sử dụng trong thực tiễn và hình thành ý tưởng về các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương trong những bối cảnh nhất định.

Mục tiêu học phần

Sau khi hoàn thành học phần có thể phân tích được các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương

ngành Tài chính - Ngân hàng chuyên ngành Ngân hàng thương mại. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, phối hợp với kỹ năng tư duy, khả năng quản lý thời gian nguồn lực để đánh giá các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ được sử dụng trong thực tiễn và hình thành ý tưởng về các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương trong những bối cảnh nhất định.

Mục tiêu học phần

Sau khi hoàn thành học phần có thể phân tích được các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương

ngành Tài chính - Ngân hàng chuyên ngành Ngân hàng thương mại. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, phối hợp với kỹ năng tư duy, khả năng quản lý thời gian nguồn lực để đánh giá các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ được sử dụng trong thực tiễn và hình thành ý tưởng về các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương trong những bối cảnh nhất định.

Mục tiêu học phần

Sau khi hoàn thành học phần có thể phân tích được các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương

ngành Tài chính - Ngân hàng chuyên ngành Ngân hàng thương mại. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, phối hợp với kỹ năng tư duy, khả năng quản lý thời gian nguồn lực để đánh giá các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ được sử dụng trong thực tiễn và hình thành ý tưởng về các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương trong những bối cảnh nhất định.

Mục tiêu học phần

Sau khi hoàn thành học phần có thể phân tích được các biện pháp điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương

PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Căn cứ pháp lý để xây dựng và thực hiện chương trình;
- Hướng dẫn sinh viên định hướng hoàn thành chương trình;
- Trách nhiệm của Bộ môn/khoa/viện/trường
- Trách nhiệm của giảng viên
- Trách nhiệm của sinh viên

Chương trình giáo dục đại học ngành Tài chính - Ngân hàng được thiết kế dựa trên các văn bản sau:

- Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Quy định số 2294/ĐT ngày 02 tháng 11 năm 2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh cụ thể hoá một số điều của quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.
- Công văn 9404/BGDĐT-GDĐH và Bảng tổng hợp kết quả rà soát của Bộ Giáo dục và Đào tạo các chương trình đào tạo của Trường Đại học Vinh.
- Kế hoạch số 1610/ĐHV-ĐT ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc điều chỉnh chương trình đào tạo đại học hệ chính quy.
- Quyết định số 3242/QĐ-ĐHV ngày 29/09/2014 của Trường Đại học Vinh ban hành về chương trình giáo dục đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.
- Quyết định số 1002/QĐ - ĐHV của Trường Đại học Vinh ban hành về chương trình đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngành Kế toán.
- Quyết định số 132/QĐ-ĐHV ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần tại Trường Đại học Vinh.
- Quyết định số 747/QĐ - ĐHV ngày 27/04/2017 Trường Đại học Vinh đã ban hành về chương trình dạy học đại học hệ chính quy được xây dựng dựa trên ma trận kỹ năng, nội dung chương trình dạy học tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ.
- Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ.

CTĐT ngành Kế toán được thiết kế với thời gian đào tạo là 4 năm với 8 học kì, khối lượng là 125 tín chỉ, trong đó có 09 tín chỉ tự chọn, tỉ lệ khối kiến thức chung và cơ sở ngành chiếm 75%, kiến thức chuyên ngành chiếm 25% khối lượng chương trình.

Để có thể xây dựng được chuẩn đầu ra CTĐT tiếp cận CDIO, Bộ môn Kế toán đã họp, thảo luận lấy ý kiến và tiếp thu các ý kiến xây dựng, góp ý từ Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa. Kể từ năm 2017, ngành đã bổ sung các CDR của chương trình đào tạo phù hợp với các trụ cột của CDIO cũng như phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động, đảm bảo tính cập nhật những vấn đề thời sự, những yêu cầu mới nhất của thị trường lao động, giúp xây dựng các mục tiêu và chuẩn đầu ra, khung năng lực CTĐT thay thế cho các CTĐT trước đó. Để hình thành chuẩn đầu ra, khung năng lực cho cử nhân ngành Kế toán, nhà trường đã xây dựng hội đồng tư vấn chương trình đào tạo, bao gồm các cán bộ quản lý, giảng viên bộ môn có thâm niên, đại diện các doanh nghiệp có liên quan giúp sức trong việc điều chỉnh, cập nhật và hoàn thiện CTĐT ngành Kế toán.

5.1. Trách nhiệm của Khoa/Trường

- Tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng mềm; câu lạc bộ Tài chính, các chương trình rèn nghề, các chương trình hỗ trợ đào tạo của các tổ chức đào tạo nghề nghiệp quốc tế để trang bị thêm nhiều kỹ năng và nâng cao năng lực nghề nghiệp cho sinh viên.
- Phải nghiên cứu kỹ chương trình đào tạo để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình. Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.
- Hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch học tập, tự học, tự nghiên cứu ngay từ năm đầu đại học.

5.2. Trách nhiệm của giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp;
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp;
- Thiết kế các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động NCKH sinh viên, các bài tập nhóm, bài thực hành, bài thảo luận, báo cáo thực tập ngành kế toán hướng tới mục tiêu hình thành ở người học các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Các bài tập nhóm, bài thảo luận giúp sinh viên hình thành kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng ứng xử; những bài tập thực tế giúp sinh viên hiểu, phân tích được tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo trong dạy học.
- Giảng viên và cố vấn học tập phải kiểm soát được suốt quá trình học tập của sinh viên, kể cả ở trên lớp và ở nhà;
- Việc kiểm tra, đánh giá học phần là một công cụ quan trọng cần phải được tổ chức thường xuyên để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nên giảng viên phải thực hiện theo đúng theo quy chế của học chế tín chỉ;
- Giảng viên phải kiên quyết ngăn chặn và chống gian lận trong tổ chức thi cử, kiểm tra và đánh giá.

5.3. Trách nhiệm của sinh viên

- Chủ động lên kế hoạch học tập, tham gia các chương trình Khoa và bộ môn tổ chức để hiểu hơn về các môn học và phát triển năng lực. Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.
- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng và đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.
- Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar.
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

PHỤ LỤC 1: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh	Học vị, năm, nước tốt nghiệp	Học phần đảm nhiệm
	Nguyễn Thị Hải Yến	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần Lịch sử các học thuyết kinh tế - Học phần Kinh tế vi mô - Học phần Thực hành doanh nghiệp mô phỏng
	Lương Thị Quỳnh Mai	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần Nhập môn ngành Kinh tế - Học phần Kinh tế quốc tế - Học phần Thống kê kinh tế
	Nguyễn Xuân Bình	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2011	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần Tiếng Anh 1
	Nguyễn Thị Lam Giang	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần Tiếng Anh 1
	Trần Xuân Sang	Giảng viên	Tiến sĩ, Nhật Bản, 2013	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần Tin học ứng dụng
	Lê Văn Thành	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần Tin học ứng dụng
	Trần Đức Thành	Giảng viên	PGS.Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần Toán cho các nhà kinh tế
	Vũ Thị Hồng Thanh	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần Toán cho các nhà kinh tế

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh	Học vị, năm, nước tốt nghiệp	Học phần đảm nhiệm
	Trần Viết Quang	Giảng viên	PGS.Tiến sĩ, Việt Nam, 2008	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần Triết học Mác - Lê nin - Học phần Kinh tế chính trị Mác Lê nin - Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học
	Nguyễn Văn Sang	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần Triết học Mác - Lê nin - Học phần Kinh tế chính trị Mác Lê nin - Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học
	Trần Thị Thanh Tâm	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần Kinh tế vi mô - Học phần Kinh tế quốc tế - Thống kê kinh tế
	Nguyễn Văn Quỳnh	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần Thống kê kinh tế - Học phần Kinh tế vĩ mô - Học phần Lịch sử các học thuyết kinh tế - Học phần Thực hành doanh nghiệp mô phỏng
	Nguyễn Thanh Diệu	Giảng viên	PGS.Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần Xác suất - thống kê và toán kinh tế
	Nguyễn Văn Quang	Giảng viên	Tiến sĩ, Đức, 2016	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần Xác suất - thống kê và toán kinh tế
	Phan Văn Tuấn	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh	Học vị, năm, nước tốt nghiệp	Học phần đảm nhiệm
	Bùi Thị Càn	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	- Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh
	Phan Thị Hương	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	- Học phần Tiếng Anh 2
	Nguyễn Thị Hiền Lương	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	- Học phần Tiếng Anh 2
	Nguyễn Văn Trung	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	- Học phần Lịch sử Đảng CSVN
	Trần Cao Nguyên	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	- Học phần Lịch sử Đảng CSVN
	Trần Thị Hồng Lam	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	- Học phần Kinh tế vi mô - Học phần Kinh tế vĩ mô
	Trần Thị Lê Na	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	- Học phần Marketing căn bản - Học phần Quản trị học
	Trần Quang Bách	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	- Học phần Quản trị học
	Phạm Thị Huyền Sang	Giảng viên	Thạc sĩ, Anh Quốc, 2014	- Học phần Luật kinh tế
	Hồ Thị Duyên	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	- Học phần Luật kinh tế

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh	Học vị, năm, nước tốt nghiệp	Học phần đảm nhiệm
	Nguyễn Thị Thuý Quỳnh	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	- Học phần Thống kê kinh tế - Học phần Quản lý nhà nước về kinh tế
	Nguyễn Thế Lân	Giảng viên	Thạc sĩ, Nhật Bản, 2016	- Học phần Thống kê kinh tế - Học phần Kinh tế quốc tế
	Nguyễn Thị Thu Cúc	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	- Học phần Lý thuyết tài chính tiền tệ
	Hoàng Thị Việt	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	- Học phần Lý thuyết tài chính tiền tệ - Tài chính quốc tế - Thanh toán quốc tế
	Hoàng Thị Thuý Vân	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	- Học phần Quản lý nhà nước về kinh tế - Học phần Văn hoá kinh doanh
	Hoàng Thị Cẩm Thương	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	- Học phần Văn hoá kinh doanh - Học phần Marketing căn bản
	Hồ Thị Diệu Ánh	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	- Học phần Quản trị doanh nghiệp - Học phần Văn hoá kinh doanh - Học phần Quản trị học
	Trần Thị Hoàng Mai	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	- Học phần Kinh tế quốc tế - Học phần Quản lý nhà nước về Kinh tế
	Nguyễn Thị Minh Phượng	Giảng viên	PGS. Tiến sĩ, Việt	- Học phần Kinh tế vi mô - Học phần Kinh tế vĩ mô

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh	Học vị, năm, nước tốt nghiệp	Học phần đảm nhiệm
			Nam, 2020	
	Lê Vũ Sao Mai	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	- Học phần Lập dự án đầu tư - Học phần Thực hành DN mô phỏng
	Đặng Thành Cương	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	- Học phần Quản trị tài chính - Tài chính doanh nghiệp - Tài chính doanh nghiệp hiện đại
	Nguyễn Thị Anh Giang	Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	- Học phần Quản trị tài chính - Tài chính công ty đa quốc gia
	Trần Thị Lưu Tâm	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	- Học phần Thị trường tài chính - Thanh toán quốc tế - Tài chính quốc tế
	Nguyễn Thị Bích Thủy	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	- Học phần Lý thuyết tài chính tiền tệ - Học phần Thị trường tài chính - Phân tích và đầu tư tài chính
	Trịnh Thị Hằng	Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	- Bảo hiểm - Tài chính doanh nghiệp hiện đại
	Bành Thị Thảo		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	- Ngân hàng trung ương - Thực hành doanh nghiệp mô phỏng - Định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp
	Nguyễn Thanh Huyền		Thạc sĩ, Việt Nam	- Định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh	Học vị, năm, nước tốt nghiệp	Học phần đảm nhiệm
			Nam, 2015	- Lý thuyết tài chính tiền tệ
	Nguyễn Đình Tiến		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	- Tín dụng ngân hàng - Dịch vụ ngân hàng hiện đại - Thực tập tốt nghiệp
	Hoàng Thị Thanh Huyền		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	- Kế toán ngân hàng - Dịch vụ ngân hàng hiện đại - Thực tập tốt nghiệp
	Đoàn Thị Ngọc Hân		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	- Quản trị tài chính - Bảo hiểm - Tài chính doanh nghiệp
	Nguyễn Thị Yên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	- Lý thuyết tài chính tiền tệ - Dịch vụ ngân hàng hiện đại - Tín dụng ngân hàng

PHỤ LỤC 2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

TT	Tên cơ sở vật chất	Số lượng
	Phòng học	282
	Phòng học có máy chiếu	192
	Phòng học tiếng nước ngoài	8
	Phòng học máy tính	18
	Phòng học có kết nối trực tuyến	57
	Phòng học online	16
	Phòng thực hành thí nghiệm	76
	Phòng làm việc	68
	Phòng seminar và sinh hoạt bộ môn	Mỗi khoa có 1 phòng
	Phòng họp	Có 2 phòng họp lớn

TT	Tên cơ sở vật chất	Số lượng
	Hội trường	1 hội trường lớn
	Thư viện	1 toà nhà 7 tầng
	Thư viện điện tử	Có hệ thống thư viện điện tử
	Hệ thống mượn sách tự động	Có hệ thống mượn sách tự động
	Phòng học	6
	Hội trường	1
	Phòng máy tính	3
	Kho sách	9
	Phòng đọc	6
	Chỗ ngồi	2000
	Giáo trình	26.000 với 200.000 bản
	Tạp chí	129 loại
	Luận án và luận văn	16.500
	Tài liệu, giáo trình điện tử	16.000
	Bộ cơ sở dữ liệu trực tuyến	5
	Trung tâm đào tạo Ngân hàng, Chứng khoán và doanh nghiệp mô phỏng	1
	Hệ thống công nghệ thông tin dùng cho quản lý	Có hệ thống công nghệ thông tin hiện đại phục vụ cho quản lý e-office, CMC, LMS
	Máy vi tính để bàn	1.046
	Máy tính phục vụ giảng dạy	716
	Máy tính phục vụ công tác quản lý	330
	Máy tính xách tay	Trang bị cho cán bộ quản lý và Tiến sĩ
	Kí túc xá với căng tin và nhà ăn	Có
	Hệ thống sân thể dục thể thao	
	Sân bóng chuyên	6
	Sân bóng đá mini	6
	Sân bóng đá lớn	1
	Sân thể thao phụ	Nhiều sân với tổng diện tích 35.000 m ²
	Nhà thi đấu đa năng	1 nhà thi đấu với 1.000 chỗ ngồi

TT	Tên cơ sở vật chất	Số lượng
	Trung tâm Giáo dục Quốc Phòng - An ninh	1
	Phòng y tế	1 nhà gồm nhiều phòng làm việc đảm bảo sức khoẻ cho cán bộ, sinh viên

[Liệt kê CSVC cần thiết để phục vụ giảng dạy và học tập của mỗi ngành]

PHỤ LỤC 3: MA TRẬN PHÂN NHIỆM CDR CTĐT VÀ CÁC HỌC PHẦN

Bảng B1. Ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra CTĐT và các học phần

1.2			1.3		2.1				2.2			3.1			3.2		
1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	3
·	·	·	·	·	·	·	·	·	·	·	·	·	·	·	·	·	·
2	2	2	3	3	1	1	1	1	2	2	2	3	1	1	2	2	2
·	·	·	·	·	·	·	·	·	·	·	·	·	·	·	·	·	·
1	2	3	1	2	1	2	3	4	1	2	3	1	2	3	1	2	2
K 3					S 2			S 2	A 2				S 2	S 2		S 2	S 2
	K 3					S 2				A 2	A 2						
							S 2		A 2								S 2

1.2			1.3		2.1				2.2			3.1			3.2		
1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	3
.	3.	.	.	3.	.
2	2	2	3	3	1	1	1	1	2	2	2	1.	1	1	2.	2	2
.	1	.	.	1	.
1	2	3	1	2	1	2	3	4	1	2	3		2	3		2	2
							S			A							
							2			2							
K					S				A								
3					2				2								
							S			A							
							2			2							
		K			S		S		A	A							
		3			2		2		2	2							

1.2			1.3		2.1				2.2			3.1			3.2		
1 · 2 · 1	1 · 2 · 2	1 · 2 · 3	1 · 3 · 1	1 · 3 · 2	2 · 1 · 1	2 · 1 · 2	2 · 1 · 3	2 · 1 · 4	2 · 2 · 1	2 · 2 · 2	2 · 2 · 3		3. 1. 1	3 · 1 · 2	3 · 1 · 3	3. 2. 1	3 · 2 · 2
							S 2										
K 3						S 2			A 2								
						S 2			A 2								
		K 3				S 2	S 2		A 2				S 3	S 2			S 2

1.2			1.3		2.1				2.2			3.1			3.2			
1 · 2 · 1	1 · 2 · 2	1 · 2 · 3	1 · 3 · 1	1 · 3 · 2	2 · 1 · 1	2 · 1 · 2	2 · 1 · 3	2 · 1 · 4	2 · 2 · 1	2 · 2 · 2	2 · 2 · 3		3. 1. 1	3 · 1 · 2	3 · 1 · 3		3. 2. 1	3 · 2 · 2
K 3					S 2	S 2			A 2									
		K 3				S 2	S 2											
		K 3			S 2			S 2	A 2									
K 3		K 3					S 2			A 3								S 2
		K 3			S 2	S 2	S 2											

1.2			1.3		2.1				2.2			3.1			3.2			
1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	3	
.	3.	.	.	3.	.	
2	2	2	3	3	1	1	1	1	2	2	2	1.	1	1	2.	2	2	
.	1	.	.	1	.	.	
1	2	3	1	2	1	2	3	4	1	2	3		2	3			2	
			K 3		S 3			S 2		A 3								
K 3					S 2				A 3									S 2
						S 3												

1.2			1.3		2.1				2.2			3.1			3.2		
1 · 2 · 1	1 · 2 · 2	1 · 2 · 3	1 · 3 · 1	1 · 3 · 2	2 · 1 · 1	2 · 1 · 2	2 · 1 · 3	2 · 1 · 4	2 · 2 · 1	2 · 2 · 2	2 · 2 · 3		3 · 1 · 1	3 · 1 · 2	3 · 1 · 3	3 · 2 · 1	3 · 2 · 2
		K 3								A 3	A 3					S 3	S 3
K 4					S 3			S 3	A 3								S 3
	K 4				S 3	S 3					A 3						S 3
		K 4			S 3			S 3	A 3								
						S 3				A 3							

1.2			1.3		2.1				2.2			3.1			3.2			
1 · 2 · 1	1 · 2 · 2	1 · 2 · 3	1 · 3 · 1	1 · 3 · 2	2 · 1 · 1	2 · 1 · 2	2 · 1 · 3	2 · 1 · 4	2 · 2 · 1	2 · 2 · 2	2 · 2 · 3		3. 1. 1	3 · 1 · 2	3 · 1 · 3		3. 2. 1	3 · 2 · 2
				K 4	S 3					A 4								S 3
							S 3				A 3							
		K 4			S 3				A 3				S 3					S 3
			K 4		S 3		S 3			A 4								
			K 4			S 3												

1.2			1.3		2.1				2.2			3.1			3.2	
1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	3.	3	3	3.	3
.	1.	1	1	2.	2
2	2	2	3	3	1	1	1	1	2	2	2	1	2	3	1	2
.					
1	2	3	1	2	1	2	3	4	1	2	3		2	3		2
			K			S										
			4			3										
			K			S										
			4			4										
				K					A	A	S	S	S	S		
				4					4	4	4	4	4	4		
				K					A							
				4					4							

1.2			1.3		2.1				2.2			3.1			3.2	
1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	3.	3	3	3.	3
.	1.	1	1	2.	2
2	2	2	3	3	1	1	1	1	2	2	2	1	2	3	1	2
.					
1	2	3	1	2	1	2	3	4	1	2	3		2	3		2
				K 4					A 4	A 4						
			K 4				S 4		A 4			S 4	S 4	S 4		
			K 4	K 4											S 4	S 4
			K 4		S 4		S 4		A 4							

1.2			1.3		2.1				2.2			3.1			3.2	
1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	3.	3	3	3.	3
.	1.	.	.	2.	.
2	2	2	3	3	1	1	1	1	2	2	2	1	1	1	1	2
.
1	2	3	1	2	1	2	3	4	1	2	3		2	3		2

					S 4		S 4			A 4			S 4	S 4			S 4
			K 4					S 4		A 4							S 4
			K 4	K 4		S 4											S 4

1.2			1.3		2.1				2.2			3.1			3.2			
1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	3	
.	3.	.	.	3.	.	
2	2	2	3	3	1	1	1	1	2	2	2	3.	1	1	2.	2	2	
.	1	.	.	1	.	.	
1	2	3	1	2	1	2	3	4	1	2	3		2	3			2	
				K 4			S 4	S 4										
					S 4	S 4		S 4	A 4	A 4			S 4	S 4			S 4	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN ĐỒ ÁN ĐÃ NGHIỆM THU
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT
NHẬP MÔN NGÀNH KINH TẾ

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Nguyễn Thị Thuý Vinh

Học hàm, học vị: Giảng viên chính - Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Kinh tế - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0916605469, vinhntt@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu: Kinh tế phát triển

Giảng viên 2: Ngô Hồng Nhung

Học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tài chính ngân hàng - Trường Kinh tế - ĐHV

Điện thoại, email: 0815.099.023, nhungnh@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu: Tài chính ngân hàng

Giảng viên 3: Trần Thị Lưu Tâm

Học hàm, học vị: Giảng viên - Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Kinh tế - trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0985.824.777, tamttl@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính ngân hàng

Giảng viên 4: Lương Thị Quỳnh Mai

Học hàm, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Kinh tế - trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0979790980, mailtq@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế

Giảng viên 5: Nguyễn Mai Hương

Học hàm, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Kinh tế - trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0989774389, huongnm@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học

Giảng viên 6: Cao Thị Thanh Vân

Học hàm, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Kinh tế - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0984.768.764, vanctt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế đầu tư

Giảng viên 7: Bành Thị Thảo

Học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tài chính ngân hàng - Trường Kinh tế - ĐHV

Điện thoại, email: 0985697328, thaobt@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu: Tài chính ngân hàng

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Nhập môn ngành Kinh tế (tiếng Anh): Introduction to economics	
- Mã số học phần: ECO20001	
- Thuộc CTĐT ngành:	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản	<input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung
<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án
<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
- Số tín chỉ: (đối với học phần có dự án/đồ án có ít nhất tối thiểu 4 tín chỉ)	
+ Số tiết lý thuyết: 30	
+ Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 15	
+ Số tiết tự học: 120	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết:	Mã số HP:
+ Học phần học trước:	Mã số HP:
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:	
+ Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp:	
+ Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS (Mục 5.1).	
+ Tham gia đầy đủ các bài thảo luận, hoạt động nhóm	
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế	
Điện thoại:	Email:

2. Mô tả học phần

Học phần Nhập môn ngành Kinh tế là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở nhóm ngành Kinh tế, được giảng dạy ở kỳ I trong CTĐT. Học phần này cung cấp những kiến thức tổng quát về khối ngành kinh tế; các nghề nghiệp liên quan đến khối ngành kinh tế. Sinh viên được trang bị phương pháp học tập hiệu quả, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực, làm việc nhóm, giao tiếp cần có, từ đó rèn luyện tư duy, sự sẵn sàng chấp nhận rủi ro và khả năng thích ứng với sự phức tạp của thực tế.

3. Mục tiêu học phần

Người học nắm được các kiến thức cơ bản về tổng quát về khối ngành kinh tế, định hướng nghề nghiệp. Người học có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển được dự án kinh doanh cụ thể. Học phần bước đầu hình thành cho người học kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1,...)

4.1. Độ tương thích chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Độ tương thích với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo						
	PLO 1.2	PLO2.1	PLO2.2	PLO3.1	PLO3.2	PLO4.1	PLO4.2

	1.2. 1	2.1. 1	2.1. 4	2.2.1	3.1. 1	3.1. 2	3.2. 1	3.2. 2	4.1.2	4.2. 1	4.2. 2	4.2. 3	4.2. 4
CLO1.1	<input type="checkbox"/>								<input type="checkbox"/>				
CLO1.2									<input type="checkbox"/>				
CLO1.3		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>										
CLO2.1										<input type="checkbox"/>			
CLO2.2											<input type="checkbox"/>		
CLO2.3												<input type="checkbox"/>	
CLO2.4													<input type="checkbox"/>
CLO3.1		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>										
CLO3.2				<input type="checkbox"/>									
CLO4.1					<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>							
CLO4.2							<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>					

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Hình dung về bối cảnh chung của khối ngành kinh tế, mối quan hệ giữa kinh tế và cuộc sống	Elearning Thảo luận	Trắc nghiệm
CLO1.2	K2	Hiểu rõ vai trò và các vị trí làm việc của cử nhân kinh tế	Elearning Tự học	Hồ sơ học tập
CLO1.3	S2	Biết các đặc điểm học tập ở bậc đại học và nắm vững các phương pháp học tập, thi có hiệu quả	Elearning Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO2.1	C3	Thực hiện hình thành ý tưởng kinh doanh của đề án	Làm việc nhóm	Đồ án
CLO2.2	C3	Triển khai lập kế hoạch cho các hoạt động của đề án	Làm việc nhóm	Đồ án
CLO2.3	C3	Triển khai thực hiện các hoạt động của đề án	Làm việc nhóm	Đồ án
CLO2.4	C3	Thực hiện tổng kết và đánh giá quá trình thực hiện đề án	Làm việc nhóm	Đồ án
CLO3.1	S2	Vận dụng kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực trong quá trình thực hiện đề án	Làm việc nhóm	Đồ án
CLO3.2	A2	Thể hiện sự linh hoạt, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp của thực tế	Làm việc nhóm	Đồ án

CLO4.1	S2	Áp dụng thành lập nhóm và tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả	Elearning Thảo luận	Hồ sơ học tập Đồ án
CLO4.2	S2	Áp dụng giao tiếp bằng văn bản và đa phương tiện	Elearning Thuyết trình	Hồ sơ học tập Đồ án

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				30%
A1.1	- chuyên cần thái độ	Rubric bảng 1	-	
A1.2	- Bài tập nhóm; SV nộp bài trên Elearning, Nhóm đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric Bảng 2	CLO4.1 CLO4.2	
A1.3	- Bài tập nhóm; SV nộp bài qua Elearning; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric Bảng 3	CLO4.1 CLO4.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ				20%
A2.1	- Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	Đáp án	CLO1.1 CLO1.2 CLO1.3	
A3. Đánh giá cuối kỳ				50%
A3.1	- Bài tập đồ án nộp theo nhóm	Rubric bảng 4	CLO2.1 CLO2.2 CLO4.1 CLO4.2	
A3.2	- Gian hàng trong Ngày hội Nhập môn	Rubric bảng 5	CLO2.3 CLO2.4 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2	

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên

Bảng 1. Rubric đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (GV đánh giá) (A1.1)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	5.0 – 4.0	3.0	2.0	1.0
Mức độ tham dự học	Tham gia 100% các buổi học, thảo luận trên lớp.	Tham gia trên 80% các buổi học, thảo luận trên lớp.	Tham gia 80% các buổi học, thảo luận trên lớp.	Tham gia dưới 80% các buổi học, thảo luận trên lớp.

theo TKB (5 điểm)				
Mức độ tham gia các hoạt động học tập và thảo luận (5 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học, hoạt động thảo luận. - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học, thảo luận. - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực trong các giờ học, thảo luận. - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực trong các giờ học, thảo luận. - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập.
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (Bằng chữ:)				

Bảng 2. Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho nhóm SV tự đánh giá) A.1.2

Các tiêu chí	Mức độ & Thang điểm			
	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0
1. Nhận nhiệm vụ (2 điểm)	Xung phong nhận nhiệm vụ.	Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao.	Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao.	Dường như từ chối nhận nhiệm vụ.
2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm (2 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm. - Biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động. - Đôi lúc chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Còn ít tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. - Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đường như không tham gia hay bày tỏ ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. - Đường như không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.

3. Tôn trọng ý kiến tập thể (2 điểm)	Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng phải biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng.	Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng chưa biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng.	Đôi khi chưa tôn trọng ý kiến của tập thể, và chưa biết bày tỏ quan điểm cá nhân, bảo vệ những lí do chính đáng.	Dường như không tôn trọng ý kiến của tập thể, mà chỉ bày tỏ quan điểm và bảo vệ những lí do không chính đáng.
4. Kết quả làm việc (2 điểm)	Có sản phẩm tốt, theo mẫu và vượt mức thời gian.	Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian.	Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian.	Sản phẩm hầu như không đạt tiêu chuẩn.
5. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung (2 điểm)	Thể hiện trách nhiệm cao về sản phẩm chung.	Thể hiện trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Dường như không chịu trách nhiệm gì về sản phẩm chung.
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (Bằng chữ:)				

Bảng 3. Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho GV đánh giá) A1.3

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5
1. Kế hoạch nhóm (2 điểm)	- Kế hoạch rõ ràng, khoa học. - Phân công nhiệm vụ cụ thể, công bằng và phù hợp với các thành viên của nhóm.	- Kế hoạch rõ ràng, khoa học. - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa công bằng và chưa thực sự phù hợp với các thành viên của nhóm.	- Kế hoạch khá rõ ràng, khá khoa học. - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa phù hợp với các thành viên của nhóm.	- Kế hoạch chưa rõ ràng, chưa khoa học - Phân công nhiệm vụ nhưng không cụ thể, không phù hợp với các thành viên của nhóm.
	3.0 – 2.5	2.0	1.5 – 1.0	0.5 - 0

<p>2. Tổ chức thực hiện (3 điểm)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin hữu ích. - Toàn bộ thành viên đều tham gia tích cực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được khá nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin khá hữu ích. - Thành viên tham gia đầy đủ nhưng chưa thực sự tích cực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai tương đối đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được một số thông tin (minh chứng) nhưng chưa đầy đủ và thông tin khá hữu ích - Thành viên tham gia chưa đầy đủ và một số thành viên chưa tích cực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai chưa đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được ít thông tin (minh chứng) và thông tin chưa hữu ích - Nhiều thành viên không tham gia
	5.0 – 4.0	4.0 -3.0	3.0 – 1.0	1.0 - 0
<p>3. Kết quả làm việc nhóm (5 điểm)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc sản phẩm hợp lí và hình thức trình bày đẹp, sinh động. - Sản phẩm đạt chất lượng tốt. - Hoàn thành đúng thời hạn. - Có bảng đánh giá chi tiết thành viên trong nhóm. - Trình bày và trả lời tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí và hình thức trình bày khá đẹp, khá sinh động. - Sản phẩm đạt chất lượng khá. - Hoàn thành đúng thời hạn. - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng chưa chi tiết - Trình bày và trả lời khá tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí nhưng hình thức trình bày chưa đẹp, và chưa sinh động. - Sản phẩm đạt yêu cầu. - Hoàn thành tương đối đúng thời hạn. - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng hơi sơ sài - Trình bày và trả lời được câu hỏi ở mức độ chấp nhận về báo cáo sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc sản phẩm chưa hợp lí, hình thức trình bày không đẹp, và không sinh động. - Sản phẩm không đạt yêu cầu. - Hoàn thành không đúng thời hạn. - Không có bảng đánh giá thành viên trong nhóm - Trình bày nhưng dường như không trả lời được câu hỏi về báo cáo sản phẩm.
<p>TỔNG ĐIỂM: _____/10 (bằng chữ:)</p>				

Cách tính điểm đánh giá hoạt động nhóm cho từng SV

TT	Họ và tên	Điểm cá nhân do nhóm chấm (bảng 2)	Điểm nhóm do GV chấm (bảng 3)	Tổng điểm
1	Nguyễn Văn A	N	M	(N+M)/2
2	Lê Thị B			
3	Trần Văn C			

5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá đồ án cuối kỳ

Bảng 4. Rubric đánh giá kỹ năng thuyết trình và slide trình chiếu đồ án theo nhóm (A3.1)

Tiêu chí	Mức độ & Thang điểm			
	2.0	1.5	1.0	0.5 – 0
1. Nội dung trình bày (2 điểm)	Bố cục lô gíc, đầy đủ; thông tin chính xác, khoa học, đúng trọng tâm; có thông tin mới, cập nhật.	Bố cục khá lô gíc, đầy đủ; thông tin chưa thực sự chính xác, chưa khoa học; có thông tin mới, cập nhật.	Bố cục chưa lô gíc, chưa đầy đủ; có một số nội dung chưa đúng trọng tâm; có thông tin mới nhưng không nhiều và chưa cập nhật.	Bố cục thiếu từ 2 phần trở lên; thông tin không chính xác; nhiều nội dung không đúng trọng tâm; không có thông tin mới, cập nhật.
2. Hình thức thuyết trình (slide trình chiếu) (2 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> Hình thức trình bày tốt (hình ảnh khá sắc nét và kích thước khá phù hợp, cỡ chữ trình chiếu hợp lý, dễ nhìn); sử dụng công cụ hỗ trợ phù hợp với nội dung. Thể hiện sự sáng tạo và gây ấn tượng đối với khán giả. 	<ul style="list-style-type: none"> Hình thức khá tốt (hình ảnh chưa sắc nét và kích thước khá phù hợp, cỡ chữ trình chiếu khá hợp lý, khá dễ nhìn); sử dụng công cụ hỗ trợ chưa thực sự phù hợp với nội dung. Thể hiện sự sáng tạo nhưng chưa thực sự gây ấn tượng đối với khán giả. 	<ul style="list-style-type: none"> Hình thức chưa tốt (hình ảnh không sắc nét và kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lý, khó nhìn, phông); có sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng chưa phù hợp nội dung. Chưa thể hiện sự sáng tạo và chưa gây ấn tượng đối với khán giả. 	<ul style="list-style-type: none"> Hình thức trình bày dường như chưa đạt yêu cầu (không có hình ảnh hoặc có nhưng kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lý, khó nhìn); không hoặc có sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng không phù hợp nội dung. Không thể hiện sự sáng tạo và không gây ấn tượng gì đối với khán giả.

<p>3. Sử dụng ngôn ngữ lời nói và phi ngôn ngữ (2 điểm)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, truyền cảm và thuyết phục người nghe. - Sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể hợp lý và tự nhiên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, song chưa thực sự truyền cảm và thuyết phục người nghe. - Có sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể, song đôi khi chưa hợp lý và chưa tự nhiên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa rõ ràng, khá dài dòng và hơi khó hiểu và chưa thuyết phục người nghe. - Ít sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể. Nếu có sử dụng nhưng không hợp lý và không tự nhiên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày không rõ ràng, dài dòng và khó hiểu, không thuyết phục người nghe. - Không sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể.
<p>4. Tương tác với khán giả (2 điểm)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các hình thức tương tác phù hợp và hiệu quả (nhìn, lắng nghe, gây chú ý, khuyến khích khán giả). - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi của khán giả đầy đủ, chính xác, súc tích. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các hình thức tương tác đôi khi chưa phù hợp và hiệu quả. - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi của khán giả khá đầy đủ, chính xác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ít sử dụng các hình thức tương tác và nếu có thì dường như ít phù hợp và ít hiệu quả. - Trả lời câu hỏi của khán giả chưa đầy đủ, chính xác, và chưa đưa ra được câu hỏi cho khán giả. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không sử dụng hình thức tương tác nào hoặc nếu có thì không phù hợp và không hiệu quả. - Dường như không trả lời và không đưa ra được câu hỏi cho khán giả.
<p>5. Quản lí thời gian & hợp tác nhóm (2 điểm)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian trình bày đúng thời gian quy định. - Phân chia công việc hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian trình bày nhanh/ chậm hơn so với thời gian quy định nhưng không đáng kể (khoảng 1-2 phút). - Phân chia công việc khá hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian trình bày nhanh/ chậm hơn khá nhiều so với thời gian quy định (khoảng 3-4 phút). - Phân chia công việc chưa hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và ít có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian trình bày nhanh/ chậm rất nhiều hơn so với thời gian quy định (từ 5 phút trở lên). - Phân chia công việc không hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và dường như không sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình.

TỔNG ĐIỂM: _____/10 (bằng chữ:)

Bảng 5. Rubric đánh giá gian hàng (A3.2)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	5.0 – 4.0	4.0 -3.0	3.0 – 1.0	1.0 - 0
Gian hàng (5 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Có biển hiệu/slogan - Có sự khác biệt/đa dạng sản phẩm - Đảm bảo chất lượng sản phẩm - Cách trang trí gian hàng phù hợp - Vệ sinh gian hàng sạch sẽ 	<ul style="list-style-type: none"> - Có biển hiệu/slogan - Không có sự khác biệt/đa dạng sản phẩm - Đảm bảo chất lượng sản phẩm - Cách trang trí gian hàng phù hợp - Vệ sinh gian hàng sạch sẽ 	<ul style="list-style-type: none"> - Có biển hiệu/slogan - Không có sự khác biệt/đa dạng sản phẩm - Chưa đảm bảo chất lượng sản phẩm - Cách trang trí gian hàng chưa phù hợp - Vệ sinh gian hàng sạch sẽ 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có biển hiệu/slogan - Không có sự khác biệt/đa dạng sản phẩm - Chưa đảm bảo chất lượng sản phẩm - Cách trang trí gian hàng chưa phù hợp - Vệ sinh gian hàng chưa sạch sẽ
Kỹ năng bán hàng (5 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Cách tư vấn bán hàng (nhiệt tình, hiệu rõ sản phẩm, thuyết phục khách hàng) - Công cụ hỗ trợ bán hàng (có truyền thông, hình ảnh sản phẩm...) -Trang phục đội ngũ bán hàng đẹp, phù hợp 	<ul style="list-style-type: none"> - Cách tư vấn bán hàng: chưa nhiệt tình, hiệu rõ sản phẩm, thuyết phục khách hàng) - Công cụ hỗ trợ bán hàng (truyền thông, hình ảnh sản phẩm...) chưa đặc sắc -Trang phục đội ngũ bán hàng chưa đẹp, phù hợp -Kết quả bán hàng/ An ninh trật tự + đảm bảo an toàn trong quá 	<ul style="list-style-type: none"> - Cách tư vấn bán hàng: chưa nhiệt tình, hiệu rõ sản phẩm, thuyết phục khách hàng) - Công cụ hỗ trợ bán hàng (truyền thông, hình ảnh sản phẩm...) chưa đặc sắc -Trang phục đội ngũ bán hàng chưa đẹp, phù hợp -Kết quả bán hàng/ An ninh trật tự + đảm bảo an toàn trong quá 	<ul style="list-style-type: none"> - Cách tư vấn bán hàng: chưa nhiệt tình, hiệu rõ sản phẩm, thuyết phục khách hàng) - Công cụ hỗ trợ bán hàng (truyền thông, hình ảnh sản phẩm...) chưa đặc sắc -Trang phục đội ngũ bán hàng chưa đẹp, phù hợp -Kết quả bán hàng/ An ninh trật tự + đảm bảo an toàn trong quá trình bán hàng chưa

	<p>-Kết quả bán hàng/ An ninh trật tự + đảm bảo an toàn trong quá trình bán hàng (vấn đề cháy nổ, âm lượng nhạc, bàn ghế/ dụng cụ gian hàng không để ra ngoài gian hàng quá 1m)</p> <p>- Khả năng làm việc nhóm (có sự phối hợp giữa các bộ phận của gian hàng/ giữa gian hàng và ban tổ chức)</p>	<p>trình bán hàng (vấn đề cháy nổ, âm lượng nhạc, bàn ghế/ dụng cụ gian hàng không để ra ngoài gian hàng quá 1m)</p> <p>- Khả năng làm việc nhóm (có sự phối hợp giữa các bộ phận của gian hàng/ giữa gian hàng và ban tổ chức)</p>	<p>trình bán hàng chưa đảm bảo (vấn đề cháy nổ, âm lượng nhạc, bàn ghế/ dụng cụ gian hàng không để ra ngoài gian hàng quá 1m)</p> <p>- Khả năng làm việc nhóm (có sự phối hợp giữa các bộ phận của gian hàng/ giữa gian hàng và ban tổ chức)</p>	<p>đảm bảo (vấn đề cháy nổ, âm lượng nhạc, bàn ghế/ dụng cụ gian hàng không để ra ngoài gian hàng quá 1m)</p> <p>- Khả năng làm việc nhóm chưa tốt (sự phối hợp giữa các bộ phận của gian hàng/ giữa gian hàng và ban tổ chức)</p>
<p>TỔNG ĐIỂM: _____/10 (bằng chữ.....)</p>				

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Khoa Kinh tế, Nhập môn ngành Kinh tế (Tài liệu nội bộ), Đại học Vinh, 2017

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Hoàng Văn Hoa, Trần Thị Vân Hoa, Giáo trình giao tiếp trong kinh doanh, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2012

[3] John C. Maxwell, 17 nguyên tắc vàng khi làm việc nhóm, Bản dịch của Đức Anh, Nxb Lao động - Xã hội, 2012

7. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung công việc	Địa điểm/ không gian thực hiện	Hoạt động của sinh viên	Kết quả cần đạt được	Bài đánh giá	CĐR học phần
1	<p>Chương 1: Giới thiệu về khối ngành kinh tế</p> <p>1.1. Kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá</p> <p>1.1.1. Sự phát triển của kinh tế thế giới</p> <p>1.1.2. Cơ hội việc làm cho cử nhân kinh tế</p> <p>1.1.3. Chuẩn bị cho sự nghiệp thành công</p> <p>1.2. Các chương trình đào tạo khối ngành kinh tế của trường Đại học Vinh</p>	Elearning Tại lớp	<p>Liên kết với thành viên khác của nhóm để đặt tên, chọn nhóm trưởng, tìm cách liên lạc với nhau</p> <p>Thảo luận tìm hiểu về khối ngành kinh tế (vai trò, vị trí và chương trình đào tạo)</p> <p>Thảo luận về các vấn đề giáo viên đưa ra</p>	Sinh viên biết bối cảnh chung của khối ngành kinh tế, mối quan hệ giữa kinh tế và cuộc sống	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1	CLO1.1 CLO1.2

	<p>1.2.1. Ngành Kinh tế (chuyên ngành Kinh tế đầu tư)</p> <p>1.2.2. Ngành Tài chính ngân hàng (Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng thương mại)</p>					
2	<p>1.2.3. Ngành Kế toán</p> <p>1.2.4. Ngành Quản trị kinh doanh</p> <p>1.2.5. Hệ Quản trị Kinh doanh chất lượng cao</p> <p>1.2.6. Ngành thương mại điện tử</p> <p>1.3. Chuẩn mực nghề nghiệp</p>	<p>Elearning</p> <p>Tại lớp</p> <p>Tự học</p>	<p>Thảo luận tìm hiểu về khối ngành kinh tế (vai trò, vị trí và chương trình đào tạo)</p> <p>Sinh viên thực hiện quay video vì sao em chọn ngành học hiện tại</p>	<p>Sinh viên nắm được vai trò và các vị trí làm việc của cử nhân kinh tế</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p>
3	<p>Chương 2:</p>					

	<p>Phương pháp học tập hiệu quả cho sinh viên khối ngành kinh tế</p> <p>2.1. Học tập ở đại học đối với sinh viên khối ngành kinh tế</p> <p>2.1.1. Bối cảnh và những thách thức đối với sinh viên Việt Nam</p> <p>2.1.2. Những quan niệm mới về học tập ở bậc đại học</p> <p>2.1.3. Bốn trụ cột của học tập đại học</p> <p>2.1.4. Một số yếu tố ảnh hưởng đến việc học tập của</p>	<p>Elearning Tại lớp</p>	<p>Thảo luận về các vấn đề giáo viên đưa ra</p> <p>Tìm hiểu về các phương pháp học tập ở đại học</p>	<p>Sinh viên nắm được các đặc điểm học tập ở bậc đại học và nắm vững các phương pháp học tập có hiệu quả</p>	<p>A1.1 A1.2 A1.3 A2.1</p>	<p>CLO1.3</p>
--	---	------------------------------	--	--	--	---------------

	sinh viên 2.2. Các phương pháp học tập hiệu quả cho sinh viên khối ngành kinh tế 2.2.1. Phương pháp đọc hiệu quả 2.2.2. Phương pháp nghe chủ động 2.2.3. Phương pháp ghi chú hiệu quả bằng sơ đồ tư duy 2.2.4. Phương pháp áp dụng lý thuyết vào thực hành hiệu quả					
4	2.3. Một số kỹ năng hỗ trợ	Elearning Tại lớp	Thảo luận về các vấn đề giáo	Sinh viên biết một số kỹ năng	A1.1 A1.2 A1.3	CLO1.3

	<p>quá trình học tập cho sinh viên khối ngành kinh tế</p> <p>2.3.1. Kỹ năng xây dựng kế hoạch học tập</p> <p>2.3.2. Kỹ năng quản lý thời gian</p> <p>2.3.3. Kỹ năng nghe giảng và ghi chép</p> <p>2.3.4. Kỹ năng tư duy</p> <p>2.3.5. Kỹ năng tìm kiếm thông tin</p> <p>2.3.6. Kỹ năng tự học và học tập suốt đời</p> <p>2.4. Phương pháp thi hiệu quả cho</p>		<p>viên đưa ra</p> <p>Thực hành xây dựng kế hoạch học tập cho bản thân</p>	<p>hỗ trợ quá trình học tập, phương pháp thi có hiệu quả.</p> <p>Sinh viên áp dụng xây dựng kế hoạch học tập cho bản thân</p>	A2.1
--	--	--	--	---	------

	sinh viên khối ngành kinh tế					
5	<p>Chương 3: Kỹ năng giải quyết vấn đề</p> <p>3.1. Khái niệm</p> <p>3.1.1. Vấn đề</p> <p>3.1.2. Giải quyết vấn đề</p> <p>3.2. Quy trình giải quyết vấn đề</p> <p>3.2.1. Nhận diện đúng vấn đề cần giải quyết</p> <p>3.2.2. Xác định đúng nguyên nhân tạo ra vấn đề đó</p> <p>3.2.3. Tìm ra giải pháp để giải quyết vấn đề</p>	Elearning Tại lớp	<p>Thảo luận về các vấn đề giáo viên đưa ra</p> <p>Tìm hiểu các công cụ để giải quyết vấn đề.</p>	<p>Sinh viên nắm được quy trình và một số công cụ để giải quyết vấn đề</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p>	CLO3.1

	<p>3.2.4. Kiên trì, quyết tâm thực hiện các giải pháp</p> <p>3.3. Một số công cụ để giải quyết vấn đề</p> <p>3.3.1. Động não</p> <p>3.3.2. Lập bản đồ tư duy</p> <p>3.3.3. Phương pháp sáu chiếc mũ tư duy</p> <p>3.3.4. Biểu đồ nhân quả</p>					
6	Kỹ năng giải quyết vấn đề	Tại lớp	<p>Thực hành giải quyết một vấn đề trong thực tiễn</p> <p>Hoạt động nhóm: Trả lời câu hỏi nhóm mình; Đặt câu</p>	<p>Sinh viên áp dụng quy trình và công cụ giải quyết vấn đề để giải quyết một vấn đề trong thực tiễn</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p>	CLO3.1

			hỏi và đưa ra góp ý cho các nhóm khác			
7	<p>Chương 4: Kỹ năng làm việc nhóm</p> <p>4.1. Những vấn đề chung về nhóm</p> <p>4.1.1. Khái niệm và tầm quan trọng</p> <p>4.1.2. Quy mô và phân loại nhóm</p> <p>4.2. Các giai đoạn phát triển của nhóm</p> <p>4.3. Vai trò của các thành viên trong nhóm</p> <p>4.4. Xây dựng nhóm làm việc</p>	Elearning Tại lớp Tự học	<p>Thảo luận về các vấn đề giáo viên đưa ra</p> <p>Thành lập và tổ chức trò chơi theo nhóm</p> <p>Giải quyết một vấn đề kinh tế theo nhóm</p>	Sinh viên nắm được các vấn đề chung về nhóm và biết xây dựng nhóm làm việc hiệu quả	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1	CLO4.1

	<p>hiệu quả</p> <p>4.4.1. Xác định mục tiêu, phân công nhiệm vụ và trách nhiệm rõ ràng</p> <p>4.4.2. Tạo lập môi trường làm việc hiệu quả</p> <p>4.4.3. Giải quyết mâu thuẫn trong nhóm</p> <p>4.5. Phương pháp đánh giá hoạt động của nhóm</p>					
8	Kỹ năng làm việc nhóm	Tại lớp	Các nhóm trình bày về giải quyết một vấn đề kinh tế tự chọn. Nhóm thực	Sinh viên áp dụng xây dựng nhóm làm việc hiệu quả và có phương pháp đánh giá hoạt động	A1.1 A1.2 A1.3 A2.1	CLO4.1

			<p>hiện đánh giá hoạt động của nhóm mình theo bộ tiêu chí nhóm xây dựng Hoạt động nhóm: Trả lời câu hỏi nhóm mình; Đặt câu hỏi và đưa ra góp ý cho các nhóm khác</p>	<p>của nhóm</p>		
9	<p>Chương 5: Kỹ năng giao tiếp 5.1. Bản chất và các hình thức giao tiếp 5.1.1. Bản chất và vai trò của giao tiếp 5.1.2. Chức năng và hình</p>	<p>Elearning Tại lớp Tự học</p>	<p>Thảo luận về các vấn đề giáo viên đưa ra Nghiên cứu các tình huống giao tiếp trong thực tế. Thực hành tạo tài khoản email,</p>	<p>Sinh viên nắm được các hình thức giao tiếp bằng văn bản và đa phương tiện</p>	<p>A1.1 A1.2 A1.3 A2.1</p>	<p>CLO4.2</p>

	<p>thức giao tiếp</p> <p>5.1.3. Các kênh giao tiếp</p> <p>5.2. Giao tiếp bằng văn bản</p> <p>5.2.1. Yêu cầu của giao tiếp văn bản</p> <p>5.2.2. Quy trình soạn thảo văn bản 3x3</p> <p>5.3. Giao tiếp qua email</p> <p>5.3.1. Cấu trúc và quá trình viết email</p> <p>5.3.2. Định dạng email</p> <p>5.3.3. Cách viết email tiêu biểu</p>		<p>liên lạc với các thành viên nhóm qua email</p> <p>Thực hành gửi mail cho giáo viên về bài tập video cá nhân</p>			
--	--	--	--	--	--	--

10	<p>5.4. Kỹ năng thuyết trình</p> <p>5.4.1. Bản chất của thuyết trình</p> <p>5.4.2. Chuẩn bị thuyết trình</p> <p>5.4.3. Lập dàn ý bài thuyết trình</p> <p>5.4.4. Xây dựng mối quan hệ với người nghe</p> <p>5.4.5. Thể hiện nội dung và hoàn thiện bài thuyết trình</p>	Elearning Tại lớp học	<p>Thảo luận về các vấn đề giáo viên ra</p> <p>Thực hành thuyết trình nội dung tự chọn</p>	<p>Sinh viên áp dụng các hình thức giao tiếp bằng văn bản và đa phương tiện trong thuyết trình</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A2.1</p>	CLO4.2
11	<p>Hướng dẫn đồ án nhập môn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu chung về đồ án - Các yêu cầu, quy định 	Elearning Tại lớp	<p>-Nghe hướng dẫn các bước thực hiện đồ án, quy trình làm đồ án</p> <p>-Trao đổi và thảo luận về</p>	<p>Sinh viên nắm được cấu phần của đồ án</p> <p>Sinh viên hình thành ý tưởng đồ án</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A3.1</p> <p>A3.2</p>	<p>CLO 2.1</p> <p>CLO 2.2</p> <p>CLO 2.3</p> <p>CLO 4.1</p>

	<p>của đồ án</p> <p>- Hình thành ý tưởng đồ án</p>		<p>các nội dung làm đồ án</p> <p>Đặt câu hỏi, các thắc mắc với giáo viên về các ý tưởng đồ án của nhóm.</p> <p>Tranh luận về ý tưởng hình thành đồ án (tên ý tưởng, slogan ý tưởng, lý do lựa chọn ý tưởng</p>	<p>kinh doanh của nhóm</p>		
12	<p>Hướng dẫn đồ án nhập môn</p> <p>- Lập kế hoạch kinh doanh đồ án</p> <p>- Huy động nguồn lực cho gian hàng</p>	<p>Elearning</p> <p>Tại lớp học</p>	<p>Đặt câu hỏi, các thắc mắc với giáo viên về lập kế hoạch kinh doanh</p> <p>Thảo luận và xây dựng kế hoạch kinh doanh</p>	<p>Sinh viên lập được kế hoạch kinh doanh</p> <p>Sinh viên lập các phương án huy động nguồn lực cho gian hàng</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A3.1</p> <p>A3.2</p>	<p>CLO 2.1</p> <p>CLO 2.2</p> <p>CLO 2.3</p> <p>CLO 3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO 4.1</p>

			<p>của nhóm</p> <p>Đặt câu hỏi, các thắc mắc với giáo viên về huy động nguồn lực cho gian hàng</p> <p>Thảo luận về việc huy động nguồn lực cho gian hàng</p>			
13	<p>Hướng dẫn đồ án nhập môn</p> <p>- Xây dựng báo cáo lõi lõi của gian hàng</p> <p>- Hoàn thành đồ án tổng thể</p>	<p>Elearning</p> <p>Tại lớp</p>	<p>Đặt câu hỏi, thắc mắc về cách xây dựng báo cáo lõi lõi của gian hàng</p> <p>Thảo luận hạch toán lõi lõi của gian hàng</p> <p>Đặt câu hỏi cho giáo viên các vấn đề thắc mắc về tổng</p>	<p>Sinh viên lập được các báo cáo lõi lõi của gian hàng</p> <p>Sinh viên hoàn thiện báo cáo đồ án nhóm</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A3.1</p> <p>A3.2</p>	<p>CLO 2.1</p> <p>CLO 2.2</p> <p>CLO 2.3</p> <p>CLO 3.1</p> <p>CLO3.2</p> <p>CLO 4.1</p>

			thể đồ án			
14	Thuyết trình về đồ án	Tại lớp	Thuyết trình đồ án nhóm	Sinh viên hoàn thiện báo cáo đồ án nhóm	A1.1 A1.2 A3.1 A3.2	CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 2.4 CLO 3.1 CLO 3.2 CLO 4.1 CLO 4.2
15	Thuyết trình đồ án	Tại lớp	Thuyết trình đồ án nhóm	Sinh viên hoàn thiện báo cáo đồ án nhóm	A1.1 A1.2 A3.1 A3.2	CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 2.4 CLO 3.1 CLO 3.2 CLO 4.1 CLO 4.2
	Ngày hội nhập môn		Thực hiện ý tưởng kinh doanh trong thực tế Tổng kết đồ án	Mở bán gian hàng thực tế/online	A3.1 A3.2	CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 2.3 CLO 2.4 CLO 3.1 CLO 3.2

						CLO 4.1 CLO 4.2
--	--	--	--	--	--	--------------------------

8. Ngày phê duyệt: 10/9/2021

9. Cấp phê duyệt: Trường Kinh tế

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
KHOA: QUẢN TRỊ KINH DOANH

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Dành cho các học phần dạy học theo hình thức đồ án/dự án)

1. Thông tin tổng quát

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

Họ và tên: Trần Thị Lê Na

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Quản trị kinh doanh – Trường Kinh tế- Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0934667759, nattl@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Marketing, Quản trị học, Quản trị kinh doanh

Giảng viên 2:

Họ và tên: Hoàng Thị Cẩm Thương

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Quản trị kinh doanh – Trường Kinh tế- Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: thuonghtc@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Marketing, Quản trị chiến lược, Quản trị kinh doanh

Giảng viên 3:

Họ và tên: Hoàng Thị Thúy Vân

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Quản trị kinh doanh – Trường Kinh tế- Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: Vanhtt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Marketing, Khởi sự kinh doanh

Giảng viên 4:

Họ và tên: Trần Diệu Linh

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Quản trị kinh doanh – Trường Kinh tế- Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: Linhttd@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Marketing, Quản trị học, Quản trị kinh doanh

Giảng viên 5:

Họ và tên: Nguyễn Vũ Minh Thúy

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Quản trị kinh doanh – Trường Kinh tế- Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: thuyntm@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Marketing, Văn hóa kinh doanh

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): MARKETING CĂN BẢN (tiếng Anh): BASIC MARKETING	
- Mã số học phần: BUA20001	
- Thuộc CTĐT ngành: Quản trị kinh doanh, kế toán, tài chính ngân hàng, kinh tế	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản	<input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án
<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn
- Số tín chỉ: 4TC + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 30 + Số tiết tự học: 120	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết: Kinh tế học vĩ mô	Mã số HP:
+ Học phần học trước: Kinh tế học vi mô	Mã số HP:
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% tổng thời lượng của học phần + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, sản phẩm dự án học phần qua LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận, thực hành, thực hành được giao	
- Bộ môn phụ trách học phần:	
Điện thoại:	Email:

2. Mô tả học phần

Học phần Marketing căn bản thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức nền về hoạt động Marketing trong doanh nghiệp: môi trường Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, thị trường mục tiêu- phân đoạn- lựa chọn- định vị thị trường mục tiêu và các chính sách Marketing – mix trong doanh nghiệp. Từ đó hình thành các kỹ năng xây dựng thực hiện các ý tưởng Marketing cho doanh nghiệp.

Mục tiêu học phần

Học phần Marketing căn bản giúp sinh viên nhận biết, phân tích, đánh giá được hoạt động Marketing của một doanh nghiệp cụ thể. Có khả năng hình thành và xây dựng thực hiện các ý tưởng Marketing cho doanh nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần

TT	Ký hiệu	Nội dung chuẩn đầu ra học phần
1	CLO 1.1	Hiểu được bản chất, môi trường Marketing, nắm bắt được vai trò của hệ thống thông tin Marketing và có khả năng thực hiện nghiên cứu Marketing cho doanh nghiệp.
2	CLO 1.2	Nhận diện được thị trường mục tiêu và định vị được thị trường mục tiêu.
3	CLO 1.3	Trình bày được các chính sách Marketing – mix trong doanh nghiệp.
4	CLO 2.1	Thể hiện khả năng tư duy, hệ thống, sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề Marketing của doanh nghiệp.
5	CLO 2.2	Thể hiện thái độ chủ động, kiên trì, thích ứng với những biến đổi của môi trường kinh doanh và các tình huống Marketing của doanh nghiệp.
6	CLO 3.1	Thực hiện thành lập nhóm để giải quyết các vấn đề giả định trong hoạt động Marketing của doanh nghiệp.
7	CLO 3.2	Tổ chức hoạt động nhóm để giải quyết các vấn đề giả định trong hoạt động Marketing của doanh nghiệp.
8	CLO 3.3	Sử dụng đồ họa để thiết kế các hoạt động Marketing của doanh nghiệp.
9	CLO 4.1	Hình thành các ý tưởng Marketing của doanh nghiệp.
10	CLO 4.2	Xây dựng và thực hiện các ý tưởng Marketing của doanh nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh

C Đ R h ộ c p h ầ n	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)										
	P L O 1 . 2	PLO2.1			P L O 2 . 2	PLO3.1		P L O 3 . 2	PLO4.2		
		1	2	2.		2.	3		3	3	4
	1	2	2.	2.	3	3	3	4	4		
	2	1	1.	2.	1	1	2	2	2		
	3	2	3	1	1	2	2	2	3		
C L O 1. 1	✓										

C L O 1. 2	✓									
C L O 1. 3	✓									
C L O 2. 1		✓	✓							
C L O 2. 2				✓						
C L O 3. 1					✓					
C L O 3. 2						✓				
C L O 3. 3							✓			
C L O 4. 1										
C L O 4. 2									✓	✓

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Hiểu được bản chất, môi trường Marketing, nắm bắt được vai trò của hệ thống thông tin Marketing và có khả năng thực hiện nghiên cứu Marketing cho doanh nghiệp.	Thuyết giảng Thảo luận	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K3	Nhận diện được thị trường mục tiêu và định vị được thị trường mục tiêu.	Thuyết giảng Thảo luận	Câu hỏi TNKQ
CLO1.3	K3	Trình bày được các chính sách Marketing – mix trong doanh nghiệp.	Thuyết giảng Thảo luận	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S2	Thể hiện khả năng tư duy, hệ thống, sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề Marketing của doanh nghiệp.	Bài tập & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO2.2	A2	Thể hiện thái độ chủ động, kiên trì, thích ứng với những biến đổi của môi trường kinh doanh và các tình huống Marketing của doanh nghiệp.	Bài tập & hoạt động nhóm	Bảng kiểm Phiếu đánh giá
CLO3.1	S2	Thực hiện thành lập nhóm để giải quyết các vấn đề giả định trong hoạt động Marketing của doanh nghiệp.	Bài tập & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO3.2	S2	Tổ chức hoạt động nhóm để giải quyết các vấn đề giả định trong hoạt động Marketing của doanh nghiệp.	Bài tập & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO3.3	S2	Sử dụng đồ họa để thiết kế các hoạt động Marketing của doanh nghiệp.	Bài tập & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.1	C3	Hình thành các ý tưởng Marketing của doanh nghiệp.	Bài tập & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.2	C3	Xây dựng và thực hiện các ý tưởng Marketing của doanh nghiệp.	Bài tập & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

B ài đá	CĐR học phần	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	T ý	CĐ R Chư
---------	--------------	---------------------------------	------------------	-----	----------

n h g i á				1 (%)	ong trình
A1. Đánh giá thường xuyên				5 0 %	
A 1. 1	CLO2. 2	Sự chuyên cần, thái độ học tập	Phiếu đánh giá (Rubrics)	1 0 %	PLO 2.2.1
A 1. 2	- CLO1. 1 - CLO1. 2 - CLO1. 3	Câu hỏi TNKQ (Quiz)	30 câu hỏi TNKQ (Quizz)	2 0 %	PLO 1.2.3
A 1. 3	- CLO2. 1 - CLO4. 1	Đánh giá đề cương đồ án học phần	Phiếu đánh giá (Rubrics)	2 0 %	PLO 2.1.2 PLO 2.1.3 PLO 4.2.1
A2. Đánh giá cuối kỳ				5 0 %	
A 2. 1	- CLO3. 1 - CLO3. 2 - CLO4. 1	Hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá (Rubrics)	5 %	PLO 3.1.1 PLO 3.1.2 PLO 4.2.1
A 2. 2	- CLO2. 1 - CLO3. 1	Thuyết trình và vấn đáp sản phẩm dự án học phần	Phiếu đánh giá (Rubrics)	1 5 %	PLO 2.1.3 PLO 2.2.1 PLO 3.1.1 PLO 3.1.2

	- CLO3. 2 - CLO4. 1 - CLO4. 2				PLO 4.2.1 PLO 4.2.2 PLO 4.2.3
A 2. 3	- CLO2. 1 - CLO2. 2 - CLO3. 3 - CLO4. 1 - CLO4. 2	Sản phẩm dự án học phần	Phiếu đánh giá (Rubrics)	3 0 %	PLO 2.1.3 PLO 4.2.1 PLO 4.2.2 PLO 4.2.3
Công thức tính điểm tổng kết: $(A1.1+A1.2*2+A1.3*2+A2.1*0.5+A2.2*1.5+A2.3*3)/10$					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên

Bảng 1. Rubric đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (GV đánh giá) (A1.1)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	5.0 – 4.0	3.0	2.0	1.0
Mức độ tham dự học theo TKB (5 điểm)	Tham gia 100% các buổi học	Tham gia trên 90% các buổi học	Tham gia 80% các buổi học	Tham gia dưới 80% các buổi học
Mức độ tham gia các	- Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học.	- Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực	- Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực	- Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực trong các giờ học.

hoạt động học tập	- Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập.	trong các giờ học. - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập.	trong các giờ học. - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập.	- Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập.
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (Bằng chữ:)				

Bảng 2. Rubric câu hỏi TNKQ theo phân theo mức độ (A1.2)

TT	Nội dung	Tổng số câu hỏi	Mức độ biết	Mức độ hiểu	Mức độ vận dụng
1.1.1	Khái niệm về Marketing	12	5	4	3
1.1.2	Môi trường Marketing	12	5	4	3
1.1.3	Tiến trình Marketing mục tiêu	9	3	3	3
1.2.2	Sản phẩm, cấu trúc sản phẩm, chu kỳ sống sản phẩm	10	4	4	2
1.3.2	Nhân tố ảnh hưởng đến quá trình định giá, quy trình định giá	12	5	4	3
2.2.1	Trung gian phân phối và kênh phân phối	10	4	4	2
2.2.2	Truyền thông và công cụ truyền thông	10	4	4	2
Tổng		75	30	27	18
Tỉ lệ (%)		100	40%	36%	14%

Bảng 3. Rubric đánh giá hướng tiếp cận của nhóm về hoạt động Marketing của Doanh nghiệp cụ thể (A1.3)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0
Cấu trúc và hình thức (2 điểm)	- Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học.	- Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu, nhưng chưa khoa học - Hình thức đẹp, đúng quy định.	- Cấu trúc, đúng yêu cầu, nhưng chưa đầy đủ và chưa khoa học. - Hình thức đúng quy định.	- Cấu trúc chưa đầy đủ, chưa đúng yêu cầu và chưa khoa học. - Hình thức chưa đúng quy định.

	- Hình thức đẹp, đúng quy định.			
	6.0 – 5.0	4.5 – 3.5	3.0 - 2.0	1.5 - 0
Nội dung của hướng tiếp cận (6 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được cách tiếp cận, nội dung cụ thể, rõ ràng; lập được đầy đủ, chi tiết các hoạt động, phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm. - Phân công nhiệm vụ cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm cụ thể. - Đưa ra được một số ý tưởng mới; Dự kiến được nội dung có thể bổ dung thêm trong hoạt động Marketing của doanh nghiệp và có tính khác biệt và khả thi cao 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được mục tiêu, nội dung khá cụ thể, khá rõ ràng; lập được các hoạt động, phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm nhưng chưa thật sự đầy đủ và chi tiết. - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa thật sự cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm nhưng chưa cụ thể. - Đưa ra được một ý tưởng mới; Dự kiến được nội dung có thể bổ dung thêm trong hoạt động Marketing của doanh nghiệp và có tính khả thi 	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu, nội dung có đề cập nhưng chưa thật sự cụ thể và rõ ràng; lập được một số hoạt động, phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm nhưng chưa đầy đủ và chi tiết. - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, có nội quy và đánh giá nhóm nhưng khá sơ sài. - Đưa ra được ý tưởng mới, Dự kiến được nội dung có thể bổ dung thêm trong hoạt động Marketing của doanh nghiệp những không khả thi 	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu, nội dung có đề cập nhưng rất ít và không cụ thể, rõ ràng; lập được rất ít các hoạt động, phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm và kế hoạch quá sơ sài. - Dường như không phân công nhiệm vụ, không có nội quy và đánh giá nhóm. - Không dự kiến được nội dung có thể bổ dung thêm trong hoạt động Marketing của doanh nghiệp

	2,0	1,5	1,0	0,5
Slide báo cáo và thuyết trình (2 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức báo cáo đẹp, rõ, không lỗi chính tả. - Kỹ năng trình bày tốt, tự tin, thuyết phục, có giao lưu với người nghe. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức báo cáo khá đẹp, rõ, nhưng có từ 1-5 lỗi chính tả. - Kỹ năng trình bày khá tốt, khá tự tin, khá thuyết phục, nhưng không có giao lưu với người nghe. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức báo cáo đạt, khá rõ, nhưng có từ 6-10 lỗi chính tả. - Kỹ năng trình bày tương đối tốt, chưa tự tin, chưa thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức báo cáo đơn điệu, không rõ, có trên 10 lỗi chính tả. - Kỹ năng trình bày không tốt, không tự tin, không thuyết phục, không có giao lưu với người nghe.
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (Bằng chữ:)				

5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá cuối kỳ

Bảng 4. Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho nhóm SV tự đánh giá)

Các tiêu chí	Mức độ & Thang điểm			
	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0
1. Nhận nhiệm vụ (2 điểm)	Xung phong nhận nhiệm vụ.	Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao.	Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao.	Dường như từ chối nhận nhiệm vụ.
2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm (2 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm. - Biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động. - Đôi lúc chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Còn ít tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. - Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đường như không tham gia hay bày tỏ ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. - Đường như không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.
3. Tôn trọng ý kiến tập thể	Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng phải biết bày tỏ quan điểm	Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng chưa biết bày tỏ quan điểm	Đôi khi chưa tôn trọng ý kiến của tập thể, chưa biết bày tỏ quan	Dường như không tôn trọng ý kiến của tập thể, mà chỉ bày tỏ quan

(2 điểm)	cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng.	cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng.	điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng.	điểm và bảo vệ những lí do không chính đáng.
4. Kết quả làm việc (2 điểm)	Có sản phẩm tốt, theo mẫu và vượt mức thời gian.	Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian.	Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian.	Sản phẩm hầu như không đạt tiêu chuẩn.
5. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung (2 điểm)	Thể hiện trách nhiệm cao về sản phẩm chung.	Thể hiện trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Dường như không chịu trách nhiệm gì về sản phẩm chung.
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (Bằng chữ:)				

Bảng 5. Rubric đánh giá thuyết trình của nhóm (A2.2a)

Tiêu chí	Mức độ & Thang điểm			
	3.0	2.5	2.0	1.5 - 0
1. Nội dung trình bày (3 điểm)	Báo cáo đáp ứng tốt yêu cầu nội dung, có phân tích đánh giá một cách thuyết phục	Báo cáo đáp ứng cơ bản yêu cầu nội dung	Báo cáo đáp ứng cơ bản yêu cầu nội dung, có 1 số sai sót không trọng yếu	Báo cáo không đáp ứng yêu cầu nội dung
2. Hình thức slide (3 điểm)	- Hình thức trình bày tốt (hình ảnh khá sắc nét và kích thước khá phù hợp, cỡ chữ trình chiếu hợp lý, dễ nhìn); sử dụng công cụ hỗ trợ phù hợp với nội dung.	- Hình thức khá tốt (hình ảnh chưa sắc nét và kích thước khá phù hợp, cỡ chữ trình chiếu khá hợp lý, khá dễ nhìn); sử dụng công cụ hỗ trợ chưa thực sự phù hợp với nội dung.	- Hình thức chưa tốt (hình ảnh không sắc nét và kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lý, khó nhìn, phông); có sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng chưa phù hợp nội dung. - Chưa thể hiện sự sáng tạo và chưa	- Hình thức trình bày dường như chưa đạt yêu cầu (không có hình ảnh hoặc có nhưng kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lý, khó nhìn); không hoặc có sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng không phù hợp nội dung.

	- Thể hiện sự sáng tạo và gây ấn tượng đối với người nghe.	- Thể hiện sự sáng tạo nhưng chưa thực sự gây ấn tượng đối với người nghe.	gây ấn tượng đối với người nghe.	- Không thể hiện sự sáng tạo và không gây ấn tượng gì đối với người nghe.
	4.0 – 3.5	3.0 – 2.5	2.0 – 1.5	1.0 - 0
3. Kỹ năng thuyết trình (4 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, truyền cảm và thuyết phục người nghe. - Sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể hợp lý và tự nhiên. - Sử dụng các hình thức tương tác phù hợp và hiệu quả - Thời gian trình bày đúng thời gian quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, song chưa thực sự truyền cảm và thuyết phục người nghe. - Có sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể, song đôi khi chưa hợp lý và chưa tự nhiên. - Sử dụng các hình thức tương tác đôi khi chưa phù hợp và hiệu quả. - Thời gian trình bày nhanh/ chậm hơn so với thời gian quy định nhưng không đáng kể (khoảng 1-2 phút). 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa rõ ràng, khá dài dòng và hơi khó hiểu và chưa thuyết phục người nghe. - Ít sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể. Nếu có sử dụng nhưng không hợp lý và không tự nhiên. - Ít sử dụng các hình thức tương tác và nếu có thì dường như ít phù hợp và ít hiệu quả. - Thời gian trình bày nhanh/ chậm hơn khá nhiều so với thời gian quy định (khoảng 3-4 phút). 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày không rõ ràng, dài dòng và khó hiểu, không thuyết phục người nghe. - Không sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể. - Không sử dụng hình thức tương tác nào hoặc nếu có thì không phù hợp và không hiệu quả. - Thời gian trình bày nhanh/ chậm rất nhiều hơn so với thời gian quy định (từ 5 phút trở lên).
TỔNG ĐIỂM: _____/10 (bằng chữ:				

Bảng 6. Rubric đánh giá vấn đáp cá nhân (A2.2b)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	3.0	2.5	2.0	1.5 - 0
1. Kiến thức	- Nắm vững các	- Nắm được các nội dung	Nắm được các nội dung cơ bản của đề án	Chỉ nắm được nội dung được phân công thực

(3 điểm)	nội dung của đề án - Hiểu được nhiệm vụ của từng nội dung và mối quan hệ của từng nội dung trong đề án	cơ bản của đề án - Hiểu được nhiệm vụ của từng nội dung trong đề án		hiện trong nhóm
	4.0 – 3.5	3.0 – 2.5	2.0 – 1.5	1.0 -0
2. Kỹ năng (4 điểm)	Có kỹ năng phân tích và xử lý tình huống tốt Có khả năng phản biện logic cho các ý kiến	Có kỹ năng phân tích và xử lý tình huống khá Có khả năng trả lời các câu hỏi của hội đồng	Có khả năng xử lý tình huống Có khả năng trả lời một số câu hỏi của hội đồng	Có khả năng trả lời một số câu hỏi của hội đồng
3. Thái độ (4 điểm)	Thái độ vấn đáp chuyên nghiệp Có sự chuẩn bị chu đáo về tài liệu, trang phục hợp cách	Thái độ vấn đáp nghiêm túc, trang phục hợp cách	Thái độ vấn đáp bình thường, trang phục hợp cách	Thái độ vấn đáp kém, trang phục không phù hợp
TỔNG ĐIỂM: _____/10 (bằng chữ:)				

Bảng 7. Cách tính điểm đánh giá thuyết trình và vấn đáp cho từng SV

TT	Họ và tên	Điểm thuyết trình của nhóm (bảng 5)	Điểm vấn đáp cá nhân (bảng 6)	Tổng điểm
1	Nguyễn Văn A	N	M	(N+M)/2
2	Lê Thị B			
3	Trần Văn C			

Bảng 8. Rubric đánh giá dự án học phần (A2.3)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0
Số lượng và hình thức của sản phẩm (2 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ số lượng quy định. - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khoa học, hợp lý, đẹp, đầy đủ phụ lục theo quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ số lượng quy định. - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khá khoa học, hợp lý và khá đẹp, có đủ phụ lục theo quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 1 sản phẩm. - Cấu trúc chưa thực sự đúng quy định, hình thức trình bày chưa hợp lý và chưa đẹp, không có đủ phụ lục theo quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> Thiếu từ 2 sản phẩm trở lên. - Cấu trúc không đúng quy định, hình thức trình bày không hợp lý và không đẹp, không có đủ phụ lục theo quy định.
	8.0 – 7.0	6.0 - 5.0	4.0 – 3.0	2.0 - 0
Nội dung bản báo cáo (8 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ và rõ ràng các nội dung của đồ án theo quy định. -Trình bày đầy đủ và rõ ràng các nội dung về nghiên cứu thị trường -Trình bày đầy đủ và rõ ràng các nội dung về chân dung khách hàng mục tiêu và định vị được sự khác biệt về sản phẩm, hàng hóa dịch vụ 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ nhưng chưa thực sự rõ ràng các nội dung của đồ án theo quy định. -Trình bày đầy đủ nhưng chưa thực sự rõ ràng các nội dung về nghiên cứu thị trường -Trình bày đầy đủ nhưng chưa thực sự rõ ràng các nội dung về chân dung khách hàng mục tiêu và định vị được sự khác biệt về sản phẩm, hàng hóa dịch vụ - Trình bày đầy đủ nhưng chưa thực sự 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ và chưa thực sự rõ ràng các nội dung của đồ án theo quy định. -Trình bày chưa đầy đủ và chưa thực sự rõ ràng các nội dung về nghiên cứu thị trường -Trình bày chưa đầy đủ và chưa thực sự rõ ràng các nội dung về chân dung khách hàng mục tiêu và định vị được sự khác biệt về sản phẩm, hàng hóa dịch vụ - Trình bày chưa đầy đủ và chưa thực sự rõ ràng các nội dung về chính sách 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày thiếu nhiều nội dung và không rõ ràng các nội dung của đồ án theo quy định -Trình bày thiếu nhiều nội dung và không rõ ràng các nội dung về nghiên cứu thị trường -Trình bày thiếu nhiều nội dung và không rõ ràng các nội dung về chân dung khách hàng mục tiêu và định vị được sự khác biệt về sản phẩm, hàng hóa dịch vụ - Trình bày thiếu nhiều nội dung và không rõ ràng các nội dung về chính sách Marketing – mix đối với hoạt

	<p>- Trình bày đầy đủ và rõ ràng các nội dung về chính sách Marketing – mix đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>- Trình bày rõ ràng ý tưởng mới cho hoạt động Marketing của doanh nghiệp.</p>	<p>rõ ràng các nội dung về chính sách Marketing – mix đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>- Trình bày đầy đủ nhưng chưa thực sự rõ ràng ý tưởng mới cho hoạt động Marketing của doanh nghiệp.</p>	<p>Marketing – mix đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>- Trình bày chưa đầy đủ và chưa thực sự rõ ràng ý tưởng mới cho hoạt động Marketing của doanh nghiệp.</p>	<p>động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>- Trình bày thiếu nhiều nội dung và không rõ ràng ý tưởng mới cho hoạt động Marketing của doanh nghiệp.</p>
<p>TỔNG ĐIỂM: _____/10 (bằng chữ)</p>				

Bảng 7. Cách tính điểm cuối kì cho từng sinh viên

T	Họ và tên	Điểm cá nhân do nhóm chấm (bảng 4)	Điểm thuyết trình và vấn đáp (bảng 7)	Điểm đồ án (bảng 8)	Tổng điểm
1	Nguyễn Văn A	N	M	L	$N \times 5\% + M \times 15\% + L \times 30\%$
2	Lê Thị B				
3	Trần Văn C				

6. Tài liệu học tập

Học liệu chính

1. Trần Minh Đạo, Giáo trình Marketing căn bản, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, 2018

2. Ngô Minh Cách, Đào Thị Minh Thanh, Giáo trình Marketing căn bản, NXB Tài chính, 2018

Tài liệu tham khảo

3. Trương Đình Chiến, Quản trị marketing, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2016

4. Phillip Kotler, Marketing căn bản, NXB Lao động – Xã hội, 2017

7. Kế hoạch dạy học

Tổng thời lượng của học phần 60 tiết, trong đó có 30 tiết lí thuyết và 30 tiết dự án học phần, số tiết theo cụ thể như sau:

Tín chỉ 1: Chương 1-4

Tín chỉ 2 : Chương 5-8

Tín chỉ 3: Hướng dẫn đồ án

Tín chỉ 4: Hướng dẫn đồ án

Lý thuyết:

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CDR học phần	Bài đánh giá
1(4)	Chương 1. Bản chất của Marketing - Các khái niệm cơ bản của Marketing - Vị trí, chức năng và vai trò của Marketing trong doanh nghiệp	- Viết nhanh: nhận biết của sinh viên về các hoạt động Marketing. - Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho SV trả lời và ngược lại (nếu có) về các vấn đề liên quan. - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide - Diễn cứu: đưa ra một số tình huống điển hình trên thực tế về các nội dung của chương.	- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. - Sô theo dõi các thành viên của nhóm trưởng - Lập group nhóm trên LMS	CLO1.1 CLO2.2	A1.1 A1.2
2(4)	Chương 2. Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing - Khái niệm và các bộ phận cấu thành hệ thống thông tin Marketing - Khái niệm và các bước của quá trình nghiên cứu marketing	- Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho SV trả lời và ngược lại (nếu có) về các vấn đề liên quan. - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide - Bài tập thảo luận nhóm: nhóm xác định vấn đề và tiến hành chuẩn bị các bước của quá trình nghiên cứu Marketing. - GV định hướng cho các nhóm lựa chọn vấn đề nghiên cứu cho đồ án học phần. - Xây dựng phiếu khảo sát - Tiến hành quy trình khảo sát	- Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. - Thao tác trên LMS - Tham khảo hoạt động nghiên cứu Marketing của doanh nghiệp cụ thể	CLO1.1 CLO2.2	A1.1 A1.2

3(4)	<p>Chương 3. Môi trường Marketing</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chất và ý nghĩa của việc nghiên cứu môi trường Marketing - Các yếu tố của môi trường Marketing vĩ mô - Các yếu tố của môi trường Marketing vĩ mô 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho SV trả lời và ngược lại (nếu có) về các vấn đề liên quan. - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide - Thảo luận nhóm: Phân tích tác động của môi trường Marketing đến hoạt động kinh doanh của một Doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. - Thao tác trên LMS - Nghiên cứu tác động của môi trường Marketing đến hoạt động kinh doanh của một Doanh nghiệp 	<p>CLO1.1 CLO2.2</p>	<p>A1.1 A1.2</p>
4(4)	<p>Chương 4. Lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chất quá trình Marketing mục tiêu (công thức STP) - Cách thức phân đoạn thị trường - Cách thức lựa chọn thị trường mục tiêu - Quá trình định vị thị trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho SV trả lời và ngược lại (nếu có) về các vấn đề liên quan. - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide. - Các nhóm nghiên cứu cách thức lựa chọn thị trường mục tiêu của doanh nghiệp mà nhóm đã tiếp cận ở nội dung nghiên cứu thị trường. - Cách thức các doanh nghiệp định vị. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. - Tự học: tìm hiểu cách thức lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường của các doanh nghiệp. 	<p>CLO1.1 CLO2.2</p>	<p>A1.1 A1.2</p>
5(4)	<p>Chương 5. Chính sách sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm và cấu trúc sản phẩm - Các quyết định của chính sách sản phẩm <p>Chương 6. Chính sách giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chất và vai trò của giá - Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định về giá sản phẩm - Quy trình xác định giá bán sản phẩm 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho SV trả lời và ngược lại (nếu có) về các vấn đề liên quan. - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide - Diễn cứu và phân tích: đưa ra danh mục và chủng loại của một doanh nghiệp cụ thể. - Phân tích giá của một số sản phẩm chủ lực của doanh nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. - Tự học: Nghiên cứu sản phẩm và phân tích cấu trúc sản phẩm của một doanh nghiệp cụ thể. Nghiên cứu quá trình định giá sản phẩm của một doanh nghiệp cụ thể 	<p>CLO1.3 CLO2.2</p>	<p>A1.1 A1.2</p>
6(4)	<p>Chương 7. Chính sách phân phối</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho SV trả lời và 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo. 	<p>CLO1.3 CLO2.2</p>	<p>A1.1 A1.2</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Bản chất và vai trò của chính sách phân phối - Cấu trúc và tổ chức kênh phân phối Chương 8. Chính sách truyền thông marketing - Bản chất và vai trò của chính sách truyền thông Marketing - Các công cụ truyền thông Marketing 	<ul style="list-style-type: none"> ngược lại (nếu có) về các vấn đề liên quan. - Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide - Điền cứu và phân tích: -Phân tích kênh phân phối của một doanh nghiệp -Phân tích công cụ truyền thông 	<ul style="list-style-type: none"> -Tự học: Nghiên cứu hoạt động phân phối và kênh phân phối của một doanh nghiệp cụ thể. Nghiên cứu các công cụ truyền thông thường được các doanh nghiệp sử dụng 		
7(4)	Hoạt động nhóm: Đề cương sản phẩm đồ án học phần	<ul style="list-style-type: none"> - Cho các nhóm tập hợp, thống nhất bài làm của nhóm trong 5-10 phút. Giáo viên điều hành các nhóm trình bày bài của mình (mỗi nhóm 10 phút). Cho các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi hoặc bổ sung cho nhau. Giáo viên nhận xét hướng dẫn và tổng kết. 	Giáo trình chính 1 và sách tham khảo (nếu có)	CLO2.1 CLO4.1	A1.3

Hướng dẫn đồ án:

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CDR học phần	Bài đánh giá
8(4)	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn đồ án môn học - Mô tả đồ án môn học - Cách thức trình bày và bố cục. - Nội dung 1 của đồ án: Tiến hành hoạt động nghiên cứu 	<ul style="list-style-type: none"> - Gv mô tả chung về đồ án môn học - Hướng dẫn cách thức trình bày và bố cục của đồ án - Gv cho các nhóm thảo luận về vấn đề nghiên cứu. - Nội dung hướng dẫn: 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm trao đổi thống nhất vấn đề nghiên cứu -Các nhóm phân công làm việc nhóm - Bản phân công 	CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1	A2.1

	cứ Marketing của một doanh nghiệp cụ thể (nghiên cứu về nhu cầu, sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến thương mại)	-Xây dựng phiếu khảo sát và ứng dụng công nghệ để tiến hành hoạt động nghiên cứu. - Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu.	công việc của nhóm		
9(4)	Hướng dẫn đồ án môn học Thông qua nội dung 1 của đồ án	- Gv đưa ra các yêu cầu chung về nội dung từng phần của đồ án - Thông qua nội dung 1 đồ án của các nhóm và đánh giá trực tiếp tại lớp	-Nhóm trưởng trình bày các sản phẩm của nhóm sau 1 tuần thực hiện - Các sinh viên của nhóm trả lời các câu hỏi và bổ sung các ý kiến	CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1	A2.1
10(4)	Hướng dẫn đồ án môn học - Nội dung 2 của đồ án Xây dựng chân dung khách hàng mục tiêu và định vị sản phẩm, dịch vụ trên thị trường	- Gv hướng dẫn cụ thể nội dung 2 của đồ án - Giải đáp thắc mắc của các nhóm sv	Nhóm trưởng điều hành sinh viên thực hiện các yêu cầu của bản đồ án - Các sinh viên của nhóm trả lời các câu hỏi và bổ sung các ý kiến	CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1	A2.1

11(4)	<p>Hướng dẫn đồ án môn học</p> <p>Thông qua nội dung 2 của đồ án</p>	<p>- Thông qua lần nội dung 2 của đồ án và đánh giá trực tiếp tại lớp</p>	<p>- Nhóm trưởng trình bày các sản phẩm của nhóm sau 1 tuần thực hiện</p> <p>- Các sinh viên của nhóm trả lời các câu hỏi và bổ sung các ý kiến</p>	<p>CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1</p>	A2.1
12(4)	<p>Hướng dẫn đồ án môn học</p> <p>-Nội dung 3 của đồ án:</p> <p>Xây dựng chính sách Marketing mix cho sản phẩm, dịch vụ</p>	<p>Gv hướng dẫn cụ thể nội dung 3 của đồ án</p> <p>- Giải đáp thắc mắc của các nhóm sv</p>	<p>Nhóm trưởng điều hành sinh viên thực hiện các yêu cầu của bản đồ án</p> <p>- Các sinh viên của nhóm trả lời các câu hỏi và bổ sung các ý kiến</p>	<p>CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1</p>	A2.1
13(4)	<p>Hướng dẫn đồ án môn học</p> <p>Thông qua nội dung 3 của đồ án</p> <p>Chính sách sản phẩm</p> <p>Chính sách giá</p>	<p>- Thông qua lần nội dung 3 của đồ án và đánh giá trực tiếp tại lớp</p>	<p>Nhóm trưởng trình bày các sản phẩm của nhóm sau 1 tuần thực hiện</p> <p>- Các sinh viên của nhóm trả lời các câu hỏi và bổ sung các ý kiến</p>	<p>CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1</p>	A2.1

14(4)	Hướng dẫn đồ án môn học Thông qua nội dung 3 của đồ án Chính sách phân phối Chính sách Xúc tiến thương mại	Thông qua lần nội dung 3 của đồ án và đánh giá trực tiếp tại lớp	Nhóm trưởng trình bày các sản phẩm của nhóm sau 1 tuần thực hiện - Các sinh viên của nhóm trả lời các câu hỏi và bổ sung các ý kiến	CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1	A2.1
15(4)	Tổng kết môn học và hướng dẫn hoàn thành đồ án và cách thức trình bày Đọc điểm	Tổng kết môn học và hướng dẫn ôn tập, hướng dẫn cách vẽ sơ đồ tư duy (mind map) môn học, cách làm đồ án môn học. Đọc điểm	-Nhóm trưởng rà soát lại các công việc đã phân công cho sinh viên để hoàn thiện đồ án	CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1	A2.1

8. Nhiệm vụ của sinh viên

8.1. Phần tự học

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video bài giảng.
- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.
- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.
- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng thời lượng của học phần.
- Chủ động, tích cực trong giờ học.
- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

8.3 Làm việc nhóm, thực hiện dự án môn học

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.
- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm dự án được giao.

9. Ngày phê duyệt:

10. Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Giảng viên

TS. Hồ Thị Diệu Ánh

Th.S. Trần Thị Lê Na

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: DỊCH VỤ NGÂN HÀNG HIỆN ĐẠI

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS. Hoàng Thị Thanh Huyền

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0986.310.435; Email: huyenhtt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính, ngân hàng

Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Đình Tiến

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0988.649.565 ; Email:

Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính, ngân hàng

Giảng viên 3: ThS. Nguyễn Thị Yên

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0969.883.558 ; Email:

Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính, ngân hàng

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Dịch vụ ngân hàng hiện đại (tiếng Anh): Modern banking service	
- Mã số học phần: FIN30007	
- Thuộc CTĐT ngành: Tài chính – Ngân hàng	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản	<input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án
<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
- Số tín chỉ: 4	
+ Số tiết lý thuyết: 30	
+ Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 30	
+ Số tiết tự học: 120	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết: Lý thuyết tài chính tiền tệ	Mã số HP: FIN20001
+ Học phần học trước: Tín dụng ngân hàng	Mã số HP: FIN30005
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:	
+ Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%	
+ Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo đồ án qua hệ thống LMS	
- Bộ môn phụ trách học phần: Tài chính – Ngân hàng	
Điện thoại:	Email:

2. Mô tả học phần

Dịch vụ ngân hàng hiện đại là học phần bắt buộc, được dạy ở học kỳ 6 đối với sinh viên chuyên ngành ngân hàng thương mại. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về các dịch vụ ngân hàng hiện đại. Từ đó, sinh viên có khả năng vận dụng các nghiệp vụ dịch vụ ngân hàng hiện đại trong thực tiễn và thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, hành xử chuyên nghiệp cũng như công bằng và trách nhiệm xã hội trong việc giải quyết các vấn đề của dịch vụ ngân hàng hiện đại.

3. Mục tiêu học phần

Học xong học phần, sinh viên có thể: Liên hệ được đặc trưng, nội dung, quy trình các nghiệp vụ dịch vụ ngân hàng hiện đại trong thực tiễn; Phân tích được đặc trưng, nội dung, quy trình của các nghiệp vụ dịch vụ ngân hàng hiện đại để thực hiện đề án; Thực hiện hiệu quả hoạt động nhóm và cách thức giao tiếp; Thể hiện được đạo đức, trách nhiệm, hành xử chuyên nghiệp, tính công bằng trong quá trình học tập và làm đề án.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	PLO1.3		PLO2.2			PLO3.1			PLO3.2		PLO4.2			
	1.3.1	1.3.2	2.2.1	2.2.2	2.2.3	3.1.1	3.1.2	3.1.3	3.2.1	3.2.2	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4
CLO1.1		✓												
CLO1.2		✓												
CLO2.1		✓												
CLO2.2		✓												
CLO2.3											✓	✓	✓	✓
CLO3.1				✓										
CLO3.2					✓									
CLO4.1						✓	✓	✓						
CLO4.2									✓					

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần (CLO)	Mức độ năng lực CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K5	Làm sáng tỏ đặc trưng, nội dung, quy trình của các dịch vụ ngân hàng hiện đại	- Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide - Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho SV trả lời và ngược lại (nếu có) - Sử dụng LMS để tương tác với sinh viên	Trắc nghiệm
CLO1.2	K5	Liên hệ đặc trưng, nội dung, quy trình của các nghiệp vụ ngân hàng hiện đại trong thực tiễn	- Thuyết giảng kết hợp với bài giảng slide - Phát vấn: Gv đặt câu hỏi cho SV trả lời và ngược lại (nếu có) - Sử dụng LMS để tương tác với sinh viên	Trắc nghiệm
CLO2.1	K5	Xác định các dịch vụ ngân hàng hiện đại cơ sở.	- Thuyết trình - Sử dụng LMS để tương tác với sinh viên	Chấm đồ án Vấn đáp
CLO2.2	K5	Phân tích đặc trưng, nội dung, quy trình của các dịch vụ ngân hàng hiện đại cơ sở.	- Thuyết trình - Sử dụng LMS để tương tác với sinh viên	Chấm đồ án Vấn đáp
CLO2.3	C4	Thiết kế dịch vụ ngân hàng hiện đại riêng.	Đồ án	Chấm đồ án Vấn đáp
CLO3.1	A4	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, hành xử chuyên nghiệp trong quá trình học tập và làm đồ án.	Đồ án	Quan sát Chấm đồ án
CLO3.2	A4	Thể hiện công bằng và trách nhiệm xã hội trong quá trình học tập và làm đồ án.	Đồ án	Quan sát Chấm đồ án
CLO4.1	S4	Thực hiện thành lập và tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả	Đồ án	Quan sát Chấm đồ án
CLO4.2	S4	Trình bày báo cáo đồ án một cách thuyết phục và có logic	Đồ án	Chấm đồ án

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên (tối thiểu 03 bài đánh giá)					50%
A1.1	Sự chuyên cần, thái độ học tập	Rubric 1	CLO3.1	10%	
			CLO3.2		
A1.2	Trắc nghiệm khách quan	Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan	CLO1.1	20%	
			CLO1.2		
A1.3	Đề cương đồ án	Rubric 2	CLO2.1	20%	
			CLO2.2		
			CLO2.3		
A2. Đánh giá cuối kì					50%
A.2.1	Sản phẩm đồ án học phần	Rubric 3	CLO2.1	40%	
			CLO2.2		
			CLO2.3		
			CLO4.1		
			CLO4.2		
A 2.2.	Vấn đáp đồ án học phần	Rubric 4	CLO2.1	10%	
			CLO2.2		
			CLO2.3		
			CLO3.1		
			CLO3.2		
Công thức tính điểm học phần: $10\%A1.1 + 20\%A1.2 + 20\% A1.3 + 40\%A2.1 + 10\%A2.2$					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

5.2.1. Rubric 1 : Đánh giá bài A1.1

Bảng 1. Rubric 1 - đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (GV đánh giá)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	5.0 – 4.0	3.0	2.0	1.0
Mức độ tham dự học theo TKB (5 điểm)	Tham gia 100% các buổi học	Tham gia trên 90% các buổi học	Tham gia 80% các buổi học	Tham gia dưới 80% các buổi học
Mức độ tham	- Thể hiện tính kỉ luật, chủ	- Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ	- Thể hiện tính kỉ luật, nhưng	- Không có tính kỉ luật, không

gia các hoạt động học tập	động, tích cực trong giờ học. - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập.	động, khá tích cực trong các giờ học. - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập.	chưa chủ động, tích cực trong các giờ học. - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập.	chủ động, tích cực trong các giờ học. - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập.
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (Bằng chữ:)				

5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.3

Bảng 2. Rubric 2 - Đánh giá đề cương đồ án (A1.3)

Tiêu chí	Mức độ và thang điểm			
	Mức 1 (không đạt)	Mức 2 (đạt)	Mức 3 (Khá)	Mức 4 (giỏi)
Tiêu chí 1: Bố cục, Hình thức (2,5 điểm)	Bố cục không đúng yêu cầu Trình bày chưa hợp lý, nhiều lỗi chính tả 1 điểm	Bố cục đúng yêu cầu nhưng chưa đầy đủ Trình bày hợp lý nhưng không đẹp, ít lỗi chính tả 1,5 đ	Bố cục đúng yêu cầu và đầy đủ Trình bày hợp lý, khá đẹp, ít lỗi chính tả 2,0đ	Bố cục đúng yêu cầu và đầy đủ. Trình bày hợp lý, đẹp, rất ít lỗi chính tả 2,5 đ

<p>Tiêu chí 2: Nội dung (5 điểm)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cương thiết kế các phần chưa hợp lý, chưa đầy đủ - Lý do chọn đề tài chưa thuyết phục (chưa chỉ rõ ý nghĩa khoa học/thực tiễn, chưa thuyết minh được về tính khả thi) - Chưa xây dựng được kế hoạch thực hiện phù hợp - Chưa lựa chọn được các phương pháp nghiên cứu hợp lý - Chưa dự kiến kết quả - Chưa có dự kiến bố cục Đồ án <p style="text-align: center;">2 đ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cương thiết kế các phần đầy đủ, hợp lý - Lý do chọn đề tài chưa thuyết phục (thiếu một trong các nội dung: ý nghĩa khoa học/thực tiễn, phù hợp lĩnh vực hóa vô cơ, có tính khả thi) - Xây dựng được kế hoạch thực hiện khá phù hợp - Lựa chọn các phương pháp nghiên cứu nhưng chưa đầy đủ - Chưa dự kiến kết quả - Chưa dự kiến bố cục Đồ án <p style="text-align: center;">3,0 đ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cương thiết kế các phần khá hợp lý - Lý do chọn đề tài khá thuyết phục (đã chỉ ra được ý nghĩa khoa học/thực tiễn, phù hợp lĩnh vực hóa vô cơ, có tính khả thi) - Xây dựng được kế hoạch thực hiện khá phù hợp - Lựa chọn các phương pháp nghiên cứu đầy đủ, khá hợp lý - Có dự kiến kết quả - Có dự kiến bố cục Đồ án khá hợp lý <p style="text-align: center;">4 đ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cương thiết kế các phần hợp lý - Lý do chọn đề tài thuyết phục (đề tài có ý nghĩa khoa học/thực tiễn, phù hợp lĩnh vực hóa vô cơ, có tính khả thi) - Xây dựng được kế hoạch thực hiện phù hợp - Lựa chọn các phương pháp nghiên cứu hợp lý - Dự kiến kết quả - Dự kiến bố cục Đồ án hợp lý <p style="text-align: center;">5 đ</p>
<p>Tiêu chí 3: Báo cáo (2,5 điểm)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức chưa tốt (Thiết kế báo cáo chưa có bố cục, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lý, khó nhìn, phong); 	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức đạt yêu cầu (Có bố cục khá hợp lý, trình bày chưa đẹp, cỡ chữ trình chiếu khá hợp lý, khá dễ nhìn); 	<ul style="list-style-type: none"> -Hình thức khá tốt (Bố cục khá hợp lý, trình bày khá đẹp, cỡ chữ trình chiếu khá hợp lý, khá dễ nhìn); 	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức báo cáo tốt (Bố cục hợp lý, trình bày đẹp, cỡ chữ trình chiếu hợp lý, dễ nhìn); sử dụng công cụ hỗ trợ phù

	Trình bày chưa rõ ràng, chưa thuyết phục người nghe. - Quản lý được thời gian - Không trả lời được các câu hỏi 1 điểm	Trình bày khá rõ ràng Chưa tương tác với người nghe -Quản lý được thời gian -Trả lời được ít nhất ½ số các câu hỏi 1,5 điểm	Trình bày khá rõ ràng Có Tương tác với người nghe -Quản lý được thời gian -Trả lời được các câu hỏi nhưng chưa tốt 2,0 điểm	hợp với nội dung. Trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, Tương tác tốt với người nghe -Quản lý tốt thời gian -Trả lời đúng các câu hỏi 2,5 điểm
Tổng điểm	4	6,0	8,0	10

5.2.3. Rubric 3: Đánh giá bài A2.1

Bảng 3. Rubric 3 - đánh giá sản phẩm đồ án học phần (A2.1)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0
Tiến độ báo cáo (2 điểm)	Báo cáo đúng tiến độ quy định	Báo cáo chậm tiến độ 1 lần	Báo cáo chậm tiến độ 2 lần	Báo cáo chậm tiến độ từ 3 lần trở lên
	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0
Số lượng và hình thức của sản phẩm (2 điểm)	- Đủ số lượng quy định. - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khoa học, hợp lý, đẹp, đầy đủ phụ lục theo quy định.	- Đủ số lượng quy định. - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khá khoa học, hợp lý và khá đẹp, có đủ phụ lục theo quy định.	- Thiếu 1 sản phẩm. - Cấu trúc chưa thực sự đúng quy định, hình thức trình bày chưa hợp lý và chưa đẹp, không có đủ phụ lục theo quy định.	Thiếu từ 2 sản phẩm trở lên. - Cấu trúc không đúng quy định, hình thức trình bày không hợp lý và không đẹp, không có đủ phụ lục theo quy định.
	6.0 – 5.0	4.0 - 3.0	2.0 – 1.0	0,5 - 0
Nội dung bản báo cáo (6 điểm)	- Trình bày đầy đủ và rõ ràng các nội dung	- Trình bày đầy đủ nhưng chưa thực sự rõ ràng các nội	- Trình bày chưa đầy đủ và chưa thực sự rõ ràng các nội dung của	- Trình bày thiếu nhiều nội dung và không rõ ràng các

	<p>của đồ án theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ, chi tiết thuyết phục, phân tích rõ ràng về đặc trưng, đối tượng và quy trình sử dụng của các dịch vụ ngân hàng hiện đại cơ sở. - Xây dựng đầy đủ, chi tiết thuyết phục, phân tích rõ ràng về dịch vụ ngân hàng hiện đại riêng. 	<p>dung của đồ án theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày nhưng chưa thuyết phục, phân tích chưa rõ ràng về đặc trưng, đối tượng và quy trình sử dụng của các dịch vụ ngân hàng hiện đại cơ sở. - Xây dựng đầy đủ, chi tiết về dịch vụ ngân hàng hiện đại riêng. 	<p>đồ án theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ, chưa chi tiết về đặc trưng, đối tượng và quy trình sử dụng của các dịch vụ ngân hàng hiện đại cơ sở. - Xây dựng chưa đầy đủ, chi tiết về dịch vụ ngân hàng hiện đại riêng. 	<p>nội dung của đồ án theo quy định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không phân tích rõ ràng về đặc trưng, đối tượng và quy trình sử dụng của các dịch vụ ngân hàng hiện đại cơ sở. - Không xây dựng dịch vụ ngân hàng hiện đại riêng.
<p>TỔNG ĐIỂM: ____/10 (bằng chữ)</p>				

5.2.4. Rubric 4: Đánh giá bài A2.2

Bảng 4. Rubric 4 - đánh giá vấn đáp về đồ án (A2.2)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5
1. Kiến thức (2 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững các nội dung của đồ án - Hiểu được nhiệm vụ của từng nội dung và mối quan hệ nhân 	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các nội dung cơ bản của đồ án - Hiểu được nhiệm vụ của từng nội dung trong đồ án 	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các nội dung cơ bản của đồ án 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ nắm được nội dung được phân công thực hiện trong nhóm

	quả của chúng trong đồ án			
	5.0 – 4.0	3.0 -2.5	2.0 – 1.0	1.0 - 0
2. Kỹ năng (5 điểm)	Có kỹ năng phân tích và xử lý tình huống tốt Có khả năng phân biện logic cho các ý kiến	Có kỹ năng phân tích và xử lý tình huống khá Có khả năng trả lời các câu hỏi của hội đồng	Có khả năng xử lý tình huống Có khả năng trả lời một số câu hỏi của hội đồng	Có khả năng trả lời một số câu hỏi của hội đồng
	5.0 – 4.0	3.0 -2.5	2.0 – 1.0	1.0 - 0
3. Thái độ (3 điểm)	Thái độ vấn đáp chuyên nghiệp Có sự chuẩn bị chu đáo về tài liệu, trang phục hợp cách	Thái độ vấn đáp nghiêm túc, trang phục hợp cách	Thái độ vấn đáp bình thường, trang phục hợp cách	Thái độ vấn đáp kém, trang phục không phù hợp
TỔNG ĐIỂM: _____/10 (bằng chữ:)				

Bảng 5. Cách tính điểm cuối kì cho từng sinh viên

TT	Họ và tên	Điểm đồ án (bảng 2)	Điểm vấn đáp (bảng 3)	Tổng điểm
1	Nguyễn Văn A	D	E	$D \times 40\% + E \times 10\%$
2	Lê Thị B			
3	Trần Văn C			

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1]. Nghiêm Văn Bảy, Quản trị dịch vụ khác của ngân hàng thương mại, NXB Tài chính, 2012.

[2]. Nguyễn Thị Quy, Dịch vụ ngân hàng hiện đại, NXB Khoa học xã hội, 2008.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Phan Thị Thu Hà, Ngân hàng thương mại, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2016.

7. Kế hoạch dạy học

Lý thuyết

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CĐR học phần	Bài đánh giá
1(4 tiết)	Chương 1: Những vấn đề chung về dịch vụ ngân hàng hiện đại 1.1. Khái niệm dịch vụ ngân hàng hiện đại 1.2. Đặc trưng của dịch vụ ngân hàng hiện đại 1.3. Các dịch vụ ngân hàng hiện đại 1.4. Lợi ích của việc phát triển dịch vụ ngân hàng hiện đại	- Thuyết trình - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống	- Tìm hiểu về dịch vụ ngân hàng tại NHTM Việt Nam	CLO1.1 CLO1.2	A1.2
2(4 tiết)	Chương 2: Dịch vụ thẻ thanh toán của Ngân hàng thương mại 2.1. Lịch sử ra đời và phát triển của thẻ thanh toán 2.2. Khái niệm và phân loại 2.3. Quy trình tổ chức thực hiện thẻ thanh toán	- Thuyết trình - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống	- Đọc trước nội dung lịch sử ra đời và phát triển của thẻ thanh toán và các văn bản pháp luật liên quan. - Tìm hiểu thực trạng thẻ thanh toán tại các NHTM Việt Nam	CLO1.1 CLO1.2	A1.2
3(4 tiết)	2.4. Những lợi ích của thẻ thanh toán 2.5. Rủi ro của thẻ thanh toán Chương 3: Dịch vụ ngân hàng điện tử của Ngân hàng thương mại 3.1. Sự phát triển của ngân hàng điện tử trên thế giới 3.2. Các sản phẩm và dịch vụ của ngân hàng điện tử	- Thuyết trình - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống	- Chuẩn bị các văn bản pháp luật liên quan. - Đọc trước sự phát triển của ngân hàng điện tử trên thế giới. - Tìm hiểu lợi ích, rủi ro của dịch vụ ngân hàng điện tử.	CLO1.1 CLO1.2	A1.2
4(4 tiết)	3.2. Các sản phẩm và dịch vụ của ngân hàng điện tử (tiếp) Chương 4: Nghiệp vụ bao thanh toán	- Thuyết trình - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống	- Chuẩn bị các văn bản pháp luật liên quan - Tìm hiểu về thực trạng dịch vụ ngân	CLO1.1 CLO1.2	A1.2

	<p>của Ngân hàng thương mại</p> <p>4.1. Giới thiệu chung về nghiệp vụ bao thanh toán</p> <p>4.2. Phân loại bao thanh toán</p>		<p>hàng điện tử tại các NHTM Việt Nam</p> <p>- Tìm hiểu các phương pháp định giá trong bao thanh toán.</p>		
5(4 tiết)	<p>4.3. Quy trình bao thanh toán</p> <p>4.4. Định giá trong nghiệp vụ bao thanh toán</p>	<p>- Thuyết trình</p> <p>- Hướng dẫn làm bài tập</p> <p>- Hướng dẫn nghiên cứu tình huống</p>	<p>- Chuẩn bị các văn bản pháp luật liên quan.</p> <p>- Tìm hiểu về nghiệp vụ bao thanh toán ở một số NHTM Việt Nam</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p>	A1.2
6(4 tiết)	<p>4.5. Rủi ro trong nghiệp vụ bao thanh toán</p> <p>4.6. Lợi ích của nghiệp vụ bao thanh toán</p> <p>Chương 5: Nghiệp vụ phái sinh của Ngân hàng thương mại</p> <p>5.1. Giới thiệu chung về nghiệp vụ phái sinh</p> <p>5.2. Các công cụ phái sinh của Ngân hàng thương mại</p>	<p>- Thuyết trình</p> <p>- Hướng dẫn nghiên cứu tình huống</p>	<p>- Chuẩn bị các văn bản pháp luật liên quan.</p> <p>- Tìm hiểu về các công cụ phái sinh trên thị trường tài chính.</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p>	A1.2
7(4 tiết)	<p>5.2. Các công cụ phái sinh của Ngân hàng thương mại (tiếp)</p> <p>5.3. Vai trò nghiệp vụ phái sinh đối với các ngân hàng thương mại</p>	<p>- Thuyết trình</p> <p>- Hướng dẫn nghiên cứu tình huống</p>	<p>- Chuẩn bị các văn bản pháp luật liên quan.</p> <p>- Tìm hiểu thực trạng nghiệp vụ phái sinh tại Việt Nam</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO1.2</p>	A1.2
8(2 tiết)	Ôn tập kiến thức		<p>- Chuẩn bị câu hỏi còn thắc mắc cần giải đáp cho giáo viên</p>		

Thực hành và/hoặc Đồ án học phần

Tuần	Nội dung hoạt động	Địa điểm/không gian thực hiện	Hoạt động của sinh viên	Kết quả cần đạt được	CĐR học phần	Bài đánh giá
------	--------------------	-------------------------------	-------------------------	----------------------	--------------	--------------

1.	Hướng dẫn đồ án môn học - Mô tả đồ án môn học - Cách thức trình bày và bố cục	Lớp học	Các nhóm phân công làm việc nhóm - Bản ý tưởng sơ lược - Bản phân công công việc của nhóm		CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2	A 2.1
2.	Hướng dẫn đồ án môn học Thông qua đồ án lần 1	Lớp học	-Nhóm trưởng trình bày các sản phẩm của nhóm sau 1 tuần thực hiện - Các sinh viên của nhóm trả lời các câu hỏi và bổ sung các ý kiến		CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2	A 2.1
3	Hướng dẫn đồ án môn học - Nội dung các phần chính trong đồ án	Lớp học	- Nhóm trưởng điều hành sinh viên thực hiện các yêu cầu của bản đồ án - Các sinh viên của nhóm trả lời các câu hỏi và bổ sung các ý kiến		CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2	A 2.1
4	Hướng dẫn đồ án môn học Thông qua đồ án lần 2	Lớp học	- Nhóm trưởng trình bày các sản phẩm của nhóm sau góp ý lần 1 của GV - Các sinh viên của nhóm trả lời các câu hỏi và bổ sung các ý kiến		CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2	A 2.1
5	Hướng dẫn đồ án môn học	Lớp học	- Nhóm trưởng điều hành nhóm hoàn thiện đồ án theo góp ý lần 2 của GV.		CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2	A 2.1
6	Hướng dẫn đồ án môn học	Lớp học	- Nhóm trưởng điều hành nhóm hoàn thiện đồ án theo góp ý lần 2 của GV.		CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2	A 2.1
7	Hướng dẫn hoàn thiện đồ án và cách thức trình bày	Lớp học	-Nhóm trưởng rà soát lại các công việc đã phân công cho sinh viên để hoàn thiện đồ án		CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3 CLO3.1 CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2	A 2.1

8	Độc điểm thành phần	Lớp học				
---	---------------------	---------	--	--	--	--

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Giảng viên

Đặng Thành Cương

Hoàng Thị Thanh Huyền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
KHOA KINH TẾ

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Dành cho các học phần dạy học theo hình thức đồ án/dự án)

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Cúc

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính - Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0932341888; Email: cucntt@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Tài chính, ngân hàng

Giảng viên 2:

Họ và tên: Hoàng Thị Thanh Huyền

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0986310435; Email: Huyenht@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Tài chính, ngân hàng

Giảng viên 3:

Họ và tên: Nguyễn Đình Tiến

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0988649565; Email: tiennd@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Tài chính, ngân hàng

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Tín dụng ngân hàng (tiếng Anh): Bank of credit	
- Mã số học phần: FIN30005	
- Thuộc CTĐT ngành: Tài chính Ngân hàng	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản	<input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án
<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
- Số tín chỉ: (đối với học phần có dự án/đồ án có ít nhất tối thiểu 4 tín chỉ) 4	
+ Số tiết lý thuyết: 45	
+ Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 30	
+ Số tiết tự học: 120	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết: Lý thuyết Tài chính Tiền tệ	Mã số HP:
+ Học phần học trước:	Mã số HP:
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:	
+ Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp:	
+ Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS (Mục 5.1).	
+ Tham gia đầy đủ các bài thực hành.	
- Bộ môn phụ trách học phần: Tài chính-Ngân hàng	
Điện thoại:	Email:

2. Mô tả học phần

Môn học tín dụng ngân hàng được dạy ở học kỳ 6 đối với sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ kinh doanh tín dụng của NHTM. Sinh viên có thể đánh giá quá trình thực hiện nghiệp vụ tín dụng tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam. Đồng thời, vận dụng các kiến thức về nghiệp vụ tín dụng ngân hàng vào thực tiễn nhằm hình thành kỹ năng làm việc nhóm và thể hiện vai trò, thái độ hành xử chuyên nghiệp của một chuyên viên tín dụng ngân hàng.

3. Mục tiêu học phần

Học phần Tín dụng ngân hàng giúp sinh viên vận dụng được các phương pháp phân tích đối với các đối tượng khách hàng khác nhau để đánh giá được khách hàng để lựa chọn được khách hàng vay vốn phù hợp với mục tiêu của ngân hàng. Đồng thời giúp sinh viên nhận diện được các rủi ro tín dụng và triển khai được nghiệp vụ tín dụng trong thực tế. Bên cạnh đó, học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản gồm kỹ năng làm việc nhóm, quản lý thời gian, kỹ năng văn bản và thuyết trình.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo						
	PLO1.3	PLO2.1	PLO2.2	PLO3.2	PLO 4.2		
	1.3.2	2.1.1	2.2.2	3.2.2	4.2.2	4.2.3	4.2.4
CLO1.1	✓						
CLO2.1		✓					
CLO2.2			✓				
CLO3.1				✓			

CLO4.1					✓	✓	
--------	--	--	--	--	---	---	--

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Áp dụng được các phương pháp phân tích tín dụng đối với các đối tượng khách hàng khác nhau	Thuyết giảng Thảo luận	Trắc nghiệm khách quan
CLO2.1	S3	Phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề của hoạt động tín dụng	Nghiên cứu tình huống Thảo luận	Hồ sơ học tập Phiếu đánh giá hoạt động nhóm
CLO2.2	A4	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và hành xử chuyên nghiệp của một nhân viên tín dụng	Nghiên cứu tình huống Thảo luận	Hồ sơ học tập
CLO3.1	S3	Tổ chức thành lập và điều hành hoạt động nhóm để thực hiện có hiệu quả các yêu cầu và nhiệm vụ mà học phần đề ra	Hướng dẫn đồ án	Chấm đồ án
CLO4.1	C4	Phân tích và đánh giá nghiệp vụ tín dụng tại các NHTM ở Việt Nam	Nghiên cứu tình huống và hướng dẫn đồ án	Chấm đồ án

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá 1	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên (tối thiểu 02 lần đánh giá)				30%
A1.1	Sự chuyên cần, thái độ học tập	Phiếu đánh giá (Rubrics 1)	CLO2.2	10%
A1.2	Trắc nghiệm khách quan	Rubrics 2	CLO1.1	10%
A1.3	Hồ sơ học phần	Rubrics 3	CLO2.1	10%
A2. Đánh giá cuối kỳ				70%
A.2.1	Sản phẩm đồ án học phần	Rubric 4	CLO4.1	40%
A2.2	Vấn đáp về sản phẩm đồ án học phần	Rubric 5	CLO3.1	30%

¹ Công cụ đánh giá cần phải thiết kế để đánh giá được chuẩn đầu ra của học phần đồ án / dự án.

Công thức tính điểm tổng kết:
 $(A1.1*10\%)+(A1.2*10\%)+(A1.3*10\%)+(A2.1*40\%)+(A2.12*30\%)$

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên

Bảng 1. Rubric 01 - đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (GV đánh giá) (A1.1)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	5.0 – 4.0	3.0	2.0	1.0
Mức độ tham dự học theo TKB (5 điểm)	Tham gia 100% các buổi học	Tham gia trên 90% các buổi học	Tham gia 80% các buổi học	Tham gia dưới 80% các buổi học
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học. - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học. - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực trong các giờ học. - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực trong các giờ học. - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập.
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (Bằng chữ:)				

Bảng 2. Rubric 02 – đánh giá trắc nghiệm khách quan (A1.2)

TT	Nội dung	Tổng số câu hỏi	Mức độ biết	Mức độ hiểu	Mức độ vận dụng
1.1.	Tín dụng ngân hàng trong nền kinh tế thị trường	15	5	5	5
1.2	Quy trình tín dụng	15	5	5	5
2.1	Những vấn đề cơ bản về bảo đảm tín dụng	11	5	3	3

2.2	Quy trình thực hiện bảo đảm tín dụng	24	5	9	10
3.1	Liên hệ thực tiễn	10	-	5	5
Tổng		75	20	27	28
Tỉ lệ (%)		100	27	36	37

Bảng 3. Rubric 03 - đánh giá hồ sơ học phần (A1.3)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5
1. Kế hoạch nhóm (2 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch rõ ràng, khoa học. - Phân công nhiệm vụ cụ thể, công bằng và phù hợp với các thành viên của nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch rõ ràng, khoa học. - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa công bằng và chưa thực sự phù hợp với các thành viên của nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch khá rõ ràng, khá khoa học. - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa phù hợp với các thành viên của nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch chưa rõ ràng, chưa khoa học - Phân công nhiệm vụ nhưng không cụ thể, không phù hợp với các thành viên của nhóm.
	3.0 – 2.5	2.0	1.5 – 1.0	0.5 – 0
2. Tổ chức thực hiện (3 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin hữu ích. - Toàn bộ thành viên đều tham gia tích cực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được khá nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin khá hữu ích. - Thành viên tham gia đầy đủ nhưng chưa thực sự tích cực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai tương đối đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được một số thông tin (minh chứng) nhưng chưa đầy đủ và thông tin khá hữu ích - Thành viên tham gia chưa đầy đủ và một số thành viên chưa tích cực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai chưa đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được ít thông tin (minh chứng) và thông tin chưa hữu ích - Nhiều thành viên không tham gia
	5.0 – 4.0	3.0 -2.5	2.0 – 1.0	1.0 – 0

3. Kết quả làm việc nhóm (5 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc sản phẩm hợp lý và hình thức trình bày đẹp, sinh động. - Sản phẩm đạt chất lượng tốt. - Hoàn thành đúng thời hạn. - Có bảng đánh giá chi tiết thành viên trong nhóm. - Trình bày và trả lời tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lý và hình thức trình bày khá đẹp, khá sinh động. - Sản phẩm đạt chất lượng khá. - Hoàn thành đúng thời hạn. - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng chưa chi tiết - Trình bày và trả lời khá tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lý nhưng hình thức trình bày chưa đẹp, và chưa sinh động. - Sản phẩm đạt yêu cầu. - Hoàn thành tương đối đúng thời hạn. - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng hơi sơ sài - Trình bày và trả lời được câu hỏi ở mức độ chấp nhận về báo cáo sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc sản phẩm chưa hợp lý, hình thức trình bày không đẹp, và không sinh động. - Sản phẩm không đạt yêu cầu. - Hoàn thành không đúng thời hạn. - Không có bảng đánh giá thành viên trong nhóm - Trình bày nhưng dường như không trả lời được câu hỏi về báo cáo sản phẩm.
	<p>TỔNG ĐIỂM: _____/10 (bằng chữ:)</p>			

5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá cuối kỳ

Bảng 4. Rubric 04 - đánh giá sản phẩm đồ án học phần (A2.1)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
Tiến độ báo cáo (2 điểm)	2.0	1.5	1.0	0.5 – 0
	Báo cáo đúng tiến độ quy định	Báo cáo chậm tiến độ 1 lần	Báo cáo chậm tiến độ 2 lần	Báo cáo chậm tiến độ từ 3 lần trở lên
Số lượng và hình thức của sản phẩm (2 điểm)	2.0	1.5	1.0	0.5 – 0
	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ số lượng quy định. - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khoa học, hợp 	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ số lượng quy định. - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khá khoa học, hợp lý và khá đẹp, có đủ phụ 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 1 sản phẩm. - Cấu trúc chưa thực sự đúng quy định, hình thức trình bày chưa hợp lý và chưa đẹp, không 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu từ 2 sản phẩm trở lên. - Cấu trúc không đúng quy định, hình thức trình bày không hợp lý và không đẹp, không có đủ phụ lục theo quy định.

	lý, đẹp, đầy đủ phụ lục theo quy định.	lục theo quy định.	có đủ phụ lục theo quy định.	
Nội dung bản báo cáo (6 điểm)	6.0 – 5.0	4.0 - 3.0	2.0 – 1.0	0,5 – 0
	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ và rõ ràng các nội dung của đề án theo quy định. - Trình bày đầy đủ, chi tiết thuyết phục, phân tích rõ ràng về các thông tin khách hàng vay vốn 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ nhưng chưa thực sự rõ ràng các nội dung của đề án theo quy định. - Trình bày nhưng chưa thuyết phục, phân tích chưa rõ ràng về các thông tin khách hàng vay vốn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ và chưa thực sự rõ ràng các nội dung của đề án theo quy định. - Trình bày chưa đầy đủ, chưa chi tiết về các thông tin khách hàng vay vốn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày thiếu nhiều nội dung và không rõ ràng các nội dung của đề án theo quy định - Không phân tích rõ ràng về các thông tin khách hàng vay vốn.
TỔNG ĐIỂM: _____/10 (bằng chữ)				

Bảng 5. Rubric 05 - đánh giá vấn đáp về sản phẩm đề án (A2.2)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5
1. Kiến thức (2 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững các nội dung của đề án - Hiểu được nhiệm vụ của từng nội dung và mối quan hệ nhân quả của chúng trong đề án 	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các nội dung cơ bản của đề án - Hiểu được nhiệm vụ của từng nội dung trong đề án 	Nắm được các nội dung cơ bản của đề án	Chỉ nắm được nội dung được phân công thực hiện trong nhóm
	5.0 – 4.0	3.0 -2.5	2.0 – 1.0	1.0 – 0

2. Kỹ năng (5 điểm)	Có kỹ năng phân tích và xử lý tình huống tốt Có khả năng phản biện logic cho các ý kiến	Có kỹ năng phân tích và xử lý tình huống khá Có khả năng trả lời các câu hỏi của hội đồng	Có khả năng xử lý tình huống Có khả năng trả lời một số câu hỏi của hội đồng	Có khả năng trả lời một số câu hỏi của hội đồng
	5.0 – 4.0	3.0 -2.5	2.0 – 1.0	1.0 – 0
3. Thái độ (3 điểm)	Thái độ vấn đáp chuyên nghiệp Có sự chuẩn bị chu đáo về tài liệu, trang phục hợp cách	Thái độ vấn đáp nghiêm túc, trang phục hợp cách	Thái độ vấn đáp bình thường, trang phục hợp cách	Thái độ vấn đáp kém, trang phục không phù hợp
TỔNG ĐIỂM: _____/10 (bằng chữ:)				

Bảng 6. Cách tính điểm cuối kì cho từng sinh viên

TT	Họ và tên	Điểm đề án (bảng 4)	Điểm vấn đáp (bảng 5)	Tổng điểm
1	Nguyễn Văn A	D	E	$D \times 40\% + E \times 30\%$
2	Lê Thị B			
3	Trần Văn C			

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Tô Ngọc Hưng, Tín dụng ngân hàng, Nxb Lao động xã hội, 2016

[2] Tô Ngọc Hưng, Ngân hàng thương mại, NXB Thống Kê, 2016

6.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Phan Thị Thu Hà, Ngân hàng thương mại, NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân 2016

[2] Nguyễn Thị Mùi, Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại, NXB Tài chính 2008

7. Kế hoạch dạy học

7.1.Lý thuyết

T u ầ n	Nội dung công việc	Địa điểm/ không gian thực hiện	Hoạt động của sinh viên	Kết quả cần đạt được	Bài đánh giá	CD R học phần
T u ầ n 1 (5t iế t)	<p>Chương 1:Những vấn đề cơ bản về tín dụng ngân hàng</p> <p>1.1. Tín dụng ngân hàng trong nền kinh tế thị trường</p> <p>1.1.1. Khái niệm và vai trò của tín dụng ngân hàng</p> <p>1.1.2. Phân loại tín dụng</p> <p>1.1.3. Nguyên tắc tín dụng</p>	E-Learning Giảng đường Tự học của cá nhân và nhóm	<p>- Chuẩn bị tài liệu học tập.</p> <p>- Lập email group của từng nhóm / hoặc ứng dụng CNTT để tạo group khác của nhóm và kết nối với giáo viên.</p>			<p>CL O1 .1</p> <p>CL O2 .1</p> <p>CL O2 .2</p>

	1.1.4. Điều kiện vay vốn					
T u à n 2 5 t i ết	1.2. Quy trình tín dụng 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Mục tiêu của quy trình tín dụng 1.2.3 Nội dung quy trình tín dụng 1.2.3.1. Lập hồ sơ 1.2.3.2. Phân tích tín dụng	Lớp học	- Chuẩn bị tài liệu học tập. - Đọc trước nội dung trong giáo trình về quy trình tín dụng - Vở ghi chép cá nhân			CL O1 .1 CL O2 .1 CL O2 .2
T u à n 3 5 t i ết	1.2.3.3. Quyết định tín dụng 1.2.3.4. Giải ngân 1.2.3.5. Giám sát tín dụng 1.2.3.6. Thanh lý tín dụng	Lớp học	- Chuẩn bị tài liệu học tập. - Đọc trước nội dung GV yêu cầu chuẩn bị về phân tích tài chính			CL O1 .1 CL O2 .1 CL O2 .2
T u à n 4 5 t i ết	Chương 2: Bảo đảm tín dụng 2.1. Những vấn đề cơ bản về bảo đảm tín dụng 2.1.1. Khái niệm và nguyên tắc	Lớp học	- Chuẩn bị tài liệu học tập. - Đọc trước nội dung GV yêu cầu chuẩn bị về bảo đảm tín dụng - Tìm hiểu các văn bản			CL O1 .1 CL O2 .1 CL O2 .2

	<p>bảo đảm tín dụng</p> <p>2.1.2. Mục đích của bảo đảm tín dụng</p> <p>2.1.3. Hình thức bảo đảm</p> <p>2.1.3.1. Bảo đảm bằng tài sản</p> <p>2.1.3.2. Bảo đảm bằng bảo lãnh</p>		<p>pháp luật liên quan đến bảo đảm tín dụng.</p>			
<p>T u ầ n 5 5 t i ết</p>	<p>2.2. Quy trình thực hiện bảo đảm tín dụng</p> <p>2.2.1. Quy trình nghiệp vụ bảo đảm bằng tài sản</p> <p>2.2.2. Quy trình nghiệp vụ bảo đảm bằng bảo lãnh</p>	<p>Lớp học</p>	<p>- Chuẩn bị tài liệu học tập.</p> <p>- Đọc trước nội dung GV yêu cầu chuẩn bị về hình thức bảo đảm bằng bảo lãnh</p> <p>- Làm bài tập GV giao tại lớp</p>			<p>CL O1 .1 CL O2 .1 CL O2 .2</p>
<p>T u ầ n 6 5 t i ết</p>	<p>Chương 3: Cho vay cá nhân</p> <p>3.1. Khái quát về cho vay tiêu dùng</p> <p>3.1.1. Khái niệm, đặc điểm cho vay tiêu dùng</p>	<p>Lớp học</p>	<p>- Chuẩn bị tài liệu học tập.</p> <p>- Đọc trước nội dung GV yêu cầu chuẩn bị về hoạt động cho vay tiêu dùng</p> <p>- Tìm hiểu các văn bản</p>			<p>CL O1 .1 CL O2 .1 CL O2 .2</p>

	3.1.2. Lợi ích của cho vay tiêu dùng		pháp luật về cho vay tiêu dùng			
T u ầ n 7 5 t i ết	3.1.3. Các nhân tố ảnh hưởng tới cho vay tiêu dùng 3.2. Phân tích tín dụng trong cho vay tiêu dùng 3.3. Các sản phẩm tín dụng đối với khách hàng cá nhân	Lớp học	- Chuẩn bị tài liệu học tập. - Đọc trước nội dung GV yêu cầu chuẩn bị về hoạt động cho vay tiêu dùng			CL O1 .1 CL O2 .1 CL O2 .2
T u ầ n 8 5 t i ết	Chương 4: Cho vay doanh nghiệp 4.1. Phân tích nguyên nhân vay vốn của doanh nghiệp 4.1.1. Sự cần thiết phải nhận biết các nguyên nhân vay vốn 4.1.2. Nhận biết các nguyên nhân vay vốn	Lớp học	- Chuẩn bị tài liệu học tập. - Đọc trước nội dung GV yêu cầu chuẩn bị về các nguyên nhân vay vốn của doanh nghiệp			CL O1 .1 CL O2 .1 CL O2 .2

T u ầ n 9 5 t i ết	4.1.3. Môi liên hệ giữa nguyên nhân vay vốn và cấu trúc khoản vay 4.1.4. Tổng hợp nguyên nhân phát sinh nhu cầu vay vốn	Lớp học	- Chuẩn bị tài liệu học tập. - Đọc trước nội dung GV yêu cầu chuẩn bị về các nguyên nhân vay vốn của doanh nghiệp			CL O1 .1 CL O2 .1 CL O2 .2
T u ầ n 1 0 5 t i ết	4.2. Nghiệp vụ cho vay ngắn hạn các doanh nghiệp 4.2.1. Chiết khấu giấy tờ có giá 4.2.2. Cho vay từng lần 4.2.3. Thấu chi 4.2.4. Cho vay theo hạn mức tín dụng 4.2.5. Cho vay dựa trên tài sản	Lớp học	- Chuẩn bị tài liệu học tập. - Đọc trước nội dung GV yêu cầu chuẩn bị về nghiệp vụ chiết khấu giấy tờ có giá			CL O1 .1 CL O2 .1 CL O2 .2

7.2. Hướng dẫn đồ án

Tuần 11 5 tiết	Hướng dẫn đồ án môn học - Mô tả đồ án môn học - Cách thức trình bày và bố cục		Các nhóm phân công làm việc nhóm - Bản ý tưởng sơ lược - Bản phân công công việc của nhóm	- Gv mô tả chung về đồ án môn học - Hướng dẫn cách thức trình bày và bố cục của đồ án - Gv cho các nhóm thảo luận	Báo cáo đồ án	CLO3.1 CLO4.1
-------------------	--	--	--	---	------------------	------------------

				về ý tưởng kinh doanh của nhóm		
Tuần 12	Hướng dẫn đồ án môn học Thông qua đồ án lần 1		-Nhóm trưởng trình bày các sản phẩm của nhóm sau 1 tuần thực hiện - Các sinh viên của nhóm trả lời các câu hỏi và bổ sung các ý kiến	- Gv đưa ra các yêu cầu chung về nội dung từng phần của đồ án - Thông qua lần 1 ý tưởng đồ án của các nhóm và đánh giá trực tiếp tại lớp	Báo cáo đồ án	CLO3.1 CLO4.1
Tuần 13 5 tiết	Hướng dẫn đồ án môn học - Nội dung các phần chính trong đồ án		Nhóm trưởng điều hành sinh viên thực hiện các yêu cầu của bản đồ án - Các sinh viên của nhóm trả lời các câu hỏi và bổ sung các ý kiến	- Gv hướng dẫn cụ thể nội dung các phần chính trong đồ án - Giải đáp thắc mắc của các nhóm sv	Báo cáo đồ án	CLO3.1 CLO4.1
Tuần 14+15	Hướng dẫn đồ án môn học Thông qua đồ án lần 2		- Nhóm trưởng trình bày các sản phẩm của nhóm sau 1 tuần thực hiện - Các sinh viên của nhóm trả lời các câu hỏi và bổ sung các ý kiến	- Thông qua lần 2 về tiến trình hoàn thiện đồ án của các nhóm và đánh giá trực tiếp tại lớp - Tập trung chú ý các nội dung như phân tích thị trường, marketing, và tài chính của bản dự án	Báo cáo đồ án	CLO3.1 CLO4.1

8. Nhiệm vụ của sinh viên

8.1. Phần tự học

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video bài giảng.
- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.
- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.
- Hoàn thành các bài tập được giao trên E-learning.

8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng thời lượng của học phần.
- Chủ động, tích cực trong giờ học.
- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

8.3. Làm việc nhóm, thực hiện dự án môn học

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.
- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.
- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm dự án được giao.

9. Ngày phê duyệt:

10. Cấp phê duyệt:

Trưởng bộ môn

Giảng viên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG KINH TẾ
KHOA TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

Họ và tên: Đặng Thành Cương

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính - Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0914792688; Email: cuongdt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế tài chính ngân hàng

Giảng viên 2:

Họ và tên: Đoàn Thị Ngọc Hân

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0985421088; Email: handtn@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế tài chính ngân hàng

Giảng viên 3:

Họ và tên: Trịnh Thị Hằng

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0914791588; Email: hangtt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế tài chính ngân hàng

Giảng viên 4:

Họ và tên: Nguyễn Thị Anh Giang

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Vào giờ hành chính tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0972842336; Email: giangnta@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế tài chính ngân hàng

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên môn học (tiếng Việt): TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP (tiếng Anh): CORPORATE FINANCE
- Mã số học phần: ACC30003
- Thuộc CTĐT ngành: Tài chính – Ngân hàng
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung <input checked="" type="checkbox"/> Học phần dạy học theo hình thức dự án/đề án <input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn
- Số tín chỉ: (đối với học phần có dự án/đề án có ít nhất tối thiểu 4 tín chỉ) + Số tiết lý thuyết: 45 + Số tiết thực hiện đề án, dự án: 30 + Số tiết tự học: 150
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: Lý thuyết tài chính tiền tệ Mã số HP: FIN20001 + Học phần học trước: Quản trị tài chính Mã số HP: FIN20002
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể: + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 60 tiết + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống E-learning (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành.
- Bộ môn phụ trách học phần: Tài chính – Ngân hàng Điện thoại: 0985.421.088 Email: handtn@vinhuni.edu.vn

2. Mô tả học phần

Học phần Tài chính doanh nghiệp được dạy ở học kỳ 6 đối với sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên ngành về lĩnh vực tài chính doanh nghiệp như đòn bẩy, thẩm định dự án đầu tư, chi phí sử dụng vốn, kế

hoạch hóa tài chính, tình trạng sát nhập, hợp nhất, phá sản doanh nghiệp. Từ kiến thức tổng quan, kết quả đồ án thể hiện khả năng liên hệ, đánh giá, lựa chọn, nhận diện và dự đoán các vấn đề tài chính doanh nghiệp của sinh viên đối với thực tiễn nền kinh tế.

3. Mục tiêu học phần

Học phần Tài chính doanh nghiệp thiết lập với mục tiêu sinh viên vận dụng kiến thức tài chính trong doanh nghiệp. Từ đó, triển khai xử lý các vấn đề tài chính doanh nghiệp và giải quyết các vấn đề tài chính doanh nghiệp trong thực tiễn

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1,...)

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																												
	PLO1.1			PLO1.2			PLO1.3		PLO2.1				PLO2.2			PLO3.1			PLO3.2		PLO3.3		PLO4.1		PLO4.2				
	1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.3.1	1.3.2	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	3.1.1	3.1.2	3.1.3	3.2.1	3.2.2	3.3.1	3.3.2	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4	
CLO1.1							✓																						
CLO1.2							✓																						
CLO1.3							✓																						
CLO1.4							✓																						
CLO2.1									✓																				
CLO2.2											✓																		
CLO2.3									✓																				
CLO2.4													✓																
CLO3.1																										✓			
CLO3.2																												✓	

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần (CLO)	Mức độ năng lực CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Áp dụng đòn bẩy kinh tế và chi phí sử dụng các nguồn tài trợ vốn	Thuyết giảng Thảo luận	Trắc nghiệm khách quan
CLO1.2	K4	Xây dựng các phương pháp thẩm định tài chính dự án	Thuyết giảng Thảo luận Tự nghiên cứu	Báo cáo Đồ án
CLO1.3	K4	Xây dựng nội dung kế hoạch hóa tài chính	Thuyết giảng Thảo luận Tự nghiên cứu	Báo cáo Đồ án
CLO1.4	K4	Minh họa hoạt động sát nhập, hợp nhất, phá sản doanh nghiệp	Thuyết giảng Hoạt động nhóm	Hồ sơ học phần
CLO2.1	S3	Xác định hiệu quả các vấn đề về đòn bẩy kinh tế và chi phí sử dụng các nguồn tài trợ vốn	Thuyết giảng Thảo luận	Trắc nghiệm khách quan

CLO2.2	S3	Hoàn thiện và giải quyết có hiệu quả các phương pháp thâm định tài chính dự án	Thuyết giảng Thảo luận Tự nghiên cứu	Báo cáo Đồ án
CLO2.3	S3	Xác định kế hoạch hóa tài chính	Thuyết giảng Thảo luận Tự nghiên cứu	Báo cáo Đồ án
CLO2.4	A4	Sắp xếp, chọn lựa khi xác định giá trị doanh nghiệp trong các tình huống sát nhập, hợp nhất, phá sản theo nhóm và thuyết trình	Thuyết giảng Hoạt động nhóm	Hồ sơ học phần
CLO3.1	C3	Vận dụng kiến thức để xây dựng đòn bẩy kinh tế, chi phí sử dụng vốn	Thuyết giảng Thảo luận Tự nghiên cứu	Trắc nghiệm khách quan
CLO3.2	C4	Tổng hợp và phân tích tình hình kinh tế để đề xuất các kế hoạch tài chính và dự án đầu tư doanh nghiệp	Thuyết giảng Thảo luận Tự nghiên cứu	Báo cáo Đồ án

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá 2	CDR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên (tối thiểu 02 lần đánh giá)					50%
A1.1	Sự chuyên cần, thái độ học tập	Rubrics 01	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	10%	
A1.2	Trắc nghiệm khách quan	Rubrics 02	CLO1.1 CLO2.1 CLO3.1	20%	
A1.3	Hồ sơ học phần	Rubrics 03	CLO1.4 CLO2.4	20%	
A2. Đánh giá cuối kỳ					50%
A.2.1	Sản phẩm đề án học phần	Rubric 04	CLO1.2 CLO1.3	30%	
A2.2	Vấn đáp về sản phẩm đề án học phần	Rubric 05	CLO2.2 CLO2.3 CLO3.2	20%	

Công thức tính điểm học phần: $(A1.1*10\%)+(A1.2*20\%)+(A1.3*20\%)+(A2.1*30\%)+(A2.2*20\%)$

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

5.2.1. Rubric 01: Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	5.0 – 4.0	3.0	2.0	1.0
Mức độ tham dự học theo TKB (5 điểm)	Tham gia 100% các buổi học	Tham gia trên 90% các buổi học	Tham gia 80% các buổi học	Tham gia dưới 80% các buổi học
Mức độ tham gia các hoạt động học tập (5 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học. - Hoàn thành đầy đủ 100% bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học. - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực trong các giờ học. - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực trong các giờ học. - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập.
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (Bằng chữ:)				

5.2.2. Rubric 02: Đánh giá bài A1.2

TT	Nội dung	Tổng số câu hỏi	Mức độ biết	Mức độ hiểu	Mức độ vận dụng
1.1	Lý luận về các loại đòn bẩy	15	5	5	5
1.2	Lý luận về các loại chi phí sử dụng vốn	15	5	5	5
2.1	Công thức tính toán giá trị	11	5	3	3

2.2	Vận dụng ý nghĩa chỉ tiêu tài chính	24	5	9	10
3.1	Liên hệ thực tiễn	10	-	3	7
Tổng		75	20	25	30
Tỉ lệ (%)		100	27	33	40

5.2.3. Rubric 03: Đánh giá bài A1.3

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5
1. Kế hoạch nhóm (2 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch rõ ràng, khoa học. - Phân công nhiệm vụ cụ thể, công bằng và phù hợp với các thành viên của nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch rõ ràng, khoa học. - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa công bằng và chưa thực sự phù hợp với các thành viên của nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch khá rõ ràng, khá khoa học. - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa phù hợp với các thành viên của nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch chưa rõ ràng, chưa khoa học - Phân công nhiệm vụ nhưng không cụ thể, không phù hợp với các thành viên của nhóm.
	3.0 – 2.5	2.0	1.5 – 1.0	0.5 - 0
2. Tổ chức thực hiện (3 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin hữu ích. - Toàn bộ thành viên đều tham gia tích cực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được khá nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin khá hữu ích. - Thành viên tham gia đầy đủ nhưng chưa thực sự tích cực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai tương đối đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được một số thông tin (minh chứng) nhưng chưa đầy đủ và thông tin khá hữu ích - Thành viên tham gia chưa đầy đủ và một số thành viên chưa tích cực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai chưa đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được ít thông tin (minh chứng) và thông tin chưa hữu ích - Nhiều thành viên không tham gia
	5.0 – 4.0	3.0 -2.5	2.0 – 1.0	1.0 - 0

<p>3. Kết quả làm việc nhóm (5 điểm)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc sản phẩm hợp lí và hình thức trình bày đẹp, sinh động. - Sản phẩm đạt chất lượng tốt. - Hoàn thành đúng thời hạn. - Có bảng đánh giá chi tiết thành viên trong nhóm. - Trình bày và trả lời tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí và hình thức trình bày khá đẹp, khá sinh động. - Sản phẩm đạt chất lượng khá. - Hoàn thành đúng thời hạn. - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng chưa chi tiết - Trình bày và trả lời khá tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí nhưng hình thức trình bày chưa đẹp, và chưa sinh động. - Sản phẩm đạt yêu cầu. - Hoàn thành tương đối đúng thời hạn. - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng hơi sơ sài - Trình bày và trả lời được câu hỏi ở mức độ chấp nhận về báo cáo sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc sản phẩm chưa hợp lí, hình thức trình bày không đẹp, và không sinh động. - Sản phẩm không đạt yêu cầu. - Hoàn thành không đúng thời hạn. - Không có bảng đánh giá thành viên trong nhóm - Trình bày nhưng dường như không trả lời được câu hỏi về báo cáo sản phẩm.
<p>TỔNG ĐIỂM: _____/10 (bằng chữ:)</p>				

5.2.4. Rubric 04: Đánh giá bài A2.1

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
<p>1. Tiến độ báo cáo (2 điểm)</p>	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0
	Báo cáo đúng tiến độ quy định	Báo cáo chậm tiến độ 1 lần	Báo cáo chậm tiến độ 2 lần	Báo cáo chậm tiến độ từ 3 lần trở lên
<p>2. Số lượng và hình thức của sản phẩm (2 điểm)</p>	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0
	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ số lượng quy định. - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khoa học, hợp lý, đẹp, 	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ số lượng quy định. - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khá khoa học, hợp lý và khá đẹp, có đủ phụ 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 1 sản phẩm. - Cấu trúc chưa thực sự đúng quy định, hình thức trình bày chưa hợp lý và chưa đẹp, không 	<ul style="list-style-type: none"> Thiếu từ 2 sản phẩm trở lên. - Cấu trúc không đúng quy định, hình thức trình bày không hợp lý và không đẹp, không có đủ phụ lục theo quy định.

	đầy đủ phụ lục theo quy định.	lục theo quy định.	có đủ phụ lục theo quy định.	
	6.0 – 5.0	4.0 - 3.0	2.0 – 1.0	0,5 - 0
3. Nội dung bản báo cáo (6 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ và rõ ràng các nội dung của đồ án theo quy định. - Trình bày đầy đủ, chi tiết thuyết phục, phân tích rõ ràng về các dự án đầu tư dự định của doanh nghiệp. - Xây dựng kế hoạch đánh giá từ dự án đầu tư - Xây dựng bảng cân đối kế toán mẫu của từng dự án - Phân tích hiệu quả của các chỉ tiêu tài chính trong từng dự án - Nhận diện và kết luận phương án đầu tư hiệu quả nhất 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ nhưng chưa thực sự rõ ràng các nội dung của đồ án theo quy định. - Trình bày nhưng chưa thuyết phục, phân tích chưa rõ ràng về các dự án đầu tư dự định của doanh nghiệp. - Xây dựng kế hoạch đánh giá từ dự án đầu tư - Xây dựng chưa hợp lý bảng cân đối kế toán mẫu của từng dự án - Phân tích chưa chính xác về hiệu quả của các chỉ tiêu tài chính trong từng dự án - Nhận diện và kết luận phương án đầu tư hiệu quả nhất 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày chưa đầy đủ và chưa thực sự rõ ràng các nội dung của đồ án theo quy định. - Trình bày chưa đầy đủ, chưa chi tiết về các dự án đầu tư dự định của doanh nghiệp. - Xây dựng kế hoạch đánh giá từ dự án đầu tư - Xây dựng chưa đúng về bảng cân đối kế toán mẫu của từng dự án - Phân tích chưa đầy đủ về hiệu quả của các chỉ tiêu tài chính trong từng dự án - Nhận diện và kết luận phương án đầu tư hiệu quả nhất 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày thiếu nhiều nội dung và không rõ ràng các nội dung của đồ án theo quy định - Không phân tích rõ ràng về các dự án đầu tư dự định của doanh nghiệp. - Xây dựng kế hoạch đánh giá từ dự án đầu tư - Không xây dựng bảng cân đối kế toán mẫu của từng dự án - Nhận diện và kết luận phương án đầu tư hiệu quả nhất chưa chính xác.
TỔNG ĐIỂM: _____/10 (bằng chữ)				

5.2.5. Rubric 05: Đánh giá bài A2.2

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5
1. Kiến thức (2 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững các nội dung của đồ án - Hiểu được nhiệm vụ của từng nội dung và mối quan hệ nhân quả của chúng trong đồ án 	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các nội dung cơ bản của đồ án - Hiểu được nhiệm vụ của từng nội dung trong đồ án 	Nắm được các nội dung cơ bản của đồ án	Chỉ nắm được nội dung được phân công thực hiện trong nhóm
	5.0 – 4.0	3.0 -2.5	2.0 – 1.0	1.0 - 0
2. Kỹ năng (5 điểm)	<p>Kỹ năng trình bày slide thuyết trình logic, rõ ràng</p> <p>Có kỹ năng phân tích và xử lý tình huống tốt</p> <p>Có khả năng phản biện logic cho các ý kiến</p>	<p>Kỹ năng trình bày slide thuyết trình đầy đủ nhưng chưa logic</p> <p>Có kỹ năng phân tích và xử lý tình huống khá</p> <p>Có khả năng trả lời các câu hỏi của hội đồng</p>	<p>Trình bày slide thuyết trình chưa đầy đủ</p> <p>Có khả năng xử lý tình huống</p> <p>Có khả năng trả lời một số câu hỏi của hội đồng</p>	<p>Trình bày slide thuyết trình không đúng nội dung đồ án</p> <p>Có khả năng trả lời một số câu hỏi của hội đồng</p>
	5.0 – 4.0	3.0 -2.5	2.0 – 1.0	1.0 - 0
3. Thái độ (3 điểm)	<p>Thái độ vấn đáp chuyên nghiệp</p> <p>Có sự chuẩn bị chu đáo về tài liệu, trang phục hợp cách</p>	<p>Thái độ vấn đáp nghiêm túc, trang phục hợp cách</p>	<p>Thái độ vấn đáp bình thường, trang phục hợp cách</p>	<p>Thái độ vấn đáp kém, trang phục không phù hợp</p>

TỔNG	ĐIỂM:	_____/10	(bằng	chữ:
.....)				

Cách tính điểm cuối kì cho từng sinh viên

TT	Họ và tên	Điểm đề án (bảng 4)	Điểm vấn đáp (bảng 5)	Tổng điểm
1	Nguyễn Văn A	D	E	Dx60%+Ex40%
2	Lê Thị B			
3	Trần Văn C			

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Đặng Thành Cương, Quản trị tài chính doanh nghiệp (2017), NXB Đại học Vinh

[2] Bùi Văn Vân, Vũ Văn Ninh, Giáo trình Tài chính doanh nghiệp (2020), NXB Tài chính

6.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Đặng Thành Cương - Nguyễn Thị Thu Cúc, Những vấn đề cơ bản và bài tập tài chính doanh nghiệp (2017), NXB Tài chính [4] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản), tên phần mềm.

[4] Nguyễn Quang Thu, Giáo trình Quản trị tài chính căn bản, NXB Kinh tế TP HCM

7. Kế hoạch dạy học

Tổng thời lượng của học phần 75 tiết, trong đó có 45 tiết lí thuyết và 30 tiết đề án học phần, số tiết theo cụ thể như sau:

Lý thuyết

Tuần, Số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu SV chuẩn bị	CĐR học phần	Bài đánh giá
1 – 1 (5 tiết)	<p>CHƯƠNG I: CÁC LOẠI ĐÒN BẦY TRONG DOANH NGHIỆP</p> <p>1.1. Điểm hòa vốn</p> <p>1.1.1. Ý nghĩa</p> <p>1.1.2. Ứng dụng của điểm hòa vốn</p> <p>1.2. Đòn bẩy kinh doanh</p> <p>1.2.1. Ý nghĩa và công thức xác định</p> <p>1.2.2. Ứng dụng của đòn bẩy kinh doanh</p>	<p>- Địa điểm: E-Learning</p> <p>Giảng đường/Teams</p> <p>Tự học</p> <p>- Thuyết giảng</p> <p>- Hướng dẫn thảo luận làm bài tập DOL, DFL, DTL.</p>	<p>- SV đọc trước nội dung về đòn bẩy tài chính</p> <p>- Đặt câu hỏi cho GV về nội dung quan tâm</p> <p>- Vở ghi chép cá nhân</p> <p>- Sổ theo dõi các thành viên của nhóm trưởng</p> <p>- Nhận diện đòn bẩy kinh tế và làm bài tập đòn bẩy</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO3.1</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p>

	<p>1.3. Đòn bẩy tài chính</p> <p>1.3.1. Khái niệm</p> <p>1.3.2. Mức độ tác động của DTL</p> <p>1.4. Đòn bẩy tổng hợp</p> <p>1.4.1. Khái niệm</p> <p>1.4.2. Mức độ tác động của DTL</p>				
2 - 1 (5 tiết)	<p>CHƯƠNG II: CHI PHÍ SỬ DỤNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP</p> <p>2.1. Cơ cấu nguồn vốn</p> <p>2.1.1. Khái niệm</p> <p>2.1.2. Hệ số cơ cấu nguồn vốn</p> <p>2.2. Chi phí sử dụng vốn</p> <p>2.2.1. Khái niệm</p> <p>2.2.2. Đặc điểm</p> <p>2.3. Chi phí sử dụng vốn vay</p> <p>2.3.1. Khái niệm</p> <p>2.3.2. Công thức xác định</p> <p>2.4. Chi phí sử dụng cổ phiếu ưu đãi</p> <p>2.4.1. Khái niệm</p> <p>2.4.2. Công thức xác định</p> <p>2.5. Chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu</p> <p>2.5.1. Chi phí vốn cổ phiếu thường mới</p> <p>2.5.2. Chi phí vốn lợi nhuận giữ lại</p>	<p>- Địa điểm: E-Learning</p> <p>Giảng đường/Teams</p> <p>Tự học</p> <p>- Thuyết giảng</p> <p>- Hướng dẫn tự nghiên cứu</p>	<p>- SV đọc trước nội dung về chi phí sử dụng vốn</p> <p>- Đặt câu hỏi cho GV về nội dung quan tâm</p> <p>- Vở ghi chép cá nhân</p> <p>- Vở bài tập nhóm và số theo dõi các thành viên của nhóm trưởng</p> <p>- Tự học: SV tìm hiểu ưu và nhược điểm của Nguồn vốn nợ vay</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO3.1</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p>
3 – 1 (5 tiết)	<p>2.6. Chi phí bình quân sử dụng vốn và chi phí sử dụng vốn cận biên</p> <p>2.6.1. Chi phí bình quân sử dụng vốn</p>	<p>- Địa điểm: E-Learning</p> <p>Giảng đường/Teams</p> <p>Tự học</p> <p>- Thuyết giảng</p>	<p>- Thực hiện bài tập tình huống về các loại chi phí, điểm gãy, đường IOS và MCC</p>	<p>CLO1.1</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO3.1</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.2</p>

	2.6.2. Chi phí sử dụng vốn cận biên 2.6.3. Đường IOS và cách lựa chọn dự án	- Hướng dẫn tự nghiên cứu			
4 – 1 (5 tiết)	CHƯƠNG III: THẨM ĐỊNH TÀI CHÍNH DỰ ÁN 3.1. Khái niệm của đầu tư dài hạn 3.2. Ý nghĩa của đầu tư dài hạn 3.3. Phân loại đầu tư dài hạn 3.4. Nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư dài hạn 3.5. Trình tự ra quyết định đầu tư dài hạn 3.6. Dòng tiền của dự án đầu tư dài hạn 3.7. Tiêu chuẩn đánh giá dự án đầu tư dài hạn	- Địa điểm: E-Learning Giảng đường/Teams Tự học - Thuyết giảng - Hướng dẫn nghiên cứu nội dung	- SV đọc trước nội dung về dự án tài chính - Đặt câu hỏi cho GV về nội dung quan tâm - Vở ghi chép cá nhân - Sổ theo dõi các thành viên của nhóm trưởng - Tự học: Nhận diện đầu tư dài hạn và đầu tư ngắn hạn.	CLO1.2 CLO2.2 CLO3.2	A1.1 A2.1
5 – 1 (5 tiết)	3.8. Phương pháp đánh giá dự án đầu tư dài hạn 3.8.1. Phương pháp tỷ suất lợi nhuận bình quân vốn đầu tư 3.8.2. Phương pháp thời gian hoàn vốn đầu tư 3.8.3. Phương pháp Giá trị hiện tại thuần 3.8.4. Phương pháp tỷ suất doanh lợi nội bộ 3.8.5. Phương pháp chỉ số sinh lời	- Địa điểm: E-Learning Giảng đường/Teams Tự học - Thuyết giảng - Hướng dẫn nghiên cứu nội dung	- SV đọc trước nội dung về phương pháp NPV và IRR - Đặt câu hỏi cho GV về nội dung quan tâm - Vở ghi chép cá nhân - Sổ theo dõi các thành viên của nhóm trưởng	CLO1.2 CLO2.2 CLO3.2	A1.1 A2.1
6 – 1 (5 tiết)	CHƯƠNG IV: KẾ HOẠCH HÓA TÀI CHÍNH	- Địa điểm: E-Learning	- Sinh viên đọc trước nội dung về	CLO1.3 CLO2.3 CLO3.2	A1.1 A2.1

	<p>4.1. Khái niệm và nội dung của kế hoạch hóa tài chính</p> <p>4.2. Căn cứ lập kế hoạch tài chính</p> <p>4.3. Nhóm hệ số tài chính cơ bản của Doanh nghiệp</p>	<p>Giảng đường/Teams</p> <p>Tự học</p> <p>- Thuyết giảng</p> <p>- Hướng dẫn nghiên cứu nội dung</p>	<p>kế hoạch hóa tài chính</p> <p>- Vở ghi chép cá nhân</p> <p>- Vở bài tập nhóm và số theo dõi các thành viên của nhóm trưởng</p> <p>- Tự học: Các loại báo cáo tài chính</p>		
7 – 1 (5 tiết)	<p>4.4. Xây dựng BCĐKT mẫu thông qua các chỉ tiêu tài chính đặc trưng</p>	<p>- Địa điểm: E-Learning</p> <p>Giảng đường/Teams</p> <p>Tự học</p> <p>- Thuyết giảng</p> <p>- Hướng dẫn nghiên cứu nội dung</p>	<p>Thực hành các BCĐKT mẫu theo số liệu DN tự thu thập</p>	<p>CLO1.3</p> <p>CLO2.3</p> <p>CLO3.2</p>	<p>A1.1</p> <p>A2.1</p>
8 – 1 (5 tiết)	<p>CHƯƠNG V: TÀI CHÍNH TRONG SÁT NHẬP, HỢP NHẤT VÀ PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP</p> <p>5.1. Sát nhập, hợp nhất và mua lại doanh nghiệp</p> <p>5.2. Xác định giá trị gia tăng khi sát nhập và mua lại doanh nghiệp</p> <p>5.3. Xác định giá trị công ty sau khi mua lại công ty khác</p> <p>5.4. Xác định giá trị hiện tại thuần khi sát nhập doanh nghiệp</p> <p>5.5. Tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp</p> <p>5.6. Xử lý tài chính khi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản</p>	<p>- Địa điểm: E-Learning</p> <p>Giảng đường/Teams</p> <p>Tự học</p> <p>- Thuyết giảng</p> <p>- Hướng dẫn nghiên cứu nội dung</p>	<p>- Sinh viên đọc trước nội dung về Sát nhập, hợp nhất và mua lại doanh nghiệp</p> <p>- Vở ghi chép cá nhân</p> <p>- Vở bài tập nhóm và số theo dõi các thành viên của nhóm trưởng</p>	<p>CLO1.4</p> <p>CLO2.4</p> <p>CLO3.2</p>	<p>A1.1</p> <p>A1.3</p>

9	Hồ sơ học phần	Teams hoặc Giảng đường Tự học	Thuyết trình nội dung thảo luận nhóm bằng bản powerpoint	CLO1.4 CLO2.4 CLO3.2	A1.1 A1.3
---	----------------	-------------------------------	--	----------------------------	--------------

Đồ án học phần

Tuần	Nội dung hoạt động	Địa điểm/không gian thực hiện	Hoạt động của sinh viên	Kết quả cần đạt được	CĐR học phần	Bài đánh giá
10	Hướng dẫn đồ án môn học - Mô tả đồ án môn học - Cách thức trình bày và bố cục	Teams hoặc Giảng đường	Các nhóm phân công làm việc nhóm - Bản ý tưởng sơ lược - Bản phân công công việc của nhóm	- Gv mô tả chung về đồ án môn học - Hướng dẫn cách thức trình bày và bố cục của đồ án - Gv cho các nhóm thảo luận về ý tưởng dự án đầu tư của nhóm	CLO1.2 CLO1.3 CLO2.2 CL02.3 CL03.2	A2.1 A2.2
11	Hướng dẫn đồ án môn học Thông qua đồ án lần 1	Teams hoặc Giảng đường	-Nhóm trưởng trình bày các sản phẩm của nhóm sau 1 tuần thực hiện - Các sinh viên của nhóm trả lời các câu hỏi và bổ sung các ý kiến	- Gv đưa ra các yêu cầu chung về nội dung từng phần của đồ án - Thông qua lần 1 ý tưởng đồ án của các nhóm và đánh giá trực tiếp tại lớp	CLO1.2 CLO1.3 CLO2.2 CL02.3 CL03.2	A2.1 A2.2
12	Hướng dẫn đồ án môn học - Nội dung các phần	Teams hoặc Giảng đường	Nhóm trưởng điều hành sinh viên thực hiện các yêu cầu của bản đồ án	- Gv hướng dẫn cụ thể nội dung các phần chính	CLO1.2 CLO1.3 CLO2.2 CL02.3 CL03.2	A2.1 A2.2

	chính trong đề án		- Các sinh viên của nhóm trả lời các câu hỏi và bổ sung các ý kiến	trong đề án - Giải đáp thắc mắc của các nhóm sv		
13	Hướng dẫn đề án môn học Thông qua đề án lần 2	Teams hoặc Giảng đường	- Nhóm trưởng trình bày các sản phẩm của nhóm sau 1 tuần thực hiện - Các sinh viên của nhóm trả lời các câu hỏi và bổ sung các ý kiến	- Thông qua lần 2 về tiến trình hoàn thiện đề án của các nhóm và đánh giá trực tiếp tại lớp - Tập trung chú ý các nội dung về bảng cân đối kế toán mẫu	CLO1.2 CLO1.3 CLO2.2 CL02.3 CL03.2	A2.1 A2.2
14	Hướng dẫn đề án môn học Thông qua đề án lần 3	Teams hoặc Giảng đường	- Nhóm trưởng trình bày các sản phẩm của nhóm sau 1 tuần thực hiện - Các sinh viên của nhóm trả lời các câu hỏi và bổ sung các ý kiến	- Thông qua lần 3 về tiến trình hoàn thiện đề án của các nhóm và đánh giá trực tiếp tại lớp - Tập trung chú ý các nội dung về phân tích các chỉ tiêu tài chính và định hướng của doanh nghiệp về dự án đầu tư lựa chọn	CLO1.2 CLO1.3 CLO2.2 CL02.3 CL03.2	A2.1 A2.2

15	Tổng kết môn học và hướng dẫn hoàn thành đồ án và cách thức trình bày Đọc điểm	Teams hoặc Giảng đường	-Nhóm trưởng rà soát lại các công việc đã phân công cho sinh viên để hoàn thiện đồ án	Tổng kết môn học và hướng dẫn ôn tập, hướng dẫn cách lồng ghép sơ đồ tư duy (mind map) trong bản trình bày vấn đề đồ án môn học. Đọc điểm		
----	---	------------------------	---	--	--	--

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

Trưởng bộ môn

Giảng viên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG KINH TẾ
KHOA TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT
(Dành cho các học phần dạy học theo hình thức đồ án/dự án)

1. Thông tin tổng quát

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Đặng Thành Cương

Học hàm, học vị: TS

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tài chính – Ngân hàng, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0914.792.688; cuongdt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính – Ngân hàng

Giảng viên 2: Nguyễn Thanh Huyền

Học hàm, học vị: ThS

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tài chính – Ngân hàng, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0962.137.899; huyennt.kt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính – Ngân hàng

Giảng viên 3: Bành Thị Thảo

Học hàm, học vị: ThS

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tài chính – Ngân hàng, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0985.697.328; thaobt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính – Ngân hàng

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp (tiếng Anh): Appraising asset and company valuation	
- Mã số học phần: FIN3001	
- Thuộc CTĐT ngành: Tài chính – Ngân hàng	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản	<input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án
<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn
- Số tín chỉ:	
+ Số tiết lý thuyết: 45	
+ Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 15	
+ Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết:	Mã số HP:
+ Học phần học trước:	Mã số HP:
- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:	
+ Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% tổng thời lượng của học phần	
+ Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, sản phẩm dự án học phần qua LMS (Mục 5.1).	
+ Tham gia đầy đủ các bài thảo luận, thực hành, trải nghiệm ở trường phổ thông	
- Bộ môn phụ trách học phần: Nguyễn Thanh Huyền	
Điện thoại: 0962.137.899	Email: huyennt.kt@vinhuni.edu.vn

2. Mô tả học phần

Học phần Định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp là học phần chuyên ngành bắt buộc đối với sinh viên ngành Tài chính ngân hàng được thực hiện vào kỳ 4 của Chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng.

Học phần này nhằm vận dụng các kiến thức chuyên ngành tài chính ngân hàng để giải quyết các vấn đề về định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần còn rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản như kỹ năng lập luận, phân tích các vấn đề của thẩm định giá, thể hiện đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp khi thực hiện công việc thẩm định giá.

3. Mục tiêu học phần

Học phần Định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp trình bày khái quát về công việc thẩm định giá, các nguyên tắc và phương pháp định giá bất động sản và giá trị doanh nghiệp, quy trình thực hiện dự án học phần. Đồng thời người học thể kỹ năng phân tích và giải quyết các hoạt động liên quan tới thẩm định giá. Từ đó, người học có thể xây dựng và thực hiện các hoạt động thẩm định giá trong thực tế.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng

CĐR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)					
	PL O1.3	PL O2.1	PL O2.1	PL O2.2	PLO4.2	
	1.3.1	2.1.1	2.1.4	2.2.2	4.2.2	4.2.3
CLO1.1	✓					
CLO2.1		✓	✓			
CLO2.2				✓		
CLO4.1					✓	✓

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Vận dụng kiến thức chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng để hiểu các nội dung về hoạt động Định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp	Thuyết giảng Thảo luận	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S3	Thành thạo và sử dụng hiệu quả các kỹ năng lập luận, phân tích để giải quyết những vấn đề nảy sinh trong áp dụng các nguyên tắc định giá bất động sản và giá trị doanh nghiệp`	Thuyết giảng Thảo luận	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S2	Vận dụng được các phương pháp định giá	Thuyết giảng Thảo luận	Câu hỏi TNKQ
CLO2.2	A3	Thể hiện thái độ và phẩm chất nghề nghiệp nghề Thẩm định giá	Thuyết giảng Thảo luận	Câu hỏi TNKQ

CLO4.1	C3	Vận dụng kiến thức về thẩm định giá để thực hiện Định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp trong thực tiễn	Trải nghiệm	Thi viết và Phiếu đánh giá
--------	----	---	-------------	----------------------------

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên (tối thiểu 03 bài đánh giá)					50%
A1.1	Sự chuyên cần, thái độ học tập	Rubric 1	CLO2.2	10%	10%
A1.2	Câu hỏi TNKQ (Quiz)	Rubric 2	CLO1.1	10%	20%
			CLO2.1	10%	
A1.3	Hồ sơ học phần	Rubric 3	CLO2.1		20%
			CLO2.2		
A2. Đánh giá cuối kì					50%
A.2.1	Đánh giá chung của hội đồng đánh giá đề án/dự án	Rubric 4,	CLO4.1		50%
Công thức tính điểm học phần: $(A1.1*1+A1.2*2+A1.3*2+A2.1*5)/10$					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên

Bảng 1. Rubric 01- Đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (GV đánh giá) (A1.1)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	10.0 – 8.5	7.0-8.4	5-6.9	0-5
Mức độ tham dự học theo TKB (5 điểm)	Tham gia 100% các buổi học, trao đổi với GV	Tham gia trên 80% các buổi học, trao đổi với GV	Tham gia 80% các buổi học, trao đổi với GV	Tham gia dưới 80% các buổi học, trao đổi với GV

Mức độ tham gia các hoạt động học tập và trải nghiệm (5 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học, trao đổi đồ án với GV - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học, trao đổi đồ án với GV - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực trong các giờ học, trao đổi đồ án với GV. - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực trong các giờ học, trao đổi đồ án với GV. - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập.
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (Bằng chữ:)				

Bảng 2. Rubric 02 – đánh giá trải nghiệm khách quan (A1.2)

TT	Nội dung	Tổng số câu hỏi	Mức độ biết	Mức độ hiểu	Mức độ vận dụng
1.1	Các nguyên tắc thẩm định giá	15	5	5	5
1.2	Các phương pháp thẩm định giá	15	5	5	5
2.1	Định giá bất động sản	11	5	3	3
2.2	Định giá giá trị doanh nghiệp	24	5	9	10
3.1	Liên hệ thực tiễn	10	-	3	7
Tổng		75	20	25	30
Tỉ lệ (%)		100	27	33	40

Bảng 3. Rubric 03 - đánh giá hồ sơ học phần (A1.3)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5
1. Kế hoạch nhóm	- Kế hoạch rõ ràng, khoa học.	- Kế hoạch rõ ràng, khoa học.	- Kế hoạch khá rõ ràng, khá khoa học.	- Kế hoạch chưa rõ ràng, chưa khoa học

(2 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Phân công nhiệm vụ cụ thể, công bằng và phù hợp với các thành viên của nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa công bằng và chưa thực sự phù hợp với các thành viên của nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể ràng, chưa phù hợp với các thành viên của nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân công nhiệm vụ nhưng không cụ thể, không phù hợp với các thành viên của nhóm.
	3.0 – 2.5	2.0	1.5 – 1.0	0.5 - 0
2. Tổ chức thực hiện (3 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin hữu ích. - Toàn bộ thành viên đều tham gia tích cực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được khá nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin khá hữu ích. - Thành viên tham gia đầy đủ nhưng chưa thực sự tích cực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai tương đối đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được một số thông tin (minh chứng) nhưng chưa đầy đủ và thông tin khá hữu ích - Thành viên tham gia chưa đầy đủ và một số thành viên chưa tích cực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai chưa đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được ít thông tin (minh chứng) và thông tin chưa hữu ích - Nhiều thành viên không tham gia
	5.0 – 4.0	3.0 -2.5	2.0 – 1.0	1.0 - 0
3. Kết quả làm việc nhóm (5 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc sản phẩm hợp lí và hình thức trình bày đẹp, sinh động. - Sản phẩm đạt chất lượng tốt. - Hoàn thành đúng thời hạn. - Có bảng đánh giá chi tiết thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí và hình thức trình bày khá đẹp, khá sinh động. - Sản phẩm đạt chất lượng khá. - Hoàn thành đúng thời hạn. - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng chưa chi tiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí nhưng hình thức trình bày chưa đẹp, và chưa sinh động. - Sản phẩm đạt yêu cầu. - Hoàn thành tương đối đúng thời hạn. - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng hơi sơ sài - Trình bày và trả lời được câu 	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc sản phẩm chưa hợp lí, hình thức trình bày không đẹp, và không sinh động. - Sản phẩm không đạt yêu cầu. - Hoàn thành không đúng thời hạn. - Không có bảng đánh giá thành viên trong nhóm

	trong nhóm. - Trình bày và trả lời tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm.	- Trình bày và trả lời khá tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm.	hỏi ở mức độ chấp nhận về báo cáo sản phẩm.	- Trình bày nhưng dường như không trả lời được câu hỏi về báo cáo sản phẩm.
TỔNG ĐIỂM: _____/10 (bằng chữ:)				

5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá cuối kỳ

Bảng 4. Rubric 04, đánh giá dự án học phần (A2.1)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0
Số lượng và hình thức của sản phẩm (2 điểm)	- Đủ số lượng quy định. - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khoa học, hợp lý, đẹp, có hình ảnh minh họa phù hợp.	- Đủ số lượng quy định. - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khá khoa học, hợp lý và khá đẹp, có hình ảnh minh họa nhưng chưa thực sự phù hợp.	- Thiếu 1 sản phẩm. - Cấu trúc chưa thực sự đúng quy định, hình thức trình bày chưa hợp lý và chưa đẹp, không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp.	Thiếu từ 2 sản phẩm trở lên. - Cấu trúc không đúng quy định, hình thức trình bày không hợp lý và không đẹp, không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp.
	8.0 – 7.0	6.0 - 5.0	4.0 – 3.0	2.0 - 0
Nội dung bản báo cáo (8 điểm)	- Trình bày đầy đủ và rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần. - Trình bày đầy đủ, chi tiết những nội dung	- Trình bày đầy đủ nhưng chưa thực sự rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần. - Trình bày đầy đủ nhưng chưa chi tiết các nội dung	- Trình bày chưa đầy đủ và chưa thực sự rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần. - Trình bày chưa đầy đủ, và không chi tiết các nội dung đã tìm hiểu, có	- Trình bày thiếu nhiều nội dung và không rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện dự án học phần. - Trình bày thiếu nhiều nội dung đã tìm hiểu và không

	<p>đã tìm hiểu và có nhận xét chi tiết các nội dung đó.</p> <p>- Đưa ra được định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và đề xuất một số giải pháp khả thi.</p> <p>- So sánh với kế hoạch đã lập ra, rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có đề xuất, kiến nghị cụ thể</p>	<p>đã tìm hiểu và có nhận xét các nội dung đó nhưng chưa chi tiết.</p> <p>- Đưa ra được định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và một đề xuất một số giải pháp nhưng chưa thực sự khả thi.</p> <p>- So sánh với kế hoạch đã lập ra, rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có các đề xuất, kiến nghị nhưng chưa thực sự cụ thể.</p>	<p>nhận xét các nội dung đó nhưng sơ sài.</p> <p>- Đưa ra được một số định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực nhưng chưa đề xuất được giải pháp.</p> <p>- So sánh với kế hoạch đã lập ra, nhưng chưa rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có đề xuất, kiến nghị nhưng chưa cụ thể.</p>	<p>nhận xét các nội dung đó.</p> <p>- Đưa ra được rất ít định hướng phát triển các phẩm chất, năng lực và không đề xuất được giải pháp.</p> <p>- Không so sánh với kế hoạch đã lập ra, và không rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; không có đề xuất, kiến nghị.</p>
<p>TỔNG ĐIỂM: _____/10 (bằng chữ)</p>				

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Nguyễn Minh Hoàng, Giáo trình thị trường bất động sản, NXB Tài chính, 2016

[2] Hay Sinh, Trần Bích Vân, Giáo trình những nguyên lý thẩm định giá, Nhà Xuất Bản Tổng hợp TP.HCM, 2013

6.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Bộ 12 Tiêu chuẩn Định giá tài sản của Bộ Tài chính

7. Kế hoạch dạy học

Tổng thời lượng của học phần 60 tiết, trong đó có 45 tiết lí thuyết và 15 tiết dự án học phần, số tiết theo cụ thể như sau:

Tín chỉ 1,2: Chương 1,2,3: 30 tiết (lí thuyết và elearning) học trong 7,5 tuần.

Tín chỉ 3,4: Thực hiện đề án môn học : 30 tiết trong 7,5 tuần

Kế hoạch dạy học cụ thể của từng tuần như sau:

Tuần	Nội dung công việc	Địa điểm/ không gian thực hiện	Hoạt động của sinh viên	Hoạt động của GV	Kết quả cần đạt được	Bài đánh giá	C h o p h
1	<p>Chương 1: Khái niệm cơ bản và những nguyên tắc thẩm định giá trong nền kinh tế thị trường</p> <p>1.1. Các khái niệm cơ bản</p> <p>1.2. Mục đích của thẩm định giá</p> <p>1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị tài sản</p> <p>1.4. Nguyên tắc thẩm định giá trong nền kinh tế</p>	Lớp học và không gian tự học	Trả lời câu hỏi, tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS	Thuyết giảng, hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên	K3, A3	A1.1 A1.2	C C

	thị trường						
2	<p>Chương 2: Định giá bất động sản</p> <p>2.1 Tổng quan về thị trường bất động sản</p> <p>2.2. Các phương pháp định giá bất động sản</p> <p>2.2.1. Phương pháp so sánh trực tiếp</p>	Lớp học và không gian tự học	Trả lời câu hỏi, tự nghiên cứu, thảo luận nhóm học trên LMS	Thuyết giảng, tổ chức thảo luận; hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên	K3, A3	A1.1 A1.2	C C
3	2.2.2. Phương pháp thu nhập	Lớp học và không gian tự học	Trả lời câu hỏi, tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS	Thuyết giảng, tổ chức thảo luận; hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên	K3, A3, S2, S3	A1.1 A1.2	C C
4	2.2.3. Phương pháp chi phí	Lớp học và không	Trả lời câu hỏi,	Thuyết giảng, tổ chức	K3, A3, S2, S3	A1.1 A1.2	C C

	2.2.4. Phương pháp thặng dư	gian tự học	tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS	thảo luận; hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên			
5	Chương 3: Định giá giá trị doanh nghiệp 3.1 Giá trị doanh nghiệp và nhu cầu xác định giá trị doanh nghiệp 3.2 Các yếu tố tác động tới giá trị doanh nghiệp	Lớp học và không gian tự học	Trả lời câu hỏi, tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS	Thuyết giảng, tổ chức thảo luận; hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên	K3, A3, S2, S3	A1.1 A1.2	C
6	3.3. Các phương pháp chủ yếu xác định giá trị doanh nghiệp 3.3.1. Phương pháp	Lớp học và không gian tự học	Trả lời câu hỏi, tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS	Thuyết giảng, tổ chức thảo luận; hướng dẫn và giám sát việc tự học	K3, A3, S2, S3	A1.1 A1.2	C C

	pháp giá trị tài sản thuần			của sinh viên			
7	<p>3.3.2. Phương pháp hiện tại hóa các nguồn tài chính tương lai</p> <p>Hướng dẫn sinh viên thực hiện dự án Sinh viên lựa chọn hướng làm đồ án thuộc một trong 1 chủ đề: Chủ đề 1: Định giá thực tiễn một bất động sản Chủ đề 2: Định giá thực tiễn một doanh nghiệp</p>	Lớp học và không gian tự học	Trả lời câu hỏi, tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS	Thuyết giảng, tổ chức thảo luận; hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên	K3, A3, S3	A1.1 A1.2	C C C C

8	Viết báo cáo dự án học phần	Lớp học hoặc SV tự chọn không gian làm việc	Viết báo cáo	Tư vấn, hỗ trợ, định hướng, giám sát	C3	A1.3 A2.2	C
9	Viết báo cáo dự án học phần	Lớp học hoặc SV tự chọn không gian làm việc	Viết báo cáo	Tư vấn, hỗ trợ, định hướng, giám sát	C3	A1.3 A2.2	C
10	Viết báo cáo dự án học phần	Lớp học hoặc SV tự chọn không gian làm việc	Viết báo cáo	Tư vấn, hỗ trợ, định hướng, giám sát	C3	A1.3 A2.2	C
11	Báo cáo tiến độ thực hiện dự án	Lớp học	Giáo viên nhận xét, định hướng lại, đánh giá	Sinh viên báo cáo được tiến độ, giảng viên đánh giá được quá trình và có ý kiến hỗ trợ	C3	A1.3 A2.2	C
12	Viết báo cáo dự án	Lớp học hoặc SV tự		Tư vấn, hỗ trợ, định	C3	A1.3 A2.2	C

	học phần	chọn không gian làm việc	Viết báo cáo	hướng, giám sát			
13	Viết báo cáo dự án học phần	Lớp học hoặc SV tự chọn không gian làm việc	Viết báo cáo	Tư vấn, hỗ trợ, định hướng, giám sát	C3	A1.3 A2.2	C
14	Viết báo cáo dự án học phần	Lớp học hoặc SV tự chọn không gian làm việc	Viết báo cáo	Tư vấn, hỗ trợ, định hướng, giám sát	C3	A1.3 A2.2	C
15	Báo cáo dự án học phần (Đánh giá cuối kì)	Lớp học	Sv báo cáo	GV nhận xét, đánh giá	C3	A2.2	C

8. Nhiệm vụ của sinh viên

8.1. Phần tự học

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video bài giảng.
- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.
- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.
- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng thời lượng của học phần.
- Chủ động, tích cực trong giờ học.
- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

8.3. Hoàn thiện dự án môn học

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.
- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm dự án được giao.

9. Ngày phê duyệt:

10. Cấp phê duyệt:

Trưởng khoa

Giảng viên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
KHOA KINH TẾ

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP HIỆN ĐẠI

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Đặng Thành Cương

Học hàm, học vị: Giảng viên chính - Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0914.792.688, cuongdt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính, ngân hàng

Giảng viên 2: Trịnh Thị Hằng

Học hàm, học vị: Giảng viên - Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0914.791.588; trinhthihang@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính, ngân hàng

Giảng viên 3: Đoàn Thị Ngọc Hân

Học hàm, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0985.421.088; handtn@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính, ngân hàng

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP HIỆN ĐẠI (tiếng Anh): MODERN CORPORATE FINANCE	
- Mã số học phần: FIN31016	
- Thuộc CTĐT ngành: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung <input checked="" type="checkbox"/> Học phần dạy học theo hình thức dự án/đề án <input type="checkbox"/> Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
- Số tín chỉ: (đối với học phần có dự án/đề án có ít nhất tối thiểu 4 tín chỉ) + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết thực hiện đề án, dự án: 30 + Số tiết tự học: 120	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: Lý thuyết tài chính tiền tệ + Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp	
Mã số HP: FIN20001 Mã số HP: ACC30003	

- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:
- + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%
- + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS (Mục 5.1).
- + Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá, hồ sơ học phần .

- Bộ môn phụ trách học phần: Tài chính - Ngân hàng

Điện thoại: 0914.791.588

Email:

2. Mô tả học phần

Tài chính doanh nghiệp hiện đại là học phần bắt buộc được giảng dạy ở học kỳ 7 đối với sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về hoạt động tài chính doanh nghiệp, xây dựng kỹ năng phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính doanh nghiệp; có khả năng tổ chức làm việc nhóm và thuyết trình hiệu quả; từ đó phác thảo các đề xuất nhằm cải thiện tình hình tài chính doanh nghiệp trong thực tiễn.

3. Mục tiêu học phần

Học phần Tài chính doanh nghiệp hiện đại giúp sinh viên liên hệ kiến thức về hoạt động tài chính doanh nghiệp trong thực tiễn. Phân tích được các vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính doanh nghiệp, từ đó phác thảo các đề xuất nhằm cải thiện tình hình tài chính doanh nghiệp trong thực tiễn và tổ chức hoạt động nhóm phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp hiệu quả.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo											
	PLO1.1	PLO1.3	PLO2.1	PLO 2.2	PLO3.1			PLO3.3	PLO 4.2			
	1.1.3	1.3.1	2.1.4	2.2.1	3.1.1	3.1.2	3.1.3	3.3.2	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4
CLO1.1		✓										
CLO1.2		✓										
CLO1.3		✓										
CLO1.4		✓										
CLO1.5		✓										
CLO1.6		✓										
CLO2.1			✓									
CLO2.2				✓								
CLO3.1					✓							
CLO3.2						✓						
CLO3.3							✓					
CLO3.4								✓				
CLO4.1									✓	✓	✓	✓

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Tính toán các loại thuế của doanh nghiệp	Thuyết giảng Thảo luận	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K4	Xây dựng các báo cáo tài chính của doanh nghiệp	Thuyết giảng Thảo luận	Câu hỏi TNKQ
CLO1.3	K4	Áp dụng thành thạo các hàm tài chính	Thuyết giảng Thảo luận	Câu hỏi TNKQ
CLO1.4	K3	Tính toán các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp	Thuyết giảng Thảo luận	Câu hỏi TNKQ
CLO1.5	K4	Nhận diện được các vấn đề về hoạt động tài chính doanh nghiệp	Thuyết giảng Thảo luận	Câu hỏi TNKQ
CLO1.6	K5	Đánh giá được các vấn đề về hoạt động tài chính doanh nghiệp	Thuyết giảng Thảo luận	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S4	Thực hiện hiệu quả nhiệm vụ phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính doanh nghiệp	Bài tập & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO2.2	A4	Thể hiện tính kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp thực tế	Bài tập & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S4	Thực hiện thành lập nhóm	Bài tập & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO3.2	S4	Tổ chức phân công nhiệm vụ, triển khai thực hiện phân tích các vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính doanh nghiệp	Bài tập & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO3.3	S4	Phát triển và lãnh đạo nhóm	Bài tập & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO3.4	S3	Diễn dịch được nội dung của các báo cáo tài chính bằng tiếng Anh	Bài tập & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

CLO4.1	C4	Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá các tình huống thực tiễn phát sinh trong hoạt động tài chính doanh nghiệp.	Bài tập & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
--------	----	--	--------------------------	----------------

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	CDR học phần	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				50%
A1.1	CLO2.2	Sự chuyên cần, thái độ học tập	Phiếu đánh giá (Rubrics)	10%
A1.2	CLO1.1 CLO1.2	Câu hỏi TNKQ (Quiz)	25 câu hỏi TNKQ (Quizz)	20%
A1.3	CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO4.1	Đánh giá đề cương đồ án học phần	Phiếu đánh giá (Rubrics)	20%
A2. Đánh giá cuối kỳ				50%
A2.1	CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3	Hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá (Rubrics)	5%

A2.2	CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO4.1	Thuyết trình và vấn đáp sản phẩm đồ án học phần	Phiếu đánh giá (Rubrics)	15 %
A2.3	CLO2.1 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO4.1	Sản phẩm đồ án học phần	Phiếu đánh giá (Rubrics)	30 %
<p>Công thức tính điểm tổng kết: $A1.1*10\%+A1.2*20\%+A1.3*20\%+A2.1*5\%+A2.2*15\%+A2.3*30\%$</p>				

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên

Bảng 1: Rubric đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (GV đánh giá) (A1.1)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	5.0 – 4.0	3.0	2.0	1.0
Mức độ tham dự học theo TKB (5 điểm)	Tham gia 100% các buổi học	Tham gia trên 90% các buổi học	Tham gia 80% các buổi học	Tham gia dưới 80% các buổi học
Mức độ tham gia các hoạt động	Thể hiện tính nghiêm túc, kỉ luật cao, luôn chủ động, rất tích cực trong các giờ học.	Thể hiện tính nghiêm túc, chủ động, tích cực trong các giờ học.	Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa thực sự chủ động, tích cực trong các giờ học.	Không tuân thủ kỉ luật, chưa chủ động và không tích cực trong các giờ học.

học tập (5 điểm)	Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc trao đổi các tình huống/vấn đề mang tính chuyên sâu của giảng viên trong quá trình học tập.	Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi hoặc trao đổi các tình huống/vấn đề mang tính chuyên sâu của giảng viên trong quá trình học tập.	Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi các câu hỏi của giảng viên trong quá trình học tập.	Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi các câu hỏi của giảng viên trong quá trình học tập.
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (Bằng chữ:)				

Bảng 2: Rubric câu hỏi TNKQ phân theo mức độ (A1.2)

TT	Nội dung	Tổng số câu hỏi	Mức độ biết	Mức độ hiểu	Mức độ vận dụng
1	Khái niệm, đặc điểm chung về thuế	5	5	0	0
2	Tiêu thức phân loại thuế	5	5	0	0
3	Vai trò của thuế	5	5	0	0
4	Đặc điểm riêng của từng loại thuế	15	0	15	0
5	Phương pháp tính của từng loại thuế	10	0	10	0
6	Tính toán một số loại thuế trong doanh nghiệp	35	0	0	35
Tổng		75	30	27	18
Tỉ lệ (%)		100	20%	33,3%	46,7%

Bảng 3: Rubric đánh giá đề cương đồ án học phần (A1.3)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0
Cấu trúc và hình thức (2 điểm)	Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học.	Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu, nhưng chưa khoa học	Cấu trúc đúng yêu cầu, nhưng chưa đầy đủ và chưa khoa học.	Cấu trúc chưa đầy đủ, chưa đúng yêu cầu và chưa khoa học.
	Hình thức đẹp, đúng quy định.	Hình thức đẹp, đúng quy định.	Hình thức đúng quy định.	Hình thức chưa đúng quy định.
Nội dung của hướng tiếp cận (6 điểm)	6.0 - 5.0	4.5 - 3.5	3.0 - 2.0	1.5 - 0
	Xác định được cách tiếp cận, nội dung cụ thể, rõ ràng; lên kế hoạch đầy đủ, chi tiết các hoạt động, phương thức thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể và dự kiến sản phẩm.	Xác định được mục tiêu, nội dung khá cụ thể, khá rõ ràng; lên kế hoạch các hoạt động, phương thức thực hiện, phân công nhiệm vụ và dự kiến sản phẩm nhưng chưa thật sự đầy đủ và chi tiết.	Mục tiêu, nội dung có được đề cập nhưng chưa thật sự cụ thể và rõ ràng; lên kế hoạch được một số hoạt động, phương thức thực hiện, phân công nhiệm vụ và dự kiến sản phẩm nhưng chưa đầy đủ và chi tiết.	Mục tiêu, nội dung có đề cập nhưng không cụ thể, rõ ràng; lên kế hoạch các hoạt động, phương thức thực hiện, phân công nhiệm vụ và dự kiến sản phẩm quá sơ sài.
Slide báo cáo và thuyết trình (2 điểm)	2,0	1,5	1,0	0,5
	Hình thức báo cáo đẹp, rõ, không lỗi chính tả.	Hình thức báo cáo khá đẹp, rõ, nhưng có từ 1-5 lỗi chính tả.	Hình thức báo cáo đạt, khá rõ, nhưng có từ 6-10 lỗi chính tả.	Hình thức báo cáo đơn điệu, chưa rõ ràng, có trên 10 lỗi chính tả.
	Kỹ năng trình bày tốt, rất tự tin, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ hình thể rất linh hoạt.	Kỹ năng trình bày khá tốt, khá tự tin, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ hình thể khá linh hoạt.	Kỹ năng trình bày tương đối tốt, chưa thực sự tự tin và thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ hình thể chưa linh hoạt.	Kỹ năng trình bày không tốt, không tự tin, không thuyết phục, không sử dụng ngôn ngữ hình thể.

TỔNG ĐIỂM: ____/10 (Bằng chữ:)

5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá cuối kỳ

Bảng 4: Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho nhóm SV tự đánh giá)

Các tiêu chí	Mức độ & Thang điểm			
	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0
1. Nhận nhiệm vụ (2 điểm)	Xung phong, chủ động nhận nhiệm vụ.	Chấp hành tốt nhiệm vụ khi được giao.	Miễn cưỡng nhận nhiệm vụ được giao.	Từ chối nhiệm vụ dù đã được phân công cụ thể.
2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm (2 điểm)	Tích cực tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm, bày tỏ ý kiến sôi nổi.	Có tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa thực sự sôi nổi.	Ít tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm.	Dường như không tham gia bày tỏ ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm.
3. Tôn trọng ý kiến tập thể (2 điểm)	Lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của các thành viên trong nhóm. Phản biện một cách văn minh.	Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng đôi lúc chưa thực sự lắng nghe ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	Dường như không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.
4. Kết quả làm việc (2 điểm)	Sản phẩm tốt, đúng tiêu chuẩn và hoàn thành vượt mức so với thời gian quy định.	Sản phẩm tốt, đúng tiêu chuẩn và đảm bảo thời gian.	Sản phẩm tương đối tốt và chưa đảm bảo thời gian quy định.	Sản phẩm chưa đạt tiêu chuẩn về cả chất lượng lẫn thời gian quy định.
5. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung	Thể hiện trách nhiệm cao về sản phẩm chung.	Thể hiện trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Dường như không chịu trách nhiệm gì về sản phẩm chung.

(2 điểm)				
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (Bằng chữ:)				

Bảng 5: Rubric đánh giá thuyết trình của nhóm (A2.2a)

Tiêu chí	Mức độ & Thang điểm			
	3.0	2.5	2.0	1.5 - 0
1. Nội dung trình bày (3 điểm)	Báo cáo đáp ứng tốt các yêu cầu về mặt nội dung, phân tích đánh giá vấn đề một cách thuyết phục	Báo cáo đáp ứng cơ bản các yêu cầu về mặt nội dung.	Báo cáo đáp ứng cơ bản các yêu cầu về mặt nội dung, tồn tại một số sai sót không trọng yếu.	Báo cáo không đáp ứng được các yêu cầu về mặt nội dung.
2. Hình thức slide (3 điểm)	Hình thức đẹp (hình ảnh sắc nét và kích thước phù hợp, cỡ chữ trình chiếu hợp lý, dễ nhìn); sử dụng công cụ hỗ trợ phù hợp với nội dung.	Hình thức khá (hình ảnh chưa thực sự sắc nét và kích thước khá phù hợp, cỡ chữ trình chiếu khá hợp lý, dễ nhìn); sử dụng công cụ hỗ trợ phù hợp với nội dung.	Hình thức chưa tốt (hình ảnh không sắc nét và kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lý, khó nhìn, phông); có sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng chưa phù hợp nội dung.	Hình thức trình bày chưa đạt yêu cầu (không có hình ảnh hoặc có nhưng kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lý, khó nhìn); không hoặc có sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng không phù hợp nội dung.
	Thể hiện sự sáng tạo và gây ấn tượng đối với người nghe.	Thể hiện sự sáng tạo nhưng chưa thực sự gây ấn tượng đối với người nghe.	Chưa thể hiện sự sáng tạo và chưa gây ấn tượng đối với người nghe.	Không sự sáng tạo và không gây được ấn tượng đối với người nghe.
Tiêu chí	4.0 – 3.5	3.0 – 2.5	2.0 – 1.5	1.0 - 0
3. Kỹ năng thuyết	Trình bày truyền cảm và thuyết phục người nghe.	Trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu.	Trình bày dài dòng, hơi khó hiểu và chưa thực sự thuyết	Trình bày áp úng, không rõ ràng, dài dòng gây khó hiểu và không thuyết

ít trình (4 điểm)			phục người nghe.	phục người nghe.
	Sử dụng thuần thực, linh hoạt ngôn ngữ hình thể.	Sử dụng ngôn ngữ hình thể nhưng chưa thực sự linh hoạt.	Ít sử dụng ngôn ngữ hình thể hoặc có sử dụng nhưng chưa thực sự hợp lý và tự nhiên.	Không sử dụng ngôn ngữ hình thể.
	Sử dụng các hình thức tương tác phù hợp và hiệu quả.	Sử dụng các hình thức tương tác đôi khi chưa thực sự phù hợp và hiệu quả.	Ít sử dụng các hình thức tương tác và nếu có thì dường như chưa phù hợp và ít hiệu quả.	Không sử dụng hình thức tương tác nào hoặc nếu có thì không phù hợp và không hiệu quả.
	Thời gian trình bày đúng thời gian quy định.	Thời gian trình bày nhanh/chậm hơn so với thời gian quy định nhưng không đáng kể (khoảng 1-2 phút).	Thời gian trình bày nhanh/chậm hơn khá nhiều so với thời gian quy định (khoảng 3-4 phút).	Thời gian trình bày nhanh/ chậm rất nhiều hơn so với thời gian quy định (từ 5 phút trở lên).
TỔNG ĐIỂM: _____/10 (bằng chữ:)				

Bảng 6. Rubric đánh giá vấn đáp cá nhân (A2.2b)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	3.0	2.5	2.0	1.5 - 0
1. Kiến thức (3 điểm)	Nắm vững tất cả các nội dung của đề án.	Nắm được tất cả các nội dung cơ bản của đề án	Nắm được một số nội dung cơ bản của đề án	Chỉ nắm được nội dung được phân công thực hiện trong nhóm
Tiêu chí	4.0 – 3.5	3.0 – 2.5	2.0 – 1.5	1.0 - 0
2. Kỹ năng (4 điểm)	Có kỹ năng phân tích và xử lý tình huống tốt. Trả lời tốt các câu hỏi của hội đồng. Có khả	Có kỹ năng phân tích và xử lý tình huống khá. Trả lời được cơ bản nội dung các câu	Có khả năng xử lý tình huống và trả lời một số câu hỏi của hội đồng	Có khả năng trả lời một số ít các câu hỏi của hội đồng hoặc không trả lời được.

	năng phản biện logic.	hội của hội đồng.		
Tiêu chí	4.0 - 3.5	3.0 - 2.5	2.0 - 1.5	1.0 - 0
3. Thái độ (4 điểm)	Thái độ vấn đáp chuyên nghiệp. Có sự chuẩn bị chu đáo về tài liệu, trang phục phù hợp.	Thái độ vấn đáp nghiêm túc, trang phục phù hợp.	Thái độ vấn đáp tương đối nghiêm túc, trang phục phù hợp	Thái độ vấn đáp chưa nghiêm túc, trang phục không phù hợp
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (bằng chữ:)				

Bảng 7: Cách tính điểm đánh giá thuyết trình và vấn đáp cho từng SV

TT	Họ và tên	Điểm thuyết trình của nhóm (Bảng 5)	Điểm vấn đáp cá nhân (Bảng 6)	Tổng điểm
1	Nguyễn Văn A	N	M	(N+M)/2
2	Lê Thị B			
3	Trần Văn C			

Bảng 8: Rubric đánh giá đồ án học phần (A2.3)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0
Tiền độ báo cáo (2 điểm)	Báo cáo đúng tiến độ quy định	Báo cáo chậm tiến độ 1 lần	Báo cáo chậm tiến độ 2 lần	Báo cáo chậm tiến độ từ 3 lần trở lên
Số lượng và hình thức của sản phẩm (2 điểm)	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0
	Đủ số lượng quy định.	Đủ số lượng quy định.	Thiếu 1 sản phẩm.	Thiếu từ 2 sản phẩm trở lên.
	Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày	Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khá khoa học,	Cấu trúc chưa thực sự đúng quy định, hình thức trình bày	Cấu trúc không đúng quy định, hình thức trình bày không hợp lý

	bày khoa học, hợp lý, đẹp, đầy đủ phụ lục theo quy định.	hợp lý và khá đẹp, có đủ phụ lục theo quy định.	chưa hợp lý và chưa đẹp, không có đủ phụ lục theo quy định.	và không đẹp, không có đủ phụ lục theo quy định.
Nội dung bản báo cáo (6 điểm)	6.0 - 5.0	4.0 - 3.0	2.0 - 1.0	0,5 - 0
	Trình bày đầy đủ và rõ ràng các nội dung của đề án theo quy định.	Trình bày đầy đủ nhưng chưa thực sự rõ ràng các nội dung của đề án theo quy định.	Trình bày chưa đầy đủ và chưa thực sự rõ ràng các nội dung của đề án theo quy định.	Trình bày thiếu nhiều nội dung và không rõ ràng các nội dung của đề án theo quy định
	Phân tích một cách toàn diện tình hình tài chính tại doanh nghiệp qua bảng cân đối kế toán	Phân tích cơ bản tình hình tài chính tại doanh nghiệp qua bảng cân đối kế toán	Phân tích khái quát tình hình tài chính tại doanh nghiệp qua bảng cân đối kế toán	Phân tích sơ sài tình hình tài chính tại doanh nghiệp qua bảng cân đối kế toán
	Phân tích một cách toàn diện tình hình tài chính tại doanh nghiệp qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Phân cơ bản tình hình tài chính tại doanh nghiệp qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Phân tích khái quát tình hình tài chính tại doanh nghiệp qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Phân tích sơ sài tình hình tài chính tại doanh nghiệp qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
	Phân tích cụ thể các nhóm hệ số tài chính của doanh nghiệp và đưa ra các nhận định sâu sắc, toàn diện	Phân tích đầy đủ các nhóm hệ số tài chính của doanh nghiệp	Phân tích một cách tương đối đầy đủ các nhóm hệ số tài chính của doanh nghiệp	Phân tích sơ sài các nhóm hệ số tài chính của doanh nghiệp

	Phân tích diễn biến nguồn và sử dụng nguồn một cách sâu sắc	Phân tích diễn biến nguồn và sử dụng nguồn đầy đủ	Phân tích diễn biến nguồn và sử dụng nguồn khái quát	Phân tích diễn biến nguồn và sử dụng nguồn rất sơ sài
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (bằng chữ)				

Bảng 9: Cách tính điểm cuối kì cho từng sinh viên

TT	Họ và tên	Điểm cá nhân do nhóm chấm (Bảng 4)	Điểm thuyết trình và vấn đáp (Bảng 7)	Điểm đồ án (Bảng 8)	Tổng điểm
1	Nguyễn Văn A	N	M	L	$N \times 5\% + M \times 15\% + L \times 30\%$
2	Lê Thị B				
3	Trần Văn C				

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

[1] Vũ Duy Hào, Giáo trình Tài chính doanh nghiệp, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2016.

[2] Đặng Thành Cương, Giáo trình Quản trị tài chính, NXB ĐH Vinh, 2017.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Vũ Duy Hào, Đàm Văn Huệ, Quản trị tài chính doanh nghiệp, NXB Giao thông vận tải, 2009.

[4] Nguyễn Minh Kiều, Tài chính doanh nghiệp căn bản, NXB Thống kê, 2010.

[5] Nguyễn Tấn Bình, Quản trị tài chính, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2013.

7. Kế hoạch dạy học

7.1 Lý thuyết

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CĐR học phần	Bài đánh giá
1 (4 tiết)	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ CÁC LOẠI THUẾ 1.1 Tổng quan về thuế 1.1.1 Khái niệm, đặc điểm 1.1.2 Phân loại	- Địa điểm: E-Learning Giảng đường Tự học của cá nhân và nhóm - Thuyết trình	- Trước buổi học: + SV chuẩn bị giáo trình chính và tài liệu tham khảo (nếu có). + SV chuẩn bị vở ghi chép cá nhân, vở tự học. - Tranh luận vấn đề do giáo viên đưa ra. - Sau buổi học:	CLO1.1 CLO1.2 CLO2.2	A1.1 A1.2

	<p>1.1.3 Vai trò của thuế</p> <p>1.2. Thuế giá trị gia tăng</p> <p>1.2.1 Khái niệm và đặc điểm</p> <p>1.2.2 Phương pháp tính</p> <p>1.2.3 Ví dụ liên hệ thực tiễn</p>		<p>+Lập email group của từng nhóm, up lên hệ thống LMS và giao tiếp với giáo viên trên hệ thống LMS</p> <p>+ SV tìm hiểu và thu thập tài liệu về các loại thuế của doanh nghiệp.</p>		
2 (4 tiết)	<p>1.3. Thuế tiêu thụ đặc biệt</p> <p>1.3.1 Khái niệm và đặc điểm</p> <p>1.3.2 Phương pháp tính</p> <p>1.3.3 Ví dụ liên hệ thực tiễn</p> <p>1.4. Thuế thu nhập doanh nghiệp</p> <p>1.4.1 Khái niệm và đặc điểm</p> <p>1.4.2 Phương pháp tính</p> <p>1.4.3 Ví dụ liên hệ thực tiễn</p>	<p>- Địa điểm: E-Learning Giảng đường Tự học của cá nhân và nhóm</p> <p>- Thuyết trình</p>	<p>- Trước buổi học: + SV đọc trước nội dung bài học trong giáo trình chính và tài liệu tham khảo. + SV tìm hiểu thực tiễn các vấn đề về tình hình thực hiện thuế Tiêu thụ đặc biệt, thuế Thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp.</p> <p>- Thuyết trình theo đề tài được giao trên hệ thống LMS.</p> <p>- Đặt câu hỏi và tranh luận về chủ đề thảo luận.</p> <p>- Sau buổi học: + SV làm bài tập tính toán các loại thuế của doanh nghiệp.</p>	<p>CLO1.1 CLO1.2 CLO2.2</p>	<p>A1.1 A1.2</p>
3 (4 tiết)	<p>Bài tập tổng hợp tính toán các loại thuế</p>	<p>- Địa điểm: E-Learning Giảng đường Tự học của cá nhân và nhóm</p> <p>- Thuyết trình</p>	<p>- Trước buổi học: + SV đọc trước nội dung bài học trong giáo trình chính và tài liệu tham khảo. + SV làm các bài tập đã được giao.</p> <p>- Chữa bài tập</p> <p>- Trao đổi một số nội dung bản khoản về bài tập được giao.</p> <p>- Sau buổi học: + SV làm thêm một số bài tập tính toán các loại thuế của doanh nghiệp.</p>	<p>CLO1.1 CLO1.2 CLO2.2</p>	<p>A1.1 A1.2</p>

			+ Đọc trước nội dung về Bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp		
4 (4 tiết)	<p>CHƯƠNG 2: LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP</p> <p>2.1. Bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp</p> <p>2.1.1 Khái niệm</p> <p>2.1.2. Đặc điểm</p> <p>2.1.3 Ví dụ liên hệ thực tiễn</p>	<p>- Địa điểm: E-Learning Giảng đường Tự học của cá nhân và nhóm</p> <p>- Thuyết trình</p>	<p>- Trước buổi học: + SV đọc trước nội dung bài học trong giáo trình chính và tài liệu tham khảo. + SV tìm hiểu về mẫu Bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp điển hình.</p> <p>- Tranh luận vấn đề do giáo viên đưa ra.</p> <p>- Sau buổi học: +SV tìm hiểu về Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp điển hình.</p>	<p>CLO1.1 CLO1.2 CLO2.2</p>	<p>A1.1 A1.2</p>
5 (4 tiết)	<p>2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</p> <p>2.2.1 Khái niệm</p> <p>2.2.2. Đặc điểm</p> <p>2.2.3 Ví dụ liên hệ thực tiễn</p>	<p>- Địa điểm: E-Learning Giảng đường Tự học của cá nhân và nhóm</p> <p>- Thuyết trình</p>	<p>- Trước buổi học: + SV đọc lại nội dung bài học trong giáo trình chính và tài liệu tham khảo.</p> <p>- Tranh luận vấn đề do giáo viên đưa ra.</p> <p>- Sau buổi học: + SV tìm hiểu về Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp điển hình.</p>	<p>CLO1.1 CLO1.2 CLO2.2</p>	<p>A1.1 A1.2</p>
6 (4 tiết)	<p>2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</p> <p>2.3.1 Khái niệm</p> <p>2.3.2. Đặc điểm</p> <p>2.3.3 Ví dụ liên hệ thực tiễn</p>	<p>- Địa điểm: E-Learning Giảng đường Tự học của cá nhân và nhóm</p> <p>- Thuyết trình</p>	<p>- Trước buổi học: + SV đọc lại nội dung bài học trong giáo trình chính và tài liệu tham khảo.</p> <p>- Tranh luận vấn đề do giáo viên đưa ra.</p> <p>- Sau buổi học: + SV làm bài tập về lập các Báo cáo tài chính của doanh nghiệp.</p>	<p>CLO1.1 CLO1.2 CLO2.2</p>	<p>A1.1 A1.2</p>
7 (4 tiết)	<p>Bài tập lập các Báo cáo tài chính của doanh nghiệp</p>	<p>- Địa điểm: E-Learning Giảng đường Tự học của cá nhân và nhóm</p> <p>- Thuyết trình</p>	<p>- Trước buổi học: + SV đọc trước nội dung bài học trong giáo trình chính và tài liệu tham khảo. + SV làm các bài tập đã được giao.</p>	<p>CLO1.1 CLO1.2 CLO2.2</p>	<p>A1.1 A1.2</p>

			<ul style="list-style-type: none"> - Chữa bài tập - Trao đổi một số nội dung bản khoản về bài tập được giao. - Sau buổi học: <ul style="list-style-type: none"> + SV làm thêm một số bài tập lập các báo cáo tài chính của doanh nghiệp. + Đọc trước nội dung về các hàm tài chính cơ bản 		
8 (4 tiết)	<p>CHƯƠNG 3: ỨNG DỤNG MỘT SỐ HÀM TÀI CHÍNH</p> <p>3.1. Giới thiệu một số hàm tài chính</p> <p>3.2. Nghiên cứu tình huống ứng dụng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm: E-Learning Giảng đường Tự học của cá nhân và nhóm - Thuyết trình 	<ul style="list-style-type: none"> - Trước buổi học: <ul style="list-style-type: none"> + SV đọc lại nội dung bài học trong giáo trình chính và tài liệu tham khảo. + SV làm các bài tập đã được giao. - Chữa bài tập - Trao đổi một số nội dung bản khoản về bài tập được giao. - Sau buổi học: <ul style="list-style-type: none"> + SV làm thêm một số bài tập về lập các Báo cáo tài chính của doanh nghiệp + Tìm hiểu về ứng dụng một số hàm tài chính cơ bản 	CLO2.2	A1.1

7.2 Đồ án học phần

Tuần	Nội dung hoạt động	Địa điểm/không gian thực hiện	Hoạt động của sinh viên	Kết quả cần đạt được	CĐR học phần	Bài đánh giá
9 (4 tiết)	Hướng dẫn đồ án môn học <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả đồ án môn học - Cách thức trình bày và bố cục 	E-Learning Giảng đường Tự học của cá nhân và nhóm	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm phân công làm việc nhóm - Bàn ý tưởng, đề cương sơ lược 	Đề cương đồ án	CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO4.1	A1.1 A1.3 A2.1 A2.2 A2.3
10 (4 tiết)	Hướng dẫn đồ án môn học	E-Learning Giảng đường	Tìm hiểu về bảng cân đối kế toán	Phân tích khái quát tình hình tài chính doanh	CLO2.1 CLO2.2	A1.1 A1.3 A2.1

	Thông qua phần 1 đồ án	Tự học của cá nhân và nhóm	của doanh nghiệp	nghiệp qua bảng cân đối kế toán	CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO4.1	A2.2 A2.3
11 (4 tiết)	Hướng dẫn đồ án môn học Thông qua phần 2 đồ án	E-Learning Giảng đường Tự học của cá nhân và nhóm	Tìm hiểu về Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	Phân tích khái quát tình hình tài chính doanh nghiệp qua Báo cáo kết quả kinh doanh	CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO4.1	A1.1 A1.3 A2.1 A2.2 A2.3
12 (4 tiết)	Hướng dẫn đồ án môn học Thông qua đồ án phần 3	E-Learning Giảng đường Tự học của cá nhân và nhóm	Tìm hiểu về các nhóm hệ số tài chính của doanh nghiệp	Phân tích các nhóm hệ số tài chính của doanh nghiệp	CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO4.1	A1.1 A1.3 A2.1 A2.2 A2.3
13 (4 tiết)	Hướng dẫn đồ án môn học Thông qua đồ án phần 4	E-Learning Giảng đường Tự học của cá nhân và nhóm	Tìm hiểu về bảng phân tích diễn biến nguồn và sử dụng nguồn	Lập được bảng phân tích diễn biến nguồn và sử dụng nguồn	CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO4.1	A1.1 A1.3 A2.1 A2.2 A2.3
14 (4 tiết)	Hướng dẫn đồ án môn học Thông qua toàn bộ nội dung đồ án	E-Learning Giảng đường Tự học của cá nhân và nhóm	Liên kết tất cả các nội dung của đồ án	- Đánh giá toàn diện tình hình tài chính doanh nghiệp - Đánh giá được kết quả đạt được, các tồn tại, hạn chế trong tình hình tài chính doanh nghiệp. Từ đó đề xuất các giải pháp khắc phục.	CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO4.1	A1.1 A1.3 A2.1 A2.2 A2.3
15 (4 tiết)	Ôn tập Tổng kết môn học và hướng dẫn hoàn thành đồ án và cách thức trình bày. Đọc điểm	E-Learning Giảng đường Tự học của cá nhân và nhóm	- Trước buổi học: + SV chuẩn bị các câu hỏi thắc mắc. - Trao đổi với giảng viên các vấn đề thắc mắc về nội dung của chương trình		CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3 CLO4.1	A1.1 A1.3 A2.1 A2.2 A2.3

			- Sau buổi học: + SV tự tổng hợp các kiến thức đã học trong toàn bộ chương trình và chuẩn bị hoàn thiện Đồ án.			
--	--	--	---	--	--	--

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

Trưởng bộ môn

Giảng viên

Đặng Thành Cương

Trịnh Thị Hằng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG KINH TẾ
KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Lê Vũ Sao Mai

Học hàm, học vị: Tiến sỹ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế - Trường Kinh tế

Điện thoại: 0983.351.184 Email: mailts@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế đầu tư

Giảng viên 2: Bành Thị Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tài chính Ngân hàng – Trường Kinh tế

Điện thoại: 0985.697.328 , Email: thaobt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính Ngân hàng

Giảng viên 3: Trần Thị Lê Na

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Quản trị kinh doanh – Trường Kinh tế

Điện thoại: 0968.154.678 Email: nattl@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Quản trị kinh doanh, Quản trị nhân lực

Giảng viên 4: Ngô Khánh Linh

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kế toán – Trường Kinh tế

Điện thoại: 0976.833.439 Email: linhhtk@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Kế toán

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Thực hành doanh nghiệp mô phỏng (tiếng Anh):
- Mã số học phần: FIN20003
- Thuộc CTĐT ngành:
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản <input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn
- Số tín chỉ: (đối với học phần có dự án/đồ án có ít nhất tối thiểu 4 tín chỉ) + Số tiết lý thuyết: + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 75 + Số tiết tự học:
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: Mã số HP:

+ Học phần học trước:

Mã số HP:

- Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:

+ Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: $\geq 80\%$

+ Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS (Mục 5.1).

+ Tham gia đầy đủ các bài thực hành.

- Bộ môn phụ trách học phần: Tài chính Ngân hàng

Điện thoại:

Email:

2. Mô tả học phần

Thực hành doanh nghiệp mô phỏng là học phần bắt buộc được giảng dạy trong học kỳ 6 đối với sinh viên ngành Kế toán và học kỳ 7 đối với sinh viên ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính ngân hàng, Kinh tế đầu tư. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về các chức danh nghề nghiệp phổ biến tại các doanh nghiệp hiện nay và thực hành nghiệp vụ, kỹ năng của các chức danh đó trong thực tiễn.

3. Mục tiêu học phần

Sinh viên sau khi hoàn thành xong học phần có thể mô tả được công việc của các vị trí chức danh ở doanh nghiệp, ngân hàng; rèn luyện kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, kỹ năng, kỹ năng khám phá tài liệu và tri thức; thực hiện quản trị nhóm hiệu quả; có năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá các tình huống thực tế phát sinh của các vị trí chức danh đó trong thực tiễn

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo												
	PLO1.2	PLO2.1		PLO 2.2	PLO3.1			PLO 4.1		PLO 4.2			
	1.2.3	2.1.1	2.1.3	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.1.3	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4
CLO1.1	✓												
CLO1.2	✓												
CLO1.3	✓												
CLO1.4	✓												
CLO2.1		✓	✓	✓									
CLO2.2		✓	✓	✓									
CLO2.3		✓	✓	✓									
CLO2.4		✓	✓	✓									
CLO3.1					✓								
CLO3.2						✓							
CLO3.3							✓						
CLO4.1								✓	✓	✓	✓	✓	✓
CLO4.2								✓	✓	✓	✓	✓	✓
CLO4.3								✓	✓	✓	✓	✓	✓
CLO4.4								✓	✓	✓	✓	✓	✓

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Mô tả công việc của chức danh trong ngành tài chính – ngân hàng	Thảo luận Tranh luận Tự nghiên cứu	Bài thực hành
CLO1.2	K4	Mô tả công việc của chức danh trong ngành quản trị kinh doanh	Thảo luận Tranh luận Tự nghiên cứu	Bài thực hành
CLO 1.3	K4	Mô tả công việc của chức danh trong ngành kế toán	Thảo luận Tranh luận Tự nghiên cứu	Bài thực hành
CLO1.4	K4	Mô tả công việc của chức danh trong ngành kinh tế đầu tư	Thảo luận Tranh luận Tự nghiên cứu	Bài thực hành
CLO2.1	S4	Thể hiện kỹ năng phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề, kỹ năng tư duy, kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực trong giải quyết vấn đề lĩnh vực tài chính ngân hàng	Hoạt động nhóm Nghiên cứu tình huống	Bài thực hành & Phiếu đánh giá hoạt động nhóm
CLO2.2	S4	Thể hiện kỹ năng phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề, kỹ năng tư duy, kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực trong giải quyết vấn đề lĩnh vực quản trị kinh doanh	Hoạt động nhóm Nghiên cứu tình huống	Bài thực hành & Phiếu đánh giá hoạt động nhóm
CLO2.3	S4	Thể hiện kỹ năng phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề, kỹ năng tư duy, kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực trong giải quyết vấn đề lĩnh vực kế toán	Hoạt động nhóm Nghiên cứu tình huống	Bài thực hành & Phiếu đánh giá hoạt động nhóm
CLO2.4	S4	Thể hiện kỹ năng phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề, kỹ năng tư duy, kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực trong giải quyết vấn đề lĩnh vực kinh tế đầu tư	Hoạt động nhóm Nghiên cứu tình huống	Bài thực hành & Phiếu đánh giá hoạt động nhóm
CLO3.1	S4	Thực hiện thành lập nhóm	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá hoạt động nhóm
CLO3.2	S4	Tổ chức hoạt động nhóm	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá hoạt động nhóm
CLO3.3	S4	Phát triển và lãnh đạo nhóm	Trải nghiệm & hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá hoạt động nhóm
CLO4.1	C4	Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá các tình huống thực tế phát sinh của các vị	Thảo luận Làm việc nhóm	Biểu diễn Báo cáo đồ án

		trí chức danh lĩnh vực tài chính ngân hàng trong thực tiễn	Nghiên cứu tình huống	
CLO4.2	C4	Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá các tình huống thực tế phát sinh của các vị trí chức danh lĩnh quản trị kinh doanh trong thực tiễn	Thảo luận Làm việc nhóm Nghiên cứu tình huống	Biểu diễn Báo cáo đồ án
CLO4.3	C4	Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá các tình huống thực tế phát sinh của các vị trí chức danh lĩnh kế toán trong thực tiễn	Thảo luận Làm việc nhóm Nghiên cứu tình huống	Biểu diễn Báo cáo đồ án
CLO4.4	C4	Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá các tình huống thực tế phát sinh của các vị trí chức danh lĩnh kinh tế đầu tư trong thực tiễn	Thảo luận Làm việc nhóm Nghiên cứu tình huống	Biểu diễn Báo cáo đồ án

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá ³	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chức danh 4 ngành (Bài thực hành)				50%
A1.1	Bài thực hành chức danh TCNH	Rubrics 1 Phiếu đánh giá nhóm	CLO1.1 CLO 2.1 – CLO 2.4 CL3.1-CLO3.3	20%
A1.2	Bài thực hành chức danh QTKD	Rubrics 1 Phiếu đánh giá nhóm	CLO1.2 CLO 2.1 – CLO 2.4 CL3.1- CLO3.3	10%
A 1.3	Bài thực hành chức danh Kế toán	Rubrics 1 Phiếu đánh giá nhóm	CLO1.3 CLO 2.1 – CLO 2.4 CL3.1-CLO3.3	10%
A 1.4	Bài thực hành chức danh KTĐT	Rubrics 1 Phiếu đánh giá nhóm	CLO1.4 CLO 2.1 – CLO 2.4 CL3.1-CLO3.3	10%
A2. Đánh giá đồ án cuối kỳ				50%
A.2.1	Đánh giá của hội đồng đánh giá đồ án/dự án Báo cáo đồ án Phản biểu diễn	Rubrics 2 Rubrics 3	CLO 3.1-CLO 3.3 CLO 4.1 – CLO 4.4	50%
Công thức tính điểm tổng kết: $A1 \times 50\% + A2 \times 50\%$				

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

5.2.1. Bộ tiêu chí chức danh

Rubric 1: Đánh giá bài thực hành các chức danh

³ Công cụ đánh giá cần phải thiết kế để đánh giá được chuẩn đầu ra của học phần đồ án / dự án.

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	5.0-4.0	4.0-3.0	3.0-2.0	2.0-0
Độ chính xác của nghiệp vụ (5 điểm)	Thực hiện chính xác tất cả các nghiệp vụ của chức danh Chứng từ liên quan đến nghiệp vụ đầy đủ, chính xác	Thực hiện cơ bản các nghiệp vụ của chức danh Chứng từ liên quan đến nghiệp vụ đầy đủ, có một số lỗi sai nhỏ	Thực hiện chưa đầy đủ các nghiệp vụ của chức danh Chứng từ liên quan đến nghiệp vụ không đầy đủ và có một số lỗi sai nhỏ	Thực hiện không chính xác các nghiệp vụ của chức danh Chứng từ liên quan đến nghiệp vụ không đầy đủ và không chính xác
Vận dụng được các kỹ năng của chức danh (5 điểm)	Vận dụng thành thạo các kỹ năng trong xử lý nghiệp vụ liên quan đến chức danh	Sử dụng được các kỹ năng trong xử lý nghiệp vụ liên quan đến chức danh	Hiểu được các kỹ năng cần có khi xử lý nghiệp vụ của chức danh	Chưa nắm vững các kỹ năng cần có khi xử lý nghiệp vụ liên quan đến chức danh
TỔNG ĐIỂM: _____/10 (bằng chữ)				

Đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho nhóm SV tự đánh giá)

Các tiêu chí	Mức độ & Thang điểm			
	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0
1. Nhận nhiệm vụ (2 điểm)	Xung phong nhận nhiệm vụ.	Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao.	Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao.	Dường như từ chối nhận nhiệm vụ.
2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm (2 điểm)	- Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm. - Biết lắng nghe, tôn trọng,	- Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động. - Đôi lúc chưa biết lắng nghe,	- Còn ít tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. - Ít chịu lắng nghe, tôn	- Đường như không tham gia hay bày tỏ ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. - Đường như không lắng nghe và tôn trọng ý

	xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm.	tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.	kiến của các thành viên khác trong nhóm.
3. Tôn trọng ý kiến tập thể (2 điểm)	Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng phải biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng.	Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng chưa biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng.	Đôi khi chưa trọng ý kiến của tập thể, và chưa biết bày tỏ quan điểm cá nhân, bảo vệ những lí do chính đáng.	Dường như không tôn trọng ý kiến của tập thể, mà chỉ bày tỏ quan điểm và bảo vệ những lí do không chính đáng.
4. Kết quả làm việc (2 điểm)	Có sản phẩm tốt, theo mẫu và vượt mức thời gian.	Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian.	Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian.	Sản phẩm hầu như không đạt tiêu chuẩn.
5. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung (2 điểm)	Thể hiện trách nhiệm cao về sản phẩm chung.	Thể hiện trách nhiệm về sản phẩm chung.	Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung.	Dường như không chịu trách nhiệm gì về sản phẩm chung.
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (Bằng chữ:)				

Bảng 4. Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho GV đánh giá) A2.1b

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5
1. Kế hoạch nhóm (2 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch rõ ràng, khoa học. - Phân công nhiệm vụ cụ thể, công bằng và phù hợp với các thành viên của nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch rõ ràng, khoa học. - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa công bằng và chưa thực sự phù hợp với các thành viên của nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch khá rõ ràng, khá khoa học. - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa phù hợp với các thành viên của nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch chưa rõ ràng, chưa khoa học - Phân công nhiệm vụ nhưng không cụ thể, không phù hợp với các thành viên của nhóm.

	3.0 – 2.5	2.0	1.5 – 1.0	0.5 - 0
2. Tổ chức thực hiện (3 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin hữu ích. - Toàn bộ thành viên đều tham gia tích cực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được khá nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin khá hữu ích. - Thành viên tham gia đầy đủ nhưng chưa thực sự tích cực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai tương đối đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được một số thông tin (minh chứng) nhưng chưa đầy đủ và thông tin khá hữu ích - Thành viên tham gia chưa đầy đủ và một số thành viên chưa tích cực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai chưa đúng kế hoạch đề ra. - Thu thập được ít thông tin (minh chứng) và thông tin chưa hữu ích - Nhiều thành viên không tham gia
	5.0 – 4.0	3.0 -2.5	2.0 – 1.0	1.0 - 0
3. Kết quả làm việc nhóm (5 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc sản phẩm hợp lí và hình thức trình bày đẹp, sinh động. - Sản phẩm đạt chất lượng tốt. - Hoàn thành đúng thời hạn. - Có bảng đánh giá chi tiết thành viên trong nhóm. - Trình bày và trả lời tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí và hình thức trình bày khá đẹp, khá sinh động. - Sản phẩm đạt chất lượng khá. - Hoàn thành đúng thời hạn. - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng chưa chi tiết - Trình bày và trả lời khá tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí nhưng hình thức trình bày chưa đẹp, và chưa sinh động. - Sản phẩm đạt yêu cầu. - Hoàn thành tương đối đúng thời hạn. - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng hơi sơ sài - Trình bày và trả lời được câu hỏi ở mức độ chấp nhận về báo cáo sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc sản phẩm chưa hợp lí, hình thức trình bày không đẹp, và không sinh động. - Sản phẩm không đạt yêu cầu. - Hoàn thành không đúng thời hạn. - Không có bảng đánh giá thành viên trong nhóm - Trình bày nhưng dường như không trả lời được câu hỏi về báo cáo sản phẩm.
TỔNG ĐIỂM: _____/10 (bằng chữ:)				

Cách tính điểm làm việc nhóm của sinh viên = Bình quân điểm làm việc nhóm do sinh viên và giảng viên đánh giá

5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá đồ án cuối kỳ

Rubrics 2: Đánh giá báo cáo đồ án

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0
Số lượng và hình thức của Báo cáo (2 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ số lượng quy định. - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khoa học, hợp lý, đẹp, có hình ảnh minh họa phù hợp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ số lượng quy định. - Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khá khoa học, hợp lý và khá đẹp, có hình ảnh minh họa nhưng chưa thực sự phù hợp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 1 sản phẩm. - Cấu trúc chưa thực sự đúng quy định, hình thức trình bày chưa hợp lý và chưa đẹp, không có hình ảnh minh họa hoặc có nhưng không phù hợp. 	<ul style="list-style-type: none"> Thiếu từ 2 sản phẩm trở lên. - Cấu trúc không đúng quy định, hình thức trình bày không hợp lý và không đẹp, không có hình ảnh minh họa hoặc có nhưng không phù hợp.
	8.0 – 7.0	6.0 - 5.0	4.0 – 3.0	2.0 - 0
Nội dung bản báo cáo (8 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung tình huống phản ánh sát thực tế với công việc của các chức danh Nhân vật xây dựng thể hiện rõ ràng các đặc trưng chính của chức danh được chọn Giải quyết tình huống rõ ràng, triệt để, phù hợp với thực tiễn Chứng từ liên quan đến tình huống đủ, phản ánh chính xác nội dung của nghiệp vụ 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung tình huống phản ánh cụ thể công việc của các chức danh Nhân vật xây dựng phù hợp với đặc trưng với chức danh được chọn Giải quyết tình huống đưa ra, phù hợp với thực tiễn Chứng từ liên quan đến tình huống đủ, phản ánh cơ bản các nội dung của nghiệp vụ 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung tình huống phản ánh chung về công việc của các chức danh Nhân vật xây dựng thể hiện một vài đặc điểm của chức danh được chọn Giải quyết một phần tình huống Chứng từ liên quan đến tình huống phản ánh cơ bản các nội dung của nghiệp vụ, thiếu 1 chứng 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung tình huống không đúng với thực tế về công việc của chức danh Nhân vật xây dựng không thể hiện các đặc trưng của chức danh được lựa chọn Giải quyết tình huống chưa phù hợp với thực tiễn Chứng từ liên quan đến tình huống phản ánh một phần nội dung nghiệp vụ, thiếu từ 2 chứng từ liên quan đến

			từ của 1 chức danh	nghiệp vụ trở lên
TỔNG ĐIỂM: _____/10 (bằng chữ				

Rubrics 3: Đánh giá phân biểu diễn đồ án

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0
Đạo cụ (2 điểm)	Trang phục đẹp, phù hợp với nhân vật. Đạo cụ có đầu tư, đẹp	Trang phục phù hợp với nhân vật Đạo cụ đầy đủ	Có một số trang phục chưa phù hợp với nhân vật Đạo cụ đầy đủ	Trang phục không phù hợp với nhân vật Đạo cụ sơ sài, không đầy đủ
	4.0 – 3.5	3.5-2.5	2.5-1.5	1.5-0
Trình diễn (4 điểm)	Nói âm lượng vừa phải, rõ ràng, trôi chảy Chuyển cảnh mượt mà tạo cảm giác liên tục liền mạch Diễn xuất mô tả chân thực hình ảnh và đặc trưng của chức danh Thời gian diễn xuất theo đúng quy định	Nhìn chung nói chậm, âm lượng vừa phải, rõ ràng nhưng đôi chỗ vấp Thời gian giữa các đoạn chuyển cảnh ngắn Diễn xuất thể hiện được hình ảnh và đặc trưng của chức danh Thời gian diễn xuất vượt quá thời gian 1-2 phút	Thiếu 1 trong các đặc điểm: âm lượng vừa phải, rõ ràng, trôi chảy Chuyển cảnh rời rạc Diễn xuất mô tả hình ảnh và đặc trưng của chức danh Thời gian diễn xuất vượt quá 3-5 phút	Thiếu 1 trong các đặc điểm: âm lượng vừa phải, rõ ràng, trôi chảy Chuyển cảnh rời rạc Diễn xuất chưa thể hiện được đặc trưng của chức danh Thời gian diễn xuất vượt quá 5 phút
	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0
Làm việc nhóm (2 điểm)	Thành viên trong nhóm phối hợp với nhau nhịp nhàng	Thành viên trong nhóm phối hợp tương đối tốt	Thành viên trong nhóm có phối hợp với nhau	Thành viên trong nhóm làm việc rời rạc không hỗ trợ nhau

	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0
Vấn đáp (2 điểm)	Trả lời chi tiết đúng 2 câu hỏi của hội đồng chấm thi	Trả lời đúng nhưng chưa đủ 2 câu hỏi của hội đồng chấm thi	Trả lời đúng chi tiết 1 câu hỏi của hội đồng chấm thi	Trả lời đúng nhưng chưa đủ 1 câu hỏi của hội đồng chấm thi
TỔNG ĐIỂM: _____/10 (bằng chữ)				

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

- [1] Nguyễn Thị Mùi, Quản trị ngân hàng thương mại, NXB Tài chính, 2015
- [2] Từ Quang Phương, giáo trình Kinh tế đầu tư, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2015
- [3] Nguyễn Việt Lâm, Nghiên cứu Marketing, NXB Thống kê, 2012

6.2. Tài liệu tham khảo:

- [1] Đinh Đào Ánh Thủy, Giáo trình Đấu thầu, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2015
- [2] Nguyễn Thành Độ, Quản trị hành chính văn phòng, NXB Thống kê, 2015
- [3] Luật kế toán 2015 do Quốc Hội ban hành ngày 20/11/2015
- [4] Thông tư 70/2015/TT-BTC về Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 8/5/2015
- [5] Thông tư 292/2016/TT-BTC hướng dẫn cập nhật kiến thức hàng năm cho kế toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 15/11/2016
- [6] Thông tư 296/2016/TT-BTC hướng dẫn về cấp, thu hồi và quản lý Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 15/11/2016
- [7] Thông tư 297/2016/TT-BTC về cấp, quản lý và sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 15/11/2016
- [8] Thực hành core-banking của Vietvictorybank
- [9] Thực hành chức danh chuyên viên nghiên cứu thị trường của Vietvictory

7. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung công việc	Địa điểm/không gian thực hiện	Hoạt động của sinh viên	Kết quả cần đạt được	Bài đánh giá	CDR học phần
1 -2	Chương 1: Chức danh Kế toán viên	Trung tâm thực hành mô phỏng	Thảo luận tình huống thực tế Thực hành nghiệp vụ chức danh	Sinh viên thực hiện thành thạo các nghiệp vụ của các chức danh của ngành kế toán	A1.3	CLO 1.3 CLO 2.1 – CLO 2.4 CL3.1- CLO3.3
2 – 3	Chương 2: Chức danh	Trung tâm thực hành mô phỏng	Thảo luận tình huống thực tế	Sinh viên thực hiện thành thạo	A1.2	CLO 1.2

	Quản trị kinh doanh		Thực hành nghiệp vụ chức danh	các nghiệp vụ của các chức danh của ngành quản trị kinh doanh		CLO 2.1 – CLO 2.4 CL3.1-CLO3.3
4-5	Chương 3: Chức danh Kinh tế đầu tư	Trung tâm thực hành mô phỏng	Thảo luận tình huống thực tế Thực hành nghiệp vụ chức danh	Sinh viên thực hiện thành thạo các nghiệp vụ của các chức danh của ngành Kinh tế đầu tư	A1.4	CLO 1.4 CLO 2.1 – CLO 2.4 CL3.1-CLO3.3
5 -8	Chương 4: Chức danh Tài chính Ngân hàng	Trung tâm thực hành mô phỏng	Thảo luận tình huống thực tế Thực hành nghiệp vụ chức danh	Sinh viên thực hiện thành thạo các nghiệp vụ của các chức danh của ngành Tài chính Ngân hàng	A1.1	CLO 1.1 CLO 2.1 – CLO 2.4 CL3.1-CLO3.3
8-15	Triển khai đồ án	Trung tâm thực hành mô phỏng	Hình thành ý tưởng, xử lý tình huống, triển khai thực hiện đồ án	Sinh viên xử lý các tình huống thực tế nghiệp vụ của các chức danh	A2.1A	CLO 3.1-CLO 3.3 CLO 4.1 – CLO 4.4

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

Trưởng bộ môn

Giảng viên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG KINH TẾ

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Dành cho các học phần dạy học theo hình thức đồ án/dự án)

1. Thông tin tổng quát

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên phụ trách chính

Họ và tên: Đặng Thành Cương

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính -Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Giờ hành chính tại Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế -Đại học Vinh

Điện thoại: 0914792688

Email: cuongdt@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Tài chính ngân hàng

Giảng viên Khoa Tài chính - Ngân hàng:

TT	Họ và tên	Chức danh, học vị	Điện thoại
1	Nguyễn Thị Thu Cúc	Giảng viên chính - Tiến sĩ	0932341888
2	Ngô Hồng Nhung	Giảng viên - Tiến sĩ	0815099223
3	Trần Thị Lưu Tâm	Giảng viên - Tiến sĩ	0985824777
4	Hoàng Thị Thanh Huyền	Giảng viên - Tiến sĩ	0986310435
5	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Giảng viên - Thạc sĩ	0915253186
6	Hoàng Thị Việt	Giảng viên - Tiến sĩ	0984468660
7	Bành Thị Thảo	Giảng viên - Thạc sĩ	0985697328
8	Nguyễn Đình Tiến	Giảng viên - Thạc sĩ	0988649565
9	Nguyễn Thị Yến	Giảng viên - Thạc sĩ	0858555189
10	Đoàn Thị Ngọc Hân	Giảng viên - Thạc sĩ	0985421088
11	Nguyễn Thị Bích Thủy	Giảng viên - Tiến sĩ	0981168888
12	Nguyễn Thị Anh Giang	Giảng viên - Thạc sĩ	0972842336

1.2. Thông tin về môn học

- Tên học phần (tiếng Việt): THỰC TẬP VÀ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP (tiếng Anh): Internship and graduation project	
- Mã số học phần: FIN31014	
- Thuộc CTĐT ngành: Tài chính - Ngân hàng	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản	<input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án
<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn

CLO2.4					v							
CLO3.1						v						
CLO3.2							v					
CLO4.1								v				
CLO4.2									v	v	v	v

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO2.1	S4	Thể hiện kỹ năng nghiên cứu tài liệu và phân tích giải quyết vấn đề lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng	Thực hành nghề nghiệp	Phiếu đánh giá
CLO2.2	A4	Thể hiện thái độ và phẩm chất nghề nghiệp trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng	Thực hành nghề nghiệp	Bảng kiểm Phiếu đánh giá
CLO2.3	A4	Thể hiện tính kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp thực tế	Thực hành nghề nghiệp Đồ án	
CLO2.4	A4	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và hành xử chuyên nghiệp	Thực hành nghề nghiệp Đồ án	
CLO3.1	S4	Tổ chức hoạt động nhóm	Thực hành nghề nghiệp Đồ án	Bảng kiểm Phiếu đánh giá
CLO3.2	S4	Sử dụng linh hoạt, thành thạo các hình thức giao tiếp khác nhau (văn bản, điện tử/đa truyền thông, đồ họa, thuyết trình, đàm phán, công nghệ số)	Thực hành nghề nghiệp Đồ án	Bảng kiểm Phiếu đánh giá
CLO4.1	K4	Phân tích được bối cảnh, mục tiêu và chiến lược của tổ chức	Đồ án	Bảng kiểm Phiếu đánh giá
CLO4.2	C5	Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động Tài chính - Ngân hàng	Đồ án	Bảng kiểm Phiếu đánh giá

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	CĐR học phần	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ (%)	CĐR Chương trình
A1. Đánh giá của thực tập tốt nghiệp				62,5%	

A 1. 1	CLO2. 1 CLO 2.2 CLO2. 3 CLO 2.4 CLO4. 1 CLO3. 1 CLO3. 2	Đánh giá của đơn vị thực tập	Phiếu đánh giá (Rubrics)	50 %	PLO 2.1
A 1. 2	CLO2. 2 CLO4. 1 CLO3. 2	Đánh giá báo cáo thực tập	Phiếu đánh giá (Rubrics)	50 %	PLO 2.2 PLO 4.1 PLO 4.2
A2. Đánh giá đồ án tốt nghiệp				37, 5%	
A 2. 1	CLO3. 2	Đánh giá tiến độ thực hiện đồ án	Phiếu đánh giá (Rubrics)	20 %	PLO 2.1 PLO 2.2
A 2. 2	CLO3. 2	Bảo vệ đồ án cá nhân (slide; thuyết trình; trả lời vấn đáp)	Phiếu đánh giá (Rubrics)	40 %	PLO 3.1 PLO 3.2
A 2. 3	- CLO4. 1 - CLO4. 2	Đánh giá đồ án thực tập tốt nghiệp	Phiếu đánh giá (Rubrics)	40 %	PLO 4.1 PLO 4.2
Công thức tính điểm tổng kết:					
$(A1.0,5+A1.2*0,5)*0.625+(A2.1*0,2+A2.2*0,3+A2.3*0,5+A2.3*3)*0.375$					

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá thực tập

Bảng 1. Rubric đánh giá của đơn vị thực tập

Tiêu chí	Trọng số	Mức thang điểm			
		Chưa đạt	Đạt yêu cầu	Tốt	Xuất sắc
		0-4,9	5,0-6,9	7,0-8,4	8,5-10
Mức độ chuyên cần, tinh thần và thái độ trong thời gian thực tập của sinh viên ở đơn vị thực tập	30%	Tham gia dưới 80% các buổi thực tập theo quy định của đơn vị	Tham gia đầy đủ các buổi thực tập theo quy định của đơn vị. Chưa tích cực thảo luận, trao đổi	Tham gia đầy đủ các buổi thực tập theo quy định của đơn vị. Tích cực thảo luận, trao đổi	Tham gia đầy đủ các buổi thực tập theo quy định của đơn vị. Tích cực thảo luận, trao đổi và tham gia hỗ trợ các hoạt động của đơn vị thực tập
Mức độ tiếp cận các vấn đề thực tiễn của sinh viên ở đơn vị thực tập:	70%	Chưa tiếp cận được các vấn đề thực tiễn theo chuyên đề thực tập	Tiếp cận ở mức cơ bản các vấn đề thực tiễn theo chuyên đề thực tập.	Tiếp cận tốt các vấn đề thực tiễn theo chuyên đề thực tập, có liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn	Tiếp cận tốt các vấn đề thực tiễn theo chuyên đề thực tập, có liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn một cách thuyết phục

Bảng 2: Rubric đánh giá báo cáo thực tập

Tiêu chí	Trọng số	Mức thang điểm			
		Chưa đạt	Đạt yêu cầu	Tốt	Xuất sắc
		0-4,9	5,0-6,9	7,0-8,4	8,5-10
Hình thức báo cáo	20%	Không đúng quy cách, nhiều lỗi chính tả	Đúng quy cách nhưng vẫn còn lỗi chính tả	Đúng quy cách, không còn lỗi chính tả	Đúng quy cách, không còn lỗi chính tả, hình thức đẹp,
Nội dung báo cáo	80%	Báo cáo không đáp ứng yêu cầu nội dung Cụ thể: - Chưa xác định các vấn đề cần giải quyết, số liệu không đủ độ tin cậy - Chưa thể hiện sự nắm chắc các hoạt động TCNH tại đơn vị thực tập liên quan đến vấn đề; - Chưa đưa ra các giải pháp phù hợp với đơn vị thực tập, có khả	Báo cáo đáp ứng cơ bản yêu cầu nội dung, có 1 số sai sót không trọng yếu Cụ thể: - Xác định các vấn đề cần giải quyết, số liệu chưa đầy đủ - Thể hiện sự hiểu biết về hoạt động TCNH tại đơn vị thực tập liên quan đến vấn đề chưa sát sao; - Có đưa ra các giải pháp cho đơn vị thực tập tuy nhiên tính	Báo cáo đáp ứng cơ bản yêu cầu nội dung Cụ thể: - Xác định các vấn đề cần giải quyết, số liệu đủ độ tin cậy - Thể hiện sự hiểu biết về các hoạt động TCNH tại đơn vị thực tập liên quan đến vấn đề; - Có đưa ra các giải pháp cho đơn vị thực tập tuy nhiên còn mang tính bao quát, chưa thuyết phục	Báo cáo đáp ứng tốt yêu cầu nội dung, có phân tích đánh giá một cách thuyết phục Cụ thể: - Xác định đầy đủ các vấn đề cần giải quyết, số liệu đủ độ tin cậy - Thể hiện sự hiểu biết các hoạt động TCNH tại đơn vị thực tập liên quan đến vấn đề; - Đưa ra các giải pháp phù hợp với đơn vị thực tập, có khả năng áp

		năng áp dụng vào thực tế tại đơn vị	thực tiễn chưa cao		dụng vào thực tế tại đơn vị
--	--	-------------------------------------	--------------------	--	-----------------------------

5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá đề án tốt nghiệp

Bảng 3. Rubric đánh giá tiến độ thực hiện (GV đánh giá) (A1.1)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	0-4,9	5,0-6,9	7,0-8,4	8,5-10
Mức độ tham dự các cuộc họp nhóm (5 điểm)	Tham gia dưới 80% các buổi họp nhóm	Tham gia trên 80% các buổi họp nhóm .	Tham gia trên 80% các buổi họp nhóm và trao đổi với giảng viên	Tham gia 100% các buổi họp nhóm và trao đổi tích cực với giảng viên
Tiến độ nộp các sản phẩm đề án (5 điểm)	Nộp sản phẩm chậm thời gian quy định.	Nộp sản phẩm đúng thời gian quy định. Tham gia đầy đủ các buổi hướng dẫn của GVHD nhưng chưa tích cực thảo luận, trao đổi	Nộp sản phẩm đúng thời gian quy định. Tham gia đầy đủ các buổi hướng dẫn của GVHD và có nỗ lực trong việc hoàn thành nhiệm vụ cá nhân	Nộp sản phẩm đúng thời gian quy định. Tham gia đầy đủ các buổi hướng dẫn của GVHD và có nỗ lực trong việc hoàn thành nhiệm vụ cá nhân. Tích cực thảo luận, trao đổi
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (Bằng chữ:)				

Bảng 4. Rubric đánh giá bảo vệ đồ án cá nhân

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	0-4,9	5,0-6,9	7,0-8,4	8,5-10
Slide báo cáo (3 điểm)	Hình thức báo cáo đơn điệu, không rõ, có trên 10 lỗi chính tả.	Hình thức báo cáo đạt, khá rõ, nhưng có từ 6-10 lỗi chính tả.	Hình thức báo cáo khá đẹp, rõ, nhưng có từ 1-5 lỗi chính tả.	Hình thức báo cáo đẹp, rõ, không lỗi chính tả.
Kỹ năng trình bày (4 điểm)	Kỹ năng trình bày không tốt, không tự tin, không thuyết phục, không có giao lưu với người nghe	Kỹ năng trình bày tương đối tốt, chưa tự tin, chưa thuyết phục, không có giao lưu với người nghe	Kỹ năng trình bày khá tốt, khá tự tin, khá thuyết phục, nhưng không có giao lưu với người nghe.	Kỹ năng trình bày tốt, tự tin, thuyết phục, có giao lưu với người nghe
Trả lời câu hỏi vấn đáp (3 điểm)	Không trả lời được câu hỏi của hội đồng đánh giá	Trả lời câu hỏi chưa tập trung vào nội dung câu hỏi	Trả lời đúng các ý câu hỏi của hội đồng đánh giá	Trả lời đúng các ý câu hỏi của hội đồng đánh giá, có dẫn chứng phân tích minh họa thuyết phục
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (Bằng chữ:)				

Bảng 5. Rubric đánh giá báo cáo đồ án

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	0-4,9	5,0-6,9	7,0-8,4	8,5-10
Cấu trúc và hình thức của đồ án (4 điểm)	Cấu trúc chưa đầy đủ, chưa đúng yêu cầu và chưa khoa học. - Hình thức chưa đúng quy định.	Cấu trúc, đúng yêu cầu, nhưng chưa đầy đủ và chưa khoa học. - Hình thức đúng quy định.	Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu, nhưng chưa khoa học - Hình thức đẹp, đúng quy định.	Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học. - Hình thức đẹp, đúng quy định.

Nội dung đồ án (6 điểm)	<p>Báo cáo không đáp ứng yêu cầu nội dung</p> <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa xác định các vấn đề cần giải quyết, số liệu không đủ độ tin cậy - Chưa thể hiện sự nắm chắc các hoạt động TCNH tại đơn vị thực tập liên quan đến vấn đề; - Chưa đưa ra các giải pháp phù hợp với đơn vị thực tập, có khả năng áp dụng vào thực tế tại đơn vị 	<p>Báo cáo đáp ứng cơ bản yêu cầu nội dung, có 1 số sai sót không trọng yếu</p> <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định các vấn đề cần giải quyết, số liệu chưa đầy đủ - Thể hiện sự hiểu biết về hoạt động TCNH tại đơn vị thực tập liên quan đến vấn đề chưa sát sao; - Có đưa ra các giải pháp cho đơn vị thực tập tuy nhiên tính thực tiễn chưa cao 	<p>Báo cáo đáp ứng cơ bản yêu cầu nội dung</p> <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định các vấn đề cần giải quyết, số liệu đủ độ tin cậy - Thể hiện sự hiểu biết về các hoạt động TCNH tại đơn vị thực tập liên quan đến vấn đề; - Có đưa ra các giải pháp cho đơn vị thực tập tuy nhiên còn mang tính bao quát, chưa thuyết phục 	<p>Báo cáo đáp ứng tốt yêu cầu nội dung, có phân tích đánh giá một cách thuyết phục</p> <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đầy đủ các vấn đề cần giải quyết, số liệu đủ độ tin cậy - Thể hiện sự hiểu biết các hoạt động TCNH tại đơn vị thực tập liên quan đến vấn đề; - Đưa ra các giải pháp phù hợp với đơn vị thực tập, có khả năng áp dụng vào thực tế tại đơn vị
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (Bằng chữ:)				

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình:

- [1] Vũ Duy Hào (2016), Giáo trình Tài chính doanh nghiệp, NXB ĐH Kinh tế quốc dân
 [2] Tô Ngọc Hưng (2016), Tín dụng ngân hàng, NXB Lao động xã hội

6.2. Tài liệu tham khảo:

- [1]. Giáo trình của các học phần chuyên ngành đã học

7. Kế hoạch dạy học

Tổng thời lượng của học phần 120 tiết, trong đó có 75 tiết thực hành và 45 tiết dự án học phần, số tiết theo cụ thể như sau:

Tín chỉ 1,2,3,4,5: Thực hành tại đơn vị thực tập, viết báo cáo thực tập

Tín chỉ 6,7,8: Viết đề án thực tập tốt nghiệp,

Kế hoạch dạy học cụ thể của từng tuần như sau:

7.1. Kế hoạch tại đơn vị thực tập

Tuần	Nội dung công việc	Địa điểm/ không gian thực hiện	Hoạt động của sinh viên	Hoạt động của GV	Kết quả cần đạt được	Bài đánh giá	CDR học phần
1	1. Lịch sử hình thành và phát triển của đơn vị thực tập	Đơn vị thực tập	Sinh viên đến đơn vị thực tập, xuất trình giấy giới thiệu; - Gặp gỡ Ban lãnh đạo, các phòng ban như phòng giao dịch, phòng Hành chính nhân sự, Phòng Kinh doanh...	- Giới thiệu GV, CDR môn học, nội dung, phương pháp đánh giá; - Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về đơn vị thực tập;	S4 K4	A1.1	CLO2.1 CLO 2.2 CLO2.3 CLO 2.4 CLO4.1 CLO3.1 CLO3.2
2	1. Lịch sử hình thành và phát triển của đơn vị thực tập	Đơn vị thực tập	- Tìm hiểu về lịch sử phát triển; lĩnh vực hoạt động;	- - Hướng dẫn cách viết đề cương báo cáo thực tập và các yêu cầu cần đạt được	S4 K4	A1.1	CLO2.1 CLO 2.2 CLO2.3 CLO 2.4 CLO4.1 CLO3.1 CLO3.2

Tuần	Nội dung công việc	Địa điểm/ không gian thực hiện	Hoạt động của sinh viên	Hoạt động của GV	Kết quả cần đạt được	Bài đánh giá	CĐR học phần
				- Hỏi - Đáp			
3	2. Tìm hiểu cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các bộ phận trong đơn vị thực tập	Đơn vị thực tập	<ul style="list-style-type: none"> - Làm việc tại các phòng theo phân công của đơn vị thực tập - Tìm hiểu về mô hình tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ các bộ phận trong đơn vị thực tập - Tìm hiểu và trả lời các câu hỏi trực tiếp của giảng viên về đơn vị thực tập 	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu công tác TCNH tại đơn vị - Giao nhiệm vụ thực tập cho sinh viên (giao đề tài thực tập) - Phát vấn một số câu hỏi liên quan trực tiếp đến đơn vị thực tập của sinh viên 	S4 A4 K4	A1.1	<ul style="list-style-type: none"> CLO2.1 CLO 2.2 CLO2.3 CLO 2.4 CLO4.1 CLO3.1 CLO3.2
4	3.Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị thực tập	<ul style="list-style-type: none"> - Làm việc tại các phòng theo 	Hướng dẫn thực tập về hoạt	S4 A4 K4	A1.1	<ul style="list-style-type: none"> CLO2.1 CLO 2.2 CLO2.3

Tuần	Nội dung công việc	Địa điểm/ không gian thực hiện	Hoạt động của sinh viên	Hoạt động của GV	Kết quả cần đạt được	Bài đánh giá	CĐR học phần
	trong 3 năm		<p>phân công của đơn vị thực tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị thực tập - Thu thập số liệu về báo cáo kết quả kinh doanh; báo cáo tài chính; 	<p>động TCNH;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn chi tiết các nội dung đề cương báo cáo thực tập 			<p>CLO 2.4</p> <p>CLO4.1</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p>
5	3.Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm	Đơn vị thực tập	<ul style="list-style-type: none"> - Làm việc tại các phòng theo phân công của đơn vị thực tập - Tìm hiểu kết quả hoạt động kinh doanh của đơn 	<p>Hướng dẫn thực tập về hoạt động TCNH;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn chi tiết các nội dung đề cương báo cáo thực tập 	S4 A4 K4	A1.1	<p>CLO2.1</p> <p>CLO 2.2</p> <p>CLO2.3</p> <p>CLO 2.4</p> <p>CLO4.1</p> <p>CLO3.1</p> <p>CLO3.2</p>

Tuần	Nội dung công việc	Địa điểm/ không gian thực hiện	Hoạt động của sinh viên	Hoạt động của GV	Kết quả cần đạt được	Bài đánh giá	CĐR học phần
			vị thực tập - Thu thập số liệu về báo cáo kết quả kinh doanh; báo cáo tài chính;				
6	Tổng quan về các lĩnh vực TCNH của đơn vị thực tập	Đơn vị thực tập	- Làm việc tại các phòng theo phân công của đơn vị thực tập - Tìm hiểu tổng quan hoạt động tài chính ngân hàng của đơn vị; - Viết bản thảo báo cáo thực tập	Hướng dẫn thực tập về hoạt động TCNH; - Hướng dẫn chi tiết các nội dung bản thảo báo cáo thực tập	S4 A4 K4	A1.1 A1.2	CLO2.1 CLO4.1
7	Tổng quan về các lĩnh vực TCNH của	Đơn vị thực tập	-Làm việc tại các phòng theo	Hướng dẫn thực tập về hoạt	S4 A4 K4	A1.1 A1.2	CLO2.1 CLO4.1

Tuần	Nội dung công việc	Địa điểm/ không gian thực hiện	Hoạt động của sinh viên	Hoạt động của GV	Kết quả cần đạt được	Bài đánh giá	CĐR học phần
	đơn vị thực tập		<ul style="list-style-type: none"> phân công của đơn vị thực tập - Tìm hiểu tổng quan hoạt động TCNH của đơn vị; - Viết bản thảo báo cáo thực tập 	<ul style="list-style-type: none"> động TCNH; - Hướng dẫn chi tiết các nội dung bản thảo báo cáo thực tập 			
8	Tổng quan về các lĩnh vực TCNH của đơn vị thực tập	Đơn vị thực tập	<ul style="list-style-type: none"> -Làm việc tại các phòng theo phân công của đơn vị thực tập - Hoàn thiện báo cáo thực tập 	Thông qua báo cáo thực tập cho sinh viên	S4 A4 K4	A1.1 A1.2	CLO2.1 CLO4.1

7.2. Kế hoạch thực hiện đồ án tốt nghiệp

Tuần	Nội dung công việc	Địa điểm/ không gian thực hiện	Hoạt động của sinh viên	Hoạt động của GV	Kết quả cần đạt được	Bài đánh giá	CĐR học phần
9	Thông qua tên đề tài và đề cương đồ án cá nhân	Tại Trường	- Sinh viên bảo vệ tên đề tài và đề cương với giảng viên	- Đánh giá về tên đề tài và đề cương đồ án của sinh - Hỏi đáp, phỏng vấn sinh về nội dung chuyên sâu 1 lĩnh vực TCNH mà sinh viên dự định thực hiện	S4 A4 K4	A2.1 A2.2 A2.3	CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2
10	Hướng dẫn viết bản thảo đồ án cá nhân	Tại Trường	Sinh viên triển khai viết bản thảo đồ án	Giảng viên hướng dẫn sinh viên viết đồ án		A2.1 A2.2 A2.3	CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2
11	Thông qua bản thảo đồ án	Tại Trường	Sinh viên triển khai viết và	Giảng viên hướng dẫn sinh hoàn		A2.1 A2.2 A2.3	CLO3.2 CLO4.1 CLO4.2

Tuần	Nội dung công việc	Địa điểm/ không gian thực hiện	Hoạt động của sinh viên	Hoạt động của GV	Kết quả cần đạt được	Bài đánh giá	CĐR học phần
	cá nhân		hoàn thiện đồ án	thiện đồ án			
12	Bảo vệ đồ án	Tại Trường	Bảo vệ đồ án	Đánh giá đồ án	Đồ án cá nhân	A2.1 A2.2 A2.3	CLO3.2 CLO3.3 CLO4.1 CLO4.2

8. Nhiệm vụ của sinh viên

8.1. Phân tự học

- Nghiên cứu tài liệu,
- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.
- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

8.2. Phần trao đổi với giảng viên

- Tham dự các buổi trao đổi phỏng vấn theo lịch giảng viên yêu cầu.
- Chủ động, tích cực trong các buổi trao đổi
- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

8.3. Thực tế tại đơn vị thực tập

- Tham gia 100% các buổi trải nghiệm ở đơn vị thực tập
- Thể hiện phong cách nghiêm túc, tại đơn vị thực tập
- Tham gia tích cực các hoạt động trải nghiệm tại đơn vị thực tập
- Tuân thủ các quy định của đơn vị thực tập, của giáo viên và của nhóm.

8.4. Làm việc nhóm, thực hiện đồ án môn học

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.
- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.
- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm đồ án được giao.

9. Ngày phê duyệt:

10. Cấp phê duyệt:

Trưởng bộ môn

Giảng viên

PHỤ LỤC 1
HƯỚNG DẪN VIẾT BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

1. Thông tin chung

Tên học phần: Thực tập và đồ án tốt nghiệp

Số tín chỉ: 05 (75/120)

Mã học phần:

Kỳ học: Kỳ 8 đối với sinh viên ngành Tài chính – Ngân hàng

2. Mục tiêu của học phần

CĐR học phần	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO2.1	S4	Thể hiện kỹ năng nghiên cứu tài liệu và phân tích giải quyết vấn đề lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng	Thực hành nghề nghiệp	Phiếu đánh giá
CLO2.2	A4	Thể hiện thái độ và phẩm chất nghề nghiệp trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng	Thực hành nghề nghiệp	Bảng kiểm Phiếu đánh giá
CLO2.3	A4	Thể hiện tính kiên trì, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, thích ứng với sự phức tạp thực tế	Thực hành nghề nghiệp Đồ án	
CLO2.4	A4	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và hành xử chuyên nghiệp	Thực hành nghề nghiệp Đồ án	
CLO3.1	S4	Tổ chức hoạt động nhóm	Thực hành nghề nghiệp Đồ án	Bảng kiểm Phiếu đánh giá
CLO3.2	S4	Sử dụng linh hoạt, thành thạo các hình thức giao tiếp khác nhau (văn bản, điện tử/đa truyền thông, đồ họa, thuyết trình, đàm phán, công nghệ số)	Thực hành nghề nghiệp Đồ án	Bảng kiểm Phiếu đánh giá
CLO4.1	K4	Phân tích được bối cảnh, mục tiêu và chiến lược của tổ chức	Đồ án	Bảng kiểm Phiếu đánh giá

3. Hướng dẫn báo cáo thực tập

3.1. Nội dung báo cáo thực tập

Phần mở đầu

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của đơn vị thực tập

1.2. Chức năng nhiệm vụ của các bộ phận trong đơn vị thực tập

1.3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm

1.4. Tổng quan về các lĩnh vực TCNH của đơn vị thực tập

Kết luận

3.2 Trình bày

Trình bày báo cáo thực tập bằng văn bản, nộp cả bản cứng (đóng quyển theo quy định) và bản mềm.

4. Nộp báo cáo thực tập

Dưới sự giám sát của Khoa, sinh viên thực hiện đúng lịch nộp báo cáo (bản mềm và bản in).

Báo cáo thực tập phải được sắp xếp theo giáo viên hướng dẫn, theo ngành đào tạo. Sinh viên nộp 01 bản cứng, 01 file mềm; 01 phiếu đánh giá, nhận xét của đơn vị thực tập,

HƯỚNG DẪN TRÌNH BÀY BÁO CÁO THỰC TẬP

HỌC PHẦN THỰC TẬP VÀ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

1. Khái quát về cách trình bày

Bố cục của đồ án được sắp xếp theo thứ tự như sau:

- Các trang bìa ngoài, bìa trong
- Mục lục
- Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)
- Danh mục các bảng, biểu đồ, sơ đồ, hình vẽ
- Mở đầu (bắt đầu đánh số trang)
- Nội dung
- Kết luận (kết thúc đánh số trang)
- Danh mục tài liệu tham khảo
- Phụ lục
- Nhật ký thực tập (phải được xác nhận và đóng dấu của đơn vị thực tập)
- Nhận xét của ĐVTT (phải được xác nhận và đóng dấu của đơn vị thực tập)

2. Độ dài và hình thức

Yêu cầu: 10 đến 15 trang

(không áp dụng cho trang bìa và một số chứng từ, sổ, báo cáo phụ lục):

Khổ giấy	A4
Kiểu chữ và cỡ chữ	Times New Roman 13pt (Unicode)
Mật độ chữ	bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ
Cách dòng	"1.5 lines" (trừ trường hợp sử dụng các ký hiệu toán học)
Cách đoạn	Auto
Căn lề	+ Left: 3 cm + Right: 2.0 cm + Top: 2.0 cm + Bottom: 2.0 cm
Header	1.5 cm (để trống)
Footer	1.5 cm (đánh số trang vào góc bên phải)

PHỤ LỤC 2

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐỒ ÁN HỌC PHẦN THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

1. Thông tin chung

Tên học phần: Thực tập và đồ án tốt nghiệp

Số tín chỉ: 03 (45/120)

Mã học phần:

Kỳ học: Kỳ 8 đối với sinh viên ngành Tài chính – Ngân hàng

2. Mục tiêu của học phần

CĐR học phần	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
--------------	-------------------	--------------------	---------------------	----------------------

CLO3.1	S4	Tổ chức hoạt động nhóm	Thực hành nghề nghiệp Đồ án	Bảng kiểm Phiếu đánh giá
CLO3.2	S4	Sử dụng linh hoạt, thành thạo các hình thức giao tiếp khác nhau (văn bản, điện tử/đa truyền thông, đồ họa, thuyết trình, đàm phán, công nghệ số)	Thực hành nghề nghiệp Đồ án	Bảng kiểm Phiếu đánh giá
CLO4.1	K4	Phân tích được bối cảnh, mục tiêu và chiến lược của tổ chức	Đồ án	Bảng kiểm Phiếu đánh giá
CLO4.2	C5	Hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến hoạt động Tài chính - Ngân hàng	Đồ án	Bảng kiểm Phiếu đánh giá

3. Hướng dẫn đồ án

3.1. Nội dung đồ án

Phần mở đầu

Phần 1: Cơ sở lý luận về lĩnh vực tài chính ngân hàng cụ thể

Phần 2: Thực trạng về một lĩnh vực tài chính ngân hàng cụ thể

2.1. Thực trạng chuyên sâu về một lĩnh vực tài chính ngân hàng cụ thể

2.2. Đánh giá chung về về một lĩnh vực tài chính ngân hàng cụ thể

Phần 3: Giải pháp về một lĩnh vực tài chính ngân hàng cụ thể

Giải pháp chuyên sâu về một lĩnh vực tài chính ngân hàng cụ thể

Kết luận

3.2. Nội dung của các lĩnh vực tài chính ngân hàng chuyên sâu

- Doanh nghiệp:

Phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp A.

Tăng cường huy động vốn tại doanh nghiệp A.

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại doanh nghiệp A.

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại doanh nghiệp A.

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định tại doanh nghiệp A.....

- Ngân hàng:

Hạn chế rủi ro tín dụng tiêu dùng tại NHTM A.

Nâng cao chất lượng tín dụng: ngắn hạn, trung và dài hạn, hộ sản xuất, doanh nghiệp, cá nhân...

Tăng cường huy động vốn tại NHTM A.

Nâng cao chất lượng hoạt động thẩm định tín dụng... tại NHTM A.

Mở rộng cho vay tiêu dùng tại MHTM A.

Mở rộng cho vay hộ sản xuất tại NHTM A.

.....

Kết luận

3.3 Trình bày

Trình bày đồ án bằng văn bản, nộp cả bản cứng (đóng quyển theo quy định) và bản mềm.

4. Nộp đồ án

Dưới sự giám sát của Khoa, sinh viên thực hiện đúng lịch nộp đồ án (bản mềm và bản in).

Đồ án thực tập phải được sắp xếp theo giáo viên hướng dẫn, theo ngành đào tạo. Sinh viên nộp 01 bản cứng, 01 file mềm; 01 phiếu đánh giá, nhận xét của đơn vị thực tập,

HƯỚNG DẪN TRÌNH BÀY ĐỒ ÁN
HỌC PHẦN THỰC TẬP VÀ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

1. Khái quát về cách trình bày

Bố cục của đồ án được sắp xếp theo thứ tự như sau:

- Các trang bìa ngoài, bìa trong
- Mục lục
- Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)
- Danh mục các bảng, biểu đồ, sơ đồ, hình vẽ
- Mở đầu (bắt đầu đánh số trang)
- Nội dung (Phần thứ nhất, Phần thứ hai)
- Kết luận (kết thúc đánh số trang)
- Danh mục tài liệu tham khảo
- Phụ lục

2. Độ dài và hình thức

Yêu cầu: 30 đến 45 trang (phần 1: 10-15 trang, phần 2: 20-30 trang)

(không áp dụng cho trang bìa và một số chứng từ, sổ, báo cáo phụ lục):

Khổ giấy	A4
Kiểu chữ và cỡ chữ	Times New Roman 13pt (Unicode)
Mật độ chữ	bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ
Cách dòng	"1.5 lines" (trừ trường hợp sử dụng các ký hiệu toán học)
Cách đoạn	Auto
Căn lề	+ Left: 3 cm + Right: 2.0 cm + Top: 2.0 cm + Bottom: 2.0 cm
Header	1.5 cm (để trống)
Footer	1.5 cm (đánh số trang vào góc bên phải)